

HUYỀN CỜ (Biên soạn)



12

ĐẠI TƯỚNG SOÀI TRUNG HOA



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

12 ĐẠI TƯỚNG SOÁI TRUNG HOA



Biên soạn: Huyền Cơ

Phát hành: Nhà sách Văn Chương

Nhà xuất bản Thời Đại 2012

ebook©vctvegroup

15-04-2019

THAY LỜI TỰA

Để bảo vệ đất nước trước nạn ngoại xâm và một phần cũng để củng cố địa vị phong kiến tập quyền của ngai vàng của Hoàng đế, suốt theo chiều dài lịch sử cổ đại Trung Hoa đã xảy ra không biết bao nhiêu trận chiến ác liệt đẫm máu. Trong số đó có những trận chiến cực kỳ bi thảm nhưng cũng có không ít trận chiến oai hùng nêu rõ được tài năng của các tướng soái cầm quân, đi vào lịch sử như những bước ngoặt cho một triều đại. Thí dụ như trận chiến nổi tiếng ở Quan Độ với tài cầm quân đại lược của Tào Tháo, tuy chỉ với số ít quân mã vẫn dùng “kỳ binh” đánh tan được gần trăm vạn quân đội của Viên Thiệu, là bước ngoặt quan trọng để bình ổn thời cuộc Tam Quốc; gần nhất là cuộc chiến dữ dội ở hồ Phiên Dương giữa lực lượng nhỏ bé của Chu Nguyên Chương nhưng vẫn oai hùng đánh tan quân mã cực kỳ hùng hậu của thế lực quân phiệt Trần Hữu Lượng, là cột mốc dựng nên nhà Minh, v.v...

Những cuộc chiến ấy không đơn thuần là dùng sức mạnh hay số đông tàn sát đối phương mà chính là sự phát huy cao độ trí tuệ của người cầm quân. Vì vậy nghiên cứu lịch sử Trung Hoa cổ đại thì không thể không xem xét đến các trận đánh lẫy lừng ấy một cách khách quan, làm bài học kinh nghiệm cho hậu thế ngày nay, không những về mặt quân sự mà còn mang ý nghĩa về sự vận dụng trí tuệ để giải quyết các xung đột luôn luôn xảy đến trong cuộc sống.

Các cuộc chiến nổi tiếng với những tướng soái đầy tài năng tính ra có hàng trăm nhưng vì trang sách có hạn, ở đây chúng tôi chỉ xin được trình bày 12 trận đánh lớn mà tên tuổi của vị tướng soái ấy đã đi vào lịch sử.

Trân trọng

Người biên soạn

1

TÔN VÕ

CON RỒNG THẦN BÍ

Xuân Thu Chiến quốc là thời kỳ hết sức hỗn loạn bởi chính sách phong điền lập ấp của nhà Chu bởi kể từ khi Thiên tử nhà Chu không còn nắm được đại quyền chi phối các nước chư hầu như trước kia nữa thì các chư hầu bắt đầu nhen nhóm tham vọng. Vì muốn mở rộng thế lực nên các chư hầu luôn luôn nhòm ngó lẫn nhau, chỉ cần một chút sơ hở như là triều đình một nước nào đó suy yếu liền lập tức tiến hành chiến tranh xâm chiếm, mở rộng biên cương. Do tình hình này mà suốt thời kỳ Chiến quốc có nước hùng mạnh một thời gian rồi suy tàn, một nước khác lại nổi lên với tham vọng muốn làm bá chủ cả một phương, thậm chí còn ngấm ngấm mang ý muốn khuynh đảo cả Thiên tử nhà Chu nữa. Cuộc diện biến đổi làm cho người dân thời kỳ này vô cùng điêu linh lầm than nhưng riêng các Vương Hầu vẫn không bao giờ từ bỏ tham vọng của mình.

Vào năm 585 trước Công nguyên, một chư hầu nhỏ là nước Ngô đã bị nước Việt hùng mạnh hơn tiêu diệt. Nước Ngô phải chịu đựng nhục nhã suốt mấy chục năm, mãi đến khi Ngô vương Hạp Lữ (tức Công tử Quang) lên ngôi đất nước mới thịnh trị và mở ra cơ hội báo thù cái nhục trước kia. Ngô vương Hạp Lữ canh cánh bên lòng mối thù mất nước, vì vậy âm thầm chiêu mộ nhân tài, trọng dụng các tướng lĩnh để hy vọng một ngày nào đó sẽ tấn công nước Việt báo thù. Sau này Hạp Lữ thu nhận được một nhân tài là Ngũ

Viên, thường được gọi là Ngũ Tử Tư người nước Sở.

Hạ Lữ rất kính phục tài năng và ý chí của Ngũ Viên nên phong làm Tướng, giao cho Ngũ Viên nhiệm vụ xây dựng thành Cô Tô, chia làm 8 cửa rồi bắt đầu tiến hành việc tuyển mộ quân mã, sau đó huấn luyện cho họ về binh pháp, tích trữ lương thảo thật đầy đủ. Để đề phòng nước Việt biết tin tấn công trước, Ngũ Viên lại cho xây dựng một tòa thành nữa hết sức kiên cố ở Phượng Hoàng sơn, gọi là Nam Vũ thành.

Với mối thù không đội trời chung bị Sở Bình vương giết cha và anh, Ngũ Viên tận lực phát triển quân đội, mở rộng việc rèn đúc vũ khí và binh giáp, chẳng bao lâu đã hình thành một đội quân vừa tinh nhuệ vừa hùng hậu. Tuy nhiên mãi đến khi Ngũ Viên dùng kế lừa dối, sai Yêu Ly giết chết Công tử Khánh Kỵ một cách hèn hạ thì địa vị của Hạ Lữ mới bước sang thời điểm mới vững chắc hơn, không còn lo lắng đến nội loạn mà dồn sức cho việc báo thù.

Trong đám tang của Công tử Khánh Kỵ, Ngũ Viên chột ôm mặt khóc nước nở khiến Hạ Lữ vô cùng kinh ngạc, hỏi thì Ngũ Viên nghẹn ngào đáp:

– Thù nhà của Đại vương đã trả xong, chỉ riêng tôi chưa thể báo thù cho cha anh nên quá xúc động mà không sao cầm được nước mắt. Xin Đại vương tha tội.

Hạ Lữ nghe vậy cũng rất cảm động, lập tức hội quần thần lại bàn việc tiến đánh nước Sở. Hạ Lữ phân vân nói với quần thần:

– Việc ra quân lần này vô cùng hệ trọng bởi nếu thất bại thì giặc mộng đánh Việt sẽ tiêu tan. Vì vậy cần phải có một danh tướng vô địch đứng ra cầm quân thì ta mới yên tâm được.

Ngũ Viên đứng ra nói:

– Việc này Đại vương lo lắng rất đúng. Tuy nhiên ngay tại nước Ngô này

có một nhân tài kiệt xuất mà Đại vương chưa biết đến đó thôi, đó là Tôn Võ. Chỉ cần ông ta chấp nhận cầm quân thì chẳng sợ gì nước Sở mà cả Trung nguyên này cũng có thể bỏ vào túi dễ như bỡn.

Tuy Hạp Lữ chưa tin lời tiến cử của Ngũ Viên hẳn nhưng nghe nói đó là người nước Ngô lập tức bằng lòng ngay, sai Ngũ Viên mang trọng lễ đến đất La Phù triệu Tôn Võ về kinh để trọng dụng.

Thật sự thân thế của Tôn Võ cũng chưa chính xác, theo sử ghi lại thì Tôn Võ tên tự là Trường Khanh, hoàn toàn không hề biết năm sinh và năm mất của con rồng thần này. Cũng theo chính sử thì Tôn Võ là hậu duệ của công tử Điền Hoàn nước Tần. Vào năm 672 trước Công nguyên, nước Tần xảy ra loạn lạc nên gia đình Công tử Hoàn mới chạy sang Tề, đổi thành họ Điền. Đời thứ năm của Điền Hoàn là Điền Thư làm Đại Phu cho nước Tề, do có công chinh phạt nước Cử nên được Tề Cảnh công ban cho họ Tôn. Con trai Tôn Thư là Tôn Phùng, làm tới chức Khanh ở triều Tề, đó là thân phụ của Tôn Võ. Khi còn thiếu niên, Tôn Võ đã tỏ ra là người say mê binh pháp nhưng không có ý định xuất hiện giúp đời tìm công danh. Lúc trốn chạy đến nước Ngô, Ngũ Viên đã có một thời gian gặp gỡ Tôn Võ, nhận biết đó là nhân tài về quân sự nên hai người đã kết giao làm bằng hữu.

Cũng có sách ghi chép mặc dù Ngũ Viên hết sức tiến cử, đến mức trong một ngày nhắc 7 lần nhưng cuối cùng Ngô vương Hạp Lữ cũng chấp thuận cho ông ta đem lễ vật đi mời về kinh chứ không hề hứa hẹn sẽ trọng dụng. Cho đến khi diện kiến, Ngô vương Hạp Lữ hỏi về binh pháp, hỏi đến đâu Tôn Võ trả lời như suối chảy, thật rành rọt và có nhiều ý kiến độc đáo về thuật hành binh thì Hạp Lữ mới tin dùng.

Theo sử chép thì đối đáp giữa Hạp Lữ và Tôn Võ được ghi lại trong phần *Bình quyền mưu* của bộ *Hán thư* nhưng hiện này đã mất. Do vậy một số lời

chất vấn giữa hai người được ghi lại đều không hoàn toàn chính xác, vì thế chúng tôi chỉ trích sơ lược mà thôi:

“Ngô vương Hạp Lư hỏi:

– Địch bao vây thành, cướp đồng ruộng, đốt hoa màu rồi chặn hết các đường giao thông quan trọng, đợi đến khi lương thảo trong thành đã cạn kiệt, sau đó mới tấn công chớp nhoáng thì chúng ta phải làm thế nào?

Tôn Võ trả lời:

– Địch tiến sâu vào đất chúng ta, rời xa quê hương mình. Tướng sĩ đều coi quân đội là nhà, chuyên tâm chiến đấu. Quân ta ở trong nước, dựa vào đất để chống lại, ý chí chiến đấu không kiên quyết bằng, lại không quen ra khỏi thành chiến đấu ở bên ngoài, nhưng nếu ta tích trữ đủ lương thảo, tập hợp quần chúng cố thủ, đồng thời cho những đội quân tinh nhuệ tập kích cắt đứt đường vận chuyển lương thảo của địch. Đợi đến khi địch cạn kiệt quân lương bởi tiếp tế khó khăn, lại bị chúng ta dùng kỳ binh đánh phá, lúc đó đồng ruộng cũng không còn thì có thể tiến ra khiêu chiến địch được.

Ngô Vương Hạp Lư lại hỏi:

– Ngược lại nếu như chúng ta tiến sâu vào đất địch, tướng sĩ xa nhà tình thần lo lắng chỉ muốn quay về, phía trước lại có địch, tình thế khó tiến mà dễ lui, lại không có nơi nào hiểm trở để cố thủ, ba quân có phần hoảng sợ, tướng soái muốn tiến lên, nhưng quân sĩ lại muốn lui về, trên dưới không cùng một lòng, còn kẻ địch thì lại đang cố thủ trong thành lũy, chiến xa và quân kỵ của địch rất tề chỉnh. Địch có thể đánh ta từ phía trước hoặc tập kích ta từ phía sau, như vậy ta phải đối phó ra sao?

Tôn Võ đáp:

– Quân vào nước địch, nhiệm vụ chính là thọc sâu. Không nên chú trọng tới việc đánh nhau. Khi tiến vào nước địch không nên tiếp cận những đô

thành lớn, không nên đi theo những con đường lớn. Sau khi đã vào đến đất địch, giả vờ rút quân, nhưng ngầm cho quân khinh kỵ đột nhập, cướp đi trâu ngựa gia súc của họ. Quân lính trông thấy những thứ cướp được, tinh thần yên ổn vì biết không thiếu lương thực thì sẽ vui vẻ mà tiến lên chứ không sợ gì nữa. Lúc ấy ta sẽ phái tướng giỏi và quân tinh nhuệ, rồi sau đó khiêu chiến dụ địch. Khi quân địch tiến vào chỗ quân chúng ta mai phục thì ta có thể đánh tiêu diệt chúng. Nếu kẻ địch không chịu ra chiến đấu mà rút lui ta cũng đã được lợi rồi.

Ngô Vương Hạp Lư lại hỏi:

– Quân của đôi bên cùng tranh nhau chiếm đất, mà quân kẻ địch lại đến trước, kiên trì cố thủ, luyện tập quân sĩ, hoặc cho quân ra tập kích chúng ta, hoặc phòng thủ bằng kỵ binh thì chúng ta phải làm thế nào?

Tôn Võ trả lời:

– Đánh chiếm đất đai là để cho kẻ địch những cái chúng có thể lấy được và giành lấy những cái kẻ địch có thể mất. Khi kẻ địch đã chiếm được một khoảng đất nào đó thì chúng ta không nên khinh suất mà đánh chiếm lại, mà phải dùng kế sách “hư trương thanh thế” rồi nhắm vào chỗ yếu kém nhất của địch. Sau đó ngầm chia quân tinh nhuệ ra mai phục. Địch sẽ sợ mất vùng đất hiểm yếu, tất đưa quân đến cứu và rơi vào chỗ phục binh, như vậy mới có thể giành được chiến thắng. Nếu chúng ta đến trước mà kẻ địch lại dùng phương pháp này thì chúng ta có thể chọn quân tinh nhuệ cố thủ mảnh đất đó, rồi phái quân truy kích quân địch và chia quân ra mai phục. Đợi đến khi kẻ địch mang quân trở về ta đổ quân ra đánh, đó là đạo dùng binh chắc thắng.

Ngô Vương hỏi tiếp:

– Chỗ vùng ranh giới giữa kẻ địch và ta, thì phải xây dựng những công trình phòng thủ ở những chỗ hiểm yếu. Nhưng nếu ta chưa kịp hoàn thành

địch đã nhân thời cơ ấy mà tấn công, quân đôi bên lại ngang sức nhau, vậy thì ta cần phải làm thế nào để chống đỡ?

Tôn Võ trả lời:

– Ta đã không thể tiến công, mà kẻ địch đến xâm phạm thì ta có thể chia quân ra mà mai phục, số còn lại biểu lộ sự yếu kém để dụ địch đánh thẳng vào đó, rơi vào vòng mai phục thì chắc chắn sẽ đại thắng.

Ngô Vương lại hỏi:

– Chỗ đường hành quân quan trọng, ta cần phải chiếm lấy trước tiên. Nhưng nếu phía ta, đường xa lại xuất phát chậm hơn quân kẻ địch, cho nên dù ngựa có phóng nước đại cũng không thể đến trước được thì ta phải làm thế nào?

Tôn Võ trả lời:

– Các nước chư hầu đều có ranh giới tiếp giáp với nhau, ta có thể phái sứ giả tới, mang theo tiền bạc lễ vật hậu để liên minh với các nước xung quanh. Quân kẻ địch tuy đến trước nhưng chúng ta lại được các nước giúp đỡ. Chúng ta có thể tuyển chọn, huấn luyện quân tinh nhuệ, chiếm cứ các địa thế có lợi ở các nước xung quanh, đồng thời chuẩn bị cho lương thực đầy đủ, quân ta thường xuyên cho người đi do thám, xác định rõ thời cơ tấn công kẻ địch. Ta được các nước giúp, nổi trống trợ chiến khi ta tấn công, làm cho kẻ địch hoang mang, thấy bốn phía đều có kẻ địch, không biết đánh cách nào, như vậy thì chúng ta chỉ đánh một trận là chiến thắng.

Ngô Vương hỏi tiếp:

– Quân ta ra khỏi ranh giới đóng trên quân địch. Quân địch kéo đến khá đông bao vây chúng ta vòng trong vòng ngoài. Quân ta muốn phá vây, mà tứ phía đều không có lối ra. Muốn khích lệ quân sĩ để họ liều chết phá vây xông ra thì phải dùng biện pháp gì?

Tôn Võ trả lời:

– Phải đào hào sâu đắp lũy cao, tăng cường phòng thủ. Phải giữ thật yên lặng, để che giấu thực lực của quân ta. Thông báo cho toàn quân biết tình hình nguy cấp đó, sau đó giết bò đốt xe, cho quân sĩ ăn no, đốt sạch lương thực, lấp giếng phá bếp, cắt tóc vứt mũ, để tỏ ý liều chết. Tiếp đó, động viên quân sĩ một lòng quyết chiến một trận với quân thù. Có thể một mặt, có thể tấn công hai bên, đánh trống vang trời dậy đất là thanh thế. Như vậy sẽ làm cho kẻ địch hoảng sợ không biết nên chống chọi thế nào. Đó chính là con đường rơi vào chỗ chết mà tìm đường sống. Bởi vậy mới nói: “Khốn mà không có mưu thì cùng, giỏi mưu thiện chiến thì ở vào chỗ chết nhưng cuối cùng vẫn sống”.

Ngô Vương hỏi:

– Nếu gặp trường hợp ngược lại, ta đang bao vây quân địch như vậy, thì cần làm thế nào?

Tôn Võ trả lời:

– Địch cố thủ trong núi cao khe sâu hiểm trở, ta khó vượt qua, như vậy là quân kẻ địch cùng đường. Phương pháp đánh hay nhất là dùng quân tinh nhuệ mai phục, đồng thời cố ý để một đường thoát cho địch, khi ấy địch sẽ không còn tinh thần liều chết mà cố sức tìm sự sống bằng cách theo đó mà thoát ra. Binh pháp có nói: “Nếu kẻ địch ở vào tử địa, mà quân lính lại dừng cảm thì tốt nhất là phải để cho chúng một con đường sống, tuyệt đối không nên dồn họ vào chỗ chết, càng phải ngấm mai phục quân tinh nhuệ, đồng thời cắt đứt đường tiếp tế lương thực của chúng, đợi tới khi chúng lọt vào ổ phục kích của quân ta, ta bất ngờ xông ra đánh thì mới đạt được thắng lợi”.

Ngô Vương lại hỏi:

– Nếu kẻ địch kiêu căng dũng cảm, quân của chúng đông và mạnh, thì ta

phải làm thế nào để đánh bại chúng?

Tôn Võ trả lời:

– Chúng ta cần phải cố ý để lộ cho kẻ địch tưởng là ta yếu, từ đó mà làm cho chúng thêm kiêu ngạo, lười nhác việc phòng thủ, tiếp đó ta nhân lúc chúng chuyển quân mà bố trí quân mai phục, khi kẻ địch đã lọt vào ổ phục kích, đầu đuôi không thể hỗ trợ được cho nhau thì ta bất ngờ đánh chia cắt chúng ra thành từng khúc, kẻ địch tuy đông, nhưng ta có thể đánh bại chúng, cần nhớ cách đánh kiêu binh trong binh pháp là không được đánh trực diện”.

Nói chung, chắc hẳn Ngô vương Hạo Lư hỏi Tôn Võ rất nhiều về binh pháp và được trả lời trôi chảy nên cuối cùng mới hài lòng, phong cho ông làm Nguyên soái. Tôn Võ cảm kích vì sự đối đãi trọng hậu của Ngô vương, tự tay viết một cuốn binh pháp gồm 13 thiên, gọi là “Tôn Tử binh pháp” mà ngày nay vẫn còn lưu truyền. Tuy ngắn gọn chỉ có 13 chương nhưng “Tôn Tử binh pháp” hết sức súc tích, có thể làm căn bản chiến đấu cho tất cả các thời đại, kể cả ngày nay với nhiều loại vũ khí tối tân.

Tuy nhiên, theo giả thuyết khác thì Tôn Võ chính là cháu mấy đời của Tôn Tẫn thời trước làm tướng ở nước Tề, dùng mưu lược thần sầu đánh bại người em đồng môn là Bàng Quyên. Sau đó Tôn Tẫn chán nản tình đời, lặng lẽ quy ẩn và viết sách về binh pháp truyền lại cho con cháu, vì vậy mà Tôn Võ không hề theo học bất cứ vị sư phụ nào cũng rất tinh thông binh pháp. Chính ông sau khi đại phá quân Sở cũng từ biệt Ngô vương Hạo Lư đi vào núi mất biệt, giống như một con rồng bí ẩn thấy đầu mà chẳng thấy đuôi. Tại sao Tôn Võ có gia đình quyền thuộc, được Ngũ Viên chính thức đón mời về triều, lập đại công rồi lại không trở về quê quán xum họp gia đình mà lại vào núi mai danh ẩn tích? Điều này khiến giả thuyết ông là con cháu của Tôn Tẫn được nhiều người tin tưởng hơn bởi tính cách của ông hoàn toàn giống

với cha ông tế phụ và chỉ có binh pháp của thần nhân Quỷ Cốc Tử mới có thể giúp cho Tôn Võ lập công lớn lao như vậy.

Sau khi nghe Tôn Võ trình bày, Ngô vương Hạp Lư hết sức khâm phục nhưng chợt có vẻ trầm ngâm, hỏi:

– Ta biết ông là bậc đại sư về binh pháp rồi. Thế nhưng hiện tại quân Ngô quá ít so với quân Sở, e rằng khó mà thực hiện được cuộc chiến tranh quan trọng này.

Tôn Võ nghe vậy liền tâu:

– Theo binh pháp thì chỉ cốt quân tinh nhuệ chứ không cần đông. Ngay cả phụ nữ chân yếu tay mềm nếu được huấn luyện binh pháp thuần thực thì vẫn có sức mạnh bằng mười lần quân địch ô hợp. Đông mà không tinh thì chỉ tạo ra sự hoảng loạn mà thôi.

Ngô vương Hạp Lư cười ngất, hỏi lại:

– Thế những cung nữ ẻo lả trong cung cấm của ta có thể huấn luyện thành tinh binh được không?

Tôn Võ nghiêm mặt trả lời:

– Rất được.

Ngô vương Hạp Lư tưởng như câu nói đùa của mình sẽ làm Tôn Võ ngờ ngàng, nghe vậy thì cả cười, nói:

– Ta sẽ giao cho ông 300 cung nữ phi tần xinh đẹp nhất, nếu như ông huấn luyện họ thành chiến binh thuần thực thì ta mới tin.

Tôn Vũ liền nhận lời, ngay sáng hôm sau tập trung tất cả cung nữ ở giáo trường, lại xin Hạp Lư cho mình hai nàng phi được sủng ái nhất để làm đội trưởng, chia 300 cung nữ ra làm hai đội gọi là Tả Cơ và Hữu Cơ. Sau đó Tôn Võ ban bố quân lệnh, trong ấy nhấn mạnh hai điều quan trọng: Đó là tuyệt

đối phải tuân theo mệnh lệnh và không được nói cười, bất cứ ai vi phạm đều bị tội nặng.

Khi ban bố quân lệnh xong, Tôn Võ lấy hai lá cờ vàng làm hiệu lệnh, truyền đánh trống để các cung nữ theo hàng ngũ tiến lên lui xuống theo binh pháp. Thế nhưng dù đã mấy lần nghiêm lệnh mà các cung nữ vẫn không sao giữ được đội hình, lên xuống hết sức loạn xạ. Tôn Võ cả giận, truyền tất cả im lặng để ban bố quân lệnh lần nữa, đoán chắc nếu lần này không theo hiệu lệnh thì sẽ trừng trị thẳng tay. Tiếc rằng dù vậy mà khi tiếng trống nổi lên, hầu hết các cung nữ đều xem đó là trò vui, cười nói nghiêng ngả, xô đẩy nhau không ra thể thống gì.

Tôn Võ liền tự mình đứng ra đánh trống, nhưng cuối cùng tình hình vẫn không hề văn hồi được. Ông bèn gọi viên chấp pháp đến hỏi:

– Không theo quân lệnh thì phải trị tội ra sao?

Viên quan chấp pháp thưa rằng trong bất cứ quân đội nào nặng nhất là việc trái quân lệnh, phải bị tội chết. Tôn Võ lập tức sai người đem hai đội trưởng là Tả Cơ và Hữu Cơ ra chém đầu làm gương. Đây là hai người thiếp mà Hạp Lư sủng ái nhất nên vội lên tiếng năn nỉ Tôn Võ nhẹ tay cho. Thế nhưng Tôn Võ nhất quyết thi hành theo quân pháp khiến tất cả cung nữ còn lại đều sợ đến mất mật, run như cây sậy. Tôn Võ nói:

– Đại vương mất hai người thiếp thì còn cả trăm cả ngàn mỹ nhân có thể thay thế được. Nếu như lần này tha thứ cho họ thì tôi e rằng mất cả đại nghiệp, việc nào hại hơn? Vả chăng nếu tôi tuân theo sự yêu cầu của Đại vương thì ai ai cũng sẽ cho rằng tôi bất tài mà Đại vương là người tham sắc không nghĩ đến việc lớn, không biết trọng dụng hiền tài thì lại càng nguy hại cho tiền đồ hơn.

Ngô vương Hạp Lư nghe vậy rơi nước mắt để Tôn Võ thi hành. Sau khi

Tôn Võ chọn hai người khác làm đội trưởng, bắt đầu hàng ngũ tiến lui đã có thứ tự, tiến lui theo trận pháp hết sức nhịp nhàng. Chỉ cần 3 ngày, đội quân yếu diệu ấy đã có tiến bộ rõ rệt khiến Ngô vương Hạp Lư hết sức khâm phục. Tuy nhiên Hạp Lư vẫn thương tiếc hai nàng ái cơ, sai an táng ở Hoàng sơn rồi lập miếu thờ gọi là Ai Cơ từ.

Sau sự cố này, Ngô vương Hạp Lư tỏ ra bất mãn, rất lạnh nhạt với Tôn Võ, hình như không muốn sử dụng nữa khiến Ngũ Viên vô cùng lo lắng phải nhiều lần thuyết phục, cuối cùng Hạp Lư mới gắng gượng phong cho Tôn Võ làm Thượng tướng, toàn quyền điều động quân mã đi đánh nước Sở. Để yên nội bộ, Tôn Võ lại xin Hạp Lư trừ khử cả Yểm Dư và Chúc Dung thì mới yên tâm mà đem đại quân rời khỏi kinh thành. Ngô vương Hạp Lư nghe theo, thế nhưng khi ấy hai người này đang lẩn trốn ở nước Từ và nước Chung Ngô, vua hai nước lại không nghe lệnh của Hạp Lư để cho họ trốn sang Sở đầu quân chống lại Ngô. Vì vậy Hạp Lư cả giận, trước tiên sai Tôn Võ đem quân trừng trị nước Từ và nước Chung Ngô.

Tôn Võ không hề biện thuyết bằng miệng mà thực hành hết sức thần tốc, không những tiêu diệt cả hai nước mà còn nhân cơ hội lén đánh đất Thục Thành của Sở, giết chết cả Yểm Dư và Chúc Dung rồi mới chịu rút quân về. Trận đánh đầu tiên của Tôn Võ đã làm chấn động các chư hầu bởi hầu như không hề gặp trở ngại, lại tiến vào đất Sở rất thần tốc, giết tội phạm xong lập tức rút lui cũng nhanh chóng giống như lúc tiến binh, làm cho quân dân nước Sở đều ngỡ ngàng, khi biết tin Yểm Dư và Chúc Dung chết rồi thì quân Ngô đã lui về nước an toàn.

Sở vương vô cùng tức giận, đã toan huy động đại quân đánh báo thù nhưng Tôn Võ khôn ngoan chia quân ra làm 3 đạo, cứ 2 đạo lo việc cày cấy lấy lương thực thì đạo kia dùng kỳ binh quấy phá biên cương nước Sở, 3 đạo

thay phiên nhau hoạt động nên không hề bị mệt mỏi mà vẫn chu toàn được vấn đề quân lương. Trong khi đó quân tướng nước Sở không thể biết quân Ngô sẽ tiến đánh chỗ nào, chăm chăm lo phòng bị thì còn tâm trí đâu nghĩ đến việc báo thù?

Sau một thời gian, vào năm 511 trước Công nguyên, Hạp Lư đột nhiên bị mất thanh kiếm báu Trảm Lư mà Sở Chiêu vương lại có nên hết sức giận, cho rằng đã có kẻ lấy cắp nên giết toàn bộ những cận thần thân tín vẫn thường hầu hạ bên mình, đồng thời quyết định sai Tôn Võ, Ngũ Viên và Bá Hi đem đại quân đi đánh Sở. Tôn Võ cho rằng chưa đến thời cơ, không thể tiến sâu vào đất Sở nếu như không có tiếp vận đầy đủ và kịp thời, xin được từ chối. Hạp Lư đành phải sai sứ giả đến nước Việt yêu cầu giúp sức việc lương thảo, lúc đó Tôn Võ mới bằng lòng dẫn quân đi.

Khi quân nước Ngô đã chiếm được đất Lục và đất Tiềm là hai địa đầu của nước Sở, đang tính tiến sâu hơn thì nghe tin nước Việt từ chối yểm trợ, đành phải rút về nước. Vì việc này Ngô vương Hạp Lư nổi cơn thịnh nộ, tự thân đem quân đi đánh Việt mặc dù Tôn Võ và Ngũ Viên hết sức khuyên can, cho rằng làm như vậy sẽ hao tổn quân tướng, lại gây thêm thù oán với nước Việt, không có lợi cho việc tiêu diệt Sở. Thế nhưng Hạp Lư không chịu nghe theo, hăm hực kéo quân tiến đánh nước Việt dữ dội, đánh tan đại quân Việt ở Huề Lý, cướp bóc vô số tài vật rồi mới chịu rút về.

Mỗi thù này làm sao nước Sở chịu được nên 3 năm sau, tức là năm 508 trước Công nguyên, Sở Chiêu vương tập trung được quân mã liền ra lệnh tổng tấn công nước Ngô, phong cho Đại tướng Nang Ngõa làm Nguyên soái, đóng quân ở Dự Chương. Tiếc thay Nang Ngõa chưa phải là tay đối địch với Tôn Võ và Ngũ Viên nên không chuyển biến kịp thời, bị Tôn Võ một mặt áp dụng chiến thuật kết hợp giữa tấn công và tập kích, một mặt điều động chiến

thuyền đến Dự Chương đánh trực diện vào quân Sở; mặt khác ngầm tập trung quân ở đất Sào. Sau nhiều trận chiến dữ dội, quân Sở đại bại, Tôn Võ bắt sống được Công tử nước Sở tên là Phàn, áp giải về nước Ngô dâng cho Hạp Lư lấy công. Tuy nhiên Hạp Lư không hề bằng lòng, nói:

– Bắt được một người thì chẳng ích gì, ý muốn của ta là muốn chiếm cả Sính Đô (đô thành nước Sở) mới hả lòng.

Nhờ sự thuyết phục của Tôn Võ và Ngũ Viên, cho rằng thời cơ chưa thể chín mùi, không nên vội vã mở một chiến dịch lớn lao như vậy nên cuối cùng Hạp Lư mới bất đắc dĩ bỏ việc tiến quân. Thế nhưng chỉ hai năm sau, tức là vào năm 506 trước Công nguyên, Ngô Vương Hạp Lư lại nôn nóng nhắc đến chuyện cũ, rất muốn Tôn Võ và Ngũ Viên tiến hành ngay. Tôn Võ phải phân tích thời cuộc rồi lần lượt đến Ngũ Viên trình bày:

– Hạ thần mang mối thù không đội trời chung với nước Sở, còn nôn nóng hơn cả Đại vương. Thế nhưng đúng như lời Tôn Đại tướng nói thì chưa thể tiến hành cuộc chiến ngay lúc này, dễ chuốc lấy thất bại. Người ta thường nói: “Quân tử báo thù 10 năm cũng chưa muộn”, xin Đại vương nén lòng chờ đợi, khi nào đúng thời cơ thì không cần Đại vương phải nhắc nhở, chúng thần sẽ quyết tiêu diệt nước Sở thành bình địa mới thôi.

Tiếp rằng Ngô vương Hạp Lư nhất định không nghe theo, phán bảo:

– Dù ta biết quân Sở hùng hậu nhưng hiện nay đã có hai vị cầm quân thì còn e sợ gì nữa? Ta vẫn muốn thử một lần xem sao.

Bất đắc dĩ Tôn Võ và Ngũ Viên phải bàn bạc cùng nhau, đưa ra kế sách khác:

– Thật sự quân ta chưa đủ sức đánh thẳng đến Sính Đô, mà nếu được thì cũng không thể tiêu diệt Sở tận gốc ngọn. Nếu như Đại vương nôn nóng muốn tiến hành thì nay chỉ còn cách phải kết hợp với hai nước Đường và Sái

thì mới mong thành công. Theo hạ thần thì hai nước này đều có mối thù với Sở, chắc chắn sẽ giúp chúng ta ngay.

Ngô vương có vẻ ngạc nhiên, hỏi lại thì Tôn Võ cho biết mối thù của Đường và Thái bắt nguồn từ câu chuyện xa xưa:

– Lúc ấy Nang Ngõa nắm quyền Lệnh doãn của nước Sở (tương đương với Tế tướng) nhưng lại là kẻ hết sức tham lam, thường bắt chư hầu hối lộ cho nên các chư hầu rất bất mãn. Hai năm trước, Sái Chiêu công nhân dịp Sở vương được thanh kiếm quý Trảm Lư thì liền đến triều bái nước Sở, có đem theo hai miếng ngọc bội trị giá liên thành. Sái Chiêu công dâng một miếng ngọc bội cho Sở Chiêu Vương, còn lại một miếng định gắn vào mào. Thế nhưng Nang Ngõa nhất định đòi lấy miếng ngọc bội ấy bằng được, không được vừa ý thì liền bắt giữ Sái Chiêu công, không cho ông ta về nước. Cùng thời gian đó, Đường Thành công cũng sang triều cống Sở, ông có hai con tuần mã, một con tên là Túc, còn một con tên là Sương. Nang Ngõa muốn lấy cả hai con ngựa Túc Sương nhưng Đường Thành Công không chịu. Nang Ngõa cũng bắt luôn Đường Thành công giam giữ giống như Sái hầu. Gần 3 năm sau, dù bọn tả hữu hết lời khuyên can nên giữ lấy mạng sống nhưng Đường Thành công quá yêu ngựa nên dù chết vẫn không bằng lòng. Bất đắc dĩ bọn tả hữu phải phục rượu cho Đường Thành công uống thật say rồi đem hai con ngựa đến dâng cho Nang Ngõa. Nhờ vậy Nang Ngõa mới ra lệnh thả cho phái đoàn sứ thần nước Đường về quê hương. Dĩ nhiên Đường Thành công không trách tả hữu mà oán hận nước Sở đến thấu xương.

Bọn tùy tùng nước Sái nghe tin này liền bắt chước, khuyên Sái Chiêu công dâng tặng cả hai món bảo vật cho Nang Ngõa, quả nhiên cũng được tha cho về nước. Sái Chiêu Công sau khi về nước, muốn hả cái hận thù đó, đã từng đề nghị nước Tấn hợp quân với mình đi đánh nước Sở nhưng bị Tấn từ

chối. Do vậy nếu có yêu cầu chắc chắn Đường và Sái sẽ giúp chúng ta đánh Sở ngay.”

Ngô Vương Hạp Lư nghe vậy cả mừng, lập tức sai sứ giả đến Đường và Sái bàn việc xuất quân. Đường nhiên việc thu xếp hoàn toàn thành công, Sái Chiêu công còn cho con là Thái tử Càn sang Ngô để biểu hiện sự đồng lòng kết hợp.

Ngô vương Hạp Lư rất mừng, không chờ đến năm sau mà ngay mùa đông năm ấy đã thân chinh cùng với Tôn Võ và Ngũ Viên kéo đại quân 3 nước tiến đánh Sở dữ dội. Sở Chiêu vương liền sai Nang Ngõa làm Đại tướng dẫn toàn bộ binh hùng tướng mạnh đến Hán thủy bày trận chống đỡ. Nang Ngõa nóng lòng muốn lập chiến công, toan tính rằng phải đánh phủ đầu nên vừa mới đóng quân xong liền cho quân Sở vượt sông Hán thủy tiến đánh quân Ngô. Kết quả bị Tôn Võ liên tiếp đánh cho ba trận đại bại. Chưa cam chịu, quân Sở lại bày trận đối đầu với liên quân ba nước ở Bách Cử nhưng cuối cùng giao tranh 5 trận đều đại bại cả 5 vì tài cầm quân hết sức tài tình của Tôn Võ. Nang Ngõa phải cùng tàn quân chạy sang nước Trịnh. Nhân cơ hội này, Hạp Lư xua quân tiến thẳng tới Sính Đô khiến Sở Chiêu vương không kịp trở tay, phải cùng quân thần bỏ chạy đến đất Vân rồi cuối cùng phải chạy sang nước Tùy lánh nạn.

Ngô Vương Hạp Lư đem quân tiến thẳng vào Sính Đô, thỏa chí giấc mộng bá vương của mình. Tất cả đều nhờ vào tài năng của Tôn Võ và phần nào của Ngũ Viên. Thế nhưng, tiên đoán tình thế của Tôn Võ và Ngũ Viên hoàn toàn đúng với thực tế, nước Sở chưa thể bị tiêu diệt tận gốc.

Chỉ sau một thời gian, Đại phu nước Sở là Thân Bao Tư, sau khi chạy khỏi Sính Đô đến nước Tần cầu cứu, được Tần Ai công bằng lòng xuất quân đi lấy lại Sính Đô. Cùng thời gian đó, Việt vương là Doãn Thường liền nhân

cơ hội Ngô bỏ trống, đem quân xâm phạm khiến quân Ngô lúng túng không biết nên giữ Sính Đô hay rút về bảo vệ đất nước. Thấy thế quân của Tần quá mạnh, Hạp Lư liền sai em mình là Công tử Phu Khái đem quân chống đỡ. Kết quả Phu Khái đại bại dưới tay Thân Bao Tư và quân nước Tần ở đất Nghi.

Sự việc vẫn chưa kết thúc, khi Công tử Phu Khái bỏ chạy về Ngô đã nhân cơ hội ngai vàng bỏ trống, phao tin lên là Hạp Lư đã mất tích tự lập lên làm vua, sai con là Công tử Phù Tang đem quân chặn ở Hoài thủy không cho Hạp Lư có đường về nước. Hạp Lư nghe tin nổi cơn thịnh nộ, cùng Tôn Võ và Ngũ Viên dẫn đại quân mau chóng về nước, ngay trận đầu đã đánh tan quân của Công tử Phù Tang, hấn phải chạy đến Cốc Dương. Phu Khái cả sợ, tự mình dẫn quân chống đối nhưng không làm sao sánh với tài cầm quân của Tôn Võ, cuối cùng cũng phải thua chạy đến Cốc Dương rồi cùng Phù Tang trốn qua Tống lánh nạn. Ngô vương Hạp Lư chấn chỉnh triều đình xong dự định phong cho Tôn Võ chức tướng lớn nhưng ông từ chối, xin được về ở ẩn.

Lúc ấy Hạp Lư không còn nghĩ đến việc đánh Sở nữa mà căm hận nước Việt phản bội, tiến đánh mình bất ngờ nên dồn hết lực lượng để trả thù. Tuy nhiên vì không có Tôn Võ và Ngũ Viên theo cố vấn nên cuối cùng Hạp Lư đại bại ở trận chiến Túy Lý, bị thương khá nặng khi về tới đất Ngô chẳng bao lâu thì mất.

Theo giả thuyết này thì Tôn Võ cũng qua đời sau năm đó, không hề thi thố tài năng một lần nào nữa. Trong cuốn sách *Việt Tuyệt thư* viết: “Ở nơi cách Vũ Môn của Ngô huyện khoảng mười dặm, có một ngôi mộ lớn của Tôn Võ”. Nếu tài liệu này là có thể tin được thì có thể suy đoán được là Tôn Võ qua đời vào khoảng năm 473 trước Công nguyên, tức là trước khi Việt diệt Ngô. Bởi vì nếu Tôn Võ còn sống đến sau khi Ngô diệt vong thì sẽ

không cố người nào lại đi xây một ngôi mộ to như thế cho một quan chức vong quốc. Tuy nhiên theo hầu hết các tư liệu thì sau khi giúp Hạp Lư hoàn thành mộng ước được vào đến Sính Đô, đồng thời giúp cho Ngũ Viên đạt được việc báo thù trả hận thì Tôn Võ lập tức từ quan, xin về qui ẩn. Hạp Lư rất thương tiếc, nhiều lần cố nài nỉ ở lại nhưng ông nhất quyết từ chối. Theo tư liệu này thì lúc đó Tôn Võ mới trao tặng cuốn binh pháp 13 chương cho Hạp Lư chứ không phải đưa ngay từ đầu.

Bất đắc dĩ Ngô vương Hạp Lư phải chuẩn tấu, ban cho ông mấy xe gấm lụa và một số lớn châu ngọc. Thế nhưng khi đi dọc đường, Tôn Võ phân phát toàn bộ tài vật ấy cho dân nghèo rồi một mình vào núi, từ đó không còn ai biết tung tích của ông ra sao. Tính cách thần thoại như “con rồng thấy đầu mà chẳng thấy đuôi” của Tôn Võ có lẽ phù hợp với giả thuyết này hơn. Nếu như ông chỉ có một trận đánh nước Sở thì sao có thể được người sau xưng tụng như bậc tổ sư về binh pháp, nổi tiếng là danh tướng cao trọng hơn bất cứ người nào khác?

Dù theo giả thuyết nào, cuối cùng Tôn Võ đã để lại cho người đời sau một bộ sách bất hủ, đó là bộ Tôn Tử binh pháp 13 thiên nổi tiếng khắp nơi, thường được gọi là “*Tôn Tử binh pháp*”, được liệt vào hàng đầu trong *Võ kinh thất thư* (7 cuốn binh thư quan trọng nhất gồm *Tôn Tử binh pháp*, *Ngô Tử binh pháp*, *Tư Mã pháp*, *Úy Liễu Tử*, *Lý Vệ công vấn đối*, *Tam lộ* và *Lục thao*). So sánh thì “*Tôn Tử binh pháp*” vẫn thực dụng hơn 6 cuốn binh pháp kia nên được xếp hạng thứ nhất.

Có thể nói, ngoài là một vị tôn sư về binh pháp, Tôn Võ còn chứng tỏ là một tướng soái kiệt xuất, chưa trận nào thất bại. Tuy rằng thời kỳ rút khỏi Sính Đô vì phần lớn quân mã đã giao cho Hạp Lư nên một lần Tôn Võ và Ngũ Viên thất bại ở đất Ung Thệ nhưng tổn thất không đáng kể và rất mau lẹ

rút lui để bảo toàn lực lượng. Qua việc này người đời sau càng kính trọng Tôn Võ hơn nữa bởi tính cách quyền biến của ông, không xem trọng thắng thua trong một vài trận mà có chiến lược lâu dài hơn bất cứ danh tướng nào khác.

2

PHẠM LÃI

DANH TƯỚNG ĐA TÌNH

Sau khi Hạp Lữ chết vì trọng thương trong chiến trận với nước Việt, mối thù hằn giữa hai nước Ngô, Việt càng thêm sâu đậm. Người kế vị Hạp Lữ không phải là con trai mà là đứa cháu tên Phù Sai. Ông là người có chí khí cao ngạo, sức mạnh hơn người, phong thái uy dũng ngang tàng, vì vậy quyết chí phải tiêu diệt nước Việt báo thù cho ông. Để đừng bao giờ quên mối thù này, Phù Sai bắt nội thị thay nhau đứng ở sân cung cấm, mỗi khi thấy mình đi qua thì liền quát lớn:

– Phù Sai, người còn nhớ mối thù nước Việt giết tổ phụ của người không?

Phù Sai vừa khóc vừa cúi đầu cung kính đáp lại:

– Phù Sai này chẳng bao giờ dám quên mối thù ấy.

Với ý chí dũng mãnh nên chỉ vào năm sau đã ban lệnh xuất quân tiến đánh nước Việt qua con đường Thái hồ. Câu Tiễn là vị vương gia nhiều tài năng, lại có hai hiền tài kiệt xuất theo hầu cận, đó là Văn Chủng chuyên về triều chính, còn Phạm Lãi là danh tướng chuyên về quân sự. Khi nghe tin quân Ngô rất đông đảo và hùng dũng, Câu Tiễn không hề lo sợ, hỏi ý kiến thì Phạm Lãi xin nên cố thủ, còn Văn Chủng thì đề nghị nhà vua tìm cách cầu hòa chờ bao giờ lực lượng hùng mạnh ngang sức thì hãy giao chiến. Câu Tiễn không nghe theo hai lời đề nghị này, tự mình xuất quân giao chiến ở

Tiêu sơn, cuối cùng thất trận, hối hận đã không nghe lời Phạm Lãi thì đã muộn mất rồi, coi như cái chết sắp đến gần.

Cũng may Văn Chủng vẫn bí mật tiến hành việc cầu hòa, dùng một số vàng ngọc lớn mua chuộc tên gian thần Bá Hi, nhờ hắn nói giúp với Phù Sai. Câu Tiễn đành phải chấp nhận những điều kiện nghiệt ngã làm tôi đòi cho Phù Sai, dâng hết đất đai, bao nhiêu của cải đều đưa về nước Ngô bằng hết. Nhờ vậy Phù Sai mới bằng lòng, mặc cho Ngũ Viên hết lời khuyên can. Sau đó Phù Sai cho phép Câu Tiễn trở về nước Việt từ biệt quần thần trước khi cùng với gia đình sang nước Ngô chịu nhục nhã. Câu Tiễn buồn bã hỏi các quan:

– Ta vì không nghe lời hiền thần nên mới đến nông nỗi này. Mối thù này không thể không trả nhưng hiện giờ ai là người có thể giữ nước, ai là người đủ tài trí theo ta sang đất Ngô mà tùy cơ ứng biến trợ giúp cho ta?

Văn Chủng thẳng thắn bày:

– Về mặt quốc chính an nước trị dân, phát triển kế hoạch báo thù thì Phạm Lãi tướng quân không thể bằng tôi được; còn như tùy cơ ứng biến thì tôi không bằng Phạm tướng quân, vì vậy xin để Phạm tướng quân đi theo Đại vương vậy.

Nếu tính ra địa vị của Phạm Lãi và Văn Chủng gần tương nhau, mỗi người chuyên trách một mặt, Văn Chủng nói thẳng như vậy mà Phạm Lãi không hề tức giận, lại còn khen Văn Chủng nói đúng, xin được cùng với Câu Tiễn qua đất Ngô mặc dù tự biết con đường trước mặt vô cùng nguy nan, chỉ sợ sẩy một chút là cả vua lẫn bầy tôi đều có thể mất mạng hoặc là không bao giờ còn đường trở về cố quốc nữa. Lòng trung trinh và sự can đảm của Phạm Lãi khiến người đời sau hết sức ca tụng.

Ông không những là danh tướng của nước Việt mà còn được biết đến

nhờ vào “cuộc tình Tây Thi” - một trong “Tứ đại mỹ nhân” Trung Hoa thời xưa - một cuộc tình đầy éo le nhưng cũng đầy cảm động, không vì chữ tình mà quên bỏ đại sự quốc gia.

Phạm Lãi tên tự là Thiệu Bá, sinh trưởng ở Tam Hộ ấp thuộc vùng Uyển của nước Sở. Phạm Lãi có thân hình dong dỏng cao nhưng rất giỏi võ nghệ, lại chuyên tâm học hành thi thư binh pháp nên ngay lúc thiếu thời đã nổi danh là người anh hùng văn võ toàn tài. Ông cũng nổi danh là người đa tình - đã có người vợ rất xinh đẹp - mặc dù vẫn mang hoài bão lớn muốn "trị quốc bình thiên hạ". Lúc đó Văn Chủng đang làm Huyện lệnh đất Uyển, nghe danh tiếng của Phạm Lãi liền sai người mời đến đàm đạo. Thế nhưng nhiều lần mà Phạm Lãi vẫn từ chối, lấy cớ có bệnh không chịu đến huyện đường. Người thân cận của Văn Chủng rất khó chịu, cho rằng không nên quen biết với một kẻ ngông cuồng và lắm bệnh như vậy nhưng riêng Văn Chủng có mắt tinh đời, thản nhiên bảo với người nhà:

– Những người có tâm huyết với nước nhà không dễ gì một lời mà xuất đầu lộ diện. Gia dĩ ngày nay nước Sở chính trị suy đồi, vua quan hèn kém, không xứng đáng để nhân tài ra tay giúp nước thì Phạm Lãi từ chối là đúng lắm.

Sau đó tự thân Văn Chủng đánh xe đến xin gặp mặt nhưng vẫn bị Phạm Lãi từ chối. Nhiều lần như vậy, Phạm Lãi nhận ra Văn Chủng là người thành tâm, quyết định gặp gỡ và hai người trở thành bạn thân thiết.

Một thời gian sau, Phạm Lãi bàn với Văn Chủng sang nước Việt tìm công danh bởi lúc ấy Ngô và Việt là hai nước đang thời kỳ phát triển rất mạnh, đúng là thời cơ để họ thi thố tài năng. Tuy đang là Huyện lệnh nhưng Văn Chủng cũng biết cái chức vụ nho nhỏ ấy không phải là chỗ mình dung thân nên vui vẻ nghe lời Phạm Lãi, quả nhiên cả hai đều được Việt vương

Câu Tiễn trọng dụng, sau đó đều giữ chức Đại phu, tức ngang hàng với các đại thần cao trọng nhất ở các triều đại sau này.

Trong thời kỳ Ngô Việt phân tranh, nhiều lần Phạm Lãi đã cầm quân chiến thắng lẫy lừng nhưng cuối cùng ông vẫn nhận ra hùng tâm tráng chí của Phù Sai, khuyên Câu Tiễn nên tìm cách cầu hòa, tạo cơ hội xây dựng binh mã hùng hậu rồi mới tính đến việc đấu tranh. Tiếc rằng Câu Tiễn quá kiêu ngạo tự phụ, không nghe lời nên cuối cùng mới thất bại phải chịu làm thân tôi đòi cho Phù Sai. Phạm Lãi không vì thế mà bỏ rơi chủ nhân, trung theo hầu, hy vọng nhờ tài quyền biến của mình sẽ giúp cho Câu Tiễn nhả nhục qua thời điểm nhục nhã nhất của một vị Vương hầu.

Khi Câu Tiễn và Phạm Lãi đến nước Ngô, Phù Sai liền sai Vương tôn Hùng dựng một cái nhà bằng đá bên cạnh mộ phần của Hạp Lữ, cho vợ chồng Câu Tiễn cùng Phạm Lãi ở đó ngày ngày lo việc chăn ngựa và săn sóc mộ phần cho Hạp Lữ. Tất cả đều phải mặc áo xấu, làm việc hèn hạ vất vả, thức ăn cũng không đầy đủ nhưng Phạm Lãi không hề lấy thân phận Đại tướng của mình mà kêu than, trái lại bình tĩnh kiên trì thuyết phục Câu Tiễn nên cố gắng làm vừa lòng Phù Sai mới hy vọng có ngày được về nước tìm cách báo thù.

Cũng nhờ Văn Chung ở nước Việt hết lòng lo liệu, đút lót cho tên gian thần Bá Hi nên vua tôi cũng không đến nỗi chết đói. Mỗi khi Phù Sai đi đâu đều bắt Câu Tiễn đi chân đất, dắt ngựa đi trước để bêu xấu với dân chúng nước Ngô. Đây là cái nhục mà đến như người dân thường cũng khó chịu đựng được nhưng Câu Tiễn nghe lời của Phạm Lãi, cúi gằm mặt xuống, nghiêng rằng mà chịu đựng, mỗi khi Phù Sai kêu gọi đều tươi cười vâng dạ. Dần dần như vậy, tất nhiên Phù Sai đã có chút ít tin tưởng rằng Câu Tiễn đã hoàn toàn khuất phục mình.

Riêng Phạm Lãi là thân phận Đại phu nhưng sớm tối đều hầu hạ Câu Tiễn hết lòng, không lúc nào rời khỏi. Chính Phù Sai cũng rất khâm phục Phạm Lãi, nhiều lần gọi riêng vào cung khuyến dụ:

– Ta thấy ngươi là người tài năng tất phải biết thời thế. Hiện nay Câu Tiễn đã là tù nhân, ngươi vẫn đi theo thì chỉ làm phí tài năng của mình mà thôi. Nếu ngươi bằng lòng làm quan cho Ngô thì ta sẵn sàng ban chức tước lớn. Người anh hùng phải nhìn ra thời thế, đừng nên quá câu nệ chữ trung như vậy mới tuấn kiệt.

Phạm Lãi nhẹ nhàng tìm cơ từ chối khiến Phù Sai không khỏi tức giận, đập bàn quát lớn:

– Ngươi cứng đầu như vậy chỉ thiệt vào thân. Câu Tiễn còn ở nhà đá suốt đời, ngươi cũng không bao giờ có cơ hội thoát khỏi nơi đó đâu. Phạm Lãi cúi đầu nhận lỗi rồi lạng lẽ lui ra, biểu lộ một lòng kiên quyết không gì thay đổi.

Mấy năm sau, vợ chồng Câu Tiễn càng thêm tồi tàn, quần áo rách rưới, người toàn là mùi phân ngựa, cặm cùi từ sáng cho đến chiều tối lo việc kiếm củi cắt cỏ cho ngựa nhưng chưa bao giờ có một lời oán hận. Phù Sai đã ngầm cho người theo dõi rất sát mà không phát hiện ra điều gì sai trái của vua tôi nước Việt nên dần dần cũng không để ý đến nữa.

Thật sự, có lúc Phù Sai cũng đã muốn nghe lời của Ngũ Viên giết chết Câu Tiễn để phòng hậu họa nhưng thấy cảnh cam chịu của vua tôi Câu Tiễn thì lại do dự, lại thêm Văn Chủng bỏ rất nhiều vàng bạc đút lót cho Bá Hi nên hễ có dịp là hẳn luôn luôn nói tốt cho Câu Tiễn, còn tìm lời khôn khéo khuyên Phù Sai tha cho vua tôi nước Việt trở về cố quốc, dương cao lòng nhân ái để các chư hầu kính nể.

Một lần kia, Phù Sai ngồi trên đài Cô Tô tráng lệ nhìn xuống lăng mộ của Hạp Lữ, thấy vợ chồng Câu Tiễn lúi húi dọn dẹp các đồng phân ngựa, còn

Phạm Lãi tuy quần áo còn tồi tàn hơn cả Câu Tiễn vẫn uy nghiêm cầm chổi đứng hầu thì cảm xúc than rằng:

– Phạm Lãi thân là quan lớn, thế mà lúc hoạn nạn nhất vẫn giữ được lễ vua tôi thì thật đáng kính trọng. Câu Tiễn làm nên tội thì phải đền không nói gì, riêng Phạm Lãi có thể tha cho về nước mới đúng.

Bá Hi đang hầu bên cạnh, nghe vậy liền mở lời xin cho vợ chồng Câu Tiễn về nước một thể. Thật ra trong lòng Phù Sai cũng đã vơi đi hận thù rất nhiều nhưng không thể quyết được, đành nói:

– Ta sẽ nhờ quan Thái sử bói một quẻ xem tốt xấu ra sao đã.

Phạm Lãi không chỉ là danh tướng kiệt xuất mà mặt kiến thức cũng hết sức rộng rãi, nghe tin này liền tự thân bói trước một quẻ rồi than với Câu Tiễn:

– Theo quẻ bói thì việc này có chút lợi nhưng vẫn còn nhiều trắc trở, chúa công đừng vội mừng mà hãy cố ẩn nhẫn thêm một thời gian nữa mới được.

Câu Tiễn rơi nước mắt xin nghe theo, ngày ngày vẫn chăm chỉ làm việc nhọc nhằn, tỏ ra không hề nghe chút tin tức gì. Riêng Ngũ Viên cũng nghe tin này, tức tốc vào yết kiến Phù Sai, hăm hực nói:

– Tôi nghe rằng trước vua Kiệt giam giữ Thang, Trụ vương giam giữ Văn vương mà không chịu giết đi, sau này Kiệt bị Thang đuổi, nhà Thương bị nhà Chu diệt. Tôi e rằng Đại vương nghe lời bọn nịnh thần thì cũng sẽ xảy ra sự việc y như vậy, nước mất nhà tan sắp xảy ra trước mắt mà Đại vương chưa tỉnh ngộ hay sao?

Thế nhưng Phù Sai vẫn chưa thể quyết định được. Cho đến một hôm Phù Sai bị phong hàn khá nặng, Ngũ Viên một lần nữa vào vấn an, nhắc lại việc cũ:

– Hiện tại Đại vương khó mà nói trước được, nếu như không may thất lộc thì Câu Tiễn chắc chắn sẽ tìm cách thoát về Việt, rồi sẽ tổ chức chống lại nước Ngô. Khi ấy tôi e rằng khó còn ai có thể giữ vững được cơ đồ. Giết Câu Tiễn vừa làm hả dạ tiên đế vừa diệt hằn hậu họa, nhất cử lưỡng tiện, sao Đại vương còn chần chừ?

Lần này Phù Sai nghe theo lời Ngũ Viên, lập tức lấy cớ cần người dọn vệ sinh cho mình, triệu Câu Tiễn vào cung. Nghe tin, Câu Tiễn vô cùng kinh sợ vì biết rằng đó chỉ là cái cớ, chắc chắn lần này sẽ mất mạng. Một lần nữa Phạm Lãi phải gieo quẻ bói rồi cho biết:

– Mạng số của Phù Sai chưa hết mà số mệnh của chúa công cũng chưa tuyệt. Tuy nhiên có lẽ lần này phải bị một phen kinh sợ mà thôi.

Nghe vậy Câu Tiễn mới gắng gượng theo bọn thị vệ vào cung cấm. Quả nhiên luôn mấy ngày không hề thấy bóng dáng Câu Tiễn bước ra, ai cũng lo sợ rằng có lẽ Câu Tiễn đã bị giết chết rồi. Riêng Phạm Lãi vẫn cung kính đứng chờ ở cửa cung, mặc cho sương nắng, sẵn sàng đón chủ nhân trở về. Thái độ nghiêm cẩn của ông khiến Phù Sai nghe biết lại đâm ra phân vân, không sao quyết định được là nên giết Câu Tiễn hay tha về. Đồng thời vợ của Câu Tiễn cũng lén đút lót cho bọn quân canh báo cho Bá Hi biết tin dữ.

Bá Hi liền lấy cớ vấn an, vào cung thăm hỏi bệnh tình Phù Sai xong liền nói:

– Bệnh của Đại vương hết sức thất thường, khi nhẹ khi nặng. Nếu như Đại vương tha cho Câu Tiễn về nhà đá như trước, biết đâu ân đức ấy làm động lòng trời mà mau chóng khỏi bệnh chẳng? Câu Tiễn hiện như con cá trong giỏ muốn bắt giết lúc nào chẳng được, cần gì phải giam giữ hay giết chóc trong cung làm tổn hại âm đức của Đại vương đi?

Phù Sai nghe vậy liền ban lệnh cho Câu Tiễn được trở về gian nhà đá

như cũ. Tuy nhiên bệnh tình của Phù Sai vẫn là mối lo của Câu Tiễn, ông nhờ Phạm Lãi bói thêm một quẻ nữa xem tình hình ra sao. Phạm Lãi bói xong liền cho biết:

– Theo quẻ bói thì số của Phù Sai còn làm vua được mấy năm nữa. Bệnh này đến ngày Kỷ Tị thì bớt chút ít, đến ngày Nhâm Thân thì khỏi hoàn toàn. Nhân cơ hội này chúa công nên xin vào vãn an, chịu nhục nếm phân mà đoán bệnh theo quẻ bói. Nếu Phù Sai qua khỏi thì sẽ hết sức cảm động mà tha tội cho chúa công vậy.

Câu Tiễn ứa nước mắt, khóc mà nói:

– Dù sao ta cũng là vua một nước, bây giờ có chịu nhục đến đâu cũng được nhưng việc này quá sức, làm sao ta có thể thi hành được?

Phạm Lãi cũng khóc theo, cố thuyết phục:

– Trước kia Trung vương giam giữ Văn vương ở Dũ Lý rồi giết con là Bá Ấp Khảo đem làm măm. Thế mà Văn vương cũng chịu được đau đớn nhục nhã ăn thịt của con. Việc này tuy nhơ bẩn nhưng nếu quyết tâm tìm sự sống để quật cường trở lại thì tôi nghĩ chúa công có thể nghiêng răng mà làm được, xin đừng câu nệ tiểu tiết mà hỏng hết đại sự.

Câu Tiễn phân vân suy nghĩ mãi mới chấp nhận lời khuyên của Phạm Lãi, xin Bá Hi tiến dẫn cho mình được vào vãn an Phù Sai. Lúc ấy Phù Sai nằm bệnh lâu ngày cũng hơi buồn chán, nghe Bá Hi xin thì liền bằng lòng ngay, vả chăng cũng muôn thử xem thái độ của Câu Tiễn ra sao. Câu Tiễn vãn an xong liền nói:

– Trước kia tôi có học một y sư ở Đông Hải biết cách xem bệnh tình bằng cách nếm phân. Có thể Đại vương không tin nhưng cứ cho tôi thử một lần.

Phù Sai vô cùng kinh ngạc nhưng lại tò mò nên bằng lòng. Mọi người

đều bịt mũi đứng ra xa, riêng Câu Tiễn giữ bộ mặt nghiêm nghị, nểm xong đứng lên vái lạy chúc mừng:

– Theo tôi thì đến ngày Kỷ Tị thì thuyền giảm, đến ngày Nhâm Thân sẽ khỏi hẳn.

Phù Sai nửa kinh ngạc nửa buồn cười, hỏi:

– Ta chưa hề thấy cách xem bệnh như vậy bao giờ. Người dựa vào đâu mà dám đoán mò, không sợ tội khi quân hay sao?

Câu Tiễn thản nhiên đáp:

– Tôi thật chẳng dám đoán mò. Theo y lý thì phân là cốc vị nên thuận theo thời khí thì người sống mà trái với thời khí thì người chết. Nay tôi thấy vị đắng mà chua, rất hợp với tiết xuân hạ nên đưa ra lời suy đoán mà thôi. Nếu sai xin Đại vương dung thứ.

Phù Sai vẫn chưa hết cười nhưng tinh thần đã thư thái đôi chút, vẫy tay gọi Bá Hi lại hỏi rằng có thể nểm thử hay không. Bá Hi vội vàng cúi đầu tạ tội, lấy cớ rằng mình chưa được học về y lý nên cũng chưa dám nểm thử như vậy. Qua ngày hôm sau bệnh tình của Phù Sai chỉ bớt rất ít nhưng tinh thần sáng khoái hơn trước lập tức xuống lệnh cho vua tôi Câu Tiễn rời khỏi nhà đá, đến một căn nhà khác sạch sẽ hơn, đồng thời cũng ban cho một số thực phẩm đầy đủ.

Chẳng biết Phạm Lãi tài tình hay số mệnh của Câu Tiễn đã đến lúc vinh quang, ngày Nhâm Thân quả nhiên Phù Sai khỏi hẳn bệnh. Nhà vua mừng rỡ sai mở yến tiệc khánh hạ, cho phép Câu Tiễn đến dự. Câu Tiễn theo lời của Phạm Lãi giả như không biết, vẫn mặc quần áo tù nhân rách rưới bẩn thỉu mà vào cung.

Phù Sai vừa nhìn thấy lập tức quát bảo nội thị đưa Câu Tiễn vào phía sau tắm rửa, thay quần áo mới cho xứng đáng với địa vị của vua một nước. Triều

thần thấy vậy đều tung hô khen ngợi Phù Sai khoan dung độ lượng khiến ông ta rất đắc chí, nhân lúc ngà say liền tuyên bố sẽ cho Câu Tiễn về nước. Ngũ Viên bị bất ngờ không sao phản ứng kịp bởi vì lời của nhà vua đã ban ra, nếu đứng ra chống lại thì mang tội khi quân nên hậm hằm bỏ ra khỏi tiệc, không nói lời nào. Bá Hi nhân cơ hội ấy bèn nói móc:

– Đại vương là bậc đại nhân mà Câu Tiễn là bậc đại hiền, vì vậy Tể tướng quốc không dám ngồi chung là phải lắm! Ha ha!

Câu nói này rất lọt tai nên Phù Sai hài lòng, không thêm để ý đến Ngũ Viên nữa, mấy hôm sau mở tiệc ở Sà Môn để tiễn Câu Tiễn về nước. Thật sự Câu Tiễn cũng không thể tin mình được tha dễ dàng như vậy, trong lòng hồi hộp không yên mãi khi đoàn xe về đến Tích giang, nhìn thấy triều thần do Văn Chủng dẫn đầu đứng chờ đón thì mới biết mình không nằm mơ. Lần trước Câu Tiễn đại bại ở Cối Kê nên về nước rồi quyết định xây dựng lại thành trì ở đó để mãi mãi nhớ đến sự nhục nhã, đồng thời trao hết toan tính cho Văn Chủng và Phạm Lãi.

Phạm Lãi được trao toàn quyền về binh bị, lập tức huy động dân chúng xây dựng thành Cối Kê, ba mặt đều hết sức chắc chắn, chỉ riêng mặt phía tây bỏ trống, nói với mọi người rằng như thế để tiện cho việc triều cống nước Ngô, đồng thời cũng biểu thị ý là không hề đề phòng quân Ngô. Thật sự, Phạm Lãi cố ý để trống là sau này dễ dàng tiến quân mà không ai nghi ngờ gì được. Nhờ Văn Chủng chấn chỉnh quốc chính, Phạm Lãi ra sức chiêu binh mãi mã, huấn luyện cực kỳ tinh mật mà chẳng bao lâu nước Việt đã hùng mạnh lên thấy rõ nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra nghèo đói, không để lộ chút tin tức gì cho Phù Sai hay biết.

Từ khi về nước, Câu Tiễn không ngày nào quên mối thù nhục nhã, hạ lệnh cho treo một trái mật ngay nơi làm việc, lâu lâu lại ném một ít để vị

đăng nhắc nhở mối thù. Khi ngủ, Câu Tiễn sai người tìm một số cây gai trải làm nệm, nằm trên đó mặc cho đau đớn, luôn miệng nhắc hai chữ “Cối Kê” để hun đúc thêm lòng căm thù nước Ngô. Vì vậy sau này để biểu thị sự nhẫn nại chịu đau khổ để nhằm mục đích nào đó, người ta hay dùng bốn chữ “nằm gai nếm mật”, lại dần trở thành điển tích.

Lúc đó nước Ngô hoàn toàn vô sự, lại được nước Việt triều cống rất nhiều của cải nên sung túc hẳn lên, Phù Sai lại tự biết mình không thể sống lâu nên bắt đầu muốn ăn chơi xa xỉ hưởng lạc. Văn Chủng và Phạm Lãi đã toan tính với nhau từ trước, tung tiền bạc ra mua chuộc không ít cận thần nước Ngô nên khi nghe tin Phù Sai định mở rộng Cô Tô đài cao hơn ngàn trượng, chứa được hơn ngàn cung nữ nên vào xin với Câu Tiễn nhanh chóng ban lệnh sai người dân Việt vào rừng sâu tìm đủ loại gỗ tốt và thật lớn để dâng cho Phù Sai.

Đương nhiên Câu Tiễn biết đây là một trong 7 sách lược làm suy yếu nước Ngô mà trước đây Văn Chủng đã dâng lên, bằng lòng ngay, tuyên bố ai tìm được loại gỗ quý và to nhất sẽ trọng thưởng ngàn vàng. Bảy sách lược của Văn Chủng gồm có:

- Sẵn sàng chịu hao tổn để vua tôi nước Ngô ăn chơi hưởng lạc bỏ bê triều chính.
- Bỏ nhiều tiền ra mua lương thảo nước Ngô để đến khi cần gấp sẽ bị thiếu hụt.
- Dùng “Mỹ nhân kế” để chia rẽ vua tôi nước Ngô, làm cho người dân bất mãn không đồng lòng chiến đấu.
- Khuyến khích Phù Sai xây dựng cung thất nguy nga tráng lệ để ngân khố bị tổn hại đến mức trống rỗng, không còn kinh phí cho quân mã nữa.
- Đút lót cho các quan tham làm lũng đoạn triều chính.

– Đồng thời ra sức tích trữ lương thảo, luyện tập quân binh thuần thực, tăng cường nhuệ khí cho quân binh để khi cần sẽ xuất phát như sấm nổ vang trời. Việc này hoàn toàn giao cho Phạm Lãi đảm trách.

Nhờ vào sự ban thưởng trọng hậu này mà có đến mấy ngàn người hăng hái đi tận vào rừng sâu tìm kiếm, quả nhiên tìm được hai cây gỗ hết sức chắc chắn, lại có nhiều vân đẹp. Hai cây này không ai biết tên là gì, mọc ở phía nam nên được đặt tên là gỗ Nam. Câu Tiễn cả mừng, thân hành đến nơi xem thử, làm lễ tạ ơn trời đất rồi sai nhiều nhân công ra sức chạm trổ cực kỳ hoa lệ, sau đó chính Văn Chủng đích thân dẫn đoàn người vận tải hai cây gỗ quý ấy đến triều Ngô dâng lên. Phù Sai đang lo lắng không có vật liệu xây dựng một cái đài cao như ý định, nay được tiến cống thì vô cùng mừng rỡ, mở tiệc lớn khoản đãi Văn Chủng, đồng thời hết lời khen ngợi Câu Tiễn là tôi thần trung hiếu.

Dù đã có gỗ lớn, vậy mà cũng phải mất đến 5 năm mới xây dựng xong Cô Tô đài cao hơn 300 trượng, hao tổn ngân khố kể đến hàng triệu, phu dịch lao khổ chết nhiều như rạ khiến nhân dân nước Ngô vô cùng oán thán. Không hề nhìn ra sự oán thán của người dân, Phù Sai còn bắt lao dịch phải làm một con đường cong 9 khúc đi từ chân núi lên tới Cô Tô đài làm cho người dân càng căm phẫn.

Đồng thời lúc ấy Văn Chủng cũng sai Phạm Lãi phụ trách cả việc tìm kiếm mỹ nhân, vì vậy ngay khi Cô Tô đài chưa xong đã có dâng lên cho Câu Tiễn danh sách hơn 2000 mỹ nhân, trong đó đặc biệt nhất là Tây Thi và Trịnh Đán. Đây là một “kỳ công” nhờ vào sự gắng sức của Phạm Lãi và cũng là một cuộc tình hết sức diễm lệ theo như tương truyền.

Trong suốt thời gian tìm kiếm mỹ nhân, Phạm Lãi và đoàn tùy tùng gặp hàng ngàn cô gái sắc nước hương trời nhưng cuối, cùng vẫn chưa có ai toàn

vẹn, đạt được yêu cầu là phải làm cho Phù Sai mê đắm đến điên cuồng, đồng thời có đủ tài trí khôn ngoan làm nghiêng đổ triều đình nước Ngô. Khi đã gần hết thời gian hạn định, Phạm Lãi vô cùng lo buồn, quyết định đi đến ngọn núi Trữ La ở tận cùng biên cương phía bắc. Nơi đây phong cảnh hết sức hữu tình, non xanh nước biếc, không khí trong lành u tịch nên Phạm Lãi hy vọng sẽ là nơi sản sinh ra người đẹp nhất thế gian. Quả nhiên không ngoài mong ước của ông, khi vừa đến Trữ La thôn nằm nhỏ bé dưới chân núi, Phạm Lãi đã được nghe đồn đến sắc đẹp tuyệt thế của Tây Thi, lập tức tìm đến.

Tây Thi vốn không phải là tên thật, nàng chỉ là một cô gái dân dã mộc mạc nhưng nhờ vào thiên nhiên hun đúc, sắc đẹp không ai sánh nổi. Ở làng bên phía Đông cũng có không ít mỹ nhân nhưng thật sự vẫn không ai có thể sánh bằng, mặc dù thôn Đông rất tự hào về một người con gái tên là Trịnh Đán. Phạm Lãi không muốn kinh động người dân, giả như một Nho sinh nhàn du tìm đến Trữ La thôn, đúng vào lúc cả một đoàn con gái vui cười tút tút kéo nhau ra bờ suối giặt quần áo.

Chỉ cần thoáng nhìn qua, Phạm Lãi đã nhận ra ngay Tây Thi bởi từ vóc dáng đến dung nhan và tư cách của nàng nổi bật trong đám đông, không thể nào lẫn lộn được, giống như chim thiên nga đi cùng với bầy vịt trời. Qua lần đầu trò chuyện, Phạm Lãi lại càng sửng sốt bởi trí tuệ thông minh tuyệt vời của nàng, mặc dù không hề được học hành thi thư. Chỉ một lần nói sơ lược việc sẽ bị tiến cống qua đất Ngô, lập tức Tây Thi đã hiểu ngay đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn nhưng vẫn can đảm nhận lời, buồn bã từ biệt người thân để cùng với phái đoàn tìm kiếm về triều đình nước Việt.

Về mặt sắc đẹp, Trịnh Đán cũng không thua gì Tây Thi nhưng xét theo trí tuệ thì không sao bằng được nên dù vẫn được kết nạp nhưng chỉ xếp vào

hạng thứ hai. Hai nàng sau khi về tới kinh đô nước Việt, được Câu Tiễn hết sức tán tụng và cho người chăm sóc Tây Thi, Trịnh Đán một cách đặc biệt, không những được mặc những loại quần áo lụa là gấm vóc sang trọng mà còn được nhiều danh sư về múa hát dạy dỗ tận tình, lại cấp riêng nơi ở bí mật ở Thổ thành để tin tức không bị tiết lộ. Cho đến khi Cô Tô đài hoàn thành thì cũng đúng lúc Tây Thi và Trịnh Đán đã “lột xác” trở thành hai mỹ nhân tuyệt thế, cầm kỳ thi họa, ca múa không ai sánh bằng.

Câu Tiễn thấy đã đúng thời cơ, sai Phạm Lãi dẫn đầu đoàn sứ giả đưa Tây Thi và Trịnh Đán cùng một số mỹ nhân khác làm thị tì sang đất Ngô tiến cống. Sở dĩ Phạm Lãi được đặc trách việc này là do Văn Chủng còn rất nhiều chuyện phải lo toan và trải qua mấy năm tù đầy cùng Câu Tiễn nơi đất khách quê người, Phạm Lãi thông thạo đường lối và quen biết khá nhiều quan lại triều Ngô, rất thuận tiện cho sứ mệnh.

Sử sách không ghi lại chi tiết nhưng theo truyền thuyết thì trong thời gian Phạm Lãi hộ tống Tây Thi sang Ngô chính là thời gian mối tình nảy nở giữa hai người. Thế nhưng, cả hai cũng đều biết đây là nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, tuy yêu nhau say đắm vẫn ý thức được phải làm những gì. Họ cùng nhau thề nguyện nếu sau này hoàn thành nhiệm vụ sẽ cùng nhau se tơ kết tóc mãi mãi.

Quả nhiên, khi Phù Sai vừa nhìn thấy Tây Thi là đã mê mẩn hồn phách, dù Ngũ Viên không biết bao nhiêu lần cảnh tỉnh vẫn như kẻ mộng du, bỏ hết những lời can gián ngoài tai. Lúc đó Phù Sai đã có Hoàng hậu và rất nhiều phi tần, ông không hề phong chức cho Tây Thi nhưng lại đặc biệt cho nàng được ở Cô Tô đài, cung ứng đầy đủ thức ngon vật lạ còn hơn cả Hoàng hậu. Riêng Trịnh Đán tuy cũng được Phù Sai sủng ái nhưng để lại cung cấm, chịu nhiều đau khổ vì sự ganh tị của các phi tần triều Ngô nên đâm ra buồn rầu

thành bệnh, một năm sau khi tiến cống thì mất. Phù Sai cũng không phải vô tình, sai người an táng Trịnh Đán theo lễ phi tần rất trọng hậu ở Hoàng Mao sơn, rồi lập cả miếu thờ để an ủi vong linh của nàng phần nào.

Phạm Lãi chọn không nhầm người, khi đã được Phù Sai sủng ái, Tây Thi ra sức thi hành những kế sách làm lũng đoạn cả về kinh tế lẫn chính trị triều Ngô. Nàng đòi hỏi hầu như không biết đâu là đủ nhưng Phù Sai vẫn u mê nghe theo lời, dù những yêu cầu đó tốn kém ngân khố và sức người không ít. Tây Thi có ý thích được sống trên các ngọn núi cao, giống như tiên nữ tách biệt riêng với trần gian, Phù Sai lập tức chiều theo, cho xây dựng Quán Khuê cung trên núi Linh Nham rồi sau đó là Ngoạn Hoa trì (Hồ thưởng hoa), Ngoạn Nguyệt trì (hồ thưởng trăng), Thái Liên hình, Tiên Hạ Loan, Cẩm Phàm hình, v.v... Những cung điện này nhiều không kể xiết nhưng Phù Sai vẫn sợ rằng Tây Thi chưa vừa lòng, đặc biệt cho xây dựng Tây Thi động, phải đào sâu vào trong núi đá, tạo lập một cảnh sắc riêng biệt giống như tiên cảnh, vì vậy vô cùng khó nhọc và tốn phí không sao tính nổi.

Từ khi có Tây Thi, hầu như Phù Sai vắng mặt ở triều đình, không ở Tây Thi động thì cũng Cô Tô đài, chỉ đặc biệt cho Bá Hi vào vấn an còn lại bất cứ đại thần nào từ Ngũ Viên trở xuống đều từ chối không tiếp. Triều chính nước Ngô bắt đầu suy sụp hôn ám, bọn tham quan lợi dụng cơ hội này ra sức vơ vét của cải khiến người dân đã quá lao đao vì phải phục dịch cho Phù Sai nay còn bị bóc lột đến mức đói khổ điêu linh, cả nước vang lên tiếng kêu oán than mà Phù Sai làm sao nghe được?

Phạm Lãi từ giã triều Ngô về nước, để lại một số tay chân thân tín làm gián điệp dò la tin tức, đồng thời mau chóng báo về nên bao nhiêu việc tồi tệ ở triều Ngô đều nắm rõ, bàn với Văn Chủng tiến hành kế sách tiếp theo. Văn Chủng liền cho người sang Ngô xin mượn một vạm thạch thóc, hứa rằng

đúng ngày này năm tới sẽ trả lại. Ngũ Viên cực lực phản đối việc này, liên tiếp dâng hàng chục tấu thư nhưng Phù Sai không hề để mắt tới, vui vẻ chấp thuận yêu cầu của Văn Chủng.

Năm sau nước Ngô bị mất mùa, Phù Sai chưa kịp hỏi thì nước Việt đã mau chóng mang số thóc mượn đến trả, số lượng lên đến hai vạn chứ không phải một vạn làm cho Phù Sai càng thêm tin tưởng rằng nước Việt luôn luôn trung thành với mình. Thật sự số thóc ấy Văn Chủng đã ngâm cho người nấu lên, nóng đến một mức độ nhất định, nhìn bề ngoài không hề thấy khác lạ nhưng hoàn toàn đã chín rồi. Do vậy khi người dân Ngô dùng số thóc ấy gieo trồng thì chỉ tốn công vô ích, nạn đói càng thêm hoành hành.

Tin tức này lọt đến tai Phù Sai, thế nhưng nhà vua đã quá u mê, cho rằng việc thóc giống không thành cây lúa là vì phong thổ khác nhau chứ không phải nước Việt dụng tâm xấu. Đến khi Ngũ Viên tâu về việc nước Việt tăng cường huấn luyện quân binh thì Phù Sai vẫn không thêm để ý, ung dung phán bảo:

– Nước nào mà chẳng cần tới quân binh giữ gìn? Việc huấn luyện quân mã thì có gì lạ lắm đâu mà Tướng quốc phải quan tâm?

Ngũ Viên nhiều lần mang nỗi tức về nhà nên đã khôn khéo hơn, nghe vậy cố nuốt giận mà tâu:

– Nếu Đại vương tin tưởng nước Việt trung thành thì cứ thử một lần đem quân giả như sắp tiến đánh thì sẽ biết ngay hư thật. Nếu không đúng thì đó cũng là thái độ thị uy với nước Việt vậy.

Phù Sai là người hùng tâm tráng chí, tuy đang lúc mê đắm nữ sắc vẫn còn mang hoài bão làm bá chủ một phương nên nghe lời của Ngũ Viên ngay, xuống lệnh cho quân binh chuẩn bị. Khi ấy quân nước Việt thừa sức đương cự nhờ vào tài huấn luyện của Phạm Lãi, lại có cơ may được một người con

gái chẳng biết từ đâu tới, nói rằng mình rất giỏi về kiếm pháp Nam Lâm, sẽ dạy cho binh tướng. Khi dạy xong kiếm pháp này, đột nhiên người con gái ấy biến đâu mất, ai cũng tin rằng đó là thần nữ xuống giúp cho nước Việt nên hùng khí lên rất cao. Riêng Văn Chủng có mời một dũng sĩ tên là Trần Am, cực giỏi về bắn cung, đến dạy cho quân sĩ phép bắn ‘liên nỗ’ (bắn nỗ liên tiếp ba phát), nếu toàn quân cùng lúc bắn ra thì tướng đối phương tài giỏi đến mấy cũng phải tử thương. Sau khi huấn luyện phép bắn xong, đột ngột Trần Am cũng mất, lại càng làm cho quân tướng nước Việt tin rằng đó là thần nhân được trời sai xuống.

Do vậy nếu như cuộc chiến Ngô-Việt có xảy ra thì chưa biết thắng bại ra sao. May thay lúc ấy nước Tề đang tiến quân định chiếm nước Lỗ. Cả triều đình nước Lỗ xáo động kinh hoàng phải nhờ tới Khổng Tử. Ông bèn sai Tử Cống đi du thuyết, dùng phương cách khích động nước Tề nên đánh Ngô rồi lại sang Ngô trình bày là nước Tề đánh Lỗ xong thế nào cũng xâm phạm đến Ngô. Phù Sai nghe vậy hết sức tức giận, bãi bỏ việc đánh Việt mà dồn quân đánh Tề để thị uy. Tử Cống thành công rồi liền sang nước Việt hiến kế, Câu Tiễn nghe theo, xin Phù Sai cho quân Việt cùng kết hợp đánh Tề khiến bao nhiêu nghi ngờ của ông ta với nước Việt tan biến, gọi Ngũ Viên vào nặng lời trách móc.

Khi ấy quân binh của nước Ngô vẫn còn hùng mạnh như sự đánh giá của Phạm Lãi nên chỉ trong vài trận đã đại thắng quân Tề, danh tướng Triễn Như bắt sống được Công tôn Hạ; Đại tướng Tư Môn Sào của Ngô giết chết Công tôn Huy; riêng Phù Sai cũng bắn chết Tôn Lâu của Tề, bắt sống được Lư Khâu Minh. Nhờ trận đại thắng này, Phù Sai vô cùng thỏa mãn, quên hẳn việc phải đề phòng hay thị uy với nước Việt.

Thế nhưng Ngũ Viên đã không chúc mừng chiến thắng của Phù Sai mà

còn nhiều lời chê trách khiến Phù Sai không sao chịu được nữa, ban cho ông ta thanh kiếm Chúc Lô để tự xử. Ngũ Viên đường hoàng tự đâm cổ mà chết. Sau khi Ngũ Viên chết rồi, lại đến lượt Thế tử Hữu cả gan đưa ra lời cảnh tỉnh, rốt cuộc cũng bị Phù Sai nổi giận trách phạt. Từ đó trở đi triều thần nước giống như cầm đuốc, để mặc cho Phù Sai tha hồ thi hành những chuyện hại dân hại nước như bắt hàng vạn dân phu đào kênh dẫn nước sông Giang, sông Hoài chảy vào sông Nghi, thông sang nước Tề để mai này tiện việc tiến quân.

Chưa được một năm, thế nước càng lúc càng suy yếu mà Phù Sai vẫn không nhìn ra, lại muốn cùng nước Tấn tranh giành ngôi bá chủ nên ban bố ước thư hẹn các chư hầu phải đến Hoàng Trì hội họp. Để phô trương thanh thế, Phù Sai kiểm điểm hầu như toàn bộ quân tướng, tiền hô hậu ủng, cờ xí rợp trời, xe ngựa kéo dài hàng trăm dặm không dứt, âm ỉm tiến đến Hoàng Trì. Đây là lần đầu tiên Phù Sai phát binh đi xa nhất, vào sâu nước Tề với toàn bộ quân tướng nên hầu như nước Ngô bị bỏ trống.

Trước đó đã khá nhiều lần Câu Tiễn thúc giục Văn Chủng và Phạm Lãi tiến quân đánh báo thù nhưng cả hai đều đồng ý kiến là quân Ngô còn rất mạnh, không thể khinh suất. Trải qua nhiều biến loạn nơi triều đình Ngô, từ việc quá phung phí ngân khố cho Phù Sai ăn chơi hưởng lạc cho đến cái chết oan ức của Ngũ Viên, bây giờ tới cơ hội Phù Sai dẫn toàn quân đi xa thì không còn dịp may nào lớn hơn. Do vậy khi Câu Tiễn hỏi Phạm Lãi:

– Ta thường nghe khanh nói: “Khi đã có thời cơ thì phải hành động nhanh như vũ bão”. Bây giờ đã đúng thời cơ chưa.

Lần này Phạm Lãi không phản đối nữa mà tươi cười đáp lời:

– Đã đến lúc Đại vương báo thù trả hận rồi.

Câu Tiễn cả mừng, ngay hôm đó xuống lệnh cho ba quân sửa soạn tề

chinh rồi hôm sau đồng loạt xuất phát đi qua con đường phía tây đã bỏ trống từ lâu. Đó là vào năm 476 trước Công nguyên, toàn quân nước Việt chia làm hai đường tiến đánh nước Ngô, một do Câu Tiễn đích thân chỉ huy, một do Phạm Lãi thống suất. Phạm Lãi còn vạch ra kế hoạch bao vây, cho một cánh quân đi thuyền lớn vượt biển vào đất Hoài, cắt đứt đường về của quân Ngô. Đại quân nước Việt thì theo đường bộ tiến lên phía bắc thẳng tới Cô Tô.

Bao nhiêu oán hờn nhục nhã tích chứa từ lâu nay, bây giờ phát lộ bằng khí thế ngất trời, trong khi đó quân tướng nước Ngô theo gương chủ nhân hết sức chênh mảng trong phòng bị, ngay lúc nhìn thấy quân Việt tiến công thì đã mất hết tinh thần, hoảng loạn tranh nhau chạy trốn. Nhờ vậy quân nước Việt tiến nhanh như chẻ tre, chưa đầy một tháng đã công phá kinh thành Cô Tô, mau chóng giết chết tướng giữ thành là Công tôn Dung Dị. Riêng Thế tử Hữu là người rất can trường, tuy biết quân mình ít hơn đối phương nhiều lần cũng liều chết lên mặt thành hô hào chiến đấu, cuối cùng bị trúng luôn mấy mũi tên do phép bắn “liên nổ” quá lợi hại. Thế tử Hữu biết rằng mình khó sống, lại không muốn bị nhục nên tự kết liễu đời mình.

Tuy nhiên lúc ấy Công tử Địa vẫn can đảm chống giữ thành rất vững, đồng thời sai người cấp tốc đến Hoàng Trì cấp báo với Phù Sai. Câu Tiễn chiếm được ngoại thành rồi, truyền lệnh nổi lửa đốt cháy Cô Tô đài nhưng không giết các cung nữ phi tần của Phù Sai. Trong số ấy, Tây Thi là người được Phạm Lãi đón về trước nhất bởi nàng không những đã “thề non hẹn biển” với mình mà còn là một công thần xứng đáng được nêu danh. Cô Tô đài quả nhiên danh bất hư truyền, bị cháy đến hơn một tháng mà lửa vẫn chưa tắt hẳn, khói đen mù mịt cả một vùng lớn, bao nhiêu tài vật cùng các chiến thuyền của nước Ngô đều được Câu Tiễn thu thập đem về Thái hồ, rảnh tay chờ đợi một cuộc kịch chiến nếu như Phù Sai đem quân về kịp.

Khi ấy ở Hoàng Trì, Phù Sai và Tấn Định công còn mãi lo tranh chấp chức vị Bá chủ nên không hề nghe tin tức gì, mãi đến khi người của Công tử Địa chạy đến mới rụng rời cả tay chân. Bá Hi là tên gian thần xu nịnh nhưng vào thời điểm này quyết đoán cũng khá khôn ngoan, lập tức rút kiếm chém chết người đưa tin để không còn ai hay biết. Phù Sai liền cùng Bá Hi bàn cách rút quân sao cho thật kín đáo, nếu không các chư hầu - nhất là quân Tấn - tất sẽ nhân dịp này truy sát thì không còn đất sống. Dựa vào kế sách của Bá Hi, Phù Sai đột ngột kéo toàn bộ quân mã đến đàn thề, nổi trống vang trời rồi thúc giục các chư hầu nội trong ngày phải ứng chịu tôn xưng nước Ngô làm bá chủ.

Sứ giả của nước Tấn là Đồng Cát rất tinh đời, quan sát sự việc thì nghi rằng nội bộ nước Ngô đã xảy ra biến sự nhưng vẫn còn sợ bị Phù Sai lừa lĩnh tiêu diệt nên bàn với Tấn Định công vẫn ứng chịu xưng Ngô là bá chủ nhưng không được xưng Vương. Dĩ nhiên Phù Sai chấp nhận ngay rồi sau đó lập tức rút quân về Việt. Phù Sai cho rằng Bá Hi có nhiều quan hệ với nước Việt nên cử ông ta làm sứ giả xin cầu hòa. Thật sự Bá Hi không có tài biện thuyết, tất cả là do Phạm Lãi nhận định nước Ngô đã quá suy yếu, không cần đồn đối phương vào đường cùng cũng tự tan rã nên xin với Câu Tiễn chấp nhận lời cầu hòa, quân Việt ca khúc khải hoàn rút về nước.

Thế nhưng tình hình đúng như sự tiên liệu của Phạm Lãi, dù Phù Sai cố hết sức chấn chỉnh triều đình nhưng lực bất tòng tâm, càng lúc càng suy bại. Vì vậy 3 năm sau, tức là vào năm 473, Câu Tiễn một lần nữa lại kéo đại quân tiến đánh. Lần này tự thân Phù Sai thống lĩnh chống trả nhưng thế cùng lực kiệt, đại bại không còn manh giáp, các Đại tướng như Tào Cô, Tư Môn Sào đều tử trận. Phù Sai rút vào thành cố thủ, bất đắc dĩ phải sai Công Tôn Lạc làm sứ giả sang quân doanh nước Việt cầu hòa lần nữa.

Lời lẽ của Công Tôn Lạc rất nhũn nhặn, chịu hết những điều kiện sỉ nhục khiến Câu Tiễn nghĩ đến lúc sa cơ của mình trước kia cũng xúc động, đã toan bằng lòng thì Phạm Lãi bước ra ngăn cản, nói:

– Không được, thần đã từng chủ trương thời cơ chỉ đến một lần, cần lợi dụng thời cơ ấy để tiêu diệt tận gốc ngọn. Nay nếu chúa công chấp nhận cầu hòa thì thần e rằng chỉ trong vòng 5 năm, mối nhục Cối Kê sẽ tái diễn.

Nghe đến tên Cối Kê, bao nhiêu oán hờn bùng dậy, Câu Tiễn liền cự tuyệt đề nghị giảng hòa của Phù Sai. Thế nhưng Phù Sai không còn cách nào khác, một mặt cố chống đỡ, một mặt vẫn sai sứ giả đến thuyết phục xin cầu hòa, đi lại đến 7 lần vẫn không sao lung lạc được Câu Tiễn, Công Tôn Lạc phải vừa bưng mặt khóc vừa cùng phái đoàn sứ giả trở về thành. Tuy nhiên, thành Cô Tô vẫn còn rất vững chắc, nhiều lần quân Việt không tấn công mà sao phá nổi khiến Phạm Lãi vô cùng lo lắng.

Chợt một đêm Phạm Lãi và Văn Chủng cùng mơ một giấc mộng giống hệt nhau, đó là Ngũ Viên mũ áo chinh tề như lúc còn sống, đến nói rằng: “Nước Ngô đã hết mệnh, ta tuy là trung thần của Ngô nhưng vẫn không sao cải được số trời. Các ông cứ dẫn quân theo Đông môn thì sẽ đoạt được thắng lợi”. Nói xong hồn của Ngũ Viên biến mất. Sáng hôm sau Văn Chủng và Phạm Lãi kể lại cho nhau nghe, hết sức kinh ngạc nhưng vẫn tiến hành theo lời chỉ dẫn của Ngũ Viên.

Chẳng biết tại sao hay là quả do trời định mà Đông môn lúc ấy không hề có quân nước Ngô canh giữ, đại quân của Phạm Lãi tràn vào hết sức dễ dàng. Cuộc tiến công này bất ngờ đến mức lúc ấy Phù Sai chưa kịp ăn cơm, đành để bụng đói cùng một số quân tướng quần thần chạy đến Dương sơn. Bá Hi không chạy theo vị vua sắp mất nước mà mau lẹ đầu hàng quân Việt để bảo toàn tính mạng.

Khi ấy quân Việt đã vây chặt Dương sơn, Phù Sai không còn cách nào khác đành phải buộc thư xin đầu hàng vào đầu mũi tên bắn ra ngoài thành. Lần này Câu Tiễn cũng toan chấp nhận nhưng Phạm Lãi cương quyết phản đối, đáp lại bằng một bức thư khác hạch ra 6 tội lớn của Phù Sai, mà trong đó tội thứ 6 là “quên kẻ thù của tiên vương, tức tội bất hiếu không thể tha thứ”. Phù Sai đọc xong thư của Phạm Lãi, quá hổ thẹn, tự đâm cổ mà chết. Trước đó Phù Sai cũng nhớ tới Ngũ Viên, phải lấy lụa che mặt để khi chết không dám nhìn Ngũ Viên nơi chốn suối vàng nữa.

Đây chính là kế sách khích động của Phạm Lãi khiến Phù Sai phải tự xử, Câu Tiễn không phải xuống tay giết chóc mà mang tiếng với chư hầu. Sau khi Phù Sai chết rồi, quân tướng dưới quyền đương nhiên tan rã, quân Việt không tốn xương máu vẫn ung dung chiếm được toàn bộ nước Ngô. Câu Tiễn làm lễ an táng Phù Sai rất trọng hậu, theo lễ nghi vương hầu ở ngay Dương sơn, nơi mà trước kia Phù Sai rất thích đến đó hưởng lạc. Riêng Bá Hi là tên gian thần đáng khinh, Câu Tiễn liền xuống lệnh giết toàn bộ gia tộc của hắn để làm gương cho các tôi thần.

Nhờ chiến công lừng lẫy này, Câu Tiễn được các chư hầu nể sợ mà tôn lên làm Bá chủ, đồng thời cũng được Thiên tử nhà Chu mời về triều kiến. Công thành danh toại xong, Câu Tiễn cũng giống như các vị Vương hầu khác, bắt đầu cho xây dựng nhiều cung điện lầu đài, tráng lệ nhất là Hạ đài ở ngay Cối Kê.

Phạm Lãi có công lớn nên được phong làm Đại tướng, nắm hết binh quyền trong tay. Thế nhưng ông là người minh trí, tự biết “thỏ chết thì nã cũng dẹp bỏ” nên tự ý từ chức, cáo quan về quê tĩnh dưỡng tuổi già. Câu Tiễn đời nào để mất một danh tướng như Phạm Lãi, vả chăng nếu so ra thì ông vẫn còn tráng kiện khỏe mạnh, đâu đến nỗi phải dưỡng già nên nhất

quyết không chấp nhận việc từ quan. Phạm Lãi mấy lần thỉnh cầu không được, một đêm đột ngột cùng gia quyến đi một chiếc thuyền nhỏ qua ngã Tề Nữ môn, thẳng đến Ngũ hồ. Câu Tiễn toan mang quân đuổi theo nhưng Văn Chủng can gián, nói rằng:

– Phạm tướng quân là người đa mưu túc trí, một khi đã bỏ đi như vậy tất đã bố trí sẵn sàng nhiều phương án nghi binh. Đại vương muốn truy đuổi cũng vô ích mà thôi.

Câu Tiễn nghe hữu lý, thờ dài, bãi bỏ việc này. Sau khi Phạm Lãi đi rồi, Văn Chủng nhận được một bức thư của ông khuyên nên ưu thời mẫn thế, biết rút lui đúng lúc. Văn Chủng đọc xong chỉ biết thờ dài, mãi đến khi Câu Tiễn ngỏ ý nghi ngờ, nói:

– Ta nghe Tướng quốc có đến 7 kế sách để diệt nước Ngô, nay mới dùng có 3 đã thành công hoàn toàn. Vậy 4 kế sách còn lại là gì? Phải chăng để đối phó với ta? Ta nghĩ rằng Tướng quốc nên đem 4 kế sách ấy xuống tuyên đài mà sử dụng.

Nói xong, Câu Tiễn để lại thanh bảo kiếm rồi ra về. Văn Chủng ngửa mặt lên trời than thở:

– Ta không nghe lời Phạm tướng quân, nay chết là đáng lắm rồi.

Sau đó Văn Chủng tự đâm cổ mà chết. Riêng tung tích của Phạm Lãi có nhiều giả thuyết khác nhau, người thì quả quyết đã nhìn thấy ông cùng với Tây Thi rong chơi Ngũ hồ, đôi trai tài gái sắc thực hiện lại lời thề năm nào trước khi đến nước Ngô. Cũng có giả thuyết cho rằng Phạm Lãi đem Tây Thi về ở chung, ngày ngày mê đắm khiến Phu nhân nổi cơn ghen, bí mật sai thị tì bắt Tây Thi buộc đá ném xuống sông chìm chết. Vì vậy Phạm Lãi mới chán nản từ quan, đi tìm niềm vui nơi sông nước để quên đi mối tình dang dở với mỹ nhân.

Theo một giả thuyết khác thì Phạm Lãi đến đất Tề, đổi tên thành Chi Di Tử Bì và làm quan tới chức Thượng khanh, sau một thời gian mới qui ẩn ở Đào sơn, xưng là Đào Chu công, chuyên viết sách mà nay còn truyền tụng một cuốn của ông tên là “*Trí phú kỳ thứ*”. Theo giả thuyết này thì cuối đời ông mất ở đất Đào nhưng không ai biết rõ ngày tháng.

Trong bộ *Sử ký* của danh gia Tư Mã Thiên có một đoạn viết về Phạm Lãi, cho rằng: “Ông là vị danh tướng kiêm thông văn võ, biết thời thế, ba lần dời chỗ ở mà vẫn thành công, làm đến Thượng khanh rồi sau đó nổi danh buôn bán thịnh vượng”. Như vậy Phạm Lãi xứng đáng là một Đại danh tướng không ai bì kịp bởi lối sống rất hài hòa giữa danh và lợi; làm việc và vui chơi; sắt đá nghiêm minh nhưng đồng thời lại đa tình, biết thương hoa tiếc ngọc.

Tương truyền có một câu chuyện có thể biểu hiện trí tuệ của ông phi phàm khác người. Đó là lúc Phạm Lãi ở nước Sở, lấy tên Đào Chu công, gia sản nhờ buôn bán lên tới hàng triệu, giàu có khắp chư hầu không ai sánh bằng. Thế nhưng người con thứ của ông vô tình phạm tội giết người, bị xử phải đền mạng.

Phạm Lãi vốn quen biết với Tướng quốc nước Sở là Trang Sinh, nghĩ rằng ông ta có thể cứu vãn được nên định sai người con út đem số vàng cực lớn là 1000 dật (tức khoảng 24.000 lượng) để chuộc tội chết cho con. Thế nhưng người vợ nhất định sai người con trưởng đi làm việc này. Bất đắc dĩ Phạm Lãi phải nghe theo. Người con trưởng đem vàng đút lót cho Trang Sinh, ông này liền lấy cớ nước Sở xuất hiện quá nhiều điềm xấu nên đề nghị Sở vương ban lệnh đại xá. Sở vương nghe theo, hạ lệnh tha hết các tù nhân, kể cả người bị tội chết.

Tiếc rằng người con trưởng của Phạm Lãi quá thiên cận, khi nghe tin Sở

vương đại xá thì nghĩ rằng Trang Sinh chẳng có công lao gì, lập tức quay lại đòi vàng. Thật ra Trang Sinh không tức giận vì mất số vàng mà hổ thẹn vì nghĩ rằng đã bị lừa gạt, lập tức vào triều tâu lại:

– Tôi nghe đồn rằng hiện có người con của Đào Chu công đem số vàng lớn đến đây để dứt lót cho Đại vương ban lệnh đại xá thiên hạ. Như vậy chính họ Đào được phúc chứ không phải Đại vương. Lệnh đại xá đã được ban ra, làm vua không nói đùa, bây giờ Đại vương cứ cho thi hành, chỉ riêng người nhà họ Đào không tha thứ, tất thiên hạ sẽ biết ai là người nhân đức ngay.

Sở vương liền nghe theo, sai tiếp tục thi hành lệnh đại xá nhưng riêng người con thứ của Phạm Lãi thì đem ra chém không tha. Khi người con trưởng đem thi hài em về nhà, người mẹ khóc ngất không thôi. Phạm Lãi thông thả nói:

– Sở dĩ tôi muốn sai đưa út đi là vì nó sinh ra lúc nhà giàu sang, như vậy sẽ không tiếc rẻ số vàng quá lớn. Còn đứa lớn sinh ra lúc còn khó khăn, tất có tính tiết kiệm, vì thế chắc chắn sẽ tiếc rẻ mà đòi lại số vàng đó. Nó đem xác đứa em về là đúng lắm rồi.

Có nhiều người đọc câu chuyện này chê trách là Phạm Lãi “có thể phục hưng được cả nước Việt mà không đủ khôn ngoan cứu con mình”. Thật ra câu chuyện chưa chắc đã là thật sự, chỉ nói lên một điều: “Phạm Lãi không những là danh tướng nhiều mưu trí mà còn là một người minh trí, biết xét đoán mọi việc rất rõ ràng, đến ngay cả Văn Chủng cũng phải nể nang khen ngợi. Ông cũng đã bố trí kế sách thoát khỏi sự truy bắt của Câu Tiễn hết sức tài tình thì tại sao lại để cho vợ mình giết chết Tây Thi, người mà ông vẫn hằng yêu mến, thề non hẹn biển từ khi chưa hiến thân cho Phù Sai?

Có lẽ câu chuyện Tây Thi bị người vợ cả ghen dìm chết dưới sông cũng

là do Phạm Lãi tung tin ra chẳng? Một khi Tây Thi đã chết thì sẽ không còn ai chú ý tới và ông sẽ cùng giai nhân vui hưởng hạnh phúc suốt đời? Dù là giả thuyết nào đi nữa, suốt chiều dài lịch sử phong kiến cổ đại Trung Hoa chưa hề có vị danh tướng nào vừa đạt chiến công vang dội vừa biết tìm hạnh phúc cho mình hài hòa như Phạm Lãi. Hậu thế phải nghiêng mình kính phục tài trí quân sự của ông, đồng thời cũng ngưỡng mộ cách sống của một người quân tử Trung Hoa đúng nghĩa.

3

BẠCH KHỞI

CHẾT VÌ DANH TIẾNG

Cuối thời Xuân Thu Chiến quốc tình hình chiến tranh càng thêm khốc liệt bởi lúc đó hầu như nước nào cũng không giấu dă tâm thôn tính của mình. Trong số “Thất Hùng” (7 nước lớn mạnh nhất) thì Tần là một quốc gia có quân đội hùng hậu hơn hẳn, lại được một mưu sĩ kiệt xuất tên là Phạm Thù phò tá nên Tần vương càng lộ rõ tham vọng của mình. Các nước thi nhau phát triển quân binh, thu nạp tướng giỏi và cũng không ít người thành danh trong thời kỳ này. Tuy nhiên, nếu nước Triệu có một Liêm Pha lão tướng tài danh thì nước Tần cũng có một danh tướng còn nổi tiếng hơn nữa với nhiều trận đánh hào hùng dữ dội, đó là Bạch Khởi. Thế nhưng Bạch Khởi đồng thời nổi tiếng về các trận đánh thần tình nhưng cũng không ít tiếng xấu vì ông quá tàn nhẫn, nhất là trong trận Trường Bình nổi tiếng với quân nước Triệu.

Bạch Khởi là người huyện Mi của nước Tần. Ngay từ khi còn nhỏ, Bạch Khởi đã tỏ ra là người thích quân sự, rất thường hỏi phụ thân về binh pháp, nếu không thỏa mãn ông ra sức tìm tòi các sách vở viết về việc quân để học hỏi. Sau khi lớn lên, trong tình trạng các nước giao tranh liên miên, đó là cơ hội để ông biểu lộ được tài năng quân sự của mình. Quả nhiên trong suốt 37 năm cầm quân tham gia các chiến trận ông đã trải qua không biết bao nhiêu trận đánh lớn nhỏ, có lúc vào sinh ra tử nhưng gần như chưa có trận nào bị

thua. Nhiều chuyên gia nghiên cứu về Bạch Khởi đưa ra con số thống kê: đánh phá khắp 4 nước chư hầu Ngụy, Hàn, Triệu và Sở, giết chết hàng 100 vạn quân tướng lớn nhỏ, hạ hơn 70 thành trì. Chiến công to lớn này của ông giúp cho nước Tần bước đầu làm chủ bốn phương và tiến đến thống nhất lãnh thổ, gồm sáu lục quốc. Thân phụ của Bạch Khởi cũng là tướng quân, rất hâm mộ danh tướng Ngô Khởi thời trước nên đã đặt tên cho ông theo vị danh tướng ấy. Do vậy rất nhiều người đã lầm lẫn giữa Bạch Khởi với Ngô Khởi, một danh tướng người nước Vệ gắn liền với điển tích “giết vợ cầu công danh”.

Riêng trong thời điểm Bạch Khởi còn sống, nước Sở lớn mạnh ngang hàng với Tần và cũng có tham vọng không kém. Thế nhưng kể từ khi Bạch Khởi cầm quân, hầu như nước Sở lâm vào thế thụ động, dần dần suy yếu rồi sau cùng cũng bị nước Tần chinh phục. Với những công lao hãn mã ấy, Bạch Khởi lên tới chức Nguyên soái, được Tần vương phong tước là Vô An quân.

Bước đầu tiên vào năm 294 trước Công nguyên Bạch Khởi chỉ giữ chức Tả Thứ trưởng nhưng sau khi tấn công chiếm được đất Tân Thành của Hàn, ông bắt đầu nổi danh với nhiều mưu lược quyền biến. Lúc đó Tướng quốc nước Tần là Ngụy Nhiễm có mắt tinh đời, nhận ngay ra tài năng kiệt xuất về quân sự của Bạch Khởi, hết lời tiến cử với Chiêu Tương vương của Tần và được thăng lên làm Tướng quân.

Được Ngụy Nhiễm đề ý tới, chẳng bao lâu sau Bạch Khởi lại được tin tưởng cho thống lãnh một đội quân lớn đối phó với liên quân Hàn và Ngụy tại núi Y Khuyết. Một trận chiến nhiều khó khăn và cũng là trang sử oai hùng của Bạch Khởi bắt đầu vang dội.

Khi ấy nhờ liên kết nên quân hai nước Hàn Ngụy rất đông, nhiều tướng soái mà không ít người đã nổi danh từ lâu. Thế nhưng với số quân ít hơn

nhiều lần, Bạch Khởi vẫn can đảm đối địch, không dùng sức mạnh mà đưa ra kế sách đánh phá từng phần một dựa vào tâm lý các tướng hai nước không đồng lòng đoàn kết, ai cũng muốn bảo toàn lực lượng, đùn đẩy để quân nước khác phải xông pha hao tổn.

Nhân ra tình thế có lợi cho mình, Bạch Khởi liền nhắm vào quân nước Hàn trước tung tin đồn là không dám đối đầu với quân tướng nước Ngụy. Thế nhưng sau khi tiêu diệt được quân Hàn, đột ngột Bạch Khởi cho quân tấn công quân Ngụy như vũ bão. Quân Ngụy không ngờ tới đành chịu đại bại, khi ấy số quân còn lại của Hàn cũng rất đông nhưng nghe tin lập tức táng đờm kinh hồn, thi nhau rút chạy.

Bạch Khởi vốn chủ trương “đã đánh thì phải đánh đến nơi đến chốn” nên lập tức cho quân truy kích giết được hơn 24 vạn quân Hàn và Ngụy. Đồng thời ông cũng bắt sống được Công tôn Hỷ của nước Ngụy, liên tiếp hạ luôn mấy thành trì mới chịu ngừng tay. Với chiến công này, danh tiếng của Bạch Khởi bắt đầu được các triều đình chư hầu nhắc tới. Tần Chiêu Tương vương cũng hài lòng không kém, gọi về triều thăng lên làm Quốc úy.

Nhờ chiến trận này, Tần Chiêu Tương vương hiểu rõ thêm một điều: không cần tới quân số đông đảo vẫn có thể chiến thắng, nếu như có tướng lãnh tài giỏi lãnh đạo, đồng thời thực lực hai nước Hàn và Ngụy cũng không ghe gớm như sự lo lắng của mình. Do đó, vào năm Tần Chiêu Tương vương thứ 15 (tức năm 292 trước Công nguyên), Tần vương muốn thôn tính hai nước láng giềng nằm bên cạnh đã đặc phái Bạch Khởi mở chiến dịch tấn công, mau chóng chiếm được đất Viên trù phú của Hàn.

Do Bạch Khởi liên tục lập được kỳ công, Tần Chiêu Tương vương đã thăng ông lên chức Đại Lương Tào, là chức quan lớn nhất chuyên trách về quân sự của triều nhà Tần. Năm binh quyền trong tay cũng đồng thời được

nhều người nể sợ mặc dù ngôi vị cao nhất vẫn là Tướng quốc. Với tham vọng ấy, Tần vương không chờ đợi lâu, qua năm sau lại tiếp tục sai Bạch Khởi đi đánh nước Hàn lần nữa và ông cũng mau chóng chiếm được đất Uyển, một vùng đất hết sức quan trọng bởi có nhiều mỏ kim loại cung ứng làm vũ khí cho quân đội, nền tảng cho quân nước Tần sau này đủ sức cùng lúc đánh chiếm cả 6 nước.

Dù Hàn và Ngụy đã nhận ra sức mạnh của quân Tần, chấp nhận dâng một số đất đai nữa theo yêu cầu nhưng như vậy vẫn chưa đủ, vào năm 289 trước Công nguyên, một lần nữa Bạch Khởi nhận lệnh Tần vương xua quân qua nước Ngụy. Lần này ông đã là Thượng tướng nên cầm đầu đoàn quân cũng tương xứng, tức là đông đảo hơn những chiến dịch trước nhiều. Với tài chỉ huy của Bạch Khởi, quân Tần tiến như chẻ tre, liên tiếp hạ được 61 thành khiến nước Ngụy phải co cụm về một góc, hầu như mất gần hết đất đai.

Thế nhưng nước Hàn và Ngụy được tạm yên một thời gian bởi khi ấy tình hình nước Tề xảy ra nhiều biến cố. Tề Mân vương lên ngôi rồi, tiến hành nhiều việc tàn ác, cho quân đánh chiếm nước Tống, bắt các nước nhỏ như Vệ, Trần, Lỗ phải thần phục và triều cống. Tề Mân vương còn ngang ngược toan lấy luôn 9 cái đỉnh của Thiên tử nhà Chu, đồng thời giết hại công thần rất nhiều nếu mở lời khuyên ngăn.

Nặng nề nhất là Yên Chiêu vương với mối thù không đội trời chung với Tề, không tiếc tiền bạc chiêu hiền đãi sĩ, cuối cùng thu nhận được một danh tướng tên là Nhạc Nghị. Để tiến hành việc đánh Tề báo thù, Nhạc Nghị đề nghị Yên Chiêu vương nên kết hợp với ba nước Triệu Hàn và Ngụy. Nước Tần thấy vậy cũng lợi dụng xin được cùng kết hợp, sai Bạch Khởi làm Đại tướng quân, Nhạc Nghị làm Thượng Tướng quân chỉ huy quân binh 5 nước.

Năm 284 trước Công nguyên, Yên Chiêu vương tập kết binh lực trong

toàn quốc, rồi hợp nhau với các quân đội các nước Tần, Triệu, Ngụy và Hàn ồ ạt tấn công nước Tề. Tuy Tề Mân vương có quân binh rất hùng hậu nhưng làm sao chống nổi với liên quân 5 nước dưới sự chỉ huy tài ba của hai danh tướng Bạch Khởi và Nhạc Nghị, liên tiếp bị đại bại, chết vô số kể. Danh tướng Hàn Nhiếp của Tề cố sức gom góp quân tướng chống đỡ nhưng vẫn bị em của Nhạc Nghị là Nhạc Thừa giết chết. Thế là quân Tề đại loạn, Tề Mân vương phải chạy về Lâm Tri cố thủ, đồng thời cầu cứu nước Sở.

Quân Sở chưa thấy đâu mà Lâm Tri rung động bởi các thành chung quanh đều bị chiếm giữ hết, không còn tiếp tế nên cuối cùng Tề Mân vương phải bỏ chạy sang Vệ rồi đến Lỗ. Khi đến nước Trâu, Tề Mân vương bị đóng cửa đuổi đi, đành phải quay về Cử châu, cố thủ nơi Tức Mặc có dũng sĩ là Điền Đan đang cố thủ.

Lúc đó Nhạc Nghị đã liên tiếp chiếm được 72 thành của nước Tề, chỉ còn lại 2 thành Cử châu và Tức Mặc. Khi đã xong, quân Tần và Hàn đều rút về nước, để Yên Chiêu vương tự xử việc nước Tề. Đây không phải là hành động nhân nhượng nước Yên mà trong ý Tần vương thì nước Sở mới là kinh địch đáng tiêu diệt, những nước nhỏ như Yên, Triệu nằm trong kế hoạch thôn tính sau.

Trước tiên Tần vương ký kết với Triệu một hòa ước để khỏi phải đề phòng cạnh sườn rồi mới xuống lệnh sai Bạch Khởi dẫn đại quân tiến đánh nước Sở. Quân Tần chia thành hai đường, một đường do Bạch Khởi chỉ huy, từ vùng Hán Bắc tiến xuống phía nam, toan tính trước tiên chiếm lấy Yên thành rồi chiếm Sính Đô. Một đường khác do tướng giữ đất Thục là Trương Nhược chỉ huy, từ Tứ Xuyên tiến xuống tấn công các đất Vu, Tạc, Kiềm, rồi theo Trường giang tiếp tục tiến xuống phía đông, phối hợp với quân của Bạch Khởi chia cắt quân Sở thành hai phần không còn liên kết với nhau được

nữa.

Thế nhưng Yên thành là một căn cứ địa hết sức quan trọng của Sở, nếu để mất thì Sính Đô chắc chắn không giữ vững được, do vậy Bạch Khởi gặp sự chống cự mạnh mẽ của quân binh nước Sở, lại được Sở vương tăng cường rất đông tinh binh và danh tướng nên ông đành phải bao vây, toan tính kế sách khác, không thể trực diện tấn công.

Với kinh nghiệm nhiều năm chinh chiến, lại thông thuộc binh pháp, Bạch Khởi quyết định dùng thủy công để triệt phá Yên thành. Nguyên thành nằm gần con sông cũng có tên là Yên thủy nằm giữa hai ngọn núi nên dòng nước chảy rất xiết. Bạch Khởi liền sai quân sĩ ngăn dòng sông, sau khi nước đã dâng thật cao mới bất ngờ phá đập. Thế là dòng nước lũ kinh người ào vào thành, cuốn trôi toàn bộ những vật cản trở, kể cả tường thành lẫn nhà cửa dân chúng, lâu đài gác thự. Nhân cơ hội ấy Bạch Khởi cho quân ào ạt tiến lên và chẳng khó khăn gì cũng chiếm được Yên thành bởi quân dân lo chạy chết nước lũ còn chưa xong, không hề còn tinh thần chống trả.

Cửa ngõ đã mở, Bạch Khởi mau chóng cho quân tiến chiếm An Lục rồi thẳng đường tới Sính Đô. Quân Tần đi tới đâu quân nước Sở tan rã bỏ chạy đến đó, giết chết vô số kẻ. Với chủ trương tận diệt không để đối phương có cơ hội phục hồi sức mạnh, Bạch Khởi truy sát đến tận Động Đình hồ mới tạm dừng. Trên con đường hành quân, khi qua Di Lăng, Bạch Khởi cho quân sĩ nổi lửa đốt cháy toàn bộ đình miếu lâu đài, tiêu hủy lăng mộ các đời vua Sở.

Quá sợ hãi trước sức mạnh của quân Tần, Sở vương không còn cách nào khác là phải cùng quần thần bỏ chạy đến đất Trần, bỏ mặc Sính Đô cho người Tần thành lập quận huyện. Đây là chiến công lớn lao nhất nên sau khi bình định xong vùng đất Sở đã chiếm được, Tần vương lập tức phong cho

ông tước Võ An quân và kể từ đó để kính trọng ông, người ta thường gọi bằng tước hiệu chứ không gọi bằng tên thật.

Việc Bạch Khởi chiếm Sính Đô, đánh dấu giai đoạn hoàn toàn suy sụp của nước Sở. Từ đó trở đi, nước Sở không còn là một cường quốc nữa và cũng không còn là một kình địch quan trọng với nước Tần như trước. Bạch Khởi đã xóa bỏ được một chướng ngại lớn để thống nhất thiên hạ cho nước Tần sau này, nếu xét công lao của ông thì rất xứng đáng là công thần bậc nhất của triều Tần.

Sau khi tiêu diệt xong nước Sở, Tần vương lại bắt đầu quay về phía tây. Khi đó hai nước Hàn và Ngụy không còn là đối thủ nữa, duy nhất chỉ còn lại nước Triệu với khá nhiều danh tài phò tá như Mạnh Thường quân, Tín Lăng quân, v.v... Lúc ấy nước Triệu cũng lo lắng về hiểm họa nước Tần nên đã cùng với nước Ngụy liên kết bảo vệ dọc biên cương. Thế nhưng vào năm 273 trước Công nguyên, Bạch Khởi nhận lệnh của Tần Chiêu Tương vương, bất ngờ tiến đánh Hoa Dương. Đây là vùng đất hết sức quan trọng, được liên quân Triệu-Ngụy bảo vệ nhưng họ quá lơ đãng bởi còn cách đất Tần khá xa. Lần này Bạch Khởi dùng kế sách “tốc chiến tốc thắng” bí mật cho quân tiến nhanh như vũ bão khiến các tướng Triệu-Ngụy không kịp trở tay, đến mức Bạch Khởi bắt sống được một lúc 3 tướng lãnh, số binh sĩ Triệu-Ngụy chết thối vô số.

Thừa thắng xông lên, khi chưa kịp ổn định Hoa Dương, Bạch Khởi lại tiếp tục tiến đánh đoàn quân chủ lực của nước Triệu do Giả Yển chỉ huy. Đã biết tin tức những trận vừa qua, vừa nghe thấy tên Bạch Khởi, quân nước Triệu đã hoảng loạn, thi nhau bỏ trốn nên quân Tần càng hăng hái, cuối cùng dồn hơn hai vạn quân nước Triệu lọt vào thế phải vượt sông tìm đường thoát, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Chính Ngụy Nhiễm cũng tự thân dẫn

quân đi đánh chiếm được đất Kiềm Trung thành ra nước Sở hầu như đã bị xóa tên danh sách các nước hùng mạnh.

Con đường công danh của Bạch Khởi có thể còn tiếp tục dài thêm nếu như không có một biến chuyển chính trị trong nội bộ triều Tần, đó là việc mưu sĩ Phạm Thư, tên tự là Thúc vượt bao gian khổ mới đến được nước Tần và được Tần vương trọng dụng. Phạm Chuy chính là người đối đầu với Ngụy Nhiễm và cũng là người hại chết Bạch Khởi sau này.

Ngay lần đầu tiên được Tần vương tiếp kiến Phạm Thư đã vạch rõ những sai lầm của Ngụy Nhiễm:

– Nước Tần có địa thế hết sức hiểm trở, giáp binh hùng cường vậy mà không sao làm nên bá chủ, tất cả đều do các đại thần toan tính sai lầm. Thí dụ như Nhượng hầu (Ngụy Nhiễm) sắp đem quân vượt ngàn dặm, vượt qua đất Hàn, đất Ngụy chỉ vì muốn đánh Tề thì là việc có hại, lợi cho Hàn, Ngụy mà hại cho Tần. Nếu thắng thì cũng tốn phí quá nhiều, bằng như thua thì là nhục lớn, bao nhiêu công sức bấy lâu nay đều vô ích. Theo tôi thì muốn kiêm tính thiên hạ thì chẳng gì hay hơn là áp dụng kế sách “viễn giao cận công”, tức giao hảo với các nước ở xa, thôn tính dần dần các nước ở gần như tằm ăn dâu, chẳng bao lâu thiên hạ sẽ là của Đại vương vậy.

Đã vậy nước Tần hiện nay coi như là của Thái hậu và Nhượng hầu thì Đại vương có chí lớn đến đâu cũng chỉ là kẻ lệ thuộc mà thôi.

Tần vương như người ngủ mơ mới tỉnh, lập tức ngày hôm sau cách chức của Ngụy Nhiễm, đuổi các cận thần của Thái hậu ra ngoài cửa quan, riêng bà ta thì bị an trí không cho dự bàn chính trị nữa. Đồng thời Tần vương cũng phong cho Phạm Thư làm Ứng hầu, thay chức của Ngụy Nhiễm.

Theo kế sách của Phạm Thư, Tần vương triệu đoàn quân của Bạch Khởi khi ấy đang ở nước Tề trở về để sửa soạn đánh chiếm hai nước Hàn và Ngụy

ở phía đông. Năm 264 trước Công nguyên, Bạch Khởi tuân lệnh Tần vương tiến đánh nước Hàn, giết được hơn 5 vạn quân địch, chiếm một lúc 5 thành trì bao gồm cả một phần nhỏ của nước Tấn nằm sát cạnh. Có thể thấy rõ, càng tham gia chiến trận Bạch Khởi càng phát huy hết sở trường quân sự của mình, hầu như chưa có trận nào thua thiệt mà luôn luôn áp dụng phương châm “tốc chiến tốc thắng” cũng như “diệt tận gốc ngọn” khiến bất cứ nước chư hầu nào nghe thấy tên của ông đều kinh hồn bạt vía. Những trận đánh này mở đầu cho một chiến công lừng lẫy trong lịch sử Trung Hoa cổ đại, đó là trận Trường Bình.

Trước đó Tần vương vẫn theo kế sách “viễn giao cận công” kết giao với nước Tề và Sở rồi mới ban lệnh cho Bạch Khởi xuất quân đi đánh nước Hàn. Bạch Khởi mau chóng chiếm được đất Giã Vương rồi tiến thẳng đến Thượng Đẳng. Tướng chỉ huy ở Thượng Đẳng là Phùng Đình liệu bề khó có thể chống giữ, liền dâng Thượng Đẳng cho nước Triệu, hy vọng nhờ kế sách này nước Tần sẽ tức giận Triệu mà khoan cho nước Hàn. Bình Dương quân ở Triệu hết sức can ngăn, bày rõ đó là kế “giả họa” của Phùng Đình nhưng một công thần khác là Bình Nguyên quân Triệu Thảng lại ủng hộ nên cuối cùng Triệu vương vui vẻ tiếp nhận đất Thượng Đẳng, phong cho Phùng Đình làm Hoa Lăng quân, ban cho 3 vạn hộ thực ấp.

Phùng Đình không dám nhận tước Hoa Lăng quân mà xin được trấn giữ Thượng Đẳng. Mặc dù Phùng Đình đã cố xin Bình Nguyên quân khi trở về triều đình mau mau cho quân tiếp viện nhưng vua tôi nước Triệu quá vui mừng mà quá chậm trễ trong việc tiếp ứng cho Phùng Đình. Trong khi ấy Tần vương nghe tin Phùng Đình đã dâng thành cho Triệu thì nổi giận, xuống lệnh cho Vương Hạo bằng bất cứ giá nào phải chiếm được Thượng Đẳng, nếu bắt sống được Phùng Đình đem về Tần trị tội thì càng có công lớn.

Phùng Đình cũng là một nhân tài nên chỉ huy quân đội chống cự với Vương Hạp rất kiên cường, trải qua hơn 2 tháng mà quân Tần vẫn không sao triệt phá được thành Thượng Đãng. Phùng Đình cố sức chống đỡ là vì hy vọng quân Triệu sẽ tới tiếp viện, hai đầu cùng đánh mới mong đẩy lùi được quân Tần. Thế nhưng trải qua hơn 2 tháng không hề thấy bóng quân Triệu đâu, quân nước Hàn bắt đầu thối chí khiến Phùng Đình cũng không sao chỉ huy được nữa, đành phải bỏ thành chạy về biên giới nước Triệu.

Lúc ấy Triệu vương mới kinh sợ, vội sai lão tướng Liêm Pha đi 20 vạn quân Triệu cấp tốc chi viện. Tiếc thay, khi Liêm Pha đến địa phận Trường Bình thì gặp Phùng Đình và biết tin Thượng Đãng đã rơi vào tay Vương Hạp. Liêm Pha liền dùng kế sách cổ thủ, cho quân binh trải dài theo chiến tuyến, đồng thời sai đào giếng tìm nước làm kế lâu dài, chờ khi nào quân Tần mỏi mệt, thiếu thốn lương thực thì sẽ phản công sau. Lão tướng Liêm Pha rất nhiều kinh nghiệm, bố trí chiến lũy dày đặc, cắt cho Phùng Đình 3 vạn quân giữ thành Quang Lăng; sai hai tướng Cáp Phụ và Cáp Đồng giữ Chương thành làm thế liên kết.

Đồng thời Liêm Pha cũng sai tướng Triệu Giã đem một số quân đi thám thính tình hình đối phương.

Tuy lệnh chỉ đi thám thính nhưng Triệu Giã thấy Tư Mã Ngạnh của Tần thì rất khinh địch, lập tức giao chiến, kết quả bị rơi vào thế mai phục của Trương Đường, chết tại trận.

Nhân cơ hội ấy quân Tần theo kế sách của Bạch Khởi, không vội đánh thẳng vào chiến lũy Trường Bình mà chia nhau ra đánh các thành nhỏ. Khi đã hạ xong Chương thành, đánh đuổi Phùng Đình khỏi Quang Lăng, tất cả quân Tần liền hội tụ ở chiến lũy Kim Sơn môn, bao vây Liêm Pha trùng trùng điệp điệp. Liêm Pha còn ra lệnh:

– Bất cứ ai bàn việc xuất quân đều bị chém đầu không tha.

Do vậy dù Vương Hạp cố sức khiêu chiến, nhục mạ đủ điều, quân Triệu vẫn án binh bất động. Mỗi khi quân Tần nóng nảy tấn công thì đều bị thương vong bởi sự cố thủ nghiêm mật của Liêm Pha. Ông là danh tướng trụ cột của nước Triệu, tuy tuổi đã cao vẫn còn đủ kinh nghiệm đối phó khiến quân Tần nhiều phen vất vả mà đành chịu chôn chân một chỗ.

Thấy Vương Hạp bó tay ngồi thở dài, một thuộc tướng dưới quyền liền hiến kế:

– Phía dưới Kim Môn có con sông nhỏ tên là Dương Cốc, cả chúng ta lẫn quân Triệu đều phải sử dụng nước của con sông ấy. Nếu bây giờ chặn dòng chảy thì có thể quân Triệu thiếu nước uống, khi ấy chúng ta thừa cơ địch rối loạn sẽ tiến đánh, chắc phải thành công.

Vương Hạp nghe theo, thế nhưng Liêm Pha thật nhiều kinh nghiệm, đã cho đào khá nhiều giếng phía trong chiến lũy nên thừa đủ để dùng. Vương Hạp kiên nhẫn chờ luôn mấy tháng, hoàn toàn không thấy quân Triệu loạn động thì vô cùng kinh ngạc, sai người dò xét, khi ấy mới biết tính toán của Liêm Pha cao hơn mình một bậc, đành phải sai người cấp báo tình hình với Tần vương. Tần vương cũng lo lắng không kém, triệu Phạm Thư vào bàn kế sách. Phạm Thư liền tâu:

– Liêm Pha là một tướng tài của nước Triệu, kinh nghiệm chiến trường rất phong phú. Ông ta biết sĩ khí của quân Tần đang lên, không thể giao phong được, nên xây lũy cao đào hào sâu để cố thủ. Liêm Pha cũng biết quân Tần từ xa kéo đến tất nhiên phải gặp khó khăn về mặt địa lợi, nhân hòa, khó khăn về mặt tiếp tế lương thực, vũ khí nên bao giờ cũng sử dụng phương pháp “tốc chiến”. Vì vậy không loại trừ được Liêm Pha thì không có cách nào khác để đánh bại quân Triệu.

Tần vương càng thêm lo lắng, hỏi:

– Theo Tướng quốc thì phải làm sao?

Phạm Thư ung dung đáp:

– Phải dùng kế phản gián. Xin Đại vương cho tôi một số vàng lớn để thực thi kế sách này. Tuy hao tổn nhưng loại trừ được Liêm Pha thì lo gì không lấy lại được.

Tần vương bằng lòng, giao cho Phạm Thư 1000 nén vàng. Phạm Thư liền sai người thân tín đem số vàng ấy đến Hàm Dương (kinh đô nước Triệu), mua chuộc các quan lại rồi tung tin đồn là Liêm Pha đã quá già yếu, nhút nhát nên cứ cố thủ, không muốn ra đánh, nếu như vị trí chỉ huy nằm trong tay Triệu Quát (con của danh tướng Triệu Xa) thì quân Tần đã nếm mùi đại bại từ lâu rồi. Thật sự Triệu Xa là viên Đại tướng rất tài giỏi của Triệu, nhiều lần dẫn quân đương cự khiến nước Tần không làm gì được. Ông có công hăn mã nên được Triệu vương phong cho chức Mã Phục quân ngang hàng với hai danh thần là Lạn Tương Như và Liêm Pha. Triệu Quát là con của Triệu Xa, tính tình ngông cuồng, trí mưu thấp kém nên mặc dù lâu thông binh pháp vẫn không nắm rõ sự quyền biến mới thực là căn bản của chiến trận.

Triệu Quát dựa vào uy thế của cha, càng ngày càng tỏ ra ngông cuồng tự kiêu không coi bất cứ danh tướng nào ra gì. Hẳn nhiều lần chê bai từ Liêm Pha cho đến Tín Lăng quân, Mạnh Thường quân, và cho đến cả phụ thân hẳn không biết cầm quân, nếu như hẳn được làm Đại tướng thì nước Triệu đâu đến nỗi thất thế với các chư hầu. Quá biết tính nết của con, khi Triệu Xa lâm bệnh nặng sắp lìa đời, triều đình định phong cho Triệu Quát thay chức thì Triệu Xa cố gắng dặn dò là không nên để Triệu Quát cầm binh quyền trong tay. Chính ông cũng gọi Triệu Quát đến bên giường bệnh trấn trối. Thế

nhưng Triệu Quát không để vào tai, cười mà nói với thuộc tướng:

– Phụ thân của-ta đã già nên đâm ra lẩm cẩm. Nước Triệu đã có ta thì lo gì bị các nước khác uy hiếp. Hiện tại nước Tần ngang dọc là vì ta chưa được nắm binh quyền đó thôi.

Lời nói ngông cuồng này rất được Triệu vương tán thưởng nên sau khi Triệu Xa chết, Triệu vương liền cho Triệu Quát thừa kế chức Mã Phục quân, càng làm cho hăn vinh vang tự phụ. Riêng Triệu vương cũng đã mấy lần thúc giục Liêm Pha mở chiến lũy ra giao tranh nhưng vị lão tướng nhất quyết từ chối. Triệu vương rất tức giận việc này, không dám trị tội Liêm Pha nhưng không sao chịu được. Nay nghe tin đồn nếu có Triệu Quát cầm quân thì quân Tần sẽ sợ hãi mà rút lui thì rất mừng, lập tức triệu Triệu Quát vào hỏi xem kế sách chống Tần. Triệu Quát vênh mặt lên trả lời:

– Nếu quân Tần do Võ An quân (Bạch Khởi) chỉ huy thì Quát này còn phải tính toán đôi phần. Riêng tên Vương Hạp thì chỉ một trận đã đánh cho hăn không còn manh giáp mà chạy về Tần.

Triệu vương cả mừng, không đắn đo gì nữa, lập tức xuống lệnh phong cho Triệu Quát làm Thượng tướng thay chỗ của Liêm Pha. Mẹ của Triệu Quát nghe tin kinh sợ, vội vào triều khuyên can:

– Trước khi mất, lão tướng công của tôi đã dặn đi dặn lại nhất định không nên để thằng Quát cầm quân. Xin Đại vương nghĩ lại.

Thấy Triệu vương vẫn khăng khăng theo ý mình, mẹ của Triệu Quát liền nói:

– Đây là ý của Đại vương, không liên quan gì đến gia đình họ Triệu. Nếu như mai này có việc gì xảy ra, xin Đại vương đừng làm liên lụy đến họ Triệu là được rồi.

Triệu vương phải nhận lời, mẹ của Triệu Quát mới chịu lui ra. Riêng Tần

vương nghe Phạm Thư báo lại tin này thì cả cười, bí mật sai Bạch Khởi đến cầm quân, vẫn để Vương Hạo xuất đầu lộ diện ra lệnh cho ba quân như trước.

Khi Triệu Quát đến Trường Bình nhận binh phù từ tay Liêm Pha, lập tức cho sửa đổi lại cách bố phòng, tập trung quân mã để quyết chiến chứ không thềm rải đều theo chiến lũy nữa. Liêm Pha rất tức giận nhưng không dám trái mệnh vua, đành phải cùng hơn trăm tùy tùng thân tín trở về Hàm Đan. Sau khi Liêm Pha đi rồi, Triệu Quát lại thay đổi toàn bộ các tướng lĩnh, đưa người của mình vào thay thế. Lúc ấy Phùng Đình cũng có mặt, dùng lời khuyên can nhưng rốt cuộc bị Triệu Quát mắng cho một trận.

Khi đã bố trí xong, Triệu Quát hội tướng sĩ ra hiệu lệnh: “Các người phải sửa soạn tinh thần để sẵn sàng xuất trận. Khi nào xông ra phải đánh cho địch một trận thất điên bát đảo, nếu chúng bỏ chạy cũng không tha, phải truy kích đến cùng. Ai nhút nhát không tuân lệnh sẽ bị chém đầu”.

Riêng Bạch Khởi khi đến nhậm chức, bí mật sai Vương Hạo đem quân khiêu chiến, sau đó lần lượt đến các tướng Vương Lăng, Vương Bôn, lần nào cũng bại trận bỏ chạy khiến Triệu Quát càng thêm nghênh ngang. Riêng Bạch Khởi lên ngồi trên cao quan sát cách hành binh của Triệu Quát, hiểu rõ rồi liền bố trí quân Tần làm 4 cánh trước khi bày trận dụ địch. Theo cách xếp đặt của Bạch Khởi, trước tiên Vương Bôn và Vương Lăng ra giao chiến, giả thua dẫn dụ Triệu Quát đánh thẳng vào trung quân. Triệu Quát đã một lần giao chiến với hai tướng Tần này, rất khinh thường nên lập tức xua quân đuổi theo truy kích, rốt cuộc bị quân của Hồ Thương mai phục xông ra cắt đứt làm hai phần, không tiếp ứng nhau được nữa.

Trong khi đó hai tướng Tần là Tư Mã Thúc và Tư Mã Ngạn thì luôn phía sau tiến đánh chiến lũy. Lúc ấy Triệu Quát đã nhận ra mình lọt vào thế trận của địch, kinh hoảng dẫn quân chạy sang phía đông, nghĩ rằng nơi ấy

không có quân Tần. Chẳng ngờ Bạch Khởi đã sai hai danh tướng là Mông Vũ và Vương Tiễn chờ sẵn. Quân Triệu đại bại, chết thối vô số, thây nằm chật đất. Thế nhưng Triệu Quát vẫn chưa tỉnh ngộ, truyền cho quân chạy đến chỗ có nguồn nước đóng trại, chần chĩnh để giao tranh tiếp. Phùng Đình vô cùng lo lắng nhiều lần khuyên giải mà Triệu Quát nhất định không nghe theo, còn mắng chửi:

– Việc binh thắng bại là thường. Nay ta mới thua một trận mà người cứ nhất định rút lui thì là làm nản lòng quân tướng. Ta đã ra lệnh nếu ai bất tuân thượng lệnh sẽ bị chém đầu. Người cố mà giữ mạng sống đấy.

Phùng Đình biết có khuyên chỉ mang lấy cái chết oan uổng, từ đó trở đi không thềm mở lời nào nữa.

Ngay lúc ấy lại có tin đích thân Tần vương dẫn đại quân tiếp sức, rải quân đánh khắp vùng để ngăn chặn việc tiếp vận lương thảo càng làm cho tướng sĩ nước Triệu kinh sợ. Không những thế, sau khi đã bao vây Triệu Quát đâu đó, Bạch Khởi liền sai quân trương cờ hiệu của mình lên. Lần này không chỉ tướng sĩ nước Triệu mà chính Triệu Quát khi biết có Bạch Khởi chỉ huy thì cũng rụng rời cả tay chân, muốn bỏ chạy cũng vô phương nữa rồi.

Quân Triệu cố thủ được 46 ngày thì hết lương thực, bắt đầu xảy ra chém giết vì tranh giành thức ăn, số người chết vì đao kiếm không ít mà số người chết đói thì không sao đếm xuể. Triệu Quát mấy lần cho quân đánh ra ngoài tìm đường sống nhưng Bạch Khởi không đấu chiến trực diện mà bố trí cung thủ hết lớp này đến lớp khác. Do vậy quân Triệu chết nhiều mà chẳng sao thoát khỏi trận mưa tên, đành rút lui về chiến lũy như cũ.

Thêm một thời gian ngắn nữa thì tình hình quân Triệu càng thêm thê thảm, đến củi cũng không còn để nấu nước. Triệu Quát túng thế không làm sao được đành phải mặc mấy lớp áp giáp, cùng chư tướng liều chết phá vòng

vây. Quả nhiên nhờ giáp dày mà Triệu Quát sắp sửa thoát khỏi vòng vây. Ngờ đâu Bạch Khởi quan sát rất tinh, lập tức hô quân cứ nhắm ngựa mà bắn. Rốt cuộc con ngựa của Triệu Quát bị trúng thương ngã lăn ra đất. Thế là quân Tần ào ào xông đến, chớp mắt đã chém chết Triệu Quát.

Hai viên phó tướng theo hộ vệ Triệu Quát là Phó Bảo và Vương Dụng cũng không thoát khỏi cái chết theo chủ tướng. Trong chiến lũy nhìn ra, Phùng Đình tự biết cuộc chiến đã chấm dứt, lại biết rằng Tần vương oán ghét mình đã dâng thành Thượng Đảng cho Triệu nên nếu đầu hàng cũng không xong, phải tự đâm cổ chết theo. Quân sĩ dưới quyền thấy mấy chủ tướng cùng chết thì thành đại loạn.

Bạch Khởi xét theo tình hình biết rằng không cần phải đánh nữa cho tốn sức, cho quân kéo cờ chiêu hàng. Toàn bộ quân Triệu lập tức qui hàng, tính ra có đến hơn 20 vạn. Riêng số giáp mã, khí giới quân Tần thu được thì chất cao như núi. Bạch Khởi chia số quân Triệu đầu hàng ra làm 10 trại riêng biệt rồi phái 10 tướng kết hợp với 20 vạn quân Tần để kiểm soát. Bạch Khởi cũng xuống lệnh giết bò ban rượu cho quân Triệu đầu hàng ăn uống. Nhưng đêm hôm đó Bạch Khởi bàn với các tướng:

– Hàng quân của Triệu nếu tính cả trận Giã Vương và Thượng Đảng thì đến hơn 40 vạn. Chúng ta giữ họ sẽ tốn phí lương thực không biết bao nhiêu, lại bó tay không thể tiến quân mau được. Bằng như tha về thì đó là mối họa rất lớn sau này. Đẳng nào cũng không được, chỉ còn mỗi cách vện toàn mà thôi, đó là giết hết. Tuy sẽ mang tiếng tàn nhẫn nhưng vì đại sự không nên câu nệ.

Các tướng đều đồng ý như vậy. Bạch Khởi liền xuất rượu thịt trong kho ra cho bọn hàng binh uống thật say rồi ngay đêm ấy truyền tướng sĩ canh giữ phải lấy vải trắng buộc ngang đầu làm hiệu. Bất cứ ai không buộc vải trắng

trên đầu đều bị giết sạch.

Tuân lệnh Bạch Khởi, chờ khi hàng quân Triệu mê mết ngủ say, quân Tần nhẹ nhàng tiến vào rồi ra tay chém giết, trong đêm tối mịt mù chẳng ai nhìn rõ ai chỉ có tiếng kêu khóc vang trời, toàn bộ số hàng binh tính ra khoảng 45 vạn đều bị giết sạch. Máu chảy đến mức lan ra toàn bộ đất Dương Cốc, sông suối đều có màu đỏ tanh nồng, tưởng tượng ra cũng đủ rùng mình sởn óc. Bạch Khởi sai quân thu nhặt cái thủ cấp của bọn hàng binh, chất thành ngọn núi cao ngất, gọi là Lô sơn. Tổng số 45 vạn hàng binh ấy chỉ còn lại 240 người sống sót. Đáng ra Bạch Khởi giết luôn nhưng muốn thi hành kế sách trấn áp tinh thần quân dân nước Triệu nên tha cho về Hàm Đan. Từ đó danh tiếng của Bạch Khởi lan rộng khắp các chư hầu, quân của ông đi đến đâu người ta cũng khiếp sợ bỏ chạy, chưa tướng nào dám chống cự.

Cả Hàm Đan vang dậy tiếng khóc cho cha anh, người thân bỏ mạng oan ức. Riêng Triệu vương cùng triều thần đều kinh hoàng thất sắc, run rẩy không nói ra lời. Triệu vương cố sức sai người mang lễ vật đến nhà họ Triệu vừa báo tin Triệu Quát tử trận vừa ngỏ lời xin lỗi đã không nghe theo sự can gián ngày trước. Như thế vẫn chưa hết, vài hôm sau Triệu vương lại nhận được một tin chấn động, đó là Bạch Khởi tuyên bố sửa soạn quân mã tiến thẳng đến Hàm Đan.

Triệu vương còn đang bối rối thì may sao có một vị Đại phu tên là Tô Đại xin được sang Tần thuyết khách, nói:

– Phạm Thư dùng phản gián khiến Đại vương chê bỏ lão tướng Liêm Pha của Triệu nên mới thắng được trận này. Nay tôi cũng xin thi hành kế phản gián để cứu nước Triệu vậy.

Dù Triệu vương chưa tin tưởng nhưng không còn cách nào khác, đành phải cấp vàng bạc cho Tô Đại sang Tần. Khi ấy Tô Đại xin yết kiến Phạm

Thư, nói:

– Võ An quân dụng binh như thần, chắc chắn chỉ trong vài ngày sẽ tiến tới Hàm Đan. Như vậy công lao của ông ta lớn lao hơn ngài nhiều. Ngài tuy là Tướng quốc nhưng không phải dân nước Tần, liệu có được Tần vương tin tưởng mãi không?

Phạm Thư tuy có trí tuệ siêu việt nhưng tính tình nhỏ nhen, nghe vậy thầm hoảng sợ, ngay hôm sau tìm cách tước bớt binh quyền của Bạch Khởi đi. Tần vương rất tin tưởng Phạm Thư, nghe theo lời tâu, cấp tốc triệu Bạch Khởi về triều đồng thời bãi bỏ ý định tiêu diệt Triệu. Theo mệnh của vua, Bạch Khởi về đến triều đình, tức giận nói:

– Theo thần thì nhiều lắm chỉ một tháng đã chiếm xong toàn bộ nước Triệu. Chẳng hiểu vì đâu Đại vương lại gọi thần trở về?

Tần vương đáp:

– Ta cũng biết vậy nhưng hiện quân tướng nước Tần chinh chiến đã quá lâu, e rằng sẽ mỏi mệt. Nước Triệu vẫn còn đó, muốn đánh giờ nào mà chẳng được. Và chẳng Phạm Tướng quốc đã thuyết phục được hai nước Hàn và Triệu cắt đất thần phục, kể cả 17 thành vùng Thượng Đẳng mà khanh đã chiếm được thì kể ra cũng khá nhiều. Ban ân cho họ rồi sau lấy lại cũng chẳng muộn.

Bạch Khởi biết ngay đó chính là kế sách của Phạm Thư, thở dài mà lui ra. Thế nhưng chính Tần vương nghĩ lại cũng hết sức hối tiếc, chưa được mấy ngày lại triệu Bạch Khởi vào triều xuống lệnh xuất quân đi đánh Hàm Đan. Bạch Khởi liền cáo bệnh không đi, để tướng Vương Lăng dẫn 10 vạn quân tiến đánh Hàm Đan. Tiếc rằng cơ hội tới rồi đi trong chớp mắt, lúc đó Triệu vương trọng dụng lại lão tướng Liêm Pha, ai ai cũng kính phục nên theo về rất đông. Liêm Pha lại ban bố quân lệnh chinh đốn quân mã rất

nghiêm, chẳng bao lâu đã phục hồi được sức mạnh như trước.

Do vậy dù Vương Lăng bao vây Hàm Đan mà không làm gì được, Liêm Pha lại dùng cách đánh du kích, đêm đêm cho quân trèo ra ngoài thành đánh phá, làm cho quân Tần canh phòng hết sức vất vả. Thấy đã lâu mà Vương Lăng không chiếm nổi thành Hàm Đan, Tần vương lại gọi Bạch Khởi vào trao cho quyền Thượng tướng. Thế nhưng Bạch Khởi biết rằng ngay lúc ấy quân Triệu hoàn toàn mất hết nhuệ khí, có thể không đánh cũng chiếm được Hàm Đan, nay đã được Liêm Pha củng cố quân binh thì việc trở nên rất khó khăn, nhất quyết từ chối.

Tần vương càng thêm nóng lòng sốt ruột, liên tiếp mấy lần gọi Bạch Khởi vào nài ép phải ra quân nhưng ông một mực không chịu. Tần vương không biết làm sao, đành phải sai Vương Hạo đem thêm 10 vạn quân nữa tiếp trợ cho Vương Lăng nhưng trải qua gần nửa năm tình hình vẫn không thay đổi được.

Đang lúc Tần vương tức giận thì vô tình Bạch Khởi trong lúc đàm đạo với thuộc hạ, cho rằng Tần vương không biết chớp thời cơ thì thất bại là đúng lắm rồi. Chẳng ngờ câu nói này lọt đến tai khiến Tần vương vô cùng tức giận nhưng vẫn còn nể nang Bạch Khởi, chưa có ý định trừng phạt ông. Tiếc rằng Phạm Thư nghĩ khác, cho rằng mình đã lỡ ám hại Bạch Khởi, nếu không “diệt cỏ tận gốc” thì sau này chỉ cần Bạch Khởi chấp nhận yêu cầu của Tần vương rồi lập thêm nhiều công trạng mới tất mình sẽ khó yên thân nổi.

Vì vậy nhân lúc Tần vương đang nóng giận, Phạm Thư liền gièm pha thêm khiến nhà vua không sao kiềm được nóng nảy, lập tức xuống lệnh thu hết quan tước và đất phong của Bạch Khởi, giáng ông xuống làm quân sĩ ở Âm Mật, là vùng đất khô khan hoang vắng, phải rời khỏi Hàm Dương ngay

trong ngày. Bạch Khởi nhận lệnh này chỉ buồn rầu chứ không phản kháng, một thân một mình đi đến trạm Đỗ Bưu rồi nghỉ ở đó chờ hành lý đến sau.

Thế nhưng Phạm Thư vẫn chưa cho là đủ, vu cáo với Tần vương:

– Trong lúc ra đi, Bạch Khởi oán giận nói nhiều lời khó nghe. Thần chỉ biết là ông ta dẫn lời danh tướng Phạm Lãi ngày trước than thở rằng “Con thỏ bị bắt thì chó săn tất bị mổ”. Thần lại biết họ Bạch hoàn toàn không có bệnh gì, nếu như sang nước khác đầu quân thì thật nguy cho Tần, xin Đại vương vì đại sự mà toan tính dứt khoát mới được. Tần vương nghe vậy cũng hơi kinh hoảng bởi quả thật nếu Bạch Khởi đến nước khác phò tá thì chắc chắn tham vọng của mình sẽ tiêu tan thành mây khói. Nghe nói Bạch Khởi vẫn còn ở Đỗ Bưu chờ đợi hành trang, Tần vương liền sai một viên cận thần đem thanh bảo kiếm đến đó ban cho ông tự xử. Bạch Khởi nhận thanh kiếm, ngửa mặt lên trời than thở: - Ta cả đời làm tướng giết chóc không biết bao nhiêu, đó chẳng qua phải như vậy thôi. Thế nhưng ở Trường Bình ta đã quyết định giết hơn 40 vạn hàng binh nước Triệu thì là quá tàn ác. Có lẽ đây là quả báo, bao nhiêu vong hồn hàng binh nước Triệu tố cáo với trời đất nên ta mới rơi vào tình trạng thế này. Đã là số trời thì làm sao tránh khỏi, ta không thể tham sống sợ chết làm nhục tới tiếng tăm từ bao lâu nay. Than xong, Bạch Khởi dùng bảo kiếm đâm cổ mà chết. Danh tướng lẫy lừng một thời mà phải chết oan ức chỉ vì sự tranh giành địa vị trong triều đình khiến ai ai cũng thương tiếc, người dân Đỗ Bưu liền lập miếu thờ cúng Bạch Khởi ở đó, suốt tháng năm nhang khói. Thế nhưng hậu quả việc lạm sát quá nhiều hàng binh vẫn như là một vết nhơ ngàn đời, dù kính phục Bạch Khởi đến đâu mỗi khi nhắc tới trận đánh Trường Bình người ta cũng không khỏi rùng mình kinh sợ.

Do vậy mãi cho đến đời nhà Đường, tức là hơn 800 năm sau, đột nhiên

có một con trâu bị sét đánh chết ngoài đồng. Khi lật lên, người ta thấy vết sét đánh ngoằn ngoèo giống như hai chữ “Bạch Khởi” thì liền đồn đại đó chính là vị danh tướng nhà Tần, do giết người nhiều quá nên vẫn bị trời hành tội, thành kiếp trâu rồi bị sét đánh. Điều này hoàn toàn không thể tin được nhưng vẫn biểu hiện ấn tượng về việc giết hàng binh nước Triệu của Bạch Khởi không bao giờ phai nhạt trong tâm trí người dân Trung Hoa.

Khi giết xong Bạch Khởi, Tần vương lại sai Trịnh An Bình (bạn của Phạm Thụ) mang thêm quân đến Hàm Đan tiếp viện. Sau đó vẫn không có biến chuyển nên Tần vương thân chinh đem quân đến Hàm Đan, tình thế cực kỳ nguy cấp. May sao Tín Lăng quân của nước Triệu lập kế trộm binh phù, hội hợp các nước chống lại mới đẩy lui được quân Tần.

Cái chết của Bạch Khởi khiến cho tham vọng của nước Tần bị chậm lại rất lâu, cơ hồ bị mai một nếu sau này không xuất hiện một nhân tài anh hùng đại lược là Tần vương Doanh Chính với những danh tướng lưu danh trong lịch sử như Mông Điền, Vương Tiễn, v.v...

4

VƯƠNG TIỀN

LÃO TƯỚNG NƯỚC TẦN

Vào cuối thời Chiến quốc, nước Tần phát triển hùng hậu nhất, có dã tâm thôn tính 6 nước còn lại trong Thất Hùng. Lúc đó Tần Chiêu Tương vương Doanh Tắc (306 đến 250 Trước Công nguyên), tức ngồi trên ngai vàng 56 năm đã đặt nền móng cho nhà Tần gồm thiên hạ sau này. Tần vương có dưới tay rất nhiều danh tướng và theo kế sách “tằm ăn dâu” của Phạm Thù dần dần xâm chiếm các nước gần như Triệu, Hàn, Ngụy, v.v... đồng thời kết giao với các nước xa như Sở và Tề. Kế sách “viễn giao cận công” (nước gần đánh chiếm, nước xa giao hảo) này có tác dụng rất hiệu quả bởi các nước xa hầu như khoanh tay ngồi mà nhìn, cho rằng Tần sẽ chiếm các nước nhỏ và gần chứ không thể đụng đến mình. Đây là suy nghĩ thiên cận, đưa đến kết quả nước Tần từng bước tiến tới ngôi Hoàng đế Trung nguyên.

Vào khoảng năm 274, Tần Chiêu Tương vương sai danh tướng Bạch Khởi tiến đánh nước Triệu. Sau khi đạt chiến thắng lẫy lừng ở Trường Bình, Bạch Khởi đã tiến quân đến bao vây thành Hàm Đan rất gấp, toan tính rằng chỉ trong một tháng sẽ tiêu diệt được nước Ngụy. Thế nhưng, với lòng đố kỵ của Phạm Thù, Tần vương đại đột triệu Bạch Khởi về triều, cuối cùng ban cho ông cái chết oan uổng.

Khi Bạch Khởi chết rồi, Tần vương mới nhận ra sai lầm của mình, lần lượt sai Vương Hạp rồi đến Ngũ Đại phu Vương Lăng dẫn quân tiếp trợ vẫn

không làm sao hạ được thành Hàm Đan. Cơ hội ngàn năm một thuở đã đi qua mất rồi. Tần vương hết sức nóng nảy, một lần nữa lại sai một tướng tên là Vương Tiễn đến Hàm Đan kết hợp đánh chiếm. Nguyên Vương Tiễn là bộ tướng dưới quyền Bạch Khởi, đã học được rất nhiều kinh nghiệm của danh tướng này nên biết rằng không còn thời cơ nữa, vì vậy yêu cầu Tần vương thân chinh đi cùng với mình để khích động tinh thần ba quân. Đồng thời Vương Tiễn khéo léo đưa ra lý do tiến đánh Hàm Đan là muốn đòi cái đầu của Ngụy Tề, kẻ thù của Ứng hầu Phạm Thư. Việc báo thù đáng ra là phải do tay Phạm Thư, Vương Tiễn không hề có trách nhiệm trong đó, vì vậy đây chỉ là cái cớ để nếu thất bại cũng không mang tiếng thua nước Triệu, đồng thời ông tự biết đòi hỏi này có thể được Triệu vương đáp ứng. Đó chính là biểu hiện sự quyền biến và trí tuệ khôn ngoan của Vương Tiễn vậy.

Nhờ vào trí tuệ này, suốt cuộc đời Vương Tiễn trải qua 4 triều đại nhà Tần vẫn ung dung giữ chức vụ Đại tướng, danh vọng lên đến tột đỉnh mà không hề bị đại thần này ganh ghét so bì. Những chiến công của Vương Tiễn rất đáng cho người đời sau ngưỡng mộ nhưng chính triết lý sống của ông mới là bài học đối nhân xử thế đáng suy ngẫm.

Theo một số sử liệu thì Vương Tiễn sinh vào khoảng năm 303 trước Công nguyên và mất năm 213 trước Công nguyên, tức thọ được 90 tuổi, một số tuổi đáng nể trong các hàng danh tướng vốn hầu như đã chấp nhận “da ngựa bọc thây, chết trước khi đến tuổi già lão”. Vương Tiễn là người ở Tân Dương Đông, có sức mạnh hơn người nhưng tính tình điềm đạm, ngay từ lúc nhỏ đã biểu lộ sự khôn ngoan trong cách đối xử với mọi người.

Trong tình hình thời Chiến quốc với những chiến tranh xảy ra liên miên, để dương danh thiên hạ không gì tốt hơn là môi trường quân đội, vì vậy bước đầu ông hoạt động ra sao sử sách không ghi chép. Ông chỉ được người ta biết

đến khi là tướng dưới quyền của Bạch Khởi.

Khi Tần vương và Vương Tiễn kéo 20 vạn đại quân đến Hàm Đan với danh nghĩa lấy đầu Ngụy Tề thì Triệu vương vừa mới mất, Thái tử Đan lên nối ngôi xưng là Hiếu Thành vương. Tuy rằng Hiếu Thành vương nghe theo kế sách của Liêm Pha, một mặt cố sức chống đỡ, một mặt kêu gọi các nước mà trong đó hy vọng nhất là Tề với binh lực hùng hậu do Điền Đan chỉ huy. Thế nhưng Hiếu Thành vương cũng không dám ý lại, vẫn nghe theo lời yêu cầu của Tần vương, tìm mọi cách bắt bằng được Ngụy Tề, rốt cuộc ông ta trốn đến nhà Tín Lăng quân Vô Kỵ rồi biết đã cùng đường đành tự sát.

Dựa vào lý do ấy, Tần vương liền cho rút quân. Đó là lần đầu tiên Vương Tiễn được giữ chức Đại tướng, được toàn quyền điều động binh sĩ. Khi về nước rồi, Tần vương hết lời khen ngợi, cho rằng Vương Tiễn dụng binh ngang hàng với Bạch Khởi nhưng mưu trí cao sâu hơn bởi không tốn một tên quân nào cũng giết được Ngụy Tề và làm cho các nước kinh sợ. Tần vương liền phong cho ông tước Võ Thành hầu, cấp cho 10 vạn hộ thực ấp.

Thế nhưng vì tuổi đã cao, năm sau đó Tần Chiêu Tương vương mất, lên nối ngôi là Doanh Trù xưng hiệu Hiếu Văn vương. Chỉ 1 năm sau Doanh Trù chết, Doanh Tử Sở nối ngôi xưng hiệu Trang Tương vương. Thế nhưng cũng không lâu, chỉ 3 năm sau Trang Tương vương cũng qua đời và bắt đầu một vị vua mới hùng tài đại lược lên nắm quyền, đó là Tần vương Doanh Chính, người sau này tự xưng Tần Thủy Hoàng để khét tiếng thiên hạ về nhiều mặt.

Ngay từ thời Trang Tương vương, Lã Bất Vi đã được phong làm Tướng quốc nắm đại quyền lẫn át cả nhà vua. Vương Tiễn là đại quan trong triều, nhìn thấy rất rõ mối quan hệ giữa Hoa Dương công chúa, Lã Bất Vi và Doanh Tử Sở nên không hề có một thái độ nghiêng về phe nào. Ông giữ vững quan điểm này của mình cho đến tận cuối đời, tức là giữ tròn bốn phận

làm tướng, không có tham vọng gì thì sẽ không rước lấy tai họa giống như Bạch Khởi. Vì vậy ông luôn tự giữ thái độ trung dung, không bao giờ ỷ vào các chiến công mà kiêu ngạo với mọi người, không chỉ trích hay bàn bạc về quốc chính, luôn luôn biết thế nào là đủ.

Với quan điểm như vậy, Vương Tiễn được hầu hết quần thần yêu mến và kính trọng. Trải qua 8 năm khi Tần vương Doanh Chính ngồi trên ngai vàng, ông ta đã 21 tuổi, tức đã được nắm đại quyền, không cần tới Trọng phu Lã Bất Vi nữa. Tần vương Chính nắm đại quyền rồi liền hạ lệnh tiến đánh nước Triệu, trước tiên là tỏ thiên uy, sau nữa muốn tiếp nối tham vọng của các tiên vương nhà Tần trước kia đã bỏ lỡ cơ hội.

Tần vương Doanh Chính định cử Vương Tiễn làm Đại tướng nhưng Lã Bất Vi gạt đi. Nguyên trước đó khi Bàng Noãn kêu gọi các nước hợp tung đánh Tần, phong cho Xuân Thân quân làm chủ tướng, Hoàng Yết của Sở làm Phó tướng, theo toan tính đồng lượt tấn công Hàm Cốc. Thế nhưng Hoàng Yết kiêu căng tự phụ, cho rằng nên đánh vào chỗ yếu của địch mới thắng, tự ý dẫn quân Sở đánh vào Đông Quan. Nhìn rõ sự bất đồng của đối phương, Vương Tiễn liền hiến kế cho Lã Bất Vi cứ nhắm vào quân Sở mà đánh, chỉ cần Sở thua là mấy nước kia tự tan vỡ. Lã Bất Vi nghe theo, sai Mông Ngao, Vương Tiễn, Hoàn Xi, Lý Tín, Nội sử Đằng đem quân chống cự. Hoàng Yết chưa ra quân nhưng được mật báo tin này, hết sức kinh sợ không chịu tiến nữa, thành ra mưu đồ hợp tung của Bàng Noãn chưa thực hiện thì đã tan vỡ, đành thở than rồi cùng quân các nước kéo về. Sau này Sở vương trách mắng Hoàng Yết rất dữ nhưng sự việc đã xong, không còn làm gì được nữa.

Lần đó Vương Tiễn không phải đánh một trận nào nhưng vẫn có công lao rất lớn nên Tần vương mới tin dùng, định sai ông làm Đại tướng đánh Triệu. Không phải Lã Bất Vi ghét bỏ Vương Tiễn mà cho rằng việc đánh Triệu

không khó khăn gì, chỉ cần các tướng nhỏ như Mông Ngao, Trương Đường, Vương Hạp là đã đủ sức đối phó với các tướng của Triệu rồi. Vì vậy Tần vương chia quân làm hai đường, một do Mông Ngao làm chủ tướng, Trương Đường làm phó tướng; đường khác do Trường An quân Thành Kiệu (là con của Trang Tương vương, dòng dõi chính thống họ Doanh) làm chủ tướng, Phàn Ô Kỳ làm phó tướng, ồ ạt tiến quân qua biên giới nước Triệu. Vương Tiễn không hề bài bác kế hoạch của Lã Bất Vi nhưng nói riêng với Tần vương:

– Thần e rằng lần ra quân này sẽ thất bại bởi tuy Mông Ngao và Trương Đường là tướng giỏi nhưng với 5 vạn quân trong tay thì khó đối phó được với quân Triệu vốn hùng hậu và đông đảo gấp nhiều lần. Riêng Phàn Ô Kỳ có nhiều cử chỉ kỳ lạ, e rằng sẽ không tiếp trợ cho Mông Ngao. Thần cho rằng nếu Phàn Ô Kỳ dốc hết sức với Đại vương thì quân Tần sẽ đại thắng, bằng trái lại thì chắc chắn thất bại bởi Mông Ngao không mưu trí bằng danh tướng Bàng Noãn của Triệu.

Quả nhiên tình hình diễn ra đúng với tiên đoán của Vương Tiễn. Quân của Mông Ngao đụng độ với quân của Bàng Noãn, hai bên đồng tài đồng sức, quân Triệu lại có tiếp viện thêm mỗi ngày nên Mông Ngao đành phải sai người đến đạo quân của Thành Kiệu thúc giục phối hợp với mình. Chẳng ngờ Phàn Ô Kỳ từ trước đã biết rõ việc “buôn vua” của Lã Bất Vi, trong lòng bất mãn cả ông ta lẫn Tần vương Chính nên nhân cơ hội này kể hết cho Thành Kiệu nghe, đồng thời nói:

– Tại sao còn nhiều tướng già kinh nghiệm mà Văn Tín hầu (Lã Bất Vi) không dùng tới, lại sai ngài cầm quân. Đó là Văn Tín hầu muốn dùng tay quân Triệu giết chết ngài, rồi đó bao nhiêu cơ nghiệp của nước Tần sẽ về tay nhà họ Lã hết. Bây giờ phải nhân dịp này toan tính việc lớn mới xong.

Thành Kiệu còn nhỏ tuổi, nghe vậy rất cảm tức, liền cùng Phàn ô Kỳ bàn việc mưu phản với số quân nắm trong tay. Phàn Ô Kỳ lập tức viết thư hứa hẹn với Mông Ngao, để mặc cho ông ta chống đỡ với quân Triệu, có thời gian truyền hịch đi khắp nơi kể tội Lã Bất Vi. Tần vương Chính nghe được hịch văn này, nổi trận lôi đình, sai ba tướng là Vương Tiễn, Hàm Xỉ và Vương Bôn xuất quân đi đánh dẹp phản loạn. Lúc đó Mông Ngao cũng đã biết tin Thành Kiệu và Phàn Ô Kỳ làm phản, sợ rằng hai đầu thọ địch nên vội vã rút quân về. Ngờ đâu Bàng Noãn rất khôn ngoan, biết ngay toan tính của Mông Ngao nên cấp tốc cho quân đi trước chặn đường mai phục.

Mông Ngao lọt vào ổ phục kích, bị thương rất nặng nhưng dù sao vẫn khét tiếng anh hùng, còn lấy hết sức tàn giương cung bắn trúng Bàng Noãn một mũi rồi mới chịu chết dưới chân núi Thái Hàng. Vì vậy Bàng Noãn tuy là thắng trận nhưng về đến đất Triệu thì vết thương tái phát, cũng chết theo.

Khi ấy Phàn Ô Kỳ phò Thành Kiệu đóng quân ở Đồn Lưu, tuy bị Vương Tiễn và Trương Đường vây hãm rất ngặt vẫn còn dũng mãnh, quân Tần không làm được gì. Thế nhưng Phàn ô Kỳ chỉ biết dựa vào sức mạnh chứ mưu trí thì thua xa Vương Tiễn. Thấy đánh đã lâu không tiêu diệt được phản loạn, Vương Tiễn liền lập mưu sai một tân khách trước kia của Thành Kiệu tên là Dương Đoan Hòa lén vào thành đưa thư khuyên hàng. Đồng lúc, Vương Tiễn sai quân đánh mạnh vào hai địa điểm bố phòng tiếp ứng của Phàn ô Kỳ là Trường Tử và Hồ Quan. Phàn ô Kỳ còn mãi cho chống giữ Đồn Lưu, khi định mang quân đi cứu viện thì hai căn cứ này đã mất do cách đánh “tốc chiến tốc thắng” của Vương Tiễn học hỏi được nơi Bạch Khởi.

Phàn ô Kỳ thấy thanh thế quân triều đình quá mạnh, xin với Thành Kiệu ra đánh, nếu có thể sẽ mở vòng vây bỏ chạy. Dương Đoan Hòa liền nhân dịp ấy đưa thư khuyên hàng cho Thành Kiệu rồi chờ khi Phàn Ô Kỳ chạy về liền

đứng trên thành hô lớn:

– Trường An quân đã bỏ tối về sáng. Ai bắt được phản tặc Phàn Ô Kỳ đều được trọng thưởng, người nào theo phản tặc sẽ bị tru戮 toàn gia.

Thành Kiệu tuy chưa toan tính cặn kẽ nhưng quân tướng ở Đồn Lưu nghe vậy liền náo loạn, hầu hết đều buông vũ khí khiến Thành Kiệu chỉ còn biết bưng mặt mà khóc. Vương Tiễn dễ dàng chiếm được Đồn Lưu, bắt Thành Kiệu đưa về triều cho Tần vương xét xử. Riêng Phàn Ô Kỳ thì chạy thoát qua nước Yên ẩn trốn.

Đây lại là chiến công bằng mưu trí của Vương Tiễn khiến Tần vương Chính hết sức hài lòng, rất tin cậy ở ông. Lúc đó là năm thứ 9 Tần vương Doanh Chính, ông là người mình cao vai rộng, mặt vuông mắt mày rậm, tư chất thông minh, lại có ý chí cao ngạo khác người nên từ khi nắm đại quyền thì dần dần tước bớt chức vụ của Lã Bất Vi và Thái hậu Triệu Cơ.

Trước khi Doanh Chính lên ngôi và ngay khi đã nắm đại quyền, Lã Bất Vi vẫn thường tư thông với Thái hậu rồi sau đó lại giới thiệu tên du thủ du thực Lao Ái hầu hạ bà ta. Nhiều người lấy làm lạ về việc này bởi Doanh Chính là người thông minh, lẽ đâu không nhìn được sự việc mà để mặc tình Lã Bất Vi, Thái hậu và Lao Ái thao túng làm nhục quốc thể. Chỉ riêng Vương Tiễn nhìn đời với cặp mắt trầm tĩnh là nhận ra ý đồ sâu xa của Tần vương Chính bởi nhà vua đã quyết định trao cho ông nắm hết binh quyền trong tay, chắc chắn là sẽ có dịp dùng tới.

Chẳng mấy chốc đã tới kỳ lễ tế giao, Tần vương Doanh Chính đã sửa soạn xong thì đột ngột có sao chổi rất lớn xuất hiện trên bầu trời làm cho dân chúng vô cùng xao động. Viên quan Thái sử bói một quẻ cho là điềm chẳng lành, tâu với Tần vương tạm hoãn việc tế giao ở Ung thành. Trước đó, để tránh tai tiếng, Tần vương đã cho Thái hậu và Lao Ái đến Ung thành, hai

người này được thể lại càng thao túng tệ hại, kết nạp rất nhiều tay chân và còn tính đến chuyện làm phản để đưa con của Lao Ái và Thái hậu lên làm vua. Vì vậy lời khuyên can của Thái sử lo ngại là vì có Lao Ái chứ không phải vì sao chổi.

Tần vương Doanh Chính nghe xong cười nhạt, gằn giọng nói:

– Sao chổi là điềm có tai họa nhưng theo ta thì tai họa của người khác chứ không phải ta, người cứ tiến hành lễ tế như bình thường.

Thế nhưng Tần vương không hề kinh suất, trước khi đến Ung thành đã sai Vương Tiễn tập hợp đại quân dương oai diễu võ suốt 3 ngày ở Hàm Dương. Sau đó Vương Tiễn cùng đại quân đóng giữ ở kinh thành rất nghiêm, thật sự là đã được lệnh canh chừng Lã Bất Vi. Còn một bí mật khác mà chỉ riêng Tần vương và Vương Tiễn biết, đó là Hoàn Xỉ đã được lệnh âm thầm đem 3000 giáp binh đến đóng ở Kỳ sơn chờ lệnh. Vương Tiễn càng thêm phục ông vua trẻ mà có tâm cơ rất sâu sắc, dám đương đầu với thử thách.

Quả nhiên khi Tần vương Chính ở Ung thành, Lao Ái vì quá say nên tiết lộ nhiều điều phạm thượng, sau đó tỉnh rượu, liều mạng cùng với bọn tay chân là Tá qua Kiệt và Nội sử Tứ hợp hết bọn tay chân kéo đến cung Kỳ Niên để bắt giết Tần vương.

Doanh Chính thật xứng đáng là “chân thiên tử”, khi ấy chỉ có vài trăm võ sĩ đi theo nhưng không hề kinh sợ, đứng thẳng người trên lầu cao chỉ mặt Lao Ái mà mắng, tuyên bố bất cứ ai giết được hắn thì sẽ phong Vạn hộ hầu. Thật ra đó là kế hoãn binh, vừa đủ cho Hoàn Xỉ kéo giáp binh đến, đánh tan bọn phản loạn, giết chết bọn Nội sử Tứ, Tá qua Kiệt, còn Lao Ái thì bị phanh thân; hai đứa con của Thái hậu và Lao Ái bị cho vào bao đập đến chết.

Tổng cộng vụ án này liên lụy có đến hơn 4000 người khiến kinh thành bị một phen xáo động tuy vẫn không xảy ra việc gì trầm trọng hơn bởi đã có sự

canh phòng nghiêm mật của Vương Tiễn.

Khi phản loạn đã dẹp yên, Tần vương Chính liền bãi chức Tướng quốc của Văn Tín hầu Lã Bất Vi, cho ông về đất phong ở Lạc Dương. Thế là bao nhiêu mầm mống nguy hiểm đã diệt trừ xong, Tần vương Chính bắt đầu tiến hành tham vọng bình thiên hạ của mình. Đáng lẽ sự việc đến đây là kết thúc, thế nhưng khi Lã Bất Vi về đất phong, hầu như ngày nào cũng có sứ giả của các nước chư hầu lén đến dâng tặng lễ vật, đồng thời thuyết phục ông về làm Tướng quốc cho nước mình.

Vương Tiễn nghe được tin tức này, vội vã vào báo cho Tần vương biết. Nhà vua liền viết một bức thư gửi cho Lã Bất Vi, Ông ta đọc xong thư, ngửa mặt lên trời than thở:

Ta vốn dĩ chỉ là thương buôn, chỉ vì quá tham lam nên mới tính đến chuyện “buôn vua”. Vì việc ấy mà ta từ một người bình trở thành tội tặc, không những thông dâm với vợ người mà còn giết vua để mau chóng đưa người của mình lên thay thế. Những tội lỗi ấy chắc chắn trời đất không tha thứ được, ta đành phải tự xử mà thôi.

Than thở xong, Lã Bất Vi sai người lấy rượu độc ra uống. Các tân khách của ông còn sợ Tần vương làm nhục thi hài nên lén trộm xác đem chôn ở núi Bắc Mang. Vì việc này xảy ra chuyện trục hết các tân các nước khác ra khỏi Hàm Dương và rồi Tần vương Chính gặp được Lý Tư. Sau đó Lý Tư lại nhò mọn tìm cách hại chết Hàn Phi Tử nên Tần vương rất giận, Lý Tư đành phải chuộc lỗi, tiến cử một binh lược gia nổi tiếng ở Đại Lương tên là Úy Liêu Tử, được Tần vương trọng đãi gọi bằng sư phụ.

Tuy vậy, không phải vì có Úy Liêu mà Tần vương ruồng bỏ Vương Tiễn, trái lại khi hai người gặp nhau rất tâm đầu ý hợp, nhiều phen bàn về binh pháp rất hợp ý. Theo kế sách của Úy Liêu, Tần vương liền sai Hoàn Xỉ đem

quân đi đánh nước yếu kém nhất là Hàn, sau đó sẽ thôn tính tới Triệu và Ngụy. Sau khi Tam Tần mất thì sẽ đến lượt Sở và Tề. Hoàn Xỉ mau chóng hoàn thành kế hoạch này nhưng đến khi muốn tiến đánh nước Triệu thì không có nguyên cớ gì, phải sai Úy Liêu giả như đi đánh nước Ngụy. Nước Ngụy liền cầu cứu với Triệu hợp binh chống lại, thế là đã danh chính ngôn thuận để tiêu diệt Triệu. Hoàn Xỉ cũng nhanh chóng đánh bại quân Triệu trong mấy trận khiến Triệu vương vô cùng lo lắng, muốn mời lão tướng Liêm Pha ra cầm quân. Thế nhưng tên gian thần Quách Khai đã nhận vàng đút lót của Úy Liêu, tìm cách lừa gạt nên cuối cùng Liêm Pha đành phải qua nước Sở, sau đó vì uất ức mà chết.

Tần vương Chính nghe tin Triệu không dùng Liêm Pha thì rất mừng, lập tức thúc giục Hoàn Xỉ xuất quân đánh thật rát. “Họa vô đơn chí” ngay lúc ấy Triệu vương Vi quá lo buồn mà mất, con của ông là Công Gia lên nối ngôi, chỉ biết ăn chơi xa xỉ. Hoàn Xỉ liền nhân cơ hội ấy tiến đánh Nghi An, chém chết tướng chỉ huy là Hồ Tiếp, giết hơn 10 vạn quân Triệu rồi thừa thắng kéo đến vây Hàm Đan. Triệu vương hoảng sợ, vội mời một lão tướng khác là Lý Mục ra cầm quân, nhờ vậy đánh tan quân Tần ở Phi Lũy, giết vô số quân tướng nước Tần.

Hoàn Xỉ đang tiến đánh Cam Toàn, nghe tin này vội vã trở về Phi Lũy nhưng cũng bị Lý Mục đánh cho một trận thất điên bát đảo, mang tàn quân chạy về Hàm Dương. Chiến công của Lý Mục oai hùng không kém Bạch Khởi ngày trước nên ông được Triệu vương phong tước Võ An quân giống như Bạch Khởi trước kia để dương danh với thiên hạ.

Lúc này Tần vương Chính mới biết đại cuộc nếu không có một tướng nhiều mưu trí thì rất khó đối phó với Lý Mục, sau khi giáng Hoàn Xỉ xuống làm thường dân liền phong cho Vương Tiễn làm Đại tướng, cùng với Dương

Đoan Hòa đem quân đi đánh nước Triệu báo thù.

Tiếc rằng Lý Mục là lão tướng rất cao tay ẩn, không trực tiếp giao chiến với Vương Tiễn mà đóng quân cố thủ hết sức nghiêm mật ở núi Hội Toàn, quân Tần không làm sao vượt qua ngọn núi này được. Tần vương Chính đang lúc tức giận nước Triệu, lại sai Vương Ngao đến tham mưu cho Vương Tiễn. Hai tướng bàn nhau phải dùng kế ly gián mới loại trừ được Lý Mục.

Một mặt Vương Tiễn đến xin giao hảo với Lý Mục, cho rằng thật sự vẫn có thể giải hòa. Lý Mục tin vậy nên cùng với Vương Tiễn đi lại khá thân mật, nhiều khi uống rượu bàn việc quân cho đến khi say khướt mới thôi. Trong khi đó Vương Ngao lén sang Triệu, xin gặp Quách Khai báo là Lý Mục muốn cùng với Vương Tiễn tư thông. Theo ông ta thì hai tướng này đã hứa hẹn với nhau nếu chiếm được nước Triệu sẽ chia làm hai, mỗi người thành một ông vua nho nhỏ là thỏa mãn lắm rồi.

Quách Khai liền báo với Triệu vương và bí mật sai người đi dò xét, quả nhiên lời của Vương Ngao không sai, hai bên hàng ngày vẫn đi lại rượu chè với nhau, không hề tỏ ra đang đối đầu chút nào. Triệu vương liền gọi Lý Mục về thăng lên làm Tướng quốc, thực sự là cắt binh quyền của ông ta, cho Triệu Thông thế chức. Chẳng ngờ Lý Mục biết việc này, chán nản không giao ấn tín cho Triệu Thông, ngửa mặt than thở:

– Ta thường nghĩ Nhạc Nghị và Liêm Pha không trọn đạo làm tướng. Nay mới biết nỗi khổ tâm của họ ra sao, ta có thể đem quân về triều đánh giết bọn gian thần nhưng làm thế lại mang danh phản nghịch.

Than xong Lý Mục treo ấn tín lên cành cây rồi nửa đêm lẳng lặng bỏ đi. Triệu Thông rất giận việc này, cho quân truy đuổi và giết chết Lý Mục trong một quán rượu nhỏ bên đường. Vương Tiễn biết tin Lý Mục đã ra đi, lập tức cùng Dương Đoan Hòa chia quân làm hai cánh tấn công dữ dội. Triệu Thông

cố sức chống giữ nhưng tài hèn sức kém, rốt cuộc bị Vương Tiễn chém chết tại trận, quân Triệu như rắn mất đầu đua nhau bỏ chạy về Hàm Đan.

Vương Tiễn không bỏ lỡ cơ hội ngàn vàng, xua quân truy kích và tiến đến bao vây Hàm Đan. Tên gian thần Quách Khai thấy vậy sợ quá, nói với Triệu vương:

– Nước Hàn đã bị diệt. Nước Yên và Ngụy tự giữ mình không xong thì còn ai cứu được nước Triệu. Chi bằng đầu hàng Tần may ra còn giữ được địa vị phong hầu mà tế tự.

Triệu vương tức giận lấy kiếm chỉ mặt Quách Khai mà mắng khiến hăn ôm đầu rút lui về phủ. Thế nhưng tên gian thần này đã nhất quyết bán nước, lén sai người báo cho Vương Tiễn biết:

– Thật sự Triệu vương đã run sợ lắm rồi nhưng nói rằng nếu như Tần vương thân chinh mang quân đến nơi thì sẽ đầu hàng ngay.

Vương Tiễn liền báo tin này cho Tần vương Chính. Nhà vua vui vẻ nghe theo, thân dẫn 3 vạn tinh binh, cờ xí rợp trời, chiêng trống vang lừng kéo đến trước thành Hàm Đan. Triệu vương liền nghe theo lời xúi giục của Quách Khai, đem viên ngọc họ Hòa và bản đồ thành Hàm Đan, mở cửa thành phía Tây dâng thư đầu hàng Tần vương Chính. Khi vào thành xong, Tần vương ngồi chễm chệ trên ngai vàng cho Triệu vương làm lễ tội thần khiến các cựu thần nước Triệu có mặt đều rơi nước mắt.

Doanh Chính cầm viên ngọc Hòa mà nói:

– Cũng viên ngọc này, trước kia tiên vương ta lấy 15 thành mà không đổi được. Nay nhờ có Vương Tướng quân mà nó nằm trong tay của ta.

Sau đó Triệu vương bị giam giữ trong một cái nhà bằng đá, buồn rầu sinh bệnh mà chết. Riêng Quách Khai được tha cho về quê quán, hăn chuyển tải mấy xe vàng bạc về đến nửa đường thì bỗng có bọn cướp xông ra giết chết

toàn bộ, bao nhiêu vàng bạc đều cướp sạch. Có người cho rằng đó chính là các tân khách của Lý Mục báo thù nhưng cũng có người cho rằng đó là hành vi của Tần vương Doanh Chính.

Trước đó một năm, Thái tử Đan của nước Yên đang làm con tin nơi nước Tần, dùng kế lén trốn về Yên tổ chức quân binh chống đỡ nếu một khi bị quân Tần xâm lăng. Tần vương còn đang lo việc đánh Hàn và Triệu nên bỏ qua việc này nhưng chắc chắn trong thời gian ngắn sẽ “tính sổ” chứ không đời nào tha thứ. Thái tử Đan tuy đã chiêu mộ được khá nhiều dũng sĩ như Hạ Phù, Tống Ý và Tần Võ Dương, ngay cả Phàn Ô Kỳ cũng đến đầu quân và được phong làm Thượng tân, nhưng vẫn thừa nhận như thế vẫn không đủ sức đánh lại quân Tần, bàn với các mưu sĩ kế sách ám sát Tần vương Chính.

Đại thần là Cúc Vô liên giới thiệu một mưu sĩ nổi tiếng là Điền Quang. Khi đến diện kiến, biết Thái tử Đan đang nuôi dưỡng các dũng sĩ để thi hành kế ám sát, Điền Quang lắc đầu nói:

– Hạ Phù có máu nóng nên mặt luôn luôn đỏ bừng, Tống Ý có mạch nóng nên trên mặt lộ ra màu xanh, Tần Võ Dương có khí cổ nóng nên lộ ra mặt màu trắng. Những màu sắc ấy biểu hiện tính tình mừng, giận. Người đã biểu lộ tính tình thì không thể dùng vào việc hệ trọng này.

Điền Quang liền tiến cử một kiếm khách nổi tiếng tên là Kinh Kha. Thật ra Kinh Kha nhận ra đây là việc còn khó hơn là lên trời hái sao bởi Tần vương tự biết rất nhiều người oán ghét ông ta, đề phòng rất cẩn mật. Kinh Kha nhiều lần từ chối nhưng Thái tử Đan qua nài ép, lại hậu đãi hết mức nên cuối cùng đành phải nhận lời. Khi đã luyện tập xong, Kinh Kha cùng với Tần Võ Dương lên đường làm sứ giả, lấy cái đầu của Phàn Ô Kỳ để trong hộp gỗ và bản đồ thành Hàm Đan làm lễ vật, toan tính thế nào Tần vương Chính cũng chăm chú nhìn xem, nhân cơ hội ấy mà ám sát.

Rất tiếc là khi đến gần Tần vương Doanh Chính, Kinh Kha sơ hở để lộ chuôi kiếm nên Tần vương nhanh nhẹn chạy quanh cột rồng khiến mấy lần Kinh Kha không thể đâm trúng. Tần vương Chính định rút thanh bảo kiếm Lộc Lư ra đối phó nhưng vì kiếm quá dài, mãi không rút ra được. May sao có một tên hoạn quan là Triệu Cao la lớn:

– Sao Đại vương không xoay vỏ kiếm về phía sau?

Tần vương nghe lời, nhờ vậy mới rút kiếm ra chém chết được Kinh Kha. Hôm sau Tần vương ban thưởng cho quần thần rất hậu, tùy theo vết thương mà lãnh thưởng, riêng Triệu Cao được thưởng 100 cân vàng và từ đó Tần vương Chính rất tin dùng hẳn. Khi đã tự xưng Tần Thủy Hoàng đế, Triệu Cao còn được ưu ái thăng làm Thừa tướng nhưng chính hẳn là kẻ phản bội khiến cho nước Tần bị suy yếu rồi tiêu vong vào tay Hán Cao tổ Lưu Bang. Vì việc hành thích này Tần vương không kềm được tức giận, lập tức sai hai cha con Vương Tiễn và Vương Bôn mang đại quân tiến đánh nước Yên, lệnh nếu không thắng thì đừng trở về triều.

Đương nhiên quân Yên không thể nào chống lại được, bị quân Tần bao vây kinh thành rất chặt chẽ, Thái tử Đan phải phò Yên vương chạy đến Liêu Đông tránh nạn, bỏ mặc kinh thành cho quân Tần chiếm đóng. Mọi sự tạm yên ổn, Vương Tiễn thấy mình già yếu, hay bị bệnh nên viết thư dâng lên Tần vương, xin được cáo lão về đất phong ở Dĩnh Dương yên hưởng tuổi già. Nhờ vậy quân Tần mới không đuổi theo ngay, Thái tử Đan mới có thời gian lập lại triều đình ở Liêu Đông.

Trong việc từ chức này cũng có một số nghi ngờ xảy ra giữa Vương Tiễn và Tần vương nhưng với chủ trương mềm dẻo, cuối cùng Tần Vương Chính cũng đánh tan được sự nghi ngờ ấy và Tần vương chấp thuận cho ông về hưu dưỡng, sai Lý Tín cầm quân thay thế. Vương Bôn là con của Vương Tiễn,

tuổi trẻ như Lý Tín, lại có nhiều kinh nghiệm do thân phụ truyền lại. Thế nhưng khi Tần vương hỏi Vương Bôn muốn dùng ai thay thế mình trong chức vụ Đại tướng thì ông thẳng thắn trả lời:

– Theo thần thì Vương Bôn có đủ tài năng đảm nhận chức vụ này.

Tần vương cười nhạt, hỏi:

– Theo ta thì Lý Tín cũng tài năng không kém. Khanh tiến cử con mình mà bỏ qua người tài khác, như thế có thiên vị lắm không?

Vương Tiễn khôn khéo đáp:

– Đó là ý của thần, còn quyết định là của Đại vương. Đại vương sáng suốt tất sẽ không bỏ nhiệm sai lầm.

Rốt cuộc Tần vương cho Lý Tín cầm quân, hạ lệnh tiếp tục đuổi theo giết bằng được cha con Yên vương. Yên vương cầu cứu khắp nơi không được, lại không nỡ giết Thái tử Đan theo yêu cầu của Tần vương nên đành phải cùng triều thần trốn đến Đào Hoa đảo. Thế nhưng quân Tần vẫn không buông tha, cho quân đuổi theo quyết liệt đến Thủ sơn thì bắt kịp, bao vây bốn phía, đồng thời viết thư hạch tội Thái tử Đan, cương quyết cho rằng nếu chưa giết được thì sẽ chưa dừng binh.

Yên vương bất đắc dĩ phải phục rượu Thái tử Đan đến say mềm rồi thắt cổ giết chết, mang thủ cấp đưa con đến dâng cho Lý Tín. Việc này hết sức đau lòng, oán khí bốc lên tới trời xanh nên có nhiều hiện tượng lạ xảy ra, Tần vương cũng xúc động hạ lệnh cho Lý Tín rút quân về.

Không để cho quân sĩ ngơi nghỉ, Tần vương lại theo hiến kế của Úy Liêu, bắt đầu tấn công nước Ngụy, sai Vương Bôn làm Đại tướng. Nước Ngụy đã cầu cứu nước Tề nhưng chính họ cũng sợ bị Tần trách cứ nên từ chối. Vì vậy Vương Bôn mấy trận đều đại thắng, tiến quân đến bao vây kinh thành Đại Lương. Vương Bôn thừa kế trí mưu của cha, thấy trời mưa to,

nước dâng lên rất nhanh liền dùng thủy kế đưa nước tràn vào thành rồi tiến đánh. Sự việc xảy ra bất ngờ đến nỗi Ngụy vương không kịp trở tay, đành bị bắt sống cùng toàn bộ triều thần, giải về Hàm Dương cho Tần vương xét xử. Khi đi giữa đường, Ngụy vương vì quá đau buồn uất ức, bệnh rồi chết.

Thế là Vương Bôn thừa cơ đánh chiếm luôn đất Giã Vương, giáng chức Vệ quân xuống làm thường dân. Đây là chiến công rất lớn của Vương Bôn, mở đầu cho những chiến công lừng lẫy chẳng khác gì cha mình sau này.

Khi tiêu diệt xong Ngụy, Tần vương toan tính tiếp tới việc diệt Sở và Tề, theo ý kiến của Úy Liêu thì hai nước này mất rồi, còn lại những nước nhỏ khác tất sẽ đầu hàng, không cần phải đánh. Thế nhưng nước Sở là một nước rất hùng mạnh, người đông, quân tướng kiêu dũng, cần phải có kế hoạch kỹ lưỡng trước khi tiến binh. Lúc ấy nước Sở cũng đã sửa soạn sẵn sàng, Sở vương là Phụ Sô mời danh tướng Hạng Yên đem 20 vạn quân ra biên giới đào hào đắp lũy chống cự nên việc đánh Sở không phải dễ dàng.

Tần vương cũng không khinh suất, bàn bạc với Úy Liêu xong tự thân đến Dĩnh Dương hỏi ý kiến của Vương Tiễn, trong ý vẫn muốn ông cầm quân đánh Sở thì mới yên tâm. Lão tướng này liền tâu:

– Thần đầu quân khi mới 16 tuổi, làm tướng khi mới 20, trải qua mấy chục năm chinh chiến, nay đã 80 tuổi, sức yếu trí kém hẳn ngày trước nhiều nhưng nếu Đại vương tin tưởng thì vẫn cố đem hết sức tàn ra báo đáp. Thế nhưng nước Sở rất rộng lớn, quân tướng hùng mạnh, lại có danh tướng Hạng Yên ra sức chống đỡ thì phải cần tới 60 vạn quân mới hy vọng tiêu diệt được họ.

Tần vương giạt mình nói:

– 60 vạn quân là toàn bộ số quân trong nước. Nếu xuất toàn bộ quân đội đi, trong nước trống rỗng thì rất nguy hiểm, khanh có thể tính toán lại được

không?

Vương Tiễn cứ nhất quyết phải đủ số 60 vạn mới dám xuất quân khiến Tần vương đành phải về triều hỏi ý kiến của Lý Tín. Viên tướng trẻ này sau mấy trận đại thắng, hùng khí lên cao, kiêu ngạo nói:

– Bình định nước Sở cần gì đến số quân nhiều như vậy? Theo thần thì chỉ cần độ 20 vạn quân là thừa sức lắm rồi.

Tần vương cả mừng, nói:

– Thế mà lão tướng Vương Tiễn đòi đến 60 vạn. Ta sẽ giao cho khanh số quân 20 vạn, khi nào chiến thắng thì hãy mở tiệc thật lớn cho Vương Tiễn biết mình đã quả già yếu nhút nhát lắm rồi.

Thế là Tần vương Chính phong cho Lý Tín làm Đại tướng, Mông Vũ làm Phó tướng, dẫn 20 vạn quân tiến đánh nước Sở. Mấy trận đầu quân Tần chiến thắng liên tiếp, chiếm được Bình Dư và Tầm địa, cả đất Yên đất Sính cũng rơi vào tay quân Tần. Tiếc rằng Lý Tín quá tự phụ, không đợi kết hợp với đoàn quân của Mông Vũ mà cứ thế xua quân tràn lên phía trước. Quân của Lý Tín tiến nhanh như vũ bão, khi gần đến Chân thành thì quân của Hạng Yên cũng đã dàn sẵn đối địch.

Hạng Yên một mặt cho quân dàn trận ở Tây Lăng, một mặt sai Khuất Định mai phục sẵn, vì vậy Lý Tín trúng kế, bị quân Sở đánh cho một trận tan tác. Lần này quân Tần mới nếm mùi đau khổ, chạy suốt ba ngày ba đêm vẫn không sao thoát được sự truy đuổi của quân Sở, chết đến mấy tướng, còn binh sĩ tử thương thì không sao kể xiết. Lúc ấy Mông Vũ chỉ mới tiến quân đến Thành Phụ, nghe tin Lý Tín đại bại cũng không làm gì được, đành phải lui về đất Triệu phòng giữ và phi báo cho Tần vương biết tin xấu. Tần vương vô cùng giận dữ, truyền lệnh tước hết chức vụ và đất phong của Lý Tín, giáng xuống làm thường dân.

Khi ấy Tần vương mới hiểu ra Vương Tiễn quả là người nhiều kinh nghiệm, không những ông đòi hỏi số quân lớn mà còn không hề tin tưởng Lý Tín. Ông tiến cử Vương Bôn là có ý muốn truyền đạt kinh nghiệm chiến đấu cho con cháu, đồng thời có thể theo dõi để sửa chữa những sai lầm mà thường khi những tướng trẻ cao ngạo hay phạm phải.

Tần vương liền thân đến Dĩnh Dương, nói với Vương Tiễn:

– Ta không nghe lời lão tướng nên nước Tần bị một phen nhục nhã. Ta cũng biết khanh già yếu nhưng có thể giúp ta rửa mối nhục này không?

Vương Tiễn bình tĩnh đáp:

– Như thần đã nói trước kia. Tuy thần đã bát tuần nhưng nếu nước nhà cần tới thì vẫn có thể cố gượng sức tàn mà báo đáp công ơn của Đại vương. Thế nhưng nếu không đủ 60 vạn quân thì thần e rằng khó có thể hoàn thành được nhiệm vụ khó khăn ấy. Thần cho rằng 60 vạn quân là vừa đủ chiếm được nước Sở, còn nếu muốn giữ thì e rằng phải thêm nữa mới xong.

Tần vương liền lấy xe ngựa của mình, mời Vương Tiễn về triều, lập đại lễ phong cho ông làm Đại tướng, Mông Vũ làm Phó tướng, chỉ huy 60 vạn quân tiến đánh nước Sở lần nữa.

Trước khi xuất binh, Vương Tiễn xin với Tần vương:

– Lần này chắc là lần cuối thần cầm quân ra đi. Thế nhưng trải qua bao nhiêu chiến trận mà gia đình vẫn còn rất khó khăn về kinh tế, sang trọng không bằng ai. Vì vậy nhân cơ hội cuối cùng này, thần cúi xin Đại vương ban cho một số ruộng tốt ở Hàm Dương cùng với một số phủ đệ để gia đình được vinh hiển. Nếu Đại vương chấp thuận thì dù da ngựa bọc thây thần vẫn mỉm cười nơi chín suối.

Tần vương Chính nghe vậy cả cười, đáp:

– Chưa xuất quân mà sao khanh bi quan như vậy? Khi nào chiếm được Sở, nước Tần gồm thiên hạ thì khanh là công thần của Tần, giàu sang phú quý tới cùng cực, lo gì nghèo đói mà phải lo lắng xin trước?

Vương Tiễn cố năn nì:

– Thần tự biết tuổi đã quá cao, dù Đại vương chiếm được thiên hạ thì thần cũng không làm quan được bao lâu nữa để hưởng giàu sang. Chi bằng lúc này còn sống thì hãy kiếm cho con cháu chút ít đất ruộng, đời đời hưởng ân huệ của Đại vương thì hoàn toàn thỏa mãn, yên tâm lao vào vòng lửa đạn.

Nghe vậy Tần vương đành phải chiều theo. Thế mà khi quân Tần đã đến Hàm Cốc, tức sửa soạn vượt biên giới, một lần nữa Vương Tiễn lại sai người về triều cố xin thêm mấy chỗ đất tốt nữa, rốt cuộc đều được Tần vương ban cho.

Phó tướng Mông Vũ thấy vậy phàn nàn:

– Tướng quân xin mãi như vậy chẳng là quá đáng lắm ư? Một khi thắng trận trở về tất Đại vương còn ban thưởng nhiều gấp bội, chưa có công lao gì mà xin mãi thì tôi sợ rằng Đại vương không hài lòng đấy.

Nhân lúc ấy chỉ có hai người, lại đã quá hiểu nhau nên Vương Tiễn nhỏ giọng thú thực:

– Ông thừa biết Đại vương tính tình rất tàn nhẫn, lại hay đa nghi. Nay bắt đắc dĩ phải giao cho ta và ông 60 vạn quân, tức không còn bao nhiêu quân ở bên mình. Nếu như chúng ta đồng lòng phản nghịch thì Đại vương làm sao chống nổi, tất không khỏi bắn khoản nghi ngờ. Ta cốt xin nhiều ruộng đất là để cho Đại vương yên tâm, không còn nghi ngờ nữa đấy thôi. Ta không hề tham lam chút của cải phù hư đó đâu.

Khi ấy Mông Vũ mới hiểu ra, hết lời khen ngợi Vương Tiễn không

những mưu trí sâu xa mà còn hiểu biết nhân tình thế thái rất rõ ràng. Cách hành xử của ông từ lúc bắt đầu cầm binh quyền cho đến khi cuối đời càng tỏ rõ “gừng càng già càng cay” là bài học thâm thúy để người đời sau suy nghĩ.

Về mặt nước Sở, khi nghe tin chính Vương Tiễn cầm quân, lại có dưới tay 60 vạn tinh binh, cả Sở vương lẫn triều thần đều phải kinh hoàng. Sở vương không còn cách nào khác là phải sai tướng Cảnh Kỳ chiêu mộ thêm 20 vạn quân đến Đông Cương tiếp trợ cho Hạng Yên.

Thế nhưng khi đại quân của Vương Tiễn đến nơi lại không hề ra trận, cứ đóng quân ở đó. Hạng Yên vô cùng kinh nghi, mấy lần cho quân ra khiêu chiến nhưng Vương Tiễn vẫn án binh bất động khiến ông ta không thể hiểu nổi đối phương đang toan tính gì. Các tướng Sở bàn bạc cùng nhau, sau cùng đều đồng ý có lẽ Vương Tiễn đã quá già yếu nên đâm ra nhút nhát, bất đắc dĩ mới phải theo lệnh cầm quân, hoàn toàn không muốn giao tranh chút nào. Vì vậy việc canh phòng cũng có chút lơ lửng.

Riêng Vương Tiễn không những cho quân tướng nghỉ ngơi thỏa thích mà còn bày ra những trò chơi như nhảy cao, ném đá, khiêng gạch, rồi phân thắng thua mà ban thưởng. Thật sự Vương Tiễn hoàn toàn không bày chuyện vô ích, những trò chơi ấy vừa có tác dụng cho quân tướng vận động tay chân, rèn luyện sức khỏe vừa nhìn ra được ai dũng cảm, ai khỏe mạnh hay yếu đuối mà ngầm ghi vào sổ rồi biên chế vào các đội khác nhau. Thế nhưng Hạng Yên không hiểu được điều này, đến hơn một năm thì bắt đầu tin rằng các tướng nói đúng, không dốc thúc phòng bị nữa.

Ngay trong thời gian này, Tần vương cũng bị nhiều lời gièm pha, cho rằng nên cách chức của Vương Tiễn. Nhà vua đã tin tưởng Vương Tiễn tuyệt đối, không nghe theo nhưng mật sai người đến hỏi. Vương Tiễn liền đáp:

– Trước kia có danh tướng Nhạc Dương kéo quân đi đánh nước Trung

Sơn, ba tháng ròng không hề động binh. Ngụy Văn hầu cũng nhận được vô số tấu thư gièm pha nhưng đọc xong đều cất hết vào hộp gỗ. Đến khi Nhạc Dương thắng trận trở về, Ngụy Văn hầu bèn đưa cái hộp gỗ ấy ra cho Nhạc Dương xem. Nay thần cũng muốn Đại vương làm như Ngụy Văn hầu được chăng?

Tần vương nhận được lời đáp này liền hiểu ra mưu kế của Vương Tiễn, từ đấy trở đi mỗi khi có triều thần dâng tấu đều cười mà xếp vào góc. Đúng thời cơ, Vương Tiễn liền mở tiệc đãi đẳng quân tướng rồi hiệu triệu quyết đánh một trận sống còn. Lúc đó quân tướng nước Tần rất khỏe mạnh nhờ nghỉ ngơi lâu ngày, ăn uống đầy đủ nên hăng hái xin liều chết, tranh nhau xin đi đầu. Vương Tiễn liền theo danh sách ghi từ trước, chọn ra 20 vạn quân binh tinh nhuệ nhất, mỗi người có thể chống nổi 10 người làm quân tiên phong.

Hạng Yên không thể ngờ quân Tần lại đột ngột tiến đánh, quân tướng Sở lại không có chuẩn bị hay luyện tập gì nên vừa thấy quân Tần xông lên liền đại loạn, tranh nhau chạy trốn. Ngay trận ra quân đầu tiên, quân Tần đã giết được Khuất Định, còn Hạng Yên và Cảnh Kỳ dẫn tàn quân chạy trốn. Chủ trương của Vương Tiễn trước sau như một, đó là “tránh mũi nhọn của đối phương, tốc chiến để đạt thắng lợi, truy kích không để đối phương có cơ hội phục hồi sức mạnh” nên lập tức cho quân đuổi theo ráo riết. Đến đất Vĩnh An thì quân Tần đuổi kịp, hai quân lại giao chiến lần nữa nhưng kết quả vẫn không có gì thay đổi: quân Sở đại bại, mất luôn đất Tây Lăng.

Vương Tiễn liền sai Mông Vũ để một số quân đóng lại còn bao nhiêu thì tiến thẳng đến Hồ Nam. Riêng Vương Tiễn thống lĩnh đại binh tiến đến Thọ Xuân, bao vây kinh thành. Chưa được bao lâu, Vương Tiễn nghe tin Hạng Yên đã lên sông Hoài chiêu mộ quân sĩ, liền lợi dụng cơ hội ấy đánh thành

rất gấp. Cuối cùng quân Sở không sao giữ được thành, Cảnh Kỳ tự đâm cổ mà chết, còn Sở vương Phụ Sô bị Vương Tiễn bắt sống.

Chờ đợi bao nhiêu ngày tháng, vừa nghe tin đại thắng, Tần vương Chính vô cùng mừng rỡ, cùng triều thần đến Phàn Khẩu nhận tù nhân Phụ Sô, truất ông ta xuống làm thứ dân. Đồng thời Tần vương nhân đà thắng, lại sai Vương Tiễn và Mông Vũ tiến đánh luôn Kinh Dương. Khi ấy Hạng Yên mới biết tin kinh thành thất thủ, vội vàng vượt Trường giang chạy trốn, lập Xương Vinh quân làm Sở vương rồi tổ chức phòng thủ ở Ô Lăng.

Thế nhưng chỉ hơn năm sau, Vương Tiễn đóng thuyền xong liền xuất quân tiến đánh. Xương Bình quân, tức Sở vương mới lập đi tuần trên thành bị trúng tên chết nên Hạng Yên chán nản đến mức không còn lòng dạ nào chiến đấu nữa, tự đâm cổ mà chết. Thế là nước Sở bị tiêu diệt, duy nhất chỉ còn lại nước Tề.

Sau đại thắng này, Vương Tiễn được Tần vương ban thưởng ngàn dật vàng, rồi chấp nhận cho ông về Dĩnh Dương hưu dưỡng như trước. Tần vương còn ưu ái phong cho con Vương Tiễn là Vương Bôn làm Đại tướng, sai đi tiêu diệt nước Yên. Quả là “hồ phụ sinh hồ tử”, Vương Bôn không phụ lòng mong đợi của phụ thân và Tần vương, sau khi tiêu diệt nước Yên xong còn thừa thắng đánh luôn nước Tề. Lúc đó nước Tề ỷ lại Tần sẽ không bao giờ đánh mình, vì vậy trở tay không kịp, Vương Bôn lại khôn khéo từ phía bắc đánh xuống chứ không theo phía tây nhưng thường lệ nên đến đâu đều đại thắng, tiến nhanh như chẻ tre, chẳng bao lâu đã bao vây kinh thành Lâm Tri của Tề.

Thế cùng lực kiệt, Tề vương nghe theo lời của Hậu Thắng mở cửa ra đầu hàng. Thế là Vương Bôn không tốn một tên quân cũng đã tiêu diệt được nước Tề, công trạng còn huy hoàng hơn cả Vương Tiễn. Khi ấy là năm thứ

26 của Tần vương Doanh Chính, tất cả 6 nước trong “thất hùng” đều bị tiêu diệt, thống nhất Trung nguyên thành một đất nước duy nhất.

Người minh trí đều biết rằng một khi công thành danh toại thì các công thần cũng khó sống sót, vì thế Vương Tiễn nhất quyết không ra mặt, ẩn cư ở Dĩnh Dương, còn Úy Liêu thì đột ngột đi đâu mất.

Tần vương đã đạt đại công, cũng không nghĩ gì nữa, không truy xét tung tích úy Liêu mà cũng không nhắc gì đến Vương Tiễn, để cho ông sống nhàn nhã cho đến khi 90 tuổi thì mất. Xét theo công trạng thì Vương Tiễn ngang bằng với danh tướng Bạch Khởi ngày trước, cũng được phong tước Võ An quân nhưng mưu trí hơn rất nhiều, hễ không đánh thì thôi, đánh là phải thắng, xứng đáng cho người đời sau ngưỡng mộ.

Ông là vị đại tướng lớn tuổi nhất trong lịch sử, trải qua 4 triều đại nhà Tần vẫn giữ vững được lòng trung thành và được nhiều người tôn trọng. Vương Tiễn mất vào năm 213 trước Công nguyên, tức là chưa tới 5 năm sau thì Thủy Hoàng đế Doanh Chính cũng mất trên đường tuần du, rồi 3 năm sau nhà Tần diệt vong dưới tay Lưu Bang và Hạng Võ.

5

HẠNG VÕ

HỮU DŨNG VÔ MƯU

Năm 246 trước Công nguyên, Tần vương Doanh Chính đã tiêu diệt được 6 nước, thống nhất thiên hạ và theo kiến nghị của Lý Tư xưng là Tần Thủy Hoàng đế rồi đặt ra những chế độ cực kỳ hà khắc để cai trị. Những chế độ này quả nhiên giúp cho nhà Tần yên ổn được một thời gian nhưng đó là bề mặt, trong lòng người dân các nước chư hầu bị thôn tính vẫn mang nặng ý chí muốn phục quốc. Khi vào thời kỳ nhà Tần sắp suy tàn, khắp nơi nổ ra những cuộc khởi nghĩa, trong đó đáng kể nhất là của Trần Thắng, Ngô Quảng. Tuy nhiên hai cuộc nổi dậy này không có người tài trí lãnh đạo, lại không có liên kết với các lực lượng khác nên chẳng gây khó khăn cho nhà Tần. Mãi đến khi đồng thời có hai cuộc nổi dậy của Hạng Võ nước Sở và Lưu Bang ở Cối Kê thì cuộc diện mới trở nên dữ dội. Đúng lúc căng thẳng nhất thì Tần Thủy hoàng băng hà, càng làm cho hao thế lực của Lưu Bang và Hạng Võ phát triển mạnh hơn. Lưu Bang chỉ là người Đình trưởng, trí mưu cũng tầm thường nhưng lại được sự phò tá của mấy hiền nhân mưu sĩ kiệt xuất như Trương Lương, Tiêu Hà, Trần Bình nên cuối cùng đoạt được thiên hạ.

Riêng Hạng Võ là một danh tướng có sức mạnh không ai bì kịp, đến như Hàn Tín của quân Hán cũng không thể đối đầu nhưng lại thiếu một “bộ óc” chiến lược, cuối cùng đành ôm hận mà chết. Tuy nhiên nếu so về tài năng

tướng soái thì ngoài Hàn Tín ra, trong thời gian Hán-Sở tranh hùng chỉ có Hạng Võ mới xứng đáng là Tướng soái với nhiều trận đánh long trời lở đất.

Hạng Võ tên thật là Hạng Tịch, Võ là tên hiệu, người ở Hạ Tương nước Sở thời Xuân Thu chiến quốc. Hạng Võ là cháu nội của Hạng Yên, tướng nước Sở bị Vương Tiễn nước Tần giết chết, vì vậy dòng họ Hạng luôn luôn ghi nhớ mối thù này đối với nhà Tần. Thật sự họ Hạng trước kia là họ khác nhưng mấy đời làm Tướng nên được Sở vương ban cho đất phong ở Hạng, bèn lấy tên đất làm họ của mình để ghi nhớ.

Phụ Thân của Hạng Võ mất sớm nên ông phải sống nhờ vào người chú là Hạng Lương, con thứ của Hạng Yên. Ngay từ nhỏ Hạng Võ đã biểu lộ là người có sức mạnh, có thể độ sức cùng người lớn tuổi và cao lớn hơn mình được rồi. Khi lớn lên, có lần Hạng Võ biểu diễn với bạn bè, nâng một chiếc đỉnh nặng mấy trăm cân lên rất dễ dàng. Thế nhưng Hạng Võ rất lười nhác việc luyện tập võ nghệ kiếm cung, thậm chí đến binh pháp cũng ít khi nhìn nhồi tới, chỉ cậy vào sức mạnh hơn thua với người.

Lúc Tần Thủy hoàng mới lên ngôi, đất nước chưa ổn định, Hạng Lương phạm vào tội giết người nên cùng gia quyến bỏ trốn đến đất Ngô Trung. Hạng Lương có học hành và cũng là người tướng có tài nên chẳng bao lâu đã nổi tiếng trong vùng đất mới, được nhiều người kính phục. Đó là điều kiện rất tốt để ông ta toan tính đến việc khởi binh chống Tần. Hạng Võ chỉ dựa vào Hạng Lương mà trở thành danh tướng.

Vào năm 209 trước Công nguyên, tức là khi Tần Thủy hoàng đã trị vì được 36 năm, ông tuần du đến đất Cối Kê. Khi mọi người đổ ra đường xem mặt Hoàng đế, Hạng Võ buột miệng nói:

– Nếu muốn mau chóng thì có thể giết hắn rồi lên chiếm ngôi thay thế.

Hạng Lương nghe vậy cả kinh bởi Tần Thủy hoàng thiết lập một chế độ

rất tinh vi, chỗ nào cũng có tai mắt theo dõi, lộ ra thì có thể chết cả dòng họ. Hạng Lương vội vàng bịt miệng Hạng Võ rồi kéo về nhà. Tuy không bàn đến việc này nữa nhưng trong lòng Hạng Lương tự biết nếu nổi dậy thì chắc chắn phải nhờ cậy vào đứa cháu lớn gan lắm mặt này.

Thái thú Cối Kê là Ân Thông đã nghe biết tên tuổi của Hạng Lương, tìm đến bàn:

– Nay Thủy Hoàng đế sắp tuần du đến đây, nếu nhân dịp này hành thích rồi chiêu mộ người dân nổi dậy, có hy vọng sẽ thành đại nghiệp được đấy.

Hạng Lương biết Ân Thông chẳng có tài cán bao nhiêu, không muốn hợp tác với hắn nhưng Hạng Võ nghe thấy đúng ý mình thì hăng hái bước ra xin ủng hộ. Nhưng Hạng Lương gạt đi, cho rằng rất khó hành thích Tần Thủy hoàng, làm việc này tất sẽ “rút dây động rừng”, nên tính đến việc nổi dậy thì hay hơn. Được Ân Thông đồng ý, hai chú cháu Hạng Võ hôm sau đến nha môn, chưa kịp bàn soạn gì thì Hạng Võ đã rút kiếm chém rơi đầu Ân Thông, lấy thủ cấp của hắn làm hiệu lệnh hô hào mọi người đứng sau lưng Hạng Lương nổi dậy chống Tần.

Hầu như ai cũng đem lòng căm hận triều Tần nên lập tức có hai nhà lại là Quý Bá và Chung Ly Muội bước ra xin theo, Hạng Võ liền phong họ làm Đô úy. Thấy vậy rất nhiều người cũng xin theo, ngay từ lúc đầu thanh thế của chú cháu Hạng Võ đã khá mạnh. Chỉ mấy tháng sau, số người đi theo Hạng Lương lên tới gần một vạn nhưng vẫn chưa thấm tháp vào đâu đối với việc chống quân Tần. Quý Bá liền bàn đến Đồ Sơn thuyết phục hai tướng cướp là Hoàn Sở và Vũ Anh cùng về theo mình. Nếu thành công thì quân dưới tay hai tướng đó cũng gần một vạn.

Hạng Võ lập tức xin đi, một mình hùng dũng tiến vào hang ổ của Hoàn Sở và Vũ Anh, lấy danh phận dòng dõi Tướng nước Sở mà chiêu dụ. Hai

tướng này đòi Hạng Võ phải trở tài mới chịu quy phục. Hạng Võ liền xuống cái miếu Vũ vương ở chân núi, vận sức nâng cái đỉnh đồng cao hơn bảy thước, ước chừng nặng đến 5000 cân. Sau đó Hạng Võ còn giở thần oai mang cái đỉnh đi ba vòng miếu mới bỏ xuống, sắc mặt vẫn không biến đổi, hơi thở vẫn bình thường. Trước thần oai kinh người như vậy, lập tức Hoàn Sở và Vũ Anh xin theo dưới trướng ngay. Thế là lực lượng của Hạng Lương đã được tăng cường sức mạnh, khắp vùng Ngô Trung đều biết tiếng.

Khi cùng Hoàn Sở và Vũ Anh kéo quân đến Cối Kê, dọc đường Hạng Võ lại trở tài bắt một con thần mã thường hay đến quấy phá giúp cho dân làng. Nhân vậy Hạng Võ có ngựa hay, lại được Ngu công gả con gái cho, đó là Ngu Cơ, một trang giai nhân sắc nước hương trời. Dân làng cũng xin đi theo không ít, nhờ vậy chỉ mấy tháng sau Hạng Võ đã có trong tay 10 vạn quân cùng một viên tướng tài ba là Anh Bố nên thanh thế vang lừng. Theo lời của Quý Bá, Hạng Võ sai người mời một mưu sĩ ở thôn Cư Sào tên là Phạm Tăng ra làm Quân sư. Đêm hôm ấy Phạm Tăng ra sân xem thiên văn, thấy khí số nước Sở đã hết, chắc chắn Hạng Võ không làm nên đại nghiệp nhưng đã lỡ nhận lời, đành thở dài mà theo phò tá.

Hạng Võ còn toan tính kết nạp cả Trần Thắng, thế nhưng lúc ấy Trần Thắng đã bị quân của danh tướng nước Tần là Chương Hàm đuổi chạy về Nhữ Âm rồi bị tên Trang Giả giết chết. Vì việc này Hạng Võ đâm ra lo lắng chẳng biết làm sao, đành nghe lời Phạm Tăng đi tìm một đứa cháu của Sở Hoài vương tên là Mễ Tâm đưa lên ngôi Sở vương cho chính danh, xưng hiệu là Hoài vương.

Hoài vương phong cho Hạng Lương làm Võ Tín quân, Hạng Võ làm Đại tư mã Phó tướng quân, Phạm Tăng làm Quân sư, Quý Bá và Chung Ly Muội làm Đô Kỵ tướng quân, Anh Bố làm Thiên tướng quân, Hoàn Sở và Vũ Anh

làm Tán Kỵ tướng quân. Tiếng đồn lan xa, Hoài vương lại được một tướng nước Sở trước kia là Tống Nghĩa đem ba vạn quân đến qui phục, thanh thế càng hùng hậu. Sau khi đã chinh đồn triều đình xong,

Hạng Võ lấy danh nghĩa Hoài vương dẫn quân tiến đánh các châu quận chung quanh. Những châu quận này rất ít quân binh nên đến đâu Hạng Võ thắng trận đến đó.

Thừa thế, Hoài vương lại sai Hạng Lương mang quân vượt sông Hoài, đồng thời Hạng Võ đem quân tiến đánh Tương thành. Dù rất oán ghét chế độ nhà Tần nhưng quân sĩ của triều đình vẫn chống giữ rất kiên cường, rất lâu sau Hạng Võ mới phá được thành. Ông ta nổi nóng hạ lệnh giết hết toàn bộ người trong thành khiến chính nghĩa phần nào bị hoen ố.

Khi triều đình nhà Tần biết tin, lập tức sai Chương Hàm đem quân tiêu diệt. Ngay trận đầu Chương Hàm đã giết được Hạng Minh khiến Hoài vương hết sức lo lắng, sai Hạng Lương đem đại quân đi chống với Chương Hàm. Quả nhiên lần này Hạng Lương đã thắng luôn mấy trận vây hãm quân của Chương Hàm trong thành Định Đào. Thế nhưng Hạng Lương quá khinh địch không đề phòng, nửa đêm bị Chương Hàm đánh úp, giết được Hạng Lương.

Trong khi ấy Hạng Võ và Lưu Bang còn bận tiến đánh Trần Lưu, nghe tin Hạng Lương tử trận thì liền rút quân về Bành Thành cố thủ. Sau khi thắng được Hạng Lương, tướng Chương Hàm kiêu ngạo cho rằng quân Sở không có gì đáng phải lo ngại nên hạ lệnh vượt Hoàng Hà tiến đánh nước Triệu, vây hãm Triệu vương Yết và tướng quốc Trương Nhĩ trong thành Cự Lộc. Tướng Triệu là Trần Dư đem quân đến nơi nhưng thấy thanh thế của quân Tần quá mạnh, đành án binh bất động không dám ra giao chiến, cho người báo tin với Hoài vương.

Nghe tin này, Hoài vương liền phong cho Lưu Bang làm Bái công, kéo

quân đánh chính diện, còn quân của Hạng Võ thì theo hướng bắc cứu nước Triệu trước. Để kèm chế Hạng Võ, Hoài vương cho Tống Nghĩa làm Đại tướng, Hạng Võ tuy được phong làm Lỗ công nhưng lại là Phó tướng.

Việc phân công này có phần thiên vị, như thế cánh quân của Hạng Võ sẽ phải gánh thêm nhiệm vụ cứu Triệu, do đó Hạng Võ đã thầm bất mãn trong lòng. Thế nhưng khi đến nơi Tống Nghĩa lại hạ lệnh:

– Ta đã có tính toán sẵn rồi, bây giờ phải án binh bất động, ai trái lệnh sẽ bị chém đầu.

Hạng Võ đang nôn nóng muốn trở tài, nghe vậy hết sức tức giận, lên vào trướng của Tống Nghĩa mà mắng chửi. Bị Tống Nghĩa lấy danh Đại tướng mắng lại, Hạng Võ liền rút kiếm chém rơi đầu, cầm thủ cấp của Tống Nghĩa bước ra nói quân tướng:

– Tống Nghĩa âm mưu với Tần nên không chịu tiến quân, ta theo lệnh của Hoài vương chém đầu làm gương, ai không tuân theo hiệu lệnh của ta cũng bị rơi đầu giống như vậy.

Sau đó cũng với lý do ấy, Hạng Võ cho người về báo với Hoài vương. Tuy Hoài vương không tin tưởng nhưng đành phải bỏ qua việc này, phong Hạng Võ làm Thượng Tướng quân. Năm được binh quyền rồi, Hạng Võ liền sai Anh Bố đem 2 vạn quân vượt Hoàng Hà đến cứu thành Cự Lộc. Thế nhưng Chương Hàm quả là danh tướng của Tần, giao tranh bất phân thắng bại, cuối cùng Hạng Võ phải cho quân vượt Hoàng Hà. Trước khi qua sông, Hạng Võ bắt tất cả đập vỡ nồi nấu cơm, đốt lều trại, sau đó đánh chìm các thuyền để biểu lộ quyết tâm liều chết, chỉ có thắng mới sống sót.

Với khí thế ấy, quân của Hạng Võ đánh 9 trận thắng cả 9 trận, giết mấy tướng của đối phương. Từ đó trở đi danh tiếng của Hạng Võ chấn động khắp các chư hầu, nước nào nghe đến tên của ông đều run rẩy khiếp sợ. Chương

Hàm cũng không khỏi lo lắng, triệu tập toàn bộ các tướng dưới quyền đến bàn soạn. Ngay khi ấy Triệu Cao đã tráo di chiếu, phò Doanh Hồ Hợi lên làm Nhị Thế, rồi sai Triệu Thường mang chiếu chỉ đến bắt tội Chương Hàm đã nhiều lần thất trận. Bất đắc dĩ Chương Hàm phải bằng lòng quy thuận quân Sở sai Trần Hy làm sứ giả. Hạng Võ nghe kể lại mọi chuyện, cười lớn:

– Chính Triệu Cao đã giúp ta diệt Tần mau hơn vậy. Nhưng Chương Hàm giết chú của ta (Hạng Lương), làm sao quên được mối thù này.

Phạm Tăng phải phân tích lợi hại, Hạng Võ mới chịu nghe theo, chấp nhận cho Chương Hàm về đầu hàng quân Sở. Vì việc này Triệu Cao hạ lệnh giết toàn bộ gia quyến của Chương Hàm, ông ta quá uất ức liền hiến kế sách cho Hạng Võ:

– Hiện giờ tình hình đang rối loạn, triều Tần chưa kịp cử tướng đến giữ các cửa quan, Tướng quân nên thừa cơ hội này mau mau tiến quân vượt qua sông Chương. Có thể diệt được nhà Tần mau hơn dự định.

Thế nhưng Hạng Võ lại nghe theo lời của Phạm Tăng rút quân về Bành Thành nghỉ ngơi, đồng thời bệ kiến Hoài vương dâng công. Trong khi Hạng Võ phải đánh với Chương Hàm thì Lưu Bang theo đường thẳng tiến về phía tây, không những được Trương Lương ra phò giúp mà còn đánh thắng Hàn Vinh, thừa thế kéo quân đến đất Bái Thượng đóng trại. Lúc đó trong triều nhà Tần đã xảy ra nội loạn, Triệu Cao giết chết Nhị Thế, phò Tam Thế Doanh Tử Anh lên ngôi.

Nhận ra không còn cách nào chống đỡ, Tam Thế rơi nước mắt, gói ngọc tỷ vào một cái khăn, rồi mặc áo trắng đến xin đầu hàng Lưu Bang. Thế là Lưu Bang vào thành Hàm Dương trước. Hạng Võ nghe tin này hết sức tức tối, hội toàn bộ quân chư hầu kéo đến trước ải Quan Trung. Lúc đó quân của Lưu Bang đã trấn giữ ải này nên Hạng Võ tạm thời đóng binh xem xét tình

thế. Trong lúc chờ đợi, Hạng Võ giả trang đi tuần, nghe được những lời oán trách của bọn hàng binh nước Tần thì nổi cơn giận dữ, về trại hạ lệnh giết toàn bộ, chỉ giữ lại ba tướng Tần là Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đồng Ế.

Đêm hôm ấy Anh Bố đem 30 vạn quân đến chỗ các hàng binh, bắt toàn bộ 20 vạn quân Tần chôn sống, tiếng kêu khóc vang động cả một góc trời. Hành động này của Hạng Võ còn tàn ác hơn cả Bạch Khởi khi xưa đã giết 40 hàng binh nước Triệu bởi vì tính cách của nó khác nhau. Bạch Khởi đang trên đà tiến quân không thể nuôi hay giữ số hàng binh lớn như vậy, còn Hạng Võ chỉ vì một vài lời than vãn mà xuống tay, khiến ai nấy đều rùng mình. Đây cũng là một phần nguyên nhân Hạng Võ sau này thất bại trước Lưu Bang luôn luôn lấy nhân nghĩa ra thu phục thiên hạ.

Sau đó Hạng Võ phong cho Chương Hàm làm Tần vương, đồng thời bày trận sửa soạn đánh chiếm Hàm Cốc. Lưu Bang tự biết không thể nào đối địch với Hạng Võ nổi nên phải xuống nước điều đình, Hạng Võ liền mở yến tiệc tại Hồng Môn, trong ý muốn giết chết Lưu Bang tại chỗ, nhưng nhờ nhiều người giúp đỡ, cuối cùng Lưu Bang chạy thoát về Bái Thượng.

Hạng Võ cũng không vội, kéo quân đến Hàm Dương bắt Tam Thế Doanh Tử Anh đem chém đầu. Thật thương cảm cho ông vua trẻ tuổi mới làm Hoàng đế được 43 ngày đã phải rơi đầu vì tội lỗi của cha ông. Chưa hả giận, Hạng Võ còn sai quân nổi lửa đốt cháy cung A Phòng mấy tháng chưa tắt lửa. Xong việc Hạng Võ liền sai người về xin Hoài vương phong Vương, thế nhưng Hoài vương trả lời với Hạng Võ:

– Là vua không nói chơi. Ta đã ước hẹn trước rồi, không thể trái lời.

Hạng Võ nghe báo thì lại nổi cơn giận, tự lập mình làm vua, xưng hiệu là Tây Sở Bá vương, quyết định đóng đô ở Bái Thượng để cai trị. Với danh nghĩa này, Hạng Võ bắt buộc Hoài vương phải thiên đô đến Giang Nam

nhưng giữa đường bí mật sai Anh Bố giết chết. Phạm Tăng sợ quân chư hầu cùng với quân của Lưu Bang cứ đóng ở Hàm Dương thì rất nguy hiểm, nói với Hạng Võ phong chức rồi truyền cho họ trở về là hay hơn. Hạng Võ nghe theo, phong cho Lưu Bang làm Hán vương đóng đô ở Nam Trịnh, Ba Thục; Chương Hàm làm Ung vương đóng đô ở Phế khâu, Tư Mã Hân làm Tắc vương đóng đô ở Lịch Dương; Đồng Ế làm Địch vương đóng đô ở Cao Nộ; Thần Dương làm Hà Nam vương đóng đô ở Lạc Dương; Anh Bố làm Cửu Giang vương đóng đô ở Lục Hợp; Ngụy Báo làm Tây Ngụy vương đóng đô ở Bình Dương; Tư Mã Ngang làm Ân vương đóng đô ở Triều Ca; Trương Nhĩ làm Thường Sơn vương đóng đô ở Tương châu; Cung Ngao làm Lâm Giang vương đóng đô ở Giang Lăng; Yên vương Hàn Quảng làm Liêu Đông vương; Tề vương Điền Thị làm Giao Đông vương; Điền Đô làm Tề vương đóng đô ở Lâm Tri; Điền An làm Tế Bắc vương đóng đô ở Bắc Dương.

Nam Trịnh là đất hoang vu, đường đi lại rất cheo leo hiểm trở, chỉ độc nhất mỗi con đường Sạn đạo nên Lưu Bang không muốn nhận đất phong, Trương Lương phải thuyết phục nhiều lần ông ta mới ưng chịu. Trong khi vua tôi Lưu Bang kéo nhau vào đất Ba Thục thì nội bộ của Hạng Võ cũng không yên ổn, các chư hầu hết sức bất mãn về việc phân phong nên sau khi về tới đất phong thì một số liền nổi dậy chống lại Hạng Võ. Đã quá thoả mãn với ngai vị của mình, Hạng Võ đóng đô ở Bành Thành không còn nghĩ đến việc chinh phạt nữa. Tuy nhiên để đề phòng Lưu Bang, ông ta cũng sai ba hàng tướng Tàn là Chương Hàm, Đồng Ế và Tư Mã Hân phải tích cực trấn giữ Tam Tần.

Những sự việc sai lầm của Hạng Võ khiến một viên tướng nhỏ là Hàn Tín bất mãn, lẻn trốn đến Ba Thục đầu quân với Lưu Bang và được phong làm “Phá Sở Đại Nguyên soái”. Nhờ tài trí của Hàn Tín, quân Hán lập kế

“Minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương” bất ngờ theo đường nhỏ tiến ra Quan Trung, liên tiếp đánh bại ba hàng tướng trấn Tam Tần, thẳng tiến đến Hàm Dương.

Thừa thế Lưu Bang sai Hàn Tín đem quân đi đánh các nước chư hầu như Ngụy, Tề, Triệu, đến đâu danh tướng này cũng đều chiến thắng. Cùng lúc ấy Lưu Bang lấy cớ là báo thù cho Hoài vương, tiến quân tấn công Bành Thành. Lúc ấy Hạng Võ còn đang bận ở nước Tề, vội vàng sai Chung Ly Muội và Long Thư ở lại tiếp tục đánh phá, còn mình thì dẫn đại quân về Bành Thành. Khi còn cách 30 dặm. Hạng Võ oai phong viết chiến thư đưa sang thách thức Lưu Bang.

Ngay trận đầu Hạng Võ đã tỏ oai phong, hét lên một tiếng lớn khiến Tư Mã Ngang đã về đầu hàng Hán vương kinh sợ đến nỗi ngã xuống ngựa, bị Hạng Võ xông đến đâm cho một thương chết tốt. Thấy hai tướng cũng của mình là Thân Dươg và Trương Nhĩ hợp sức cùng đánh, Hạng Võ cả giận một mình đấu với hai tướng, rốt cuộc giết được Thân Dươg, còn Trương Nhĩ chạy thoát. Thừa thắng quân Sở tràn lên đánh giết quân Hán một trận toại bời.

Trận thứ nhì tuy Hán vương đã điều động nhiều tướng giỏi ra đánh nhưng vẫn không thể chống nổi với sức mạnh kinh người của Hạng Võ, quân Hán đại bại lần nữa, máu chảy thành sông. Lưu Bang chạy trốn về thành nhưng hai hàng tướng là Tư Mã Hân và Đồng Ế một lần nữa trở mặt, mở cửa thành đón Hạng Võ vào mất rồi. Lưu Bang rụng rời cả tay chân, tìm đường nhỏ chạy thực mạng Lưu Bang tưởng đâu đã bỏ mạng khi bị quân của Đĩnh Công chặn đường. May sao Đĩnh Công vốn rất hâm mộ Lưu Bang, chỉ đường cho ông ta chui xuống một cái giếng cạn bên góc rừng mới thoát thân.

Hạng Võ không giết được Lưu Bang nhưng thấy toàn quân của đối

phương đã tan vỡ thì không truy sát nữa, mấy hôm sau tiếp tục đem quân đi đánh nước Tề. Với tài sức vô cùng anh dũng, chẳng bao lâu Hạng Võ đã tiêu diệt xong nước Tề, để một tướng ở lại trấn thủ, còn bao nhiêu kéo về Bành Thành an dưỡng, chờ sau khi quân tướng khỏe mạnh sẽ tiến đánh tiêu diệt Hán vương Lưu Bang bằng được.

Khi đã chấn chỉnh xong quân mã, Hạng Võ không quên được đối thủ khó chịu đang cản trở việc thống trị thiên hạ của mình, lập tức điểm quân tiến đến Huỳnh Dương. Tiếc rằng lúc đó Tiêu Hà đã tăng viện thêm cho Lưu Bang mấy vạn quân, đồng thời chuyển vận lương thảo đầy đủ nên mấy lần Hạng Võ tiến đánh mà không thành công. Sau đó Hạng Võ lại dùng mưu kế sai Tôn Thúc Thông trá hàng làm nội ứng nhưng rốt cuộc cũng bị Trương Lương và Trần Bình nhìn ra, chém đầu Tôn Thúc Thông. Trong chiến dịch này Hạng Võ không cho Phạm Tăng theo quân nên khi nghe tin Tôn Thúc Thông bị giết thì chán nản nói với các tướng:

– Mưu kế dùng Tôn Thúc Thông làm nội ứng của ta hỏng mất rồi. Nếu cứ chần chừ ở đây mãi, Hàn Tín kịp đem quân về chiếm Bành Thành thì ta nguy mất, phải mau rút về thôi.

Long Thư lo lắng nói:

– Tất nhiên là phải rút quân nhưng chỉ sợ quân Hán sẽ thừa cơ truy kích. Cần phải có kế sách vẹn toàn mới được.

Hạng Võ nghe theo, mỗi ngày cho một ít quân lặng lẽ rút lui nhưng đồng thời vẫn đánh trống phất cờ như cũ. Nhờ vậy quân Sở rút đi êm thấm, khi Hán vương Lưu Bang biết tin thì quân Sở đã đi khá xa rồi. Hạng Võ về đến Bành Thành kể lại cho Phạm Tăng nghe mọi chuyện. Phạm Tăng liền đập tay xuống bàn than lớn:

– Thôi rồi, Đại vương đã trúng kế của Trương Lương rồi vậy. Cái tin Tôn

Thúc Thông bị chém đầu chính là để Đại vương rút quân, hấn chưa chết đâu. Hạng Võ hết sức tức giận nhưng vẫn còn lo ngại Hàn Tín mạng quân về kịp nên đành nuốt giận hạ lệnh cho ba quân xếp giáp nghỉ ngơi.

Một thời gian sau Hạng Võ nghe tin Hàn Tín đã bình định xong nước Yên, sửa soạn kéo quân đánh nước Tề thì rất kinh sợ, bàn với Phạm Tăng tiến đánh Huỳnh Dương lần nữa để trừ hậu họa. Được sự tán đồng của Phạm Tăng, Hạng Võ liền điểm 10 vạn quân mã rầm rộ kéo đến thành Huỳnh Dương. Lưu Bang nghe tin cũng hốt hoảng bởi vì lực lượng của Hạng Võ còn hùng hậu hơn lần trước nhiều lần, Trần Bình liền hiến kế sách:

– Quả nhiên chúng ta không thể chống với Hạng Bá vương nổi. Theo thần thì phải dùng kế ly gián, tức là loại trừ Phạm Tăng trước. Hạng Bá vương tuy sức địch muôn người nhưng hữu dũng vô mưu, không có Phạm Tăng trước sau gì cũng thất bại.

Lưu Bang rất mừng, lập tức trao cho Trần Bình bốn vạn nén vàng để thi hành. Trước tiên, Trần Bình thuê nhiều người phao tin đồn rằng Chung Ly Muội, Long Thư lập công lớn mà không được Hạng vương ban phong đất đai, vì vậy trong lòng muốn thông đồng với Hán vương, hợp sức đánh Sở. Lời đồn này đến tai Hạng Võ, ông ta đâm ra hoang mang, vì vậy khi bao vây thành Huỳnh Dương không cho bất cứ tướng nào theo hầu, một mình cưỡi ngựa quanh thành dò xét tình hình.

Vì bị nghi ngờ nên hầu hết các tướng Sở đều không hết lòng chiến đấu, do vậy công phá luôn 7 ngày vẫn không thành công. Đợi đến lúc đó, Trần Bình mới tiếp tục thi hành kế sách ly gián, sai Tùỳ Hà làm sứ giả đến quân doanh Sở thương lượng cắt đất giải hòa. Hạng Võ đang lúc phân vân, nghe vậy ý muốn bằng lòng nhưng Phạm Tăng can ngăn, nói:

– Đây là do Đại vương tiến đánh quá dữ dội nên Hán vương mượn cớ cầu

hòa để củng cố lực lượng đó thôi. Xin Đại vương chớ nghe lời dối trá của bọn chúng mà hãy đốc thúc đánh thành mạnh hơn nữa tất đoạt được ngay.

Hạng Võ không biết nên tính ra sao, cho Tùy Hà về trước rồi sẽ cho sứ giả vào thành trả lời sau. Lợi dụng cơ hội ấy, khi sứ giả của Hạng Võ là Ngu Tử Kỳ vào thành thì Lưu Bang theo kế của Trần Bình, sai người bày tiệc hết sức linh đình nhưng lúc Ngu Tử Kỳ đến dự tiệc thì Trần Bình và Trương Lương đứng ra cho biết Hán vương đêm qua uống rượu quá say không tiếp kiến ngay được.

Trần Bình chợt hỏi:

– Phạm quân sư lâu nay vẫn mạnh khỏe phải không? Ông có dặn gì riêng cho ngài thì cứ cho tôi biết cũng được?

Ngu Tử Kỳ ngỡ ngác không hiểu, sau đó chau mày đáp:

– Tôi là sứ giả của nước Sở, đâu phải người của Phạm quân sư mà các ông hỏi lạ vậy?

Trần Bình và Trương Lương vờ nhìn nhau kinh ngạc rồi giả như ghé tai nhau nói nhỏ, thật sự là vừa đủ cho Ngu Tử Kỳ nghe được:

– Tưởng là người của Phạm quân sư nên mới bày tiệc lớn thế này. Hóa ra không phải mất rồi.

Sau đó hai người quay đi ngay, sai gia nhân đưa Tử Kỳ đến một căn phòng chật hẹp, cơm nước dọn lên rất tầm thường khiến Tử Kỳ vô cùng then thừng. Hôm sau nghe tin Hán vương đã tỉnh táo, Ngu Tử Kỳ sợ mất thời gian, vội vã đến thẳng quân doanh xin tiếp kiến. Viên quan hầu cận cho biết Hán vương chưa sửa soạn xong, dẫn Tử Kỳ vào một căn phòng rất kín đáo ngồi chờ. Mãi không thấy Hán vương ra tiếp kiến, Ngu Tử Kỳ đi quanh một vòng, chợt thấy bức thư nằm lấp ló dưới quyển sách thì tò mò rút ra đọc thử. Thư viết rất ngắn: “Hạng vương không được thiên hạ tâm phục, thế lực yếu

dân. Đại vương đừng chấp nhận giải hòa, hãy mau chóng gọi Hàn Tín về giúp sức đối địch, phía trong đã có chúng tôi làm nội ứng. Số vàng mà Đại vương ban cho quyết không dám nhận”.

Bức thư để trống không ký tên nhưng Ngu Tử Kỳ đọc xong thì liền liên tưởng ngay tới những lời đồn đại gần đây, lén giấu mật thư vào túi rồi trở về chỗ cũ ngồi như trước. Lúc đó Hán vương mới đăng triều, mời Ngu Tử Kỳ vào bàn bạc vớ vẩn vài câu là cho sứ giả về ngay. Ngu Tử Kỳ lập tức yết kiến Hạng vương trình bày mọi việc. Hạng vương đọc xong bức mật thư thì bừng bừng sát khí, quát lớn:

– Tên giặc gì ấy đã bắt mất ta từ lâu, quả nhiên nay dám giở trò nội ứng, định làm phản thì ta quyết không thể tha chết cho hãn được.

Ngu Tử Kỳ cố gắng khuyên giải, cho rằng bức mật thư không đề tên tuổi rõ ràng thì chưa có chứng cứ, xin Hạng vương giấu kín để điều tra cho minh bạch rồi hãy có quyết định sau. Nghe vậy Hạng vương giảm bớt cơn giận. Thế nhưng Phạm Tăng có nhiều tai mắt, lập tức nghe biết chuyện này, tự mình vào yết kiến Hạng vương để thanh minh. Chờ Phạm Tăng thanh minh xong, Hạng vương đáp thông:

– Ngu Tử Kỳ là kẻ thân tín của ta, đời nào lại đi nói dối!

Phạm Tăng nghe vậy biết rằng khó có thể lay chuyển được tâm ý của Hạng vương nữa rồi bởi vì ông ta gần như không thèm nghe lời của mình vào tai, đành xin được về quê an dưỡng tuổi già, sau đó vì quá uất ức chết trên đường đi, thọ được 71 tuổi.

Sau đó Hạng Võ mới nhận ra mình đã trúng kế ly gián, lập tức tiến quân đánh rất dữ. Lúc ấy Hạng Võ cũng sai quân tướng chia nhau ra đánh chặn các đường tiếp tế khiến trong thành hết sức khốn đốn. Cuối cùng Trần Bình phải đưa ra kế sách khác, thuyết phục một viên tướng có diện mạo khá giống

Lưu Bang là Kỷ Tín đóng giả Hán vương. Nhờ vậy quân Sở ùn ùn kéo đến bao vây chiếc xe do Kỷ Tín mặc hoàng bào ngồi phía trong, Lưu Bang mới thừa cơ lên ra phía sau tẩu thoát.

Hạng Võ liền sai Quý Bá và Long Thư dẫn quân truy kích, luôn ba ngày ba đêm không nghỉ nhưng Lưu Bang đã chạy đến Thành Cao mất rồi, đành phải dẫn quân trở về báo lại. Hạng Võ nghe vậy hết sức tức giận, tạm hoãn việc đánh Thành Cao, dồn lực lượng chiếm thành Huỳnh Dương. Khi ấy trong thành vẫn còn hai tướng nhà Hán là Trung Thu và Chu Hà cố thủ, chém đầu Ngụy Báo làm hiệu lệnh nên quân sĩ liền chết giữ thành, 10 ngày sau vẫn đứng vững như đồng.

Khi ấy không còn Phạm Tăng, Hạng Võ phải đưa thúc phụ là Hạng Bá lên làm Quân sư. Hạng Bá liền xin cứ quyết đánh thì mới thành công được. Hạng Võ nghe theo, hạ lệnh cho quân sĩ nếu lui về thì chém đầu. Do vậy quân Sở không còn cách nào khác là phải tử chiến, cuối cùng hạ được thành, bắt sống cả Trung Thu lẫn Chu Hà đem chém đầu làm gương. Khi xong việc, Hạng Võ theo kế sách của Hạng Bá, vỗ yên dân chúng Huỳnh Dương, đồng thời tiến quân bao vây Thành Cao, tiến quân đánh cả bốn mặt.

Thế nhưng đúng lúc ấy quân của Vương Lãng đang đánh Bành Thành và quân của Anh Bố cũng đang kéo về nên phải theo lời khuyên của Hạng Bá chia quân ra đón đỡ hai đường kia, đồng thời vẫn tiếp tục tiến đánh Thành Cao. Mấy lần Hán vương Lưu Bang cho gọi quân của Hàn Tín về cứu giá nhưng không được hồi âm, bất đắc dĩ đang đêm phải lén trốn ra khỏi thành, đến nước Triệu mà trách cứ Hàn Tín. Đó là thời điểm năm 204 trước Công nguyên.

Thế nhưng Lưu Bang không dám cách chức của Hàn Tín, chỉ mắng vài lời rồi xuống lệnh đi đánh nước Tề. Với tài cầm quân tài ba của ông, chỉ

trong một thời gian ngắn đã tiêu diệt được quân đội nước Tề. Hạng Võ nghe tin thì thất sắc, sai Long Thư và Chu Lan điếm 3 vạn quân mã cấp tốc đi cứu Tề vương. Chẳng may Long Thư quá kiêu ngạo, không nghe lời khuyên của Chu Lan nên trúng kế ngăn nước sông Duy thủy của Hàn Tín, bị Tào Tham chém rơi đầu. Lúc ấy Hạng Võ đã cho quân đến đất Bái bắt toàn bộ gia quyến của Lưu Bang, nên thấy Hàn Tín đã ổn định được nước Tề thì liền sai hợp quân cùng mình tiến đánh Hạng Võ.

Lần này Lưu Bang thu phục được viên tướng người Thổ Phiên là Lâm Phiên, có thân hình cao to, mặt mày hung hãn, sức mạnh muôn người không địch lại nên mới ra trận đầu đã đánh tan tành quân Sở. Hạng Võ nghe vậy hết sức tức giận, quát mắng các tướng:

– Chỉ là một tên Thổ Phiên mà các người không địch nổi thì còn mong gì chiếm hết thiên hạ?

Mắng xong tự thân Hạng Võ đem quân đến đấu với Lâm Phiên. Được mấy hiệp quả nhiên Lâm Phiên không sao địch nổi Hạng Võ, phải quay ngựa bỏ chạy. Hạng Võ quyết đuổi theo nên Lâm Phiên toan tính sẽ quay người bắn ngược lại một mũi tên. Thế nhưng Hạng Võ nhìn thấy, quát một tiếng như sấm nổ. Lâm Phiên ghê gớm như vậy mà cũng bị tiếng quát làm run rẩy cả tay chân, vội vàng quát ngựa bỏ chạy. Thấy Hạng Võ quyết đuổi theo, Lưu Bang phải thân cùng các tướng kéo binh ra cứu trợ, Lâm Phiên mới chạy thoát. Thế nhưng vì việc này mà Lưu Bang bị trúng tên, tuy chỉ bị thương nhưng về khi lên ngôi Hoàng đế rồi, vết thương tái phát mà chết. Tuy thắng trận nhưng Hạng Võ cũng biết tình thế chưa thể đại thắng, cho quân rút rút lui. Lưu Bang bị vết thương ấy hành hạ mê man, cũng phải lui về Thành Cao nhờ Hàn Tín giúp sức.

Sau khi chinh đốn quân mã xong Hàn Tín đem đại quân đến thách chiến

với Hạng Võ. Thấy thanh thế của Hàn Tín rất mạnh, Hạng Võ liền dùng Thái công, phụ thân của Lưu Bang ra làm điều kiện quân Hán phải lui binh. Thế nhưng Lưu Bang theo lời của Trần Bình, nói với sứ giả nước Sở:

– Ta và Hạng Võ đã kết nghĩa anh em, phụ thân của ta cũng là phụ thân của hã. Nay muốn giết hay muốn nuôi dưỡng là tùy ý.

Vì việc này Hạng Võ rất bối rối, bất đắc dĩ phải đem quân đối chiến. Trận đánh này hết sức dữ dội bởi hai bên đều có danh tướng tài ba xuất trận, Hạng Võ giao chiến với Hàn Tín, các tướng nhà Hán giao chiến với các tướng Sở, tiếng quân reo ngựa hí vang trời động đất. Hạng Võ quả nhiên là thần tướng, đến như Hàn Tín đánh vài hiệp đã bủn rủn tay chân, thúc ngựa bỏ chạy. Hạng Võ thúc ngựa đuổi theo, khi đến chân núi Quảng Vũ thì không thấy Hàn Tín đâu nữa. Chung Ly Muội vội ngăn cản, nói:

– Hàn Tín vốn là người đa mưu túc kế. Vì vậy nếu bại trận chắc cũng đã bố trí đâu đó sẵn sàng. Nếu như Đại vương tiến vào đây là lối đi độc đạo thì e rằng có phục binh sẽ không còn đường thoát.

Hạng Võ nghe theo, cho dừng quân chứ không đuổi theo. Quả nhiên quân Hán mai phục thấy vậy liền nổ pháo hiệu xông ra, ba mặt bao vây. Thấy quân tướng Sở đều kinh hoảng, Hạng Võ liền tức giận nói lớn:

– Ta từ khi cưỡi ngựa chiến chinh đến nay giết hàng chục vạn quân sĩ, chém đầu hàng chục tướng địch. Bây giờ đã có ta thì các người còn sợ hãi gì nữa, mau xông lên đánh bại quân Hán cho ta.

Nói xong chính Hạng Võ tiến lên trước, tả xung hữu đột đánh phá khiến quân Hán vô cùng kinh sợ, phải dạt qua hai bên thành một lối thoát nhỏ. Thấy Hạng Võ sắp ra khỏi trận địa, phía quân Hán sai Anh Bố, Lâm Phiền, Tào Tham, Sài Vũ cùng lướt xông ra; phía quân Sở các danh tướng như Chung Ly Muội, Hoàn Sở, Quý Bá cũng xông lên đấu chiến kịch liệt khiến

bụi đất tung bay mù mịt cả một vùng. Hai bên đấu nhau đến khi trời sụp tối thì quân Sở yếu thế hơn, Hạng Võ đành phải dẫn quân theo đường núi mà chạy. Chẳng ngờ Hàn Tín đã sắp đặt sẵn dùng hỏa công đánh phá khiến quân Sở chết thối vô số.

Thấy quân mình đang thắng thế, tướng Thổ Phiên là Lâm Phiên hung hăng thúc ngựa thẳng vào trung quân, định giết Hạng Võ lập công. Tuy đang thất thế nhưng Hạng Võ vẫn còn uy phong hơn người, hét lên một tiếng vang trời rồi vận lực chém Lâm Phiên một đao đứt làm hai đoạn. Cùng lúc ấy hai tướng Chu Ân và Hoàn Sở đánh bọc hậu phía sau quân Hán mới đưa Hạng Võ ra khỏi vòng vây, thu góp tàn quân đóng trại nghỉ ngơi. Tuy trận này Hàn Tín thắng trận nhưng đó là nhờ vào một loạt mưu kế bày sẵn, trong khi đó Hạng Võ thất thế mà vẫn đánh giết được khá nhiều quân tướng nước Hán thì đủ biết sự dũng mãnh của ông ta thật kinh người.

Hai bên nghỉ ngơi xong lại tiếp tục bày trận giao chiến. Lần này Hạng Võ tưởng như đã chết không còn đường nào thoát thân, bất ngờ tự nhiên quân Hán đại loạn vệt ra thành một con đường trống, Hạng Võ theo đó mà chạy về doanh trại. Hóa ra là do công của các tướng Quý Bá, Chu Lan, Chu Ân và Chung Ly Muội đồng lòng phá trận. Hạng Võ liền hỏi thế trận kỳ lạ của Hàn Tín là gì thì Chu Lan thưa:

– Hạ thần trước kia theo học trận thế của Lý Thiệu ở Hoa sơn, biết đó là trận Thái Ất chia làm nhiều cửa sinh tử, âm dương, nên liền cùng các tướng đánh vào cửa sinh, may mắn mới cứu được Đại vương.

Hạng Võ hết lời khen ngợi, ban tặng cho Chu Lan một chén ngự tửu rồi lập mưu đem Thái công ra làm áp lực với Hán vương. Tuy đã được Hạng Bá lên giúp đỡ nhưng Lưu Bang vẫn biết đó chỉ làm tạm thời, nghe theo lời Trương Lương chấp nhận nghị hòa. Thật sự Hạng Võ đang có phần thắng thế

nhưng tự nghĩ: “Ta cùng với quân Hán đã nhiều phen giao tranh, đôi bên đều thiệt hại nặng nề. Thêm vào đó bây giờ quân tướng cũng đã quá mệt, lương thực thiếu thốn, chỉ bằng tạm thời hòa hoãn, lúc nào đánh mà chẳng được?”.

Vì vậy Hạng Võ quyết định cho Hán vương giải hòa, lấy đất Hồng Câu làm ranh giới. Sau đó Hạng Võ giữ đúng lời hứa, giao vợ chồng Thái công về cho Hán vương Lưu Bang. Thế nhưng khi đã cứu được phụ thân, Lưu Bang lại trở mặt cho quân tiếp tục đánh chiếm các đất bên kia ranh giới. Hạng Võ cũng đã sẵn sàng, lập tức cho hội quân ở cố Lãng, viết chiến thư hẹn ngày tái đấu.

Hán vương Lưu Bang không ngờ Hạng Võ lại sửa soạn mau chóng như vậy, lại còn thách chiến tức là hùng khí vẫn còn mạnh mẽ nên hơi kinh hoảng, lập tức viết thư gọi Hàn Tín mang quân trở về. Chẳng ngờ Hạng Võ nói là làm ngay, chưa thấy quân tiếp viện đâu thì quân Sở đã chiếm luôn mấy thành. Hán vương Lưu Bang đành theo kế của Trương Lương án binh bất động, lấy tĩnh chế động.

Mấy ngày sau Lưu Bang lại nghe theo lời của Chu Lan, cho mấy tướng đem quân giao chiến thử xem thực lực của quân Sở mạnh yếu thế nào. Chẳng ngờ Hạng Võ rất hùng dũng, một mình giao chiến với mấy tướng Hán mà vẫn thừa sức đuổi họ chạy dài. Lưu Bang phải cho Ngạn Hấp dẫn một lúc 10 viên tướng ra đánh chặn lại. Dù vậy quân Hán cùng đại bại, chết rất nhiều, các tướng Hán đành phải chạy về thành Cố Lãng không dám ra đấu chiến nữa.

Một lần nữa Hán vương đại bại dưới tay của Hạng Võ, phải lén thừa cơ quân Sở bất ý, đánh phá một đường thoát thân, chạy về Thành Cao. Khi nào Hạng Võ lại bỏ qua việc này, kéo hết binh mã đến vây đánh Thành Cao,

nhưng sau 3 ngày thì quân lương thiếu thốn, phải tự rút lui.

Thấy thế quân của mình không sao chống nổi với sức mạnh thần dũng của Hạng Võ, Hán vương Lưu Bang vô cùng lo lắng, triệu các mưu sĩ lại bàn bạc. Trương Lương liền hiến kế phong chức cho các tướng ở xa, rồi sau đó gọi họ về hợp binh. Khi đã được làm Vương và có đất phong riêng, các tướng ấy tất sẽ đồng lòng đánh Sở. Như vậy mới có thể tiêu diệt được Hạng Võ hoàn toàn.

Hán vương nghe theo, phong cho Hàn Tín làm Tam Tề vương, cai trị Lâm Tri và 9 quận huyện; Bành Việt làm Đại Lương vương cai trị đất Lương; Anh Bố làm Hoài Nam vương cai trị đất Hoài Nam. Chính Trương Lương đích thân cầm sắc phong đi đến các đất chư hầu và nhân cơ hội ấy thuyết phục họ đem hết quân sĩ đến hội hợp, quyết đánh một trận cuối cùng với Hạng Võ. Nghe tin Hán vương đã hội tụ đến 100 vạn quân, Hạng Võ thất kinh, nghĩ đến lời khuyên của Phạm Tăng là phải giết Lưu Bang thì vô cùng hối hận. Tiếc rằng một lần nữa Hạng Võ tính toán sai lầm, thay vì phải khôn khéo phủ dụ gọi quân của Chu Ân ở Giang Đông về tiếp trợ thì lại sai Lý Ninh đem hai đạo hịch văn đi triệu Chu Ân, đồng thời chiêu tập số quân mã ở Giang Đông. Trong hịch văn lời lẽ rất ép buộc nên Chu Ân bất mãn quyết định không tuân lệnh.

Việc này làm cho Hạng Võ hết sức tức giận nhưng ngay lúc ấy Thái thú Cối Kê là Ngô Đan đem quân đến kết hợp, tính ra được hơn 50 vạn nên tạm thời Hạng Võ không tính đến việc trừng trị Chu Ân nữa. Hàn Tín cũng biết tin này, tính toán hai bên số lượng quân tướng khá ngang bằng, khó có thể trong một trận mà giết được Hạng Võ nên bàn với Lý Tả Xa lập mưu dụ Hạng Võ vào chỗ chết. Lý Tả Xa bằng lòng, đến quân doanh của Hạng Võ trá hàng, sẽ tìm lời ngon ngọt dẫn dụ quân Sở lọt vào thế trận mai phục.

Thời điểm này là mùa thu năm 202, đại quân của Hán vương kéo ra khỏi Thành Cao, đến núi Cửu Lý thì hạ trại. Hạng Võ đang tính đem đại quân đánh luôn thì Chu Lam khuyên can nên nghe theo, tạm thời án binh bất động. Tiếc rằng Lý Tả Xa là gian tế, thấy vậy liền tranh cãi với Chu Lan, cho rằng phải tiến quân ngay mới xứng mặt anh hùng. Hạng Võ bị đánh trúng vào điểm yếu, quyết định xuất binh, không nghe lời của Chu Lan nữa. Đúng lúc xuất quân, đột nhiên có một cơn cuồng phong rất mạnh, cuốn gãy cây đại kỳ ở Trung quân. Các tướng Sở đều cho đó là điềm chẳng lành, xúm lại tâu xin Bá vương tạm thời đừng xuất quân. Hạng Võ liền cười mà nói với các tướng:

– Trước kia Vũ vương xuất quân đi phạt Trụ vương cũng xảy ra việc quân kỳ bị gió cuốn gãy. Khương Thái công cho đó là việc tự nhiên của trời đất, khuyên Vũ vương cứ động binh, rồi cuộc thành công. Nay ta là một danh tướng không ai địch lại, quân mã cũng hùng tráng, lại rầm rộ kéo đi muôn người đều biết. Sao lại có thể vì chuyện nhỏ nhặt ấy mà dừng binh được?

Lý Tả Xa cũng nhân vậy dùng lời lừa dối là Hàn Tín đang định đem quân trở về, còn Hán vương thiếu lương thực phải đưa một số quân tướng về Thành Cao rồi. Nghe vậy Hạng Võ lại càng quyết tâm, nhất định cho đại binh tiến phát, ai ngăn trở sẽ bị chém đầu. Chẳng ngờ khi đã bày binh bố trận thì đột nhiên Lý Tả Xa cùng bọn tùy tùng trốn đi hết. Lúc ấy Hạng Võ mới biết mình đã trúng kế của Trương Lương nhưng đã lỡ đem binh đến nơi, mặt mũi nào rút lui. Hạng Võ liền cắt đặt Chung Ly Muội thống lĩnh 3 vạn quân đóng ở phía tả; Quý Bá thống lĩnh 3 vạn quân đóng ở phía hữu; Hoàn Sở làm Tiền quân, Ngu Tử Kỳ đi hậu hợp.

Với thế trận nghiêm minh chặt chẽ của quân tướng nước Sở, thật khó lòng đánh phá nổi nên Hàn Tín lại xin đích thân Lưu Bang ra trận, dùng những lời xác láo mới dẫn dụ Hạng Võ vào chỗ chết được. Lưu Bang nghe

theo.

Hai bên dàn trận xong xuôi lập tức nổi trống khua chiêng tiến đánh luôn mấy trận, hầu hết Hạng Võ đều thắng thế bởi không có tướng nào của nhà Hán địch lại. Ngay lúc ấy Lưu Bang xuất hiện, từ trên gò cao mắng chửi xuống khiến Hạng Võ hết sức tức giận, lặn tức đuổi theo. Quý Bá quan sát hai bên hình như có quân Hán mai phục thì kinh hoảng thúc ngựa chạy theo Hạng Võ, lớn tiếng kêu gọi:

– Lưu Bang bỏ chạy mà quân sĩ vẫn còn đứng lại thì là mưu kế của Hàn Tín đó.

Hạng Võ nghe được, giật mình quay ngựa lại ngay. Thế nhưng đến lượt Lý Tả Xa xuất hiện, vừa cười khanh khách vừa đưa ra lời bõn cợt khiến Hạng Võ nổi giận đỏ bừng cả mặt, không sao kiềm hãm được nữa, thúc con ngựa Ô Truy phóng tới như bay. Lý Tả Xa đã tính toán sẵn đời nào để Hạng Võ bắt được, lượn lờ một hồi đột nhiên biến vào đâu mất. Hạng Võ còn đang ngơ ngác thì từ bốn phía quân Hán ầm ầm đổ ra, tên cũng bắn như mưa.

Hạng Võ cùng với Chung Ly Muội và Quý Bá hết sức xung phá vòng vây, giết hết lớp này đã có lớp kia xông lên, càng đánh càng thấy quân Hán hình như nhiều hơn chứ không vơi đi chút nào. Hạng Võ nhìn xa xa thấy có cờ hiệu của Hàn Tín đi tới thì than dài:

– Lần này ta khó mà thoát được.

Lâm vào hoàn cảnh sinh tử, Hạng Võ vận hết thần lực, hét lên một tiếng rồi múa đao đánh tả chém hữu, giết vô số quân tướng nhà Hán. Thế nhưng ông liếc mắt nhìn lại, chung quanh mình chỉ còn hai tướng và mấy ngàn quân, người nào cũng máu me đầy mình thì không khỏi chán nản. May sao lúc đó Chu Lan dẫn quân đến kịp thời, hợp cùng với Hạng Võ, Quý Bá và Chung Ly Muội mở một con đường máu chạy về tới doanh trại. Lúc ấy trời

đã tối, quân sĩ vừa định dâng thức ăn lên thì Hạng Võ lại nghe Ngu Tử Kỳ báo tin là Bành Thành đã bị chiếm. Ngu Tử Kỳ cũng khuyên Hạng Võ nên đến Kinh Sở, Hồ Tương tạm đóng quân, nghe ngóng xem tin ấy có đúng không. Hạng Võ nhất định không nghe, cùng đại quân suốt đêm chạy về Bành Thành. Khi đến Tiêu quận, nhìn lên đã thấy cờ Hán bay phấp phới. Hạng Võ nghiến răng tức hận, nói với các tướng:

– Từ khi ta khởi binh cho đến nay cũng có thắng có thua nhưng chưa bao giờ nặng nề nhục nhã như ngày hôm nay. Ta quyết đến Bành Thành tử chiến mấy trận nữa để khỏi mất danh tiếng.

Tiếc rằng Bành Thành đã thất thủ thật chứ không phải tin đồn, Hạng Võ nghiến răng gầm lên như sấm rồi quát ngựa Ô Truy chạy ngược về phía trận Cừ Lý. Lúc này ông đã gần như điên dại, xông pha vào chỗ quân Hán huy động đại đao chém bừa bất kể đó là quân hay tướng. Một mình Hạng Võ xông pha giữa muôn ngàn quân Hán giống như mãnh hổ đang vùng vẫy, đi đến đâu đâu rơi máu chảy đến đó, thật là kinh khủng chưa ai được chứng kiến. Kiểm điểm lại, ngày hôm ấy Hạng Võ đấu chiến với hơn 60 tướng Hán mà sức lực vẫn mạnh mẽ như thường. Cuối cùng quân Hán tuy đông mà cũng phải khiếp sợ tự lui dần. Hạng Võ cũng không truy đuổi, rút quân về đóng trại, cùng đối ẩm với Ngu Cơ cho vơi nỗi sầu thất trận.

Trong khi ấy Hàn Tín cùng với Hán vương bàn soạn, cho rằng đến như thế vẫn không sao giết nổi Hạng Võ thì thật không còn cách nào khác. Trương Lương liền trấn an, nói đêm nay sẽ thi hành một kế làm cho quân Sở tự tan vỡ, không cần phải đánh. Khi ấy quân Tương nước Sở vì phải giao tranh suốt ngày, không thể mang lương thực theo nên ai nấy đều đói khát, số thương vong rất lớn càng khiến cho không khí thêm bi thảm trầm trọng.

Đêm hôm ấy lại là cuối thu, ánh trăng mờ mờ vàng vọt chiếu xuống càng

làm cho cảnh sắc thê lương ảo não, chợt từ xa có tiếng tiêu vọng đến. Tiếng tiêu này là của Trương Lương, mỗi lúc càng thêm bi ai khiến quân nước Sở bấn loạn cả tinh thần, ai nấy vô cùng chán nản khi nghĩ đến gia đình đang chịu khổ nơi Bành Thành. Tiếng than vãn của một người cất lên giống như làn điện, ai nấy đều sứt sùi. Ngay kúc đó tiếng tiêu càng cất lên thánh thót bi ai, quân tướng nước Sở không còn chịu đựng được nữa, thi nhau bỏ trốn, các tướng Sở cố gắng ngăn trở nhưng đành bất lực. Sáng ra khi nghe báo lại, Hạng Võ không khỏi thất sắc, than dài:

– Đúng là số trời đã hại ta rồi. Vận số nước Sở đến đây cũng chấm dứt.

Than xong, Hạng Võ một mình một ngựa xông thẳng vào vòng vây tận lực đánh giết cho hả cơn đau lòng. Sức mạnh của Hạng Võ quả là vô địch, đánh tan một lúc 8 vòng vây, thúc ngựa chạy thẳng về hướng Giang Đông. Tiếc rằng đường lối không thông thuộc, lại bị một nông phu ghét bỏ chỉ sai đường. Cuối cùng Hạng Võ rơi vào chỗ toàn là sinh lầy, không còn lối nào khác trong khi đại quân Hán vẫn truy đuổi sát sau lưng. Nếu như người khác thì chắc chắn chết rồi, nhờ con Ô Truy rất thần diệu, lấy sức nhảy lên một chỗ đất cứng, cầm đại đao chờ sẵn.

Một tướng Hán là Dương Hỷ chạy đến, toan giết chết Hạng Võ lấy công đầu, liền bị ông ta giết chết. Thấy quân Hán kinh sợ lùi lại, Hạng Võ liền thúc ngựa chạy đến một nơi gọi là Hưng Giáo viện xin cơm ăn nước uống. Khi trời sáng, thấy quân Hán lại đuổi tới nơi, Hạng Võ không còn hơi sức nữa, đành phải phóng ngựa bỏ chạy, đến bến Ô Giang thì hết đường.

Không để bị nhục nhã, Hạng Võ liền tự đâm cổ mà chết, khi đó mới được 31 tuổi, ngồi ở ngai vị Tây Sở Bá vương được 5 năm. Theo chính sử thì bốn tướng Hán là Dương Hỷ, Dương Võ, Vương Ê và Lã Thắng xúm nhau lấy thủ cấp của Hạng Võ đem về dâng công và đều được phong hầu. Thế nhưng

theo đồn đại thì Lưu Bang đã có hứa bất cứ ai lấy được tính mệnh của Hạng Võ sẽ phong hầu. Vì vậy khi thấy Hạng Võ lâm vào đường cùng kiệt sức, có đến 5 tướng Hán xúm lại đâm chém, chặt ông ra làm 5 mảnh, mảnh ai nấy đem về lãnh thưởng. Lưu Bang cho sắp lại, thấy đúng đó là thi thể của Hạng Võ , liền phong hầu cho cả 5 tướng.

Nếu quả như vậy thì cái chết của ông quá bi thảm, làm cho hậu thế phải ngậm ngùi. Xét kỹ thì Hạng Võ hầu như không thua trận nào nếu đối chiến trực diện, tất cả trận thua đều do bị trúng kế của Trương Lương, Trần Bình hay Hàn Tín. Rõ ràng người tướng soái ngoài võ nghệ cao cường, sức mạnh hơn người còn phải có trí tuệ dùng binh, biết tiến biết lui đúng lúc.

6

HÀN TÍN

BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG

Trong suốt chiều dài lịch sử Trung Hoa, có rất nhiều danh tướng được gọi là “trăm trận không thua”, thí dụ như Mã Viện, Nhạc Phi, v.v... Thế nhưng trong cuộc đời của các danh tướng ấy vẫn có ít nhiều trận bị bại, tuy rằng với kinh nghiệm của mình họ đã không để tổn thất quá nặng hoặc bắt buộc phải rút lui vì tình thế bất lợi. Riêng một danh tướng mà hầu như hậu thế đều biết danh, đó là Hàn Tín thì không hề có chiến bại, rất xứng đáng được gọi bằng “trăm trận trăm thắng”.

Hàn Tín là người Hoài Âm, từ nhỏ ông đã tỏ ra là người ham thích võ nghệ, rất thích đọc binh pháp mặc dù thân thể không cường tráng cao lớn. Vì xuất thân từ gia đình nghèo nên khi thiếu thời Hàn Tín phải làm nhiều việc khó nhọc vất vả mưu sinh qua ngày. Có lúc ông phải làm nghề đồ tể, mổ lợn đem bán ngoài chợ kiếm lời, cũng có lúc phải đi câu cá qua ngày.

Vốn bản chất khá phóng khoáng, lại lẫn lộn nơi chốn giang hồ nên tính tình của Hàn Tín không câu nệ vào những chuyện vụn vặt, cho rằng đã có chí lớn thì phải nhịn nhục vượt qua được những khó khăn nho nhỏ. Nếu không vượt nổi chuyện nhỏ thì làm sao thành công việc lớn. Do vậy trong thời gian nghèo khổ, Hàn Tín vẫn cố gắng tự tập học hỏi về binh pháp, không chấp nhất những lời chê bai đàm tiếu của những người chung quanh. Khi mẹ qua đời, Hàn Tín không có tiền để lo việc tang, ông đành phải chọn một chỗ cao

rộng rãi, bên cạnh có một khoảng đất hoang làm nơi chôn cất cho mẹ.

Quan điểm nhìn nhận việc nhỏ để mưu cầu việc lớn được Hàn Tín coi trọng, suốt đời lấy đó làm châm ngôn xử thế. Kể cả khi đã bị Lưu Bang u mê bắt giam lỏng ở Hàm Dương, Hàn Tín vẫn cố nhẫn nại, hy vọng Lưu Bang hồi tâm chuyển ý nhớ lại những công lao ngày trước. Cũng vì vậy mà Hàn Tín rơi vào cái bẫy đơn giản của Lã hậu. Quan điểm này đã được Trương Lương nhìn ra và âm thầm khuyên dụ ông về với Lưu Bang. Đó là lần Bá vương Hạng Võ đã vào Hàm Dương tranh công với Lưu Bang. Hạng Võ muốn dời đô về Bành Thành, cùng các quan bàn soạn nhưng bị quan Gián nghị là Hàn Sinh đứng lên ngăn cản khiến Hạng Võ dâm tức, quát tháo:

– Hiện ta đã xưng Vương, thích đóng đô ở đâu là tùy ý ta, có can gì mà người cứ lải nhải mãi thế?

Hàn Sinh vẫn không sợ, dùng lời của Phạm Tăng ra cãi lại rồi ra trước cửa ngửa mặt lên trời than lớn:

– Người ta thường nói “người nước Sở thật giống khi, khi tắm vẫn còn đội mũ”. Bây giờ ta mới nhận ra câu nói ấy quả thật không sai.

Hạng Võ nghe được, nổi giận lôi đình sai Hàn Tín khi ấy là Chấp Kích lang bắt Hàn Sinh bỏ vào vạc dầu trị tội. Thấy Hàn Sinh vẫn lớn tiếng chê bai, Hàn Tín liền nói:

– Theo tôi thì ông đáng chết trăm lần. Ông làm chức Gián nghị sao khi Bá vương giết Tống Nghĩa ông không can gián? Khi Bá vương chôn sống 20 vạn hàng binh Tần sao không can? Khi Bá vương giết Doanh Tử Anh, bốc mộ Tần Thủy hoàng, đốt cháy cung A Phòng, toàn những việc tày trời sao chẳng thấy mặt mũi ông đâu. Chính ông tự làm cho Bá vương quen tính ngông cuồng, bây giờ chỉ vì chuyện nhỏ mà gân cổ lên cãi bằng được thì chết là đáng lắm rồi.

Lúc ấy Trương Lương đứng gần nên nghe được lời đối đáp này, giật mình, nhận ra Hàn Tín đúng là nhân tài mà Lưu Bang đang cần.

Thời gian ngắn mà Hàn Tín làm nghề mổ lợn đem ra chợ bán có đụng chạm mỗi lái với bọn đồ tể, vì vậy bọn chúng rất tức giận, cho là Hàn Tín cố ý cướp miếng cơm. Bọn này biết Hàn Tín có võ nghệ, đi đâu vẫn kè kè thanh kiếm thì không dám gây sự, hùn tiền nhờ một tên côn đồ khét tiếng ở đấy ra tay giúp.

Một lần kia, khi Hàn Tín vừa mới ra chợ thì tên côn đồ tên là Đỗ Trung giả vờ để cho Hàn Tín đụng phải rồi lớn tiếng mắng chửi, sau đó lại nhục mạ rất nặng. Thoạt đầu Hàn Tín cũng đã nổi giận nhưng suy nghĩ một chút thì thấy hình như trong chuyện này có điều gì khuất tất, dùng lời nhẹ nhàng giải hòa. Thế nhưng Hàn Tín cố nhịn bao nhiêu thì tên Đỗ Trung càng hung hăng vô lối bấy nhiêu, cuối cùng dùng cách sỉ nhục tồi tệ nhất là đứng dạng hai chân ra, cười vào mặt Hàn Tín rồi nói:

– Hàn Tín, người là thân trai tráng mà kiếm không đủ cơm ăn thì thật là hèn hạ, đã thế còn dám cầm kiếm để khoe khoang nữa sao? Người có gan giết người không? Nếu có thì hãy rút kiếm ra đâm chết ta thử xem nào, bằng không thì hãy vất kiếm đi mà bò qua háng của ta đây. Ta sẽ tha mạng cho người.

Hàn Tín nghe vậy tức giận đỏ bừng cả mặt nhưng suy nghĩ một lúc thì chẳng hiểu sao lẳng lặng cúi người bò qua háng tên hàng thịt ấy. Cả chợ nhìn thấy đều cười chê Hàn Tín là người hèn nhất. Duy nhất chỉ có một người tên là Hứa Phủ vốn giỏi nghề xem tướng, kéo Hàn Tín ra một chỗ vắng nói:

– Tráng sĩ có tướng vương hầu, tuy bây giờ khổ cực nhưng khi gặp thời cơ thì có thể phú quý tột bậc đấy, bây giờ bất cứ chuyện gì cũng nên nhẫn nhục là hơn.

Hàn Tín cười nhạt, đáp:

– Tôi tài hèn sức mọn, đã không kiếm đủ miếng ăn nuôi thân, giờ lại còn bị người khác nhục mạ thì nói đến chuyện phú quý làm gì.

Hứa Phủ cố khuyên giải, cho rằng nên nhẫn nhịn, chờ thời cơ thì tất sẽ có ngày nên danh phận, đừng vì những việc nhỏ mà hại đến thân vô ích. Hàn Tín không nói gì nhưng lúc về nhà suy nghĩ về lời nói của Hứa Phủ rất nhiều.

Không phải ai cũng ghét bỏ Hàn Tín, ở gần đó có một người đàn bà làm nghề giặt thuê (Phiếu mẫu), thấy Hàn Tín thường hay bị đói thì thỉnh thoảng lại dẫn về nhà cho cơm ăn. Hàn Tín rất cảm ân nghĩa của Phiếu mẫu, có lần nói:

– Nếu sau này tôi làm nên sự nghiệp thì sẽ đền ơn bà gấp trăm lần như thế này.

Phiếu mẫu mỉm cười:

– Người sức vóc trượng phu mà không nuôi nổi thân mình thì là kẻ bất tài. Ta thương tình cho ăn chứ có mong gì đến sự đền ơn?

Hàn Tín nghe vậy rất buồn nhưng cũng không dám cãi lại Phiếu mẫu. Hàn Tín cứ thế sống một cuộc đời vất vả nhưng không bao giờ từ bỏ hoài bão của mình, càng ra sức đi mượn các sách viết về binh pháp để học hỏi thêm. Vì quá hăng hái luyện tập kiếm pháp và võ nghệ, thực phẩm không đủ bồi bổ nên từ một thân thể trai trẻ cường tráng, sau mấy năm miệt mài rèn luyện Hàn Tín chỉ còn lại bộ dạng gầy ốm, quần áo cũng không được lành lặn. May sao đang lúc tuyệt vọng thì Hàn Tín nghe tin Hạng Lương kéo đại binh đến đóng ở sông Tứ Thủy, được các nhân sĩ và trai tráng thi nhau ra quy phục rất nhiều. Khi ấy Hạng Lương kiểm điểm lại nhân mã, thân chỉ huy một đạo đóng ở bờ sông Tứ Thủy làm thế ỷ giốc còn Hoài vương đóng đô ở Vu Thai, quần thần đông đảo, quân sĩ kiêu hùng, lại được hào kiệt nhân sĩ bốn

phương kéo đến đầu phục nên thanh thế lẫy lừng một phương trời.

Hàn Tín cho rằng đây chính là thời cơ của mình, tìm một bộ quần áo tốt nhất rồi đeo kiếm đến xin yết kiến Hạng Lương. Nhìn thấy bộ dạng nghèo đói của Hàn Tín, Hạng Lương trong lòng đã không muốn thu dụng nhưng may sao quân sư Phạm Tăng đứng gần đó liền nói:

– Người này chỉ vì sa cơ nên mới tàn tạ như thế, thật ra tiềm ẩn rất nhiều thao lược, chớ nên bỏ qua. Và lại bây giờ đang là lúc chúng ta chiêu hiền đãi sĩ, nếu không thu nhận thì tất hào kiệt bốn phương sẽ e ngại mà không chịu đến nữa đâu.

Hạng Lương nghe vậy bất đắc dĩ phải nghe theo, cho Hàn Tín làm Chấp Kịch lang sai khiến dưới trướng rồi sau này cũng vẫn giữ chức ấy phục vụ cho Hạng Võ. Thực tế Chấp Kịch lang chỉ là một quân nhân cầm kích đứng hầu giống như một vệ sĩ, lương bổng không có bao nhiêu và cũng chẳng quyền hành gì hết. Hàn Tín rất bất mãn, cho rằng họ Hạng đã không trọng đãi mình nên chỉ làm tròn nhiệm vụ mà thôi, hầu như không bao giờ có ý kiến về vấn đề chính trị. Chỉ riêng lúc đưa Hàn Sinh ra xử tử thì mới bức xúc bộc lộ những suy nghĩ của mình từ những việc đã được chứng kiến khi theo hầu dưới trướng họ Hạng.

Kịp đến khi Lưu Bang vào Hàm Dương trước nhưng bị Hạng Võ dùng sức mạnh chiếm công, lại bắt Lưu Bang phải đến phó hội Hồng Môn với ý định giết chết tại chỗ. Lúc ấy Hàn Tín mới có dịp nhìn kỹ Lưu Bang và cho rằng đây mới chính là “chân chủ” mà mình đã tìm kiếm bao nhiêu năm nay. Thế nhưng ông đang là quan chức của Hạng Võ, đành phải bí mật giúp đỡ Lưu Bang thoát khỏi hang hùm. Hành động này của Hàn Tín không qua mắt được Trương Lương và ông quyết định tự tìm gặp Hàn Tín thuyết phục, sau đó trao cho bức thư tiến cử.

Đây là cơ hội tiến thân nên Hàn Tín nhận thư rồi quyết định rời bỏ Hạng Võ ngay nhưng ông cũng còn đôi chút băn khoăn nên ghé ngang qua chỗ của Trần Bình trò chuyện. Chưa kịp nói câu gì, Trần Bình đã tươi cười nói ngay:

– Hôm nay ông đến nhà tôi thì là chuyện lạ. Chắc là đã chọn được chân chủ rồi phải không?

Hàn Tín giật bắn cả người nhưng cũng biết Trần Bình không hài lòng với Hạng Võ, bèn nói thật ý mình. Trần Bình liền giúp Hàn Tín bằng cách lén cấp cho giấy thông quan, nhờ vậy mới ra khỏi Hàm Dương dễ dàng. Khi Hạng Võ ra lệnh cho Chung Ly Muội đuổi theo thì Hàn Tín đã vượt An Bình quan vào đất Tam Tần. Tuy đã có chỉ dẫn, thế mà Hàn Tín cũng phải biết bao vất vả mới tìm đến được Bao Trung, một nơi hoang vu hiểm trở vốn là nơi chốn lưu đày của các tù nhân của triều Tần trước kia.

Vào Bao Trung rồi, Hàn Tín lập tức đến “Chiêu Hiền quán” xin gặp mặt Hạ Hầu Anh, thường được gọi là Đổng công. Hàn Tín không vội đưa thư tiến cử của Trương Lương ra nhưng Hạ hầu Anh nghe tên đã biết ngay đây là người anh hùng mà Lưu Bang rất cần tới. Tuy vậy Hạ Hầu Anh vẫn thử thách tài nghệ Hàn Tín theo 13 đề mục treo trước cửa “Chiêu Hiền quán”. Hàn Tín biểu lộ tài năng hơn người ở chỗ ngay lập tức ông đáp lại bằng 14 đề mục, đề mục thứ 14 gọi là “Đạo của người làm tướng”. Hạ Hầu Anh nghe xong hết sức khâm phục, lập tức tiến dẫn Hàn Tín đến chỗ Tiêu Hà rồi hai người đồng loạt đưa Hàn Tín yết kiến Lưu Bang. Chẳng ngờ Lưu Bang cười mà nói:

– Ta đã nghe chuyện một dũng sĩ tên là Hàn Tín ở Hoài Âm, phải chịu luôn háng tên côn đồ. Có phải là người này chăng?

Dù Tiêu Hà và Hạ Hầu Anh hết sức tiến cử nhưng cuối cùng Lưu Bang chỉ cho Hàn Tín giữ chức Liên Ngao, tức là người coi kho tàng cho quân

binh. Hàn Tín tạ ơn rồi lui ra, sắc mặt bình tĩnh như thường, không hề lộ chút gì bất mãn. Tiêu Hà rất lo lắng, một lần nữa khuyên can nên Lưu Bang bắt đắ dĩ phải phong cho Hàn Tín làm Đô úy. Lần này Hàn Tín cũng thản nhiên nhận chức, làm việc hết sức phân minh nên được nhiều người ca tụng.

Luôn mấy tháng như vậy, Hàn Tín biết nếu có đưa thư tiến cử của Trương Lương ra cũng chẳng ích gì nên một đêm lẳng lặng cưỡi ngựa bỏ đi. Tiêu Hà nghe tin, chưa kịp ăn uống, cũng một thân một ngựa đuổi theo, khi đến Hàn Khê thì đuổi kịp. Hai người chưa nói được câu nào thì Hạ Hầu Anh cũng vừa tới nơi, ra sức khuyên nhủ Hàn Tín nên cố nhẫn nhục một thời gian nữa. Hàn Tín rất xúc động vì chân tình của Tiêu Hà và Hạ Hầu Anh, lại nghĩ đến chữ “nhẫn” mà mình đã theo đuổi bấy lâu này nên cuối cùng bằng lòng trở về. Lần này thấy Tiêu Hà và Hạ Hầu Anh hết lòng thuyết phục Lưu Bang, Hàn Tín mới đưa lá thư của Trương Lương ra và cuối cùng được Lưu Bang phong làm Phá Sở Đại Nguyên soái, được toàn quyền điều động ba quân.

Biết Lưu Bang nóng lòng sốt ruột muốn thoát ra khỏi đất Bao Trung tranh cường tranh thắng với Hạng Võ, Hàn Tín liền phân tích:

– Hạng Võ tuy hung mãnh, sức địch vạn người nhưng lại không biết sử dụng tướng tài, Đại vương không cần phải nóng vội. Còn việc thoát ra khỏi đây thì tôi có một kế sách rất thần diệu, miễn sao phải được toàn quyền, không ai có quyền hỏi han hay chống lại thì cơ mưu mới không bị tiết lộ.

Lưu Bang chấp thuận lời yêu cầu này và Hàn Tín bắt đầu tiến hành một mưu kế hết sức tinh vi đánh lừa sự canh phòng của các tướng dưới quyền Hạng Võ ở Tam Tần. Đó là mưu kế mà người đời sau gọi là “*Minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương*” (Công khai sửa con đường sạn đạo xuyên qua núi nhưng âm thầm chiếm lấy đất Trần Thương).

Đầu tiên Hàn Tín chém đầu Ân Cái vì tội bê trễ trong lúc thao luyện ba

quân, sau lại lấy cớ trừng phạt Phàn Khoái, một đại tướng đặc lực và thân thiết nhất của Lưu Bang. Hai người này đều là thân tín của Lưu Bang, từ trước đến nay ai cũng kính nể, thế mà vừa nắm binh quyền Hàn Tín đã dám trừng trị bọn họ khiến các tướng sĩ Thục Hán kinh hồn bạt vía, nghe theo lệnh răm rắp giống như Tôn Vũ ngày xưa truyền lệnh xử chém hai phi tần của Ngô vương Hạp Lư vậy. Quân lệnh phải tuyệt đối chấp hành, đó là yếu tố thứ nhất để người làm tướng có thể chỉ huy được quân binh.

Để Phàn Khoái chuộc tội, Hàn Tín sai dẫn một vạn dân phu đi sửa sang sạn đạo. Đây là một công việc hết sức khó khăn, cần đến mấy vạn dân phu và phải mất vài năm trời mới xong, thế mà Hàn Tín hạ lệnh cho Phàn Khoái phải hoàn tất trong một tháng khiến ai nấy đều ngạc nhiên và bất mãn.

Phàn Khoái mấy lần vào cầu xin nhưng Lưu Bang giữ lời hứa không tiết lộ cơ mật, chỉ thờ dài nói:

– Người đã đắc tội với Hàn Nguyên soái thì cố gắng chịu đựng đi, nếu có công lao, lúc ấy ta mới nói giùm vài câu được, bằng không thì... đành vậy. Đó là lỗi tại người chứ không phải tại ta !

Bất đắc dĩ Phàn Khoái phải tuân lệnh nhưng trong lòng hết sức bất mãn, tin tức truyền ra cả đến Tam Tần. Danh tướng nhà Tần là Chương Hàm đã về đầu Sở, được phong làm Ung vương, nghe tin này thì rất khinh thường, không hề phòng bị gì cả.

Khi ấy một số dân phu không sao chịu nổi sự khổ cực trong việc sửa sang sạn đạo, nghe lời hai Tổng giáp là Diêu Long, Ngân Vũ rủ nhau bỏ việc trốn ra ải Đại Tản Quan đầu hàng Chương Bình (thật sự đó là sự xếp đặt khéo léo của Hàn Tín). Chương Bình dò xét kỹ càng, thấy hai tướng này quá thật vì bị Hàn Tín thù riêng với Phàn Khoái mà bỏ nhà Hán nên rất trọng dụng, cho làm thuộc tướng thân cận với mình.

Biết tính Phàn Khoái rất chân thật, khó mà giữ kín sự bất mãn được lâu, Hàn Tín khéo léo sai tướng Chu Bột mật báo cho Phàn Khoái biết việc sửa sang sạn đạo chỉ là giả trá, một vạn dân phu ấy chính là những tinh binh thiện chiến đã được tuyển lựa kỹ càng, chờ đúng thời điểm xuất quân. Nhờ vậy Phàn Khoái mới yên tâm tiến hành sửa sang sạn đạo. Còn Diêu Long và Ngân Vũ chính là Chu Bột và Trần Vũ giả dạng dân phu đi trá hàng mà thôi.

Trong khi Chương Hàm chú ý đề phòng mặt sạn đạo thì Hàn Tín theo đường tắt vượt núi tiến quân đến Trần Thương rất mau, thẳng tới uy hiếp Đại Tản Quan. Nhờ có Chu Bột và Trần Vũ làm nội ứng, kết quả quân Hán chiếm được ải rất dễ dàng, bắt sống Chương Bình. Tính ra từ ngày Hàn Tín làm lễ xuất quân cho đến khi hạ được Đại Tản Quan chỉ mất có mười ngày, là một chiến công lấy lừng, phối hợp nhiều mặt nên đoạt thắng lợi chớp nhoáng.

Chiến thắng này mang ý nghĩa rất lớn lao, là đệ nhất kỳ công mở đường cho Lưu Bang chiếm Tam Tần và tiến ra Trung nguyên, để sau đó nhiều năm chinh chiến dưới sự phò giúp đỡ của Trần Bình, Trương Lương, Tiêu Hà. Lưu Bang lập nên triều đại nhà Hán huy hoàng kéo dài hơn 400 năm.

Sau này, khi Hàn Tín chuẩn bị đi đánh đất Triệu, trong tay chỉ có vài chục vạn quân, thật sự còn chưa đủ thì lại nghe tin Lưu Bang thua mấy trận liên tiếp, quân binh hao tổn gần hết, rất cần đến quân cứu viện. Bắt buộc Hàn Tín phải điều động một bộ phận lớn quân binh tiếp trợ cho Lưu Bang. Bất ngờ, lúc ấy quân Triệu cũng được mật báo, cùng nhau thương nghị rồi mở một cuộc tiến công dữ dội, hy vọng tiêu diệt được Hàn Tín chỉ trong một trận.

Đây là cơ hội để Hàn Tín biểu lộ tài năng làm tướng của mình, ông nhìn được lợi thế quân Triệu là đang sung mãn nhưng chính vì sự sung mãn ấy tất

khinh địch nên táo bạo cho quân tiến tới đóng trại chỉ cách quân Triệu 30 dặm, thần tốc đánh úp đại doanh quân Triệu, triệt hạ tất cả các cờ của quân Triệu thay cờ của quân Hán vào. Đồng thời Hàn Tín phái một bộ phận quân binh đóng quân quay lưng về phía bờ sông khiến cho các tướng bên Triệu đều chê cười là người ngu dốt.

Việc bày trận như thế ngược hẳn với binh pháp từ xưa tới nay nên các tướng Triệu đều cho Hàn Tín chỉ "hữu danh vô thực" nên càng thêm khinh địch, chẳng cần vạch kế sách đối phó với các chuyển biến bất ngờ. Hôm sau trời vừa mờ sáng, Hàn Tín đã hăm hở mang quân ra khiêu chiến nhưng giao tranh chưa được bao lâu thì đã hạ lệnh cho lui quân về trận thế dựa bên sông.

Danh tướng bên Triệu là Trần Dư thấy quân Hán thất trận thì vô cùng phấn chấn, xua quân tiếp tục tấn công. Quân Hán rơi vào thế tử địa, trước mặt bị tấn công, sau lưng là sông lớn nên chẳng cần động viên, ai ai cũng cố sức chống cự, chiến đấu thật ngoan cường với chút hy vọng "tìm sống trong cái chết". Tuy nhiên, vì quân Triệu đông hơn gấp bội nên dù khí thế vô cùng, quân Hán cũng không sao thắng nổi, hai bên quần thảo nhau từ sáng đến chiều tối mà chưa ngã ngũ.

Trần Dư thấy quân sĩ đã mệt mỏi đói khát, lại cho rằng trước sau gì cũng tiêu diệt được quân Hán nên hạ lệnh rút quân về doanh trại, chẳng ngờ khi ấy trên nóc doanh trại đã treo toàn là cờ Hán khiến chỉ phút chốc quân Triệu biến thành hoảng loạn, chưa đánh đã mất tinh thần.

Ngay lúc đó Hàn Tín cho quân thừa thế từ bờ sông đánh ào ạt, hai mặt ép lại khiến quân Triệu càng thêm hoảng hốt. Quân Triệu dù đông nhưng mất hết tinh thần, tranh nhau chạy trốn nên trong thời gian ngắn đã đại bại. Quân nhà Hán do Hàn Tín chỉ huy thừa thế tiến lên, bắt sống được Triệu vương là Yết, còn Trần Dư vì cố sức chống cự nên chết ngay trong trận.

Sau trận đánh ấy vẫn có nhiều tướng sĩ thắc mắc, hỏi Hàn Tín:

– Tướng quân bày trận dựa lưng vào sông là điều rất cấm kỵ trong binh pháp, nếu quân Triệu quyết một lòng chiến đấu thì có phải tự mình đưa vào tử địa không. Tướng quân có chắc chắn chiến thắng được đối phương không?

Hàn Tín đáp:

– Điều này có gì trái với binh pháp? Trong binh pháp có câu: “Bị hãm vào tử địa sẽ tìm ra đất sống, bị đẩy vào chỗ mất sẽ tìm ra được chỗ còn”. Ta thấy đội ngũ của quân Hán đã ít mà lại chưa được huấn luyện tinh thực, nếu đưa vào trận địa đánh trực diện thì có khác gì “trứng chọi đá”, thế tất phải thua. Chỉ còn cách dồn quân sĩ vào nơi tử địa mới kích thích được dũng khí của toàn quân, lấy khí thế làm sức mạnh để đánh thắng địch. Lý lẽ là thế nhưng dù sao vẫn có chút may mắn là Trần Dư không vội cố sức đánh tới cùng, nếu không ta cũng chưa thật chắc chắn lắm.

Các tướng sĩ nghe giải thích mới vỡ lẽ ra, tất cả đều khâm phục Hàn Tín nắm rõ tâm lý và vận dụng binh pháp hết sức thần kỳ. Đây là trận đánh đầu tiên của Hàn Tín khi bắt đầu cầm quân, trở thành điển tích trong lịch sử quân đội Trung Hoa mà rất nhiều nước trên thế giới đều biết đến. Mưu kế “*Minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương*” sau này cũng được đưa vào “Tam thập lục kế” kinh điển.

Đó là chuyện về sau, ngay khi tiến ra Tam Tần, Hàn Tín - khi ấy đã được Lưu Bang hết sức tin tưởng - bèn hiển kế sách để mau chóng chiếm hết Tam tần làm bàn đạp tiến vào Trung nguyên đối đầu với Hạng Võ. Hàn Tín phân tích rất rõ ràng:

– Ba Tần Vương được Hạng Võ phong chức cho là Ung Vương Chương Hàm, đóng quân ở Phế Khâu, Địch Vương Đồng Ế đóng quân ở Lịch Dương,

Tái Vương Tư Mã Hân đóng quân ở Cao Nô. Họ trước đây vốn là những tướng lĩnh của triều Tần đánh nhau với Hạng Võ, sau khi bại trận đã giấu quân đội của họ, về đầu hàng Hạng Võ, kết quả là hơn hai mươi vạn quân Tần đã bị Hạng Võ chôn sống, bọn họ ba người chẳng những không bị giết mà còn được Hạng Võ phong Vương, vì vậy người dân Tần đều căm ghét đến thấu xương. Còn Đại vương sau khi vào Quan Trung thì không tơ hào may mắn lấy một thứ gì, đã bãi bỏ luật pháp của nhà Tần, đồng thời công bố ước pháp Tam Chương cho nhân dân, bởi vậy nhân dân nước Tần không ai là không mong Đại vương làm vua nước Tần. Theo sự hẹn ước của Sở Hoài vương ban đầu với chư hầu, lẽ ra thì Đại vương cần phải làm vua ở Quan Trung. Bây giờ nếu Đại vương đưa quân tiến về phía đông thì Tam Tần lấy dễ như trở bàn tay.

Lưu Bang nghe xong hết sức hài lòng, lập tức tập hợp toàn quân tiến về phía đông. Thế nhưng không hề dễ dàng chút nào bởi các danh tướng nhà Tần trước kia đều rất lão luyện, nếu không nhờ tài ba của Hàn Tín thì Lưu Bang chắc chắn không đạt được ý định của mình. Đầu tiên là việc đối phó với Chương Hàm.

Lúc ấy Chương Hàm đã trúng tên phải chạy về Phế Khâu nhưng bố trí cố thủ rất chắc chắn. Thêm vào đó, thành Phế Khâu được xây dựng từ đời nhà Chu, chung quanh có núi non cao ngất, chỉ có mặt tiếp giáp với dòng Bạch thủy là trống trải nhưng lại bị ngăn cản bằng một bức tường thành vô cùng kiên cố, muốn tấn công hướng nào cũng không xong. Hai tướng chỉ huy mặt trận này là Thúc Tôn Thông và Chương Thương hết sức lo lắng, chỉ riêng Hàn Tín ung dung cho biết:

– Chỉ nội trong ba ngày nữa chúng ta sẽ chiếm được Phế Khâu.

Quả nhiên Hàn Tín không nói đùa, ông sai Tào Tham dẫn quân ngăn

dòng sông để cho nước tràn vào thành khiến Chương Hàm đành phải bỏ chạy trốn chết, chưa đến ba ngày quân Thục Hán đã chiếm được Phế Khâu. Khi đã xong, Hàn Tín đón Hán vương Lưu Bang vào Phế Khâu để ổn định triều đình, tiếp tục đánh chiếm nốt Tam Tần, trước tiên là tiến tới Lịch Dương tấn công quân của Địch vương Đồng Ế.

Hàn Tín dùng lối đánh hai đầu tiến công nên Đồng Ế cùng số quân sĩ không bao nhiêu khó mà chống lại, sau khi giao chiến được mấy trận thì đành đầu hàng. Tuy thắng trận nhưng Hàn Tín không kiêu ngạo, đối đãi với Đồng Ế ngang hàng khiến ông ta vô cùng xúc động, không những chịu đầu hàng mà còn viết thư gởi cho Tái vương Tư Mã Hân thuyết phục cùng về với Hán vương.

Đầu tiên Tư Mã Hân nhất quyết không chịu hàng nhưng Hàn Tín bày mưu kế rất lạ để cho Phàn Khoái bắt sống được hẳn, cuối cùng cũng phải quy phục trước mặt Hàn Tín. Thế là Tam Tần mau chóng lọt vào tay Hán vương Lưu Bang, con đường tiến vào Trung nguyên đã rộng mở. Đó là vào năm 206 trước Công nguyên, một kỷ nguyên mới bắt đầu mở ra trong lịch sử, gọi là thời “Hán Sở tranh hùng”, mà tài năng của Hàn Tín được cơ hội bộc lộ làm cho ai nấy đều khâm phục.

Năm sau, Lưu Bang lại nhân lúc Hạng Võ đang bận chiến đấu ở Tề liền mang quân tiếp tục tiến về phía đông. Hà Nam Vương Thân Dương đóng đô ở Dương Địch, Tây Ngụy Vương Ngụy Báo đóng đô ở Bình Dương đều lần lượt đầu hàng. Lưu Bang dọc đường lấy thêm quân, nên quân số nhanh chóng tăng lên tới 50 vạn người, đánh thẳng vào Bành Thành - kinh đô của Hạng Võ. Việc này đã được Hàn Tín báo trước là không nên nôn nóng, phân tích với Lưu Bang:

– Phép dùng binh phải căn cứ vào Thiên thời, Địa lợi và Nhân hòa. Nay

Đại vương đã được nhân dân hưởng ứng thì là Nhân hòa, chiếm được Quan Trung là địa lợi, nhưng về mặt Thiên thời thì còn thiếu bởi Bá vương hiện giờ quân tướng còn rất hùng hậu, chưa nên ra quân vội. Đại vương nên chờ cho hai nước Tề và Lương nổi dậy làm giảm bớt sức mạnh của Bá vương đi thì xuất quân mới nắm chắc phần thắng.

Lưu Bang vốn cố chấp, nhất quyết làm theo ý mình, sai Hàn Tín về trấn thủ Tây Tần để tiếp ứng, còn mình điếm toàn bộ binh mã vượt Hoàng Hà tiến qua đất Sở. Khi ba quân đến Hiệp hà tranh nhau vượt sông không có chút thứ tự nào bởi lúc đó Hàn Tín đã trả lại ấn Nguyên soái, Lưu Bang đành phải phong cho Ngụy Báo nắm quyền điều động đại quân.

Hạng Võ nghe tin vội vàng liền đem 3 vạn tinh binh về cứu Bành Thành. Lưu Bang đang say sưa với thắng lợi nên trở tay không kịp, thua to phải bỏ chạy, chỉ còn mang theo được mấy chục kỵ binh lui về đến thành Huỳnh Dương.

Trận Bành Thành bị thua to, cuộc diện giữa Sở và Hán cũng thay đổi theo, hai tướng là Tái Vương Tư Mã Hân và Địch Vương Đồng Ế bất ngờ phản lại, đầu hàng Hạng Võ khiến cán cân lực lượng nghiêng phần thua kém về phía Lưu Bang. Không những vậy Tây Ngụy Vương Ngụy Báo kiểm soát trở về đất được phong của mình, rồi cũng đoạn giao với nhà Hán theo về với Sở.

Trong tình hình nguy cấp ấy không còn ai có thể lật ngược được thế cờ ngoài Hàn Tín. Thế nhưng Hàn Tín rất giận việc Lưu Bang không nghe lời khuyên của mình, lại phong cho Ngụy Báo làm Nguyên soái nên nhất quyết không ra tay. Tiêu Hà và Trương Lương phải dùng một kế mọn, khích tướng Hàn Tín mới thành công. Khi được Lưu Bang cho làm Nguyên soái, Hàn Tín liền chế tạo mấy trăm chiếc chiến xa, mỗi chiếc do một con trâu kéo có binh

sĩ cầm cung nỏ ở trên xe bắn ra. Khi cần các chiến xa này lại có thể dùng để chuyển vận lương thực, đóng quân lại thì làm đồn lũy.

Khi đã sửa soạn xong, chế tác thêm mấy ngàn chiến xa nữa, Hàn Tín liền dùng thư khích tướng khiến Hạng Võ dùng dùng nổi giận, gạt qua lời khuyên của Phạm Tăng, dẫn 30 vạn quân kéo thẳng đến thành Huỳnh Dương quyết chiến. Trong trận này Hàn Tín đưa ra một loạt mưu kế khiến quân Sở tiêu hao khá nhiều, sau cùng lại bị đoàn chiến xa lạ lùng vây hãm, suýt nữa Bá vương Hạng Võ đã lâm nguy nếu không nhờ Chung Ly Muội và Quý Bố đến kịp.

Kết cuộc quân Sở chết quá nửa, Hạng Võ phải chạy xuống bờ ruộng ẩn nấp mới thoát khỏi sự truy kích của quân Thục Hán. Tình thế nhờ vậy trở lại ngang bằng, bước vào thời kỳ giằng co không bên nào lấn lướt bên nào. Kết quả này hoàn toàn nhờ vào tài năng của Hàn Tín, ông chỉ cần một trận cũng đã lật lại được thế thua kém, thật sự trong các danh tướng từ cổ chí kim chưa có ai sánh bằng. Tuy nhiên xét về thực lực thì sức mạnh quân Sở vẫn còn, chỉ nhất thời tiêu hao chút ít nên Tiêu Hà lập tức lợi dụng thời gian này chiêu mộ thêm quân binh, chờ những trận đánh kế tiếp.

Tháng 11 năm thứ hai đời Hán, để trừng trị việc Ngụy Báo đầu hàng Bá vương, Lưu Bang phong cho Hàn Tín làm Nguyên soái, để Vương Lăng ở lại giữ thành Huỳnh Dương, còn các tướng như là Quán Anh và Tào Tham đều theo đoàn quân đi chinh phục nước Ngụy. Đại quân của Hàn Tín đến sông Bồ Bản thì phải dừng lại bởi quân Ngụy phòng thủ rất nghiêm mật bên kia bờ sông. Hàn Tín quan sát tình hình xong liền bí mật sai làm rất nhiều cái thùng gỗ, tức dùng thân cây khoét ở giữa, kết lại thành bè. Khi đã xong, Hàn Tín sai Quán Anh đến bên bờ sông sửa soạn thuyền, làm như sắp sửa vượt sông tiến đánh. Thực sự Hàn Tín đã lén sai Tào Tham xuống bến Hạ Dương,

dùng số thùng gỗ ấy mà qua sông đánh úp phía sau quân Ngụy.

Ngụy Báo làm sao chống nổi với những loại mưu kế tài tình ấy của Hàn Tín, rốt cuộc đại bại, để mặc quân Hán chiếm đóng toàn bộ nước Ngụy gồm năm 52 quận huyện.

Sau khi đánh xong Tây Ngụy, Hàn Tín lại dâng kế sách từng bước tiêu diệt Hạng Võ, giành lấy thiên hạ. Theo kế sách này thì Lưu Bang cứ cố giữ lấy Huỳnh Dương để giữ chân Hạng Võ, đồng thời tăng viện thêm cho ông 3 vạn quân để tiêu diệt Yên và Triệu. Sau khi đã có hậu phương vững vàng thì mới bắt đầu tiến đánh nước Tề. Đây cũng là kế sách trước kia Tần Thủy hoàng dùng để thôn tính các nước, thu phục thiên hạ.

Lưu Bang rất tán thưởng kế hoạch của Hàn Tín, lập tức tăng thêm cho ông 3 vạn quân theo như yêu cầu. Nhờ vậy Hàn Tín bình định được đất Đại, đến năm sau thì đem quân đánh Triệu. Thế nhưng cùng lúc ấy Hạng Võ tiến đánh Huỳnh Dương khiến Lưu Bang hao tổn khá nhiều quân tướng, cấp tốc gọi về cứu nguy. Trong tình hình nước Triệu có địa thế rất hiểm trở, lại được Triệu vương là Yết sát cánh cùng Thành An quân Trần Dư và Lý Tả Xa quyết chống đỡ, Hàn Tín không còn cách nào khác là phải “tốc chiến tốc thắng”. Riêng Lý Tả Xa cũng là một danh tướng giỏi về “binh quyền mưu” không kém Hàn Tín, là một chướng ngại rất lớn nếu chỉ đưa ra những loại mưu kế tầm thường.

Trong tình thế bất lợi như vậy mới thấy rõ tài cầm quân của Hàn Tín là vượt bậc, ông dùng một loạt mưu kế, đưa quân dựa sông để khích động tinh thần quân sĩ rồi chiến đấu một trận nổi tiếng, đánh tan quân nước Triệu như đã trình bày ở trên. Khi Triệu vương Yết và Lý Tả Xa bị bắt sống, Trần Dư tử trận, cuộc chiến hoàn toàn thắng lợi, các tướng dưới quyền của Hàn Tín vô cùng khâm phục, cho rằng trên đời này chưa có ai dám bày “tuyệt trận

Thủy Bôi” như ông.

Danh tướng biết trọng đãi danh tướng, Hàn Tín đối xử với Lý Tả Xa rất trọng vọng. Sau vài câu khách sáo, Hàn Tín hỏi luôn:

– Tôi muốn tiến quân về phía bắc đánh nước Yên, tiến về phía đông đánh nước Tề, không biết làm thế nào để thành công?

Lý Tả Xa khiêm tốn nói:

– Tôi nghe người ta nói: tướng đã bại trận thì không còn đủ tư cách để bàn về vấn đề mưu lược nữa; một thần tử đã mất nước thì không xứng đáng được dự bàn kế sách cai trị đất nước bình yên lâu dài. Tôi hiện nay là một tướng bại trận, là tù binh của một đất nước đã bị diệt vong, đâu dám được dự bàn việc đại sự với ngài.

Hàn Tín nói:

– Tôi cũng có nghe người ta nói, Bách Lý Hề làm quan ở nước Ngưu bị diệt vong thì ông ta lại sang nước Tần làm Tướng quốc, giúp cho nước Tần làm Bá chủ thiên hạ. Điều này không phải là Bách Lý Hề ở nước Ngưu thì xuẩn ngốc và khi đến nước Tần thì thông minh, mà chính là bởi chính vì hiền tài không được các vương hầu trọng dụng và nghe theo. Trước mắt có thể thấy rõ nếu như Thành An quân (Trần Dư) nghe theo kế sách của ông thì Hàn Tín này làm gì thắng nổi? Thế nhưng tôi sẵn sàng nghe lời chỉ bảo của ông, đó là hai việc hoàn toàn khác hẳn.

Lý Tả Xa thấy Hàn Tín xem trọng mình thì liền nói:

– Người tinh khôn đến ngàn việc thì vẫn có việc sẽ lầm lẫn, kẻ ngu tính ngàn việc thì tất cũng sẽ có một việc đúng. Nguyên soái quả là anh hùng tuyệt thế, hành quân thần tốc bắt Ngụy Báo, giết Hạ Duyệt rồi bây giờ được tôi và Thành An quân, đưa Triệu vương vào chỗ chết thì khắp thiên hạ ai nghe danh mà chẳng kinh sợ? Thế nhưng hiện nay quân Hán đang mệt mỏi,

nếu sang đánh với Yên đang nhân nhả khỏe mạnh thì là điều bất lợi, chỉ cần như vậy là Nguyên soái đã hiểu tôi muốn như thế nào rồi.

Hàn Tín liền theo lời khuyên của Lý Tả Xa, dùng cách thuyết phục Yên vương đầu hàng. Danh tướng của nước Yên là Khoái Văn Thông nhìn rõ tình hình này, cho rằng quân Hán đã quá mệt mỏi nên mới dùng phương pháp chiêu hàng, tự thân đi sang Triệu yết kiến Hàn Tín thuyết phục ông bãi binh, chẳng ngờ khi gặp mặt Lý Tả Xa, bị ông ta trình bày rõ lợi hại, lập tức về khuyên Yên vương nên về đầu nhà Hán. Thế là Hàn Tín chẳng tốn một tên quân cũng bình định được nước Yên. Điều này càng chứng tỏ người làm tướng không nhất thiết phải ỷ vào sức mạnh mà tùy theo hoàn cảnh, lúc nhu lúc cương, lúc cần tới cách đánh “tử chiến”, lúc lại nhu hòa chiêu dụ mới thật sự là tướng soái tài năng.

Lúc ấy Bá vương Hạng Võ cũng đã nghe tin, kinh hoàng triệu các tướng lại bàn kế sách đối phó. Các tướng đồng lòng cho rằng nếu tiêu diệt được Lưu Bang thì trước sau gì cũng triệt hạ được Hàn Tín. Hiện Hàn Tín không có mặt ở Quan Trung là cơ hội tốt nhất. Hạng Võ nghe theo, truyền lệnh kiểm điểm 10 vạn quân mã tiến đánh thành Huỳnh Dương rất gấp.

Lưu Bang cả kinh nhưng nhờ vào Trần Bình lập mưu kế ly gián khiến Hạng Võ đuổi Phạm Tăng về quê. Đến khi Hạng Võ biết mình trúng kế thì lại càng tức giận, xua quân đánh rất rát. Một lần nữa Trương Lương lại bày kế “Kim thiên thoát xác” (ve sầu lột xác) dùng một người giống hệt diện mạo của Lưu Bang là Kỷ Tín chết thay mới thoát về tới Thành Cao.

Thế nhưng Hạng Võ truy đuổi ráo riết, bao vây Thành Cao chặt chẽ, túng cùng Hán vương Lưu Bang phải sai người gọi quân của Hàn Tín từ nước Triệu về cứu nguy. Tiếc rằng tình hình diễn biến quá nhanh, cuối cùng Lưu Bang phải bỏ Thành Cao cùng quần thần chạy đến nước Triệu, tự mình dẫn

mấy kỵ binh vào thẳng quân doanh của Hàn Tín. Đêm hôm qua Hàn Tín và Trương Nhĩ uống rượu quá nhiều nên vẫn còn ngủ say, bị Lưu Bang lấy mất ấn tín rồi hạch tội đã không mau chóng cứu viện Thành Cao.

Thật ra tội này rất đáng mất chức nhưng khi ấy Lưu Bang còn cần Hàn Tín nên chỉ trách mắng vài lời rồi cho quân đóng ở Tu Vũ, sai Hàn Tín mau chóng đi đánh nước Tề, cho Trương Nhĩ làm Triệu vương.

Tháng giêng năm thứ tư đời Hán, Hàn Tín tiến đánh nước Tề, chẳng bao lâu đã đánh đến Lâm Tri. Tề vương Điền Quang không còn cách nào khác là phải cầu cứu Hạng Võ. Chính ông ta cũng biết nếu nước Tề mất thì mình sẽ hai đầu thọ địch nên nhanh chóng sai Đại tướng Long Thư và Chu Lan mang 3 vạn quân đến phối hợp với quân Tề đón đánh quân của Hàn Tín ở Duy thủy. Quân Hán và liên quân Sở - Tề bày trận ở hai bờ Duy thủy.

Long Thư rất khinh bỉ Hàn Tín cho rằng đã là anh hùng thì chết thì thôi chứ không đời nào hèn hạ luồn háng tên côn đồ giữa chợ, lại phải nhờ đến chén cơm của Phiếu mẫu mới sống sót. Mặc cho Phó tướng Chu Lan khuyên giải, ngay hôm sau Long Thư đã viết chiến thư thách thức Hàn Tín giao chiến. Ngày hôm sau Long Thư cho quân tướng ăn uống sớm, khi xong lập tức kéo quân ra bày trận. Hàn Tín cũng đã sửa soạn sẵn sàng, đôi bên gườm nhau chực chờ cuộc chiến tàn khốc xảy ra.

Chẳng ngờ Hàn Tín đánh với Long Thư được mấy hiệp thì đã đuối tay, quát ngựa bỏ chạy. Long Thư cả cười, mừng lớn:

– Ta đoán không lầm, người chỉ có hư danh mà thôi.

Các tướng dưới quyền thấy Long Thư định đuổi theo, xúm lại khuyên đừng nên mắc mưu của Hàn Tín, cuối cùng Long Thư phải nghe theo những trong lòng đã kiêu ngạo coi thường Hàn Tín lắm rồi. Đến chiều tối, Hàn Tín đột nhiên bày trận gọi Long Thư ra quyết đấu, cũng theo lối cũ mà bỏ chạy.

Lần này Long Thư quyết đuổi cho đến cùng. Khi đến bờ Duy thủy, Hàn Tín dễ dàng cho ngựa vượt qua bởi cát mênh mông, nước chỉ đến chân ngựa là cùng. Long Thư đuổi tới nơi, cũng rất kinh ngạc bởi dù nước cạn đến mấy cũng không lộ cát ra như vậy. Các tướng dưới quyền Long Thư cũng khuyên nên đề phòng Hàn Tín đã chặn nước ở thượng nguồn, chờ lúc quân ta qua sông sẽ dùng thủy kế đánh giết.

Thế nhưng Long Thư không nghe, dẫn đầu đoàn quân Sở vượt sông đuổi theo. Khi đến giữa sông thì trời đã tối đen, Long Thư chợt thấy có ngọn sào treo một cái đèn lồng, đến gần thì lại có treo tấm bảng: “Thắp đèn sáng giết Long Thư”.

Tình thế rất mơ hồ nên quân tướng của Sở bàn tán xôn xao, mỗi người một ý khác nhau. Có tướng cho rằng đây chỉ là kế hoãn binh, làm đối phương sợ hãi mà không dám đuổi theo. Riêng Chu Lan thì cho rằng ngọn đèn chính là để chỉ rõ địa điểm quân Sở đang đứng, nếu tắt đi thì quân Hán không biết đường nào mà tiến đánh nữa. Long Thư nghe theo Chu Lan, vung dao chém tắt ngọn đèn.

Không ngờ đó chính là hiệu lệnh cho quân Hán tháo nước trên thượng nguồn, quân Sở ôm nhau kêu khóc vang trời, đành chịu cho thác nước dữ dội cuốn như cỏ rác. Hóa ra Hàn Tín đưa ra một loạt kế sách liên hoàn để quân Sở chui đầu vào bẫy. Long Thư nhờ có con Long câu nên nhảy thoát khỏi dòng nước nhưng cuối cùng cũng không thoát được cái chết bởi Hàn Tín đã cho Tào Tham và Hạ Hầu Anh mai phục ở bên bờ sông từ lâu.

Khi đã chiếm xong 70 thành của nước Tề, Hàn Tín nhìn phong cảnh kinh đô Lâm Tri huy hoàng chẳng khác gì Hàm Dương thì ít nhiều trong bụng đã phát sinh lòng tham muốn. Lại có một mưu sĩ đất Tề tên là Khoái Kiệt đến hầu, nói:

– Chẳng lẽ Nguyên soái công trạng lớn như vậy mà cứ cam tâm dưới người hay sao? Nguyên soái không biết rằng “Chim muông hết thì chó săn bị đem ra làm thịt” hay sao. Nhân lúc này Hán và Sở đều kiệt quệ, Nguyên soái tự lập cơ nghiệp, chia thiên hạ thành thế chân vạc thì chẳng bao giờ còn lo lắng gì nữa, có phải hay hơn không?

Còn đang do dự thì Hàn lại tiếp được lệnh phải kéo hết binh mã về hợp sức đánh Sở, ông liền theo lời của Khoái Kiệt yêu cầu phải được phong làm Tề vương. Đây là nguyên nhân quan trọng để Lưu Bang ghi nhớ thù hận và diệt trừ Hàn Tín sau này. Lúc đó ở Huỳnh Dương, Lưu Bang thua luôn mấy trận, tuy rất tức tối nhưng vẫn phải phong cho Hàn Tín làm Tề vương.

Với tài năng quân sự lừng lẫy của Hàn Tín, chẳng bao lâu Hạng Võ phải chấp nhận chia đôi thiên hạ, lấy ranh giới Hồng Câu làm phân định. Thật sự hiệp ước này không hề được hai bên tôn trọng, vì vậy lâu lâu lại xảy ra chiến tranh, cuối cùng sức mạnh của Hạng Võ suy yếu dần vì mất hết tay chân tài giỏi ở bên mình.

Đến năm 201 trước Công nguyên thì Hạng Võ thân cô thế yếu đành phải cùng với 10 vạn quân ở Cai Hạ. Hàn Tín chỉ huy trận đánh này, cho hai cánh quân mai phục hai bên rồi tự mình ra khiêu chiến, giả vờ rút lui dụ Hạng Võ vào bẫy, đánh cho quân Sở một trận tan tác. Hạng Võ chạy đến bến Ô Giang tự biết rằng không còn đường sống, phải rút kiếm ngấn ra tự sát.

Thế là cuộc chiến tranh Hán Sở đã thật sự kết thúc, Hán vương Lưu Bang lên ngôi Hoàng đế, xưng hiệu là Hán Cao đế. Hán đế luận công ban thưởng cho rằng Hàn Tín có công lao lớn nhất, xứng đáng được ban thưởng nhiều nhất. Thế nhưng ông lại nghĩ đất Tề quá rộng rãi, người đông sản vật nhiều, nếu một mai Hàn Tín làm phản thì rất khó lòng đánh dẹp nên cuối cùng chỉ phong cho Hàn Tín làm Lỗ vương, làm vua một mảnh đất nhỏ hẹp ở một góc

Kinh Nam.

Đó chỉ là phương cách tạm thời để Lưu Bang ổn định thiên hạ, sau khi triều chính đã vững vàng, lập tức Lưu Bang nghĩ đến việc “tính sổ” Hàn Tín với nhiều lý do:

- Thứ nhất Hàn Tín đã không chịu đem quân từ nước Triệu về cứu viện khiến chút nữa mình đã phải vong mạng nơi Huỳnh Thành.

- Lần thứ hai ở Tề, Hàn Tín không tuân lệnh hợp binh đánh Sở, lại còn đòi làm Tề vương. Sự bức bách này đối với Lưu Bang quả là nhục nhã.

- Thứ ba, khi đã đại thành công, trong khi vui vẻ luận bàn về công trạng, Hàn Tín vẫn cho rằng mình giỏi hơn Lưu Bang nhiều lần, đủ sức nắm cả 100 vạn quân vẫn điều khiển đâu ra đấy.

Với những lý do ấy, Lưu Bang đã toan tính việc trừ diệt vị Tướng soái đã bỏ bao nhiêu tâm huyết giúp mình đoạt được ngai vàng. Thật sự Lưu Bang đã có ý định đem quân đi giết Hàn Tín nhưng cũng tự biết không thể nào thắng nổi nên mới dàn dựng vở kịch du ngoạn đầm Vân Mộng, dùng hạ kế bắt giữ Hàn Tín ở kinh đô, giáng xuống làm Hoài Dương hầu. Lúc ấy Lưu Bang đã có thể tha hồ giết chóc bởi Hàn Tín không còn binh quyền nhưng triều Hán mới thành lập, nếu phóng tay ắt thiên hạ chê cười nên Lưu Bang đành nén lòng chờ cơ hội khác.

Cơ hội ấy đến khi Hàn Tín cùng với Trần Hy là Tướng quốc nước Đại, toan tính mưu phản. Lần này Lưu Bang không ra tay mà kéo quân đi đánh Trần Hy, để cho Lã hậu theo kế của Tiêu Hà triệu Hàn Tín vào cung rồi bắt giết, tru di cả ba họ. Trước khi chết, Hàn Tín ứa nước mắt ngửa mặt lên trời than dài:

- Ta thật hối hận đã không nghe lời của Khoái Kiệt để bây giờ mắc kế của một mù đàn bà, việc này chẳng lẽ là ý trời hay sao?

Theo sự ghi chép của Hán Thư, Nghệ Văn chí, sau khi chết đi Hàn Tín đã để lại 3 thiên binh thư cho riêng mình chuyên về “Binh quyền mưu” và cùng với Trương Lương tuyển chọn trong binh thư của 182 binh gia, lấy những điều cốt yếu nhất viết thành cuốn binh thư khác rất tuyệt tác nhưng hiện nay đã thất truyền.

Việc các công thần bị giết hại hầu như đời nào cũng có, thế nhưng đối với một danh tướng nhiều công lao hãn mã như Hàn Tín mà Lưu Bang vẫn không nường tay khiến người đời sau phản xúc động. Sau này có nhà nghiên cứu cho rằng vụ việc Hàn Tín âm mưu với Trần Hy hoàn toàn giả trá, đều do bàn tay của Lưu Bang và Lã hậu xếp đặt bởi dù Lưu Bang hết sức đổ kỵ tài năng nhưng ông không bao giờ có ý nghĩ phản bội. Bằng chứng là đã nhiều lần, từ lúc Sở vương Hạng Võ sai người thuyết phục ông theo về rồi sau đó là Khoái Kiệt. Những lúc ấy Hàn Tín không trở cờ thì lúc đã mất hết binh quyền, bị giam lỏng trong thành Hàm Dương lại nghĩ đến việc phản bội? Ông là người rất mưu trí, một khi chưa đủ điều kiện thì tất sẽ chưa bao giờ toan tính việc lớn lao như vậy.

Như trong lần khuyên Lưu Bang đừng tiến quân sang phía đông tranh chiến với Sở, Hàn Tín đã vạch rõ bất cứ việc gì cũng phải hội đủ ba điều kiện: Thiên thời, Địa lợi và Nhân hòa. Khi Lưu Bang vu cho Hàn Tín âm mưu làm phản, ông không hề có Thiên thời bởi không có chút quyền hành trong tay, cũng không có Địa lợi vì đang bị giam lỏng, còn Nhân hòa thì lúc ấy ông chỉ có vài chục tên gia nhân trong tay, triều Hán đã thành công, mấy ai dám theo một vị tướng đã sa cơ như thế. Do đó việc Hàn Tín bị giết hoàn toàn là do Lưu Bang quá đổ kỵ, bởi một nước không có hai vua mà cũng không thể có hai anh hùng.

Có thể kết luận: Hàn Tín chết là vì có tài năng quá lớn. Trong sách *Sử ký*

chí nghi của Lương Ngọc Thắng thì khẳng định như đinh đóng cột: *Hàn Tín chết oan* với nhiều lý lẽ chắc chắn. Thế nhưng dù sao đây cũng chỉ là nghi án lịch sử, xin ghi lại để hậu thế suy xét.

VỆ THANH**GIỮ VỮNG BIÊN CƯƠNG**

Sau khi đánh bại Sở vương Hạng Võ, Lưu Bang lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu là Hán Cao đế, bắt đầu xây dựng một triều đại khá huy hoàng và kéo dài nhiều trăm năm. Thế nhưng ngay lúc Lưu Bang còn sống cũng không được yên ổn bởi sự quấy phá của một dân tộc phương bắc, đó là Hung Nô. Chính Hán Cao đế cũng đã có lần phải thân chinh đi đánh dẹp và trúng kế “Thỉnh quân nhập ửng” (Mời ông vào rọ) của một Thiên Vu Hung Nô là Mạo Đốn, suýt nữa đã bỏ mạng nếu không nhờ Trần Bình siêu việt nghĩ ra kế ly gián. Khi thoát khỏi Bạch Đằng thành rồi, Lưu Bang chắc chắn hết cả hồn vía và chỉ mấy năm sau thì băng, không còn trận nào đọ sức với Hung Nô nữa. Khi Hán Văn đế lên ngôi, nhờ vào chính sách “ôhòaân” của tiên đế, đất nước được thành bình một thời gian khá dài.

Thế nhưng, cuối cùng người Hung Nô vẫn ôm ấp mộng xâm chiếm dải đất Trung nguyên màu mỡ và nhiều lần tiến quân quấy phá dò xét xem thực lực triều Hán mạnh yếu ra sao. Nhờ có danh tướng Lý Quảng, biệt hiệu Phi Tướng quân, nhiều phen làm cho quân Hung Nô phải thất đảm kinh hồn. Ông là lão tướng trải qua ba đời Hán đế, đến khi Hán Vũ đế lên ngôi với chủ trương dùng quân sự tiêu diệt Hung Nô tận gốc thì ông mới qua đời trong một cuộc tiến binh bất lợi.

Lý Quảng gia nhập quân đội Hán triều ngay khi còn nhỏ tuổi, hầu như ít

khi về triều mà suốt đời ở nơi biên cương để chống với quân Hung Nô. Lý Quảng là người có sức mạnh nhưng được người ta khen ngợi hơn cả là tài dùng binh thần tốc khiến quân Hung Nô không kịp trở tay. Hán Văn đế hết sức khen ngợi Lý Quảng, đang toan tính thăng chức và cho ông nắm trọng trách chỉ huy nơi biên cương thì qua đời. Do vậy khi Hán Cảnh đế (156 - 140 trước Công nguyên) lên nối ngôi chỉ phong cho ông làm Kỵ Lang tướng, giữ trọng trách bảo vệ Hoàng đế.

Khi Ngô vương và Sở vương liên kết với nhau nổi dậy lật đổ triều Hán, Lý Quảng được giữ chức Đô úy cùng đi theo với Thái úy Á Phu dẫn quân dẹp loạn. Nhờ chiến công hiển hách đánh tan loạn quân, sau khi xong việc Lý Quảng được điều đi giữ chức Thái thú miền tây bắc với nhiệm vụ đề phòng quân Hung Nô quấy nhiễu.

Một lần kia, Cảnh đế muốn tìm hiểu tình hình biên cương, sai một đại quan thân cận cùng với mấy tên võ sĩ tùy tùng đến quân doanh của Lý Quảng. Thấy phong cảnh biên cương rộng rãi bao la, rừng xanh thâm u rất đẹp, viên cận thần hứng thú cùng với đám tùy tùng cưỡi ngựa dạo chơi. Bỗng nhiên có ba tên quân Hung Nô như trên trời rơi xuống, phi ngựa nhanh như gió đến nơi, đồng thời bắn tên ra như mưa. Mấy tên tùy tùng đều trúng tên chết, chỉ riêng viên quan chỉ bị thương nhẹ, cố sức phóng ngựa bỏ chạy. Lý Quảng lập tức dẫn kỵ binh ra cứu ứng.

Với tài thần tiễn, Lý Quảng mau lẹ bắn chết hai tên Hung Nô, bắt sống được một tên. Chẳng ngờ đó chỉ là mấy tên quân tiên tiêu, ngay khi ấy đại quân Hung Nô xuất hiện dày đặc trên các gò đất cao, hò hét xung phong định báo thù cho đồng bọn. Quân sĩ dưới quyền Lý Quảng đều kinh sợ, ai nấy bàn nhau phải bỏ chạy cho thật mau. Thế nhưng Lý Quảng bình tĩnh nói với bọn chúng:

– Chúng ta bỏ chạy tức là làm bia cho bọn chúng bắn, đều chết hết. Cứ hãy đứng im, địch sẽ tưởng chúng ta đang bày thế dẫn dụ, sẽ chùn bước mà không dám tấn công nữa.

Bọn quân sĩ nghe lời, quả nhiên khi thấy đối phương hoàn toàn không sợ hãi thì quân Hung Nô đâm ra nghi ngại, sai một tên kỵ binh đến gần xem sao. Lý Quảng trở tài thần tiễn bắn chết tên này khiến cả một đạo quân hung hãn đều khiếp sợ, đứng im cho ông ung dung cưỡi ngựa ra về. Thái độ của Lý Quảng quá thản nhiên khiến quân Hung Nô lại càng nghi ngờ, ngay đêm hôm đó rút ra xa để đề phòng. Sự bình tĩnh và quyền biến của Lý Quảng nổi danh từ lúc ấy, vì vậy khi Hán Võ đế lên nối ngôi thì cho ông giữ chức Vệ úy trấn giữ Nhậm Môn quan.

Vào năm 140 trước Công nguyên, Lưu Triệt lên ngôi, xưng hiệu là Hán Võ đế. Ông là người hùng tâm tráng chí, cương quyết đến độ tàn nhẫn, điển hình nhất là việc tướng Lý Lăng dẫn quân đi đánh Hung Nô, vì quá ít quân, lại bị bao vây tứ phía nên đành phải đầu hàng. Thế mà Hán Võ đế bắt tội cả nhà họ Lý đem giết hết. Sử quan là Tư Mã Thiên chỉ nói vài lời tỏ vẻ bênh vực, cho rằng Lý Lăng lâm vào tình trạng bất đắc dĩ mà thôi, liền bị Hán Võ đế khép vào tội bị “cung hình” (tức bị hoạn), suốt đời mang mối ô nhục ấy cho đến nhắm mắt.

Với hùng tâm này, Hán Võ đế quyết định mở một chiến dịch lớn lao, huy động toàn quốc vào cuộc chiến tranh với Hung Nô. Ông chủ trương phải đánh đến tận sào huyệt của Hung Nô ở mãi trong sa mạc hoang vu để diệt tận gốc. Do vậy Hán Võ đế huy động gần hết số trai tráng trong nước, chi phí cho chiến dịch này hết sức tốn kém, làm cho ngân khố suy giảm thậm tệ. Tuy sau cùng chiến dịch thành công nhưng đó là bước đầu làm cho nhà Hán suy sụp dần dần, đến khi Hán Chiêu đế Lưu Phất Lăng lên nối ngôi thì hầu như

ngân khố đã trống rỗng, kéo theo tình trạng nhân dân đói khổ.

Hán Võ đế lên ngôi rồi vẫn trọng dụng Lý Quảng cùng với các danh tướng khác như Lý Lăng, Hoắc Khứ Bệnh, Vệ Thanh. Lúc đó quân Hung Nô phát triển rất mạnh, vừa đông đảo vừa giỏi về kỵ binh nên tiến lui như chớp nhoáng, thường hay tập hợp số đông tấn công một điểm nào đó rồi nhanh chóng rút lui ngay, quân triều đình muốn truy kích cũng không được.

Vì vậy có một lần Lý Quảng bị quân Hung Nô bất ngờ bao vây. Vì quân ít hơn nhiều nên Lý Quảng cố sức phá vòng vây mà không xong, tướng đầu đã mất mạng. May sao trước đó Thiên Vu Hung Nô rất hâm mộ oai danh của ông, đã ra lệnh phải bắt sống nên cuối cùng ông không chết, bị bắt sống dẫn đi. Giữa đường nhân lúc tên quân canh sơ hở, Lý Quảng bứt đứt dây trói, phóng sang cướp ngựa của tên quân bên cạnh cùng với cung tên của hắn. Lý Quảng vừa chạy vừa bắn trả khiến quân Hung Nô chết khá nhiều, rùn bước để ông chạy thoát về quân doanh. Từ đó trở đi Hung Nô gọi ông bằng danh hiệu là “Phi tướng quân” chứ không gọi bằng tên tục.

Thế nhưng việc để quân địch bắt sống đối với Hán Võ đế là trọng tội, đáng lẽ đem xử tử làm gương. Hán Võ đế xét ông có nhiều công trạng, chỉ cách chức giáng xuống làm thường dân. Thiếu vắng Lý Quảng trấn thủ biên cương, người Hung Nô lại càng hung hăng lộng hành, tiến quân giết chết viên Thái thú ở Liêu Tây rồi đánh bại luôn đại quân của Hàn An Quốc. Bất đắc dĩ Hán Võ đế phải trọng dụng Lý Quảng lại, cho ông làm Thái thú Bắc Bình. Quân Hung Nô nghe tin này, luôn mấy năm đánh phá ở đâu thì được chứ Bắc Bình thì hoàn toàn yên tĩnh.

Năm 120 trước Công nguyên, Lý Quảng cùng với tướng Trương Khuyên dẫn 4000 quân đi đánh vào danh trại Hung Nô nhưng giữa đường lọt vào ổ phục kích của Tả Hiền vương Hung Nô. Quân số hai bên chênh lệch gấp 10

lần. Quân Hán dưới sự chỉ huy của Lý Quảng ra sức chiến đấu, thế nhưng chẳng bao lâu đã hết sạch tên. Lý Quảng nhanh trí sai quân sĩ cứ giương cung như sắp bắn, thật sự chẳng còn mũi tên nào làm cho quân Hung Nô vô cùng sợ hãi, tạm thời không dám xông lên nữa. Nhờ được quân tiếp viện đánh thọc vào vòng vây, Lý Quảng mới thoát chết trở về.

Thấy cuộc chiến vẫn giằng dai không sao tiêu diệt hẳn Hung Nô, vào năm 119, Hán Võ đế lại tổ chức một cuộc tấn công đại qui mô với mục tiêu là đánh lên tới tận sa mạc Mạc Bắc. Hán Võ đế phong cho Vệ Thanh làm Nguyên soái, cùng với danh tướng Hoắc Khứ Bệnh dẫn 5 vạn kỵ binh và 10 vạn bộ binh, chia làm hai đường tấn công, lệnh ban ra là phải tiêu diệt hoàn toàn Hung Nô mới được trở về. Lúc đó Lý Quảng đã là lão tướng hơn 60 tuổi nhưng vẫn xin với Hán Võ đế cho mình theo quân. Khi Vệ Thanh điều tra bọn tù binh, biết được nơi ẩn trốn của Thiên Vu Hung Nô thì liền sai Lý Quảng làm Tiên phong đánh về phía đông, còn mình kéo đại quân đánh thẳng vào nơi Thiên Vu Hung Nô đang đóng quân.

Vì chưa lần nào tiến sâu như vậy, Lý Quảng bị mất phương hướng, dẫn quân đi loanh quanh rất lâu chưa tìm được đường ra. Trong khi ấy Vệ Thanh tiến đến nơi Thiên Vu Hung Nô nhưng không kịp bao vây nên đành để ông ta trốn thoát. Khi trở về, Vệ Thanh mới gặp Lý Quảng, cùng nhau hội quân. Thế nhưng lúc về triều, Hán Võ đế tức giận hạch tội hai tướng đã hành quân ra sao mà xổng mất Thiên Vu Hung Nô. Vệ Thanh liền đổ tội cho Lý Quảng không phối hợp tốt. Tuy không bị Hán Võ đế trách phạt nhưng Lý Quảng tức tối dùng kiếm tự sát để minh oan. Đây là cái chết rất oan uổng của người lão tướng dưới triều Hán.

Vệ Thanh nguyên là người họ Trịnh, sinh trưởng ở Bình Dương. Thân phụ của ông là Trịnh Quý, chỉ làm một viên tiểu lại nho nhỏ dưới quyền của

Bình Dương hầu Tào Thọ. Trịnh Quý có lần thông dâm với người thiếp của Tào Thọ là Vệ Ôn, vì vậy sau khi đẻ con liền cho đứa bé lấy họ mẹ, đặt tên là Thanh. Vì là con của thiếp nên Tào Thọ không nuôi dưỡng, cho về quê của cha ruột. Gia đình Trịnh Quý nghèo khó nên thuở thiếu thời Vệ Thanh rất cơ cực, có lúc phải đi chăn bò cừu cho kẻ giàu lấy bát cơm ăn.

Khi lớn lên, nhờ có thân hình to lớn, sức vóc mạnh mẽ nên Vệ Thanh được Tào Thọ cho làm kỵ binh, chuyên việc canh phòng cho phủ Bình Dương hầu. Cuộc đời Vệ Thanh tưởng như mãi mãi ở nơi xa xôi ấy với chức vụ quen. May sao vào năm 139 trước Công nguyên, người chị của Vệ Thanh là Vệ Tử Phu có sắc đẹp hơn người, được tiến vào cung và được Hán Võ đế sủng ái, phong làm Phi tử.

Lúc đó Hoàng hậu không có con nối dõi nên khi Vệ Quý phi hoài thai thì Hán Võ đế lại càng cưng chiều, nghe nói đến Vệ Thanh liền phong cho chức Đại phu. Rốt cuộc Vệ Thanh từ một người tầm thường, dựa vào sự sủng ái của người chị mà leo lên làm đại thần trong triều. Vệ Thanh có thân hình cao lớn, tướng tá oai phong, lại giỏi về võ nghệ nên khi Hán Võ đế tính đến việc chinh phạt Hung Nô liền giao cho trọng trách chỉ huy toàn quân. Lúc đó triều Hán hầu như không còn tướng tài, Hàn An Quốc và Lý Quảng đều đã cao tuổi, khó có thể đảm đương được một chiến dịch lớn lao như vậy.

Trong thời gian mở chiến dịch tiến đánh Hung Nô, Vệ Thanh được sự trợ giúp của một viên tướng trẻ tên là Hoắc Khứ Bệnh. Nhờ họ Hoắc, nhiều lần đại quân Hán đã đánh bại Hung Nô, đưa họ vào tình cảnh không còn hoạt động quấy nhiễu như trước được nữa.

Hoắc Khứ Bệnh là người ở Sơn Tây, ngay từ nhỏ đã tỏ ra là người có tài năng về quân sự, lại có họ hàng xa với Vệ Thanh. Do vậy khi Hán Võ đế quyết định tiến đánh Hung Nô, trong triều không còn danh tướng nào nữa,

đành phải giao cho Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh, mặc dù khi đó ông còn rất nhỏ, mới được 17 tuổi. Thế nhưng Hoắc Khứ Bệnh rất được lòng tướng sĩ, phong cách khoáng đạt, thân mật với quân sĩ như là anh em, làm cho họ đồng một lòng chiến đấu. Tương truyền khi Hán Võ đế ban cho Hoắc Khứ Bệnh một vò ngự tửu, ông không muốn uống một mình, bèn đổ cả bình ngự tửu xuống một cái ao nhỏ rồi tất cả cùng uống nước trong ao, biểu lộ tình cảm gắn bó quân tướng.

Tiếc rằng Hoắc Khứ Bệnh mất quá sớm, khi mới vừa tuổi 24, trong lúc đang hành quân tiến đánh Hung Nô, tức đã được 7 năm cầm quân đánh giặc. Người ta cho rằng Hoắc Khứ Bệnh bị bệnh do không thích hợp với thổ nghi nóng và ẩm của đất Hung Nô. Cũng có người tin vào giả thuyết quân Hung Nô quá kinh sợ tài chiến đấu của Hoắc Khứ Bệnh, sau khi giả vờ rút lui liền đổ chất độc vào giếng nước, ông uống phải loại nước này nên chết không thể cứu chữa được.

Chiến công oai hùng nhất của Hoắc Khứ Bệnh là khi mới được Hán Võ đế tin dùng, trao cho một cánh quân độc lập, phối hợp với quân của Vệ Thanh. Nhận thấy đường sá nơi đất Hung Nô khó khăn hiểm trở, nếu đưa đại quân tiến lên rất dễ bị lộ, quân Hung Nô hoặc sẽ tập hợp đánh trả, hoặc sẽ lẫn trốn rất khó tìm ra. Hoắc Khứ Bệnh nhân lúc quân Hung Nô dồn hết ra đánh với Vệ Thanh liền can đảm cùng với mấy trăm kỵ binh luồn theo đường núi đánh bọc hậu, kết quả Hoắc Khứ Bệnh giết được hơn 2000 quân Hung Nô, đồng thời bắt sống một lúc mấy viên đại thần Hung Nô, trong đó có nghĩa phụ của Thiền Vu Hung Nô, giết chết hơn phân nửa, còn lại đều đầu hàng.

Hán Võ đế hết sức tán thưởng chiến công này, ban cho ông tước Quán Quân hầu. Sau đó với nhiều chiến công hiển hách khác, Hoắc Khứ Bệnh còn được thăng lên tới chức Đại Tư mã, tức là nắm toàn bộ binh quyền trong tay,

kể cả Vệ Thanh. Khi Hoắc Khứ Bệnh chết rồi Vệ Thanh mới có cơ hội thăng quan tiến chức.

Nói về chiến dịch Mạc Mắc do Hán Võ đế tổ chức, khi Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh chia quân làm hai đường thì mỗi người có cách đánh riêng. Vệ Thanh chỉ huy quân đội rất nghiêm nhưng vẫn hài hòa thân thiết nên quân tướng một lòng chiến đấu. Mỗi khi đụng trận, Vệ Thanh thường hay đi đầu, tả xung hữu đột đánh phá khiến quân Hung Nô khó mà chống nổi.

Hoắc Khứ Bệnh thì hay dùng kỳ binh, lấy số quân ít mà đánh vào những điểm trọng yếu hay bất ngờ nhất làm cho quân địch hoang mang bỏ chạy. Sau nhiều cuộc chiến khốc liệt, quân Hung Nô đã phải lùi sâu vào nội địa, thế nhưng Hoắc Khứ Bệnh vẫn truy kích đến cùng. Có lần ông chỉ dùng một đội kỵ binh nhỏ nhưng lựa chọn toàn là người thiện chiến, tiến về phía Lũng Tây. Toán quân của ông đi xuyên qua 5 bộ tộc Hung Nô mà không gặp phải sức kháng cự nào mạnh mẽ, đến đâu đều chiến thắng đến đó. Lối đánh này chẳng khác gì quân Hung Nô thường dùng để kỳ tập các đồn biên giới. Nay bọn chúng bị Hoắc Khứ Bệnh áp dụng đúng như thế, đêm nào cũng nơm nớp lo sợ không biết bị đánh úp lúc nào, dần dần mất hết nhuệ khí. Chẳng bao lâu Hoắc Khứ Bệnh đã dồn tàn quân Hung Nô phải chạy về tới tận miền bắc Mạc Bắc, đến tận địa giới núi Lang Cư Tư.

Riêng Vệ Thanh nắm đại quân, tiến thẳng tới triều đình Hung Nô, chạm trán nhiều hơn và phải trải qua nhiều trận đánh khốc liệt. Vì trị quân rất nghiêm nên hầu như tất cả quân tướng đều lo sợ bị bắt tội, anh dũng chiến đấu, có thể lấy ít chọi nhiều nên rất ít khi thất trận. Có lần một bộ tướng của Vệ Thanh là Tô Kiến, dẫn 1000 đi tiểu trừ, bất ngờ gặp phải đại quân của bộ tộc Hung Nô do thủ lĩnh tên là Đan Vu. Tô Kiến huy động quân binh chống trả ác liệt, nhưng với số đông, quân Hung Nô đã tiêu diệt được 1000 quân

Hán, chỉ còn lại mỗi mình Tô Kiến chạy thoát về quân doanh.

Theo quân lệnh, mỗi khi tướng để quân bị tiêu diệt thì phải xử chết theo. Vệ Thanh đã toan đem Tô Kiến ra xử tử thì các tướng dưới quyền kiến nghị, cho rằng đó là chiến thắng chứ không phải thất bại bởi Tô Kiến đã giết hơn 2000 quân địch. Nếu cứ theo quân lệnh cứng nhắc thì còn tướng nào dám chỉ huy ba quân nữa. Chắc chắn nếu thua một trận thôi - dù bất đắc dĩ – thì họ sẽ không dám trở về nữa mà đành đầu hàng như danh tướng Lý Lăng.

Vệ Thanh tiếp nhận ý kiến đó, tâu về với Hán Võ đế và được nhà vua xuống chiếu không bắt tội Tô Kiến. Cách hành xử đúng mực và không cố chấp của Vệ Thanh chính là võ khí chỉ huy ba quân rất hữu hiệu. Vì vậy nhiều lần Vệ Thanh đạt công trạng rất lớn, điển hình nhất là vào năm 128 trước Công nguyên, Vệ Thanh lại được lệnh dẫn đại quân đi tiêu diệt Hung Nô lần nữa, có cánh quân do Lý Túc và Trương Thứ tiếp trợ. Dưới quyền chỉ huy của Vệ Thanh, quân tướng hết lòng chiến đấu, tiến mau như chẻ tre, chẳng bao lâu thì đã vượt qua được bốn vòng trấn giữ của quân Hung Nô.

Lúc đó một đại tướng của Hung Nô, tước lên đến Hữu Hiền vương đóng ở trung quân, tưởng rằng quân Hán còn lâu mới có thể tiến sâu đến như vậy, không phòng bị nên bị đánh bất ngờ. Trận này Vệ Thanh suýt nữa giết được Hữu Hiền vương, hắn phải cùng quần thần bỏ chạy trốn chết. Không có người chỉ huy, toàn bộ quân Hung Nô đều đầu hàng. Chiến thắng này cực kỳ vang dội nên Hán đế lập tức phong cho ông làm Đại tướng quân, các con của Vệ Thanh đều hưởng ơn cha, được phong tước Hầu, vô cùng vinh hiển.

Thế nhưng Vệ Thanh không bằng lòng, dâng tấu lên Hán đế, cho rằng chiến công đó là do tập thể các tướng hết lòng vì nước, nếu chỉ có gia đình ông hưởng ân mưa móc thì sau này rất khó khích lệ ba quân. Hán Võ đế tuy rất cố chấp nhưng vẫn nhận ra sự sai lầm của mình, lập tức cũng phong cho

các tướng trong trận đánh này trước Hầu.

Khi Vệ Thanh cùng với Hoắc Khứ Bệnh đem 15 vạn quân tiến đánh Hung Nô là lần cuối cùng trong cuộc đời tướng lĩnh của ông. Vì vậy Vệ Thanh mặc dù đã lớn tuổi vẫn đem hết sức mình ra chỉ huy ba quân chiến đấu và kết quả cuối cùng cũng đã tương đối làm cho Hung Nô không còn cơ hội phát triển được như trước nữa.

Thế nhưng đổi lại chiến thắng, quân tướng nhà Hán cũng thiệt hại khá nặng nề do vì không hợp thủy thổ đất Hung Nô. Sau khi chiến dịch khép lại, triều đình Hán tính toán đã tiêu diệt được hơn nửa số quân thiện chiến của Hung Nô, ước khoảng gần 10 vạn nhưng quân Hán cũng chỉ còn khoảng 3, 4 vạn về trong số 15 vạn khi xuất phát. Với bản chất hiếu thắng và tàn nhẫn, Hán Võ đế chấp nhận số thương vong cao ngất ấy nhưng không biết rằng đó chính là một phần nguyên nhân làm cho triều đại Hán huy hoàng ngày nào trở thành suy yếu rồi sau cùng diệt vong dưới bàn tay lộng hành của Vương Mãng.

Trong chính sử ghi chép về đại chiến dịch này rất sơ lược, có vài điểm khác biệt, nhất là số thương vong của quân Hung Nô:

“Đây là trận chiến có quy mô rất lớn do Hán Võ đế huy động ba quân đánh lên Mạc Bắc (sa mạc vùng Nội Mông Cổ). Hán Võ đế sai hai Đại tướng là Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh dẫn 10 vạn kỵ binh và một số lớn quân tinh nhuệ, lên đến vài chục vạn. Nghe tin Thiên Vu Hung Nô đóng quân ở phía đông, Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh liền chia quân làm hai cánh tìm kiếm. Lúc đó Hoắc Khứ Bệnh mới là Phiêu kỵ Tướng quân, làm Phó tướng cho Vệ Thanh, đem quân từ Đại quân xuất phát tiến đánh quân Hung Nô. Vệ Thanh xuất phát từ Định Tương vượt biên giới không chế mặt bên trái của quân Hung Nô. Sau khi dò biết đích xác nơi trú quân của Thiên Vu Hung Nô, Vệ

Thanh liền đem đại quân tiến đánh, sai hai tướng là Lý Quảng và Triệu Thực đến địa điểm ngăn chặn đường rút lui của Hung Nô. Thế nhưng Lý Quảng và Triệu Thực đi lạc đường, không tới đúng điểm dự định, vì vậy Vệ Thanh bắt giết được Thiên Vu Hung Nô, làm cho cuộc chiến kéo dài hơn tính toán.

Khi Vệ Thanh đi xuyên qua sa mạc thì bị quân Hung Nô xuất hiện đánh chặn. Nơi sa mạc hoàn toàn không có công sự cố thủ nên Vệ Thanh sai quân dùng chiến xa xếp thành vòng tròn, từ đó các cung thủ bắn tên ra như mưa. Khi thấy quân địch đã loạn, Vệ Thanh liền sai 5000 kỵ binh xông ra đối chiến với hơn 1 vạn kỵ binh Hung Nô. Hai bên giao chiến đẫm máu đến mãi chiều tối, Vệ Thanh liền chia quân ra làm hai cánh cùng lúc đánh kẹp kỵ binh Hung Nô vào giữa, kết quả là đại thắng. Phía quân của Hoắc Khứ Bệnh cũng đụng độ với đại quân Hung Nô. Kết quả Hoắc Khứ Bệnh tiêu diệt hơn 7 vạn quân địch, làm cho triều đình Hung Nô rung động.

Một ghi chép khác về danh tướng Hoắc Khứ Bệnh cho rằng ông không phải mất trên đất Hung Nô mà về bị bệnh nặng, khi về tới Trường An mới mất. Theo ghi chép này thì Hoắc Khứ Bệnh tổng cộng tiêu diệt đến hơn 10 vạn quân Hung Nô, so với con số của triều đình nhà Hán đưa ra chỉ là khoảng 10 vạn cộng cả chiến công của Vệ Thanh thì có khoảng cách khá xa. Điều này không được nhiều người khảo cứu bởi mục đích cuối cùng là tiêu diệt Hung Nô đã thành công, mà thành công nào không phải trả giá bằng xương máu tướng sĩ, thiệt hại là lẽ dĩ nhiên, thậm chí còn có thể cao hơn nữa do vì thời tiết và thủy thổ Hung Nô hết sức khắc nghiệt. Số quân thật sự chết vì chiến trận có lẽ còn ít hơn số quân bị chết do bệnh tật.

Cơ bản sau trận chiến Mạc Bắc người Hung Nô đã bị chia rẽ và mỗi Thiên Vu có chủ trương khác nhau, do vậy không thể đồng lòng nhất trí để tập hợp các bộ tộc thành một lực lượng đủ mạnh tấn công Trung nguyên nữa.

Sau khi phần lớn số quân Hung Nô bị đại quân của Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh tiêu diệt, số tàn quân còn lại theo chân Thiến Vu Y Trí Da phải chạy mãi lên tới miền bắc sa mạc Gôbi trú ẩn ở đó. Đến đời Hán Tuyên đế, vào năm 73 trước Công nguyên kết hợp cùng với quân của bộ tộc Ô Hoàn một lần nữa đánh đuổi người Hung Nô nhưng không tiêu diệt được hết mà chỉ làm cho họ chia rẽ thành nhiều nhóm bộ tộc khác nhau, thế lực suy yếu thấy rõ.

Đến năm 51 trước Công nguyên, một Thiến Vu của Hung Nô có chủ trương ôn hòa hơn tên là Hô Hàn Da, quyết định đưa con trai của mình đến triều Hán làm con tin đổi lấy hòa hiếu. Đó là vào thời Hán Tuyên đế. Đến khi Hán Nguyên đế lên ngôi, nhân dịp Tết Nguyên Đán, đích thân Hô Hàn Da đến Trường An chúc thọ và xin được cưới Công chúa. Hán Nguyên đế bằng lòng, phong cho một phi tần là Vương Chiêu Quân làm Công chúa rồi gả cho Hô Hàn Da.

Câu chuyện Vương Chiêu Quân cống Hồ (Hung Nô) trở thành một câu chuyện diễm tình bởi sự thao túng của họa sĩ Mao Diên Thọ. Trong chuyện này Hán Nguyên đế hết sức tức giận, giết cả nhà Mao Diên Thọ và rất tiếc rẻ mỹ nhân Vương Chiêu Quân.

Thế nhưng theo một ghi chép khác thì khi Hán Nguyên đế thấy mặt Vương Chiêu Quân thì lập tức say mê, bí mật thương thuyết với Hô Hàn Da đánh đổi bằng 5 phi tần khác. Hô Hàn Da bằng lòng và vẫn giữ tình hữu nghị giữa hai nước như trước.

Những kết quả chính trị của Hô Hàn Da thúc đẩy các Thiến Vu bộ tộc khác theo gương. Một Thiến Vu khác tên là Chí Chi cũng gởi con trai đến triều Hán xin nghị hòa hiếu nhưng sau cùng bị quân Hán phối hợp cùng với quân Tây Vực giết chết, việc hiếu hòa tạm thời bị đứt đoạn và ít nhiều người

Hung Nô trở lại quấy nhiễu. Khi Vương Mãng soán ngôi nhà Hán, thành lập triều Tân cũng phải nhiều lần đem quân đi đánh dẹp, chứng tỏ biên cương Trung nguyên giáp giới với các dân tộc du mục phía bắc như Mông Cổ, Khiết Đan, Nữ Chân, Tây Vực, v.v... không khi nào được bình yên lâu dài. Và các tướng soái Trung Hoa vẫn luôn luôn xuất hiện mỗi khi có biến động để bảo vệ biên cương.

8

CHU DU

ANH HÙNG LỖ VẬN

Triều đại Nhà Hán quả thật huy hoàng và kéo dài chỉ kém nhà Tây Chu cổ đại. Triều Hán chỉ tạm dừng lúc Vương Mãng tiến quyền tự xưng Hoàng đế và lập ra triều Tân. Thế nhưng số mệnh của Vương Mãng chỉ làm Hoàng đế được 15 năm rồi các tông thất nhà Hán nổi lên, tiếp tục một giai đoạn mới gọi là Đông Hán. So ra thời Đông Hán không thịnh trị bằng thời Tây Hán vì có khá nhiều vị Hoàng đế u mê bạc nhược. Do đó đến năm 220 triều đại này suy tàn, đưa đất nước Trung Hoa rơi vào cảnh tương tàn hỗn loạn với nhiều tập đoàn quân phiệt thi nhau tranh giành quyền lực. Tuy cuối cùng chỉ còn lại 3 thế lực quân phiệt lớn nhất của Tôn Quyền, Lưu Bị và Tào Tháo - được sử gọi là thời Tam Quốc - nhưng các cuộc chiến vẫn diễn ra liên miên khiến người dân hết sức điêu linh. Thời loạn tất có anh hùng hào kiệt xuất hiện và các thế lực đều tranh nhau mời gọi các nhân tài ấy về phò tá cho mình.

Nhắc đến thời Tam Quốc thì không ai không nghĩ tới một nhân tài kiệt xuất, đó là Khổng Minh Gia Cát Lượng. Thế nhưng xét về mặt Tướng soái thì ông không phải, ông phải được xếp vào hàng các Mưu lược gia, Chiến lược gia, hoặc là Chính trị gia với chức vụ Thừa tướng triều Thục Hán. Sở dĩ Gia Cát Lượng phải kiêm nhiệm chức vụ Tướng soái trong những trận đại chiến kinh tâm động phách, đầy mưu trí khó lường là vì các tướng của Thục Hán chưa ai đủ tài năng làm Tướng Soái.

Quan Vũ có sức mạnh, lòng trung thành tuyệt đối nhưng lại không biết đến quyền biến nên cuối cùng mất mạng oan uổng ở đất Kinh châu; Trương Phi với tính thô bạo nóng nảy; Ngụy Diên võ nghệ cao cường; Triệu Vân oai hùng với trận Đương Dương Trường Bản khiến đối phương nghe tên đã khiếp vía bỏ chạy. Nhưng những tướng ấy hoàn toàn thiếu một bộ óc kết hợp giữa mưu lược với binh pháp, kết hợp giữa hoàn cảnh với sự quyền biến, không thể lãnh đạo được những đoàn quân lớn. Đến ngay như Nhai Đình là điểm rất trọng yếu, thế mà Gia Cát Lượng cũng đành phải sai Mã Tắc nắm giữ để rồi trở thành tội đồ cho cả chiến dịch. Sau này triều Thục Hán có được một Khương Duy văn võ toàn tài nhưng lại thiếu tư duy chiến thuật, vì vậy không thể vực dậy được toàn cảnh đã quá suy sụp khi Gia Cát Lượng mất.

Về thể lực Tôn Quyền ở Giang Đông tuy không nhiều danh tướng nhưng lại có một nhân tài hiếm có, đó là Chu Du. Ông không được các nhà sử học nhắc đến nhiều bởi vì ông chết quá trẻ, chết vì sinh không phù hợp thời, vì đúng thời điểm ấy đã có Gia Cát Lượng, đành phải ôm hận mà chết. Tuy thời gian hoạt động không lâu nhưng Chu Du cũng đã nắm được chức vụ Đại Đô đốc, tức là tướng soái nhưng thiên về thủy chiến nhiều hơn.

Chu Du tên thật là Chu Công Cẩn, ngay từ khi còn trẻ đã nổi tiếng có dung mạo tuấn tú, rất giỏi về thơ văn và âm luật, được người thời đó tặng cho biệt hiệu là "Mỹ Chu lang". Cuộc đời ông không gặp nhiều cuộc đại chiến nên chỉ nổi tiếng khi tham dự trận Xích Bích. Tuy trận này Gia Cát Lượng đưa ra kế hoạch, thật sự phải có sự trợ giúp của khá nhiều mưu sĩ tướng quân như Bàng Thống, Hoàng Cái, Cam Ninh, v.v... mới đạt được kết quả huy hoàng như vậy. Trong cuộc chiến đó, phần đánh thủy chiến đều do Chu Du chỉ huy và lập được công lớn cho triều Đông Ngô.

Chu Du sinh trưởng ở quận Thục quận Lư Giang, theo chính sử thì ông

sinh năm 175 mất năm 210 tức mới vừa tuổi 35. Chu Du xuất thân từ gia đình quyền quý, các đời tổ tiên đều giữ chức quan lớn như Thái úy hay Lệnh doãn dưới triều Đông Hán. Thế nhưng triều đại này không ổn định, đến cuối triều đại thì lại càng hỗn loạn do việc các thế lực quân phiệt cát cứ gây ra.

Đến đời Hán Linh đế, nhà vua càng làm cho triều chính suy đồi hơn với việc sủng ái bọn Thập Thường thị (tức bọn 10 tên hoạn quan mà đứng đầu là tên Trương Nhượng). Hán Linh đế dung túng cho bọn này tha hồ tác oai tác quái, mãi đến lúc sắp chết mới tỉnh ngộ, vội triệu Đại tướng quân Hà Tiến vào trấn trối nhờ chấn chỉnh triều đình. Thế nhưng Hà Tiến chỉ là một tên đồ tể mổ thịt bán ngoài chợ, dựa vào quyền người em gái được nạp vào làm Phi tần trong cung mà lên tới chức vụ cao trọng. Hà Tiến liền cùng Viên Thiệu bàn soạn kế hoạch diệt trừ Thập thường thị nhưng kế sách chẳng ra gì, đành phải phát hịch gọi các trấn đem quân về cứu giá. Nhân cơ hội này Đồng Trác đang giữ chức Tiền Tướng quân, tước Ngao Hương hầu kiêm Thứ sử Tây Lương nắm được thời cơ, lũng đoạn triều chính càng làm cho quốc gia thêm nát bét. Khi Đồng Trác chuyên quyền đưa Trần Lưu vương lên làm Hán đế thì hầu hết các triều thần đều tức giận, bắt đầu cho sự hình thành các thế lực quân phiệt.

Viên Thiệu, Tôn Kiên rồi đến Tào Tháo sau khi âm mưu giết Đồng Trác không thành đều chạy khỏi kinh đô và chiêu mộ quân binh, lập nên các thế lực độc lập. Riêng Tôn Kiên có sự tích khác lạ hơn người, đó là khi thế lực Viên Thiệu đang giao tranh cùng với Tào Tháo. Lúc ấy Tôn Kiên ở trong thành lạc Dương, xem thiên văn thấy sao Tử Vi mờ tối thì than thầm trong bụng, không biết rồi đây ai sẽ là chân chúa xứng đáng để mình theo phò tá. Đột nhiên Tôn Kiên thấy có luồng hào quang ngũ sắc từ dưới cái giếng nước bỏ hoang bốc lên sáng chói.

Tôn Kiên liền sai quân đốt đuốc rồi bắt trèo xuống xem có gì dưới đó. Tên quân này đưa lên một thi thể phụ nữ đã chết nhưng hình hài không bị tan rữa, có đeo một cái túi gấm trước ngực. Tôn Kiên liền thò vào túi gấm lấy ra cái hộp gỗ, trong đó đựng chiếc ấn bằng ngọc. Tay cầm chạm khắc năm con rồng uốn lượn, mặt ấn khắc tám chữ: “*Thụ mệnh vu thiên, ký thọ vĩnh xương*”. Tôn Kiên là tướng nên hoàn toàn không biết ngọc ấn ấy ra sao, bèn đi hỏi Trình Phổ, được cho biết:

– Đó là viên ngọc tỷ truyền quốc của Văn vương nước Sở, làm bằng viên ngọc họ Hòa. Năm thứ 26, Tần vương chiếm được cho làm ấn quốc bảo, chính tay Lý Tư viết tám chữ ấy. Đến năm thứ 28, Thủy Hoàng đế tuần du Động Đình hồ, thấy có gió dữ bèn ném xuống và yểm trấn. Thế nhưng đến năm 38 bất ngờ có người đem trả lại. Viên ngọc ấn này truyền đời từ Hán Cao đế Lưu Bang đến Vương Mãng, Hiếu Nguyên đế rồi sau vào tay Quang Vũ đế Lưu Tú. Đến lúc bọn Thập Thường thị làm loạn triều đình thì tự nhiên ngọc ấn mất tích.

Nay ông được ngọc ấy thì là trời ban cho giang sơn, hãy về Giang Đông mà lập quốc.

Thế nhưng Viên Thiệu biết chuyện này và do vậy xảy ra cuộc đánh nhau giữa ông ta và Tôn Kiên. Sau đó Tôn Kiên trốn về Giang Đông, Viên Thiệu cũng kéo quân đến Quan Đông cát cứ. Từ đấy triều đình Giang Đông được thành lập và truyền lại cho Tôn Quyền. Cha ông của Chu Du đi theo Tôn Kiên, trở thành công thần của triều đình Giang Đông.

Chu Du được thừa hưởng tập ấm của cha ông, rất hâm mộ danh tướng Tôn Sách và Mã Viện đời Hán. Khi Tôn Sách nắm binh quyền thì liền mời Chu Du ra phụ tá, phong làm Kiến Uy Trung lang tướng, chỉ huy một đoàn quân. Có thể nói, ngay từ lúc còn nhỏ tuổi, mới vừa 24, Chu Du đã đặc biệt

được đảm nhận chức tướng, do vậy có nhiều kinh nghiệm trong việc điều động ba quân. Mẹ của Tôn Sách là Tái phu nhân lúc ấy nắm quyền triều chính cũng rất mến mộ Chu Du, thường hay nói với con là Tôn Quyền phải trọng dụng Chu Du làm trụ cột cho quốc gia.

Trong số các công thần có Trình Phổ là người già dặn kinh nghiệm, tuổi cao đức trọng nhưng lại rất hay xung khắc với Chu Du, cho ông là non người trẻ dạ chưa thể làm nên việc lớn. Chu Du không vì vậy mà tức giận, vẫn một lòng đối đãi kính cẩn, trải qua một thời gian đến ngay Trình Phổ cũng phải khâm phục và kết giao với ông, coi như bạn vong niên.

Vào năm 200, Tôn Sách bị thích khách giết. Chu Du nhận được tin liền dẫn quân từ Ba Kỳ tới đất Ngô chịu tang, thấy tướng mạo của Tôn Quyền oai hùng, miệng lớn cằm vuông, mắt biếc râu tía, ánh mắt sáng như điện, nên biết người này có thể làm nên đại nghiệp, quyết định ở lại phò tá cho Tôn Quyền. Lúc đó, do Tôn Sách vừa mới chết, địa vị của Tôn Quyền không ổn định nên khi được gặp Chu Du rất mừng, liền hỏi về kế sách giữ gìn cơ nghiệp. Chu Du liền nói:

– Xưa tới nay bất cứ minh chủ nào tài giỏi đến đâu mà không có nhân tài phò tá thì đều thất bại. Vì vậy điều trước tiên là phải biết chiêu dụng hiền tài thì giang sơn mới bền vững. Tôn Quyền cả mừng, xin Chu Du giúp cho mình. Chu Du liền tiến cử một mưu sĩ tên là Lỗ Túc. Nguyên Lỗ Túc tên tự là Tử Kính, người Đông Xuyên, tính tình hết sức thẳng thắn và hiếu lễ với cha mẹ. Sau khi đàm đạo với Lỗ Túc, Tôn Quyền càng mừng thêm vì quả thật ông ta là người có kiến văn cao thâm, lại nhờ Lỗ Túc tiến cử một người khác là Gia Cát Cẩn làm mưu sĩ.

Chính Gia Cát Cẩn là người vạch ra kế hoạch cho Tôn Quyền tuyệt giao với Viên Thiệu, tạm thời hòa hoãn với Tào Tháo để đủ thời gian xây dựng

giang sơn. Tôn Quyền nghe theo nên được Tào Tháo xin với Hiến để phong cho làm Thái thú Cối Kê, tạm thời chưa bị ai nhòm ngó tới. Với chủ trương chiêu mộ nhân tài nên ngoài Chu Du ra, Tôn Quyền còn kết nạp được một số mưu sĩ danh tướng như Trương sử Trương Chiêu, Cố Ưng, Hoàng Cái, Lã Mông, v.v...

Kết hợp với những nhân tài này, Chu Du ra sức chinh đồn triều chính, luyện tập quân mã nên chẳng bao lâu đất Giang Đông đã phát triển, nhân dân no ấm.

Lúc ấy là vào năm 202, Viên Thiệu dẫn đại quân hơn 80 vạn nhưng phò tướng thanh thế lên đến 100 vạn tiến đánh Tào Tháo. Với quân binh ít hơn nhưng Tào Tháo là người kiêu hùng lắm mưu trí, dùng ít đánh nhiều và cuối cùng nổi tiếng với trận Quan Độ, đánh tan 80 vạn quân của Viên Thiệu. Nhân thắng lợi này, Tào Tháo liền nhân danh Thiên tử nhà Hán, bắt ép các thế lực cát cứ phải thần phục, nhất là đất Giang Đông màu mỡ. Nhận được chiếu thư của Tào Tháo, Tôn Quyền hết sức lo lắng, hội quần thần lại bàn soạn kế sách đối phó. Quần thần Đông Ngô vì sợ hãi sức mạnh của Tào Tháo, lại vẫn mong muốn được “chính danh” là tôi thần nhà Hán nên nhiều người khuyên Tôn Quyền nên phục tùng Tào Tháo. Riêng Chu Du nhất quyết không chịu, đứng ra bài bác:

– Tướng quân được kế thừa cơ nghiệp của huynh trưởng (Tôn Sách), đất có sáu quận, quân đông lương nhiều, tướng lĩnh tài năng cũng không thiếu. Hiện nay đất Giang Đông sản vật đầy đủ, có thể tự túc tự cường được, sao lại chịu cúi đầu với người. Theo tôi thì Tướng quân nên khước từ việc này, chấn chỉnh binh mã sẵn sàng đối đầu. Dù sao đi nữa làm vua một phương vẫn hơn là làm tôi tớ cho họ Tào.

Lời nói của Chu Du rất kiên cường nên cuối cùng Tôn Quyền nghe theo,

từ chối việc đưa người về Hứa Đô làm con tin, càng ra sức xây dựng đất Giang Đông vững mạnh hơn. Việc này khiến Tào Tháo hết sức tức giận nhưng khi ấy ông ta còn phải đối đầu với các thế lực quân phiệt khác nên tạm thời để yên. Đến năm 208 Tào Tháo cơ bản đã bình định được khu vực phương bắc, bắt đầu quay qua nhìn tới phương nam.

Lấy cớ Lưu Biểu không phục tùng triều đình, Tào Tháo dẫn 20 vạn quân tiến đánh Kinh châu, toan tính sau khi hoàn tất sẽ thừa thế đánh luôn Đông Ngô. Xuống phía đông tiêu diệt Tôn Quyền. Tin này khiến cả triều đình Đông Ngô đều hoảng loạn, đa số đều sợ hãi muốn đầu hàng Tào Tháo cho yên thân. Riêng Lỗ Túc chủ trương liên kết với Lưu Bị để chống với Tào Tháo, được Chu Du tán thưởng.

Chu Du phân tích tình hình cho Tôn Quyền hiểu được đại thể, đó là thật sự phương bắc chưa hoàn toàn quy phục Tào Tháo, Mã Siêu và Hàn Toại tuy không phải là thế lực mạnh nhưng vẫn còn ung dung đóng quân ở Quan Tây thì là uy hiếp rất lớn đối với Tào Tháo. Nếu như hai thế lực này nhân cuộc chiến giằng dai ở Giang Đông và thừa cơ đánh úp Hứa Xương thì Tào Tháo sẽ hai đầu thọ địch. Đó là điều bất lợi Tào Tháo không muốn nói ra, thật sự chưa chắc đã dám tiến quá sâu vào đất Giang Đông.

Chu Du rất giỏi về thủy chiến, trong khi ấy đất Giang Đông lại nhiều sông rạch chằng chịt, việc tiến quân bằng kỵ binh của Tào Tháo sẽ bất lợi. Ngay cả thủy thổ đất Giang Đông ẩm thấp nhiều chướng khí cũng là điều không lợi cho quân của Tào Tháo. Vì vậy Chu Du cương quyết chống trả bằng sức mạnh quân sự và bằng tài năng của mình để Tào Tháo nể mặt.

Kế hoạch của Chu Du rất thuyết phục nên sau cùng Tôn Quyền nghe theo, phong cho ông và Trình Phổ làm Tả Hữu Đô đốc, Lỗ Túc làm Tham quân hiệu úy, đồng thời cấp cho Chu Du 3 vạn quân để đến Kinh châu hội

cùng Lưu Bị sửa soạn chống trả với Tào Tháo. Đó là thời điểm bắt đầu cho trận đánh Xích Bích nổi tiếng đi vào lịch sử quân sự mà Chu Du có công lớn nhất.

Đồng thời lúc đó Lưu Bị cũng muốn chống lại quân Tào nên sai Khổng Minh đến Đông Ngô bàn việc liên minh. Chiều hôm ấy Khổng Minh theo Lỗ Túc đến chỗ Chu Du, nóng ruột hỏi ngay xem Chu Du toan tính ra sao? Chu Du hững hờ đáp là phải đầu hàng thôi khiến Lỗ Túc vô cùng ngạc nhiên, hăm hăm đứng dậy nói:

– Cơ nghiệp Giang Đông đã trải qua 3 đời rồi, chẳng lẽ đến nay không có ai tài cán phó giúp, để giang sơn rơi vào tay kẻ khác hay sao? Ai cũng trông chờ vào tài của Đô đốc, hóa ra Đô đốc cũng là kẻ hèn kém chẳng khác gì đàn bà.

Đây là câu sỉ mạ khá nặng nhưng Chu Du tỏ ra thản nhiên, lấy lý lẽ là quân Tào quá mạnh, không thể chống lại nổi. Hai người tranh cãi kịch liệt thế mà Khổng Minh cứ ngồi mà cười, chẳng nói lời nào. Chu Du thấy vậy hỏi ý kiến thì Khổng Minh cũng cho là hàng tốt hơn. Chu Du liền cười ngất, hòa theo tán thưởng khiến Lỗ Túc nổi giận, đỏ mặt phừng phừng mà mắng Khổng Minh tiếp tay cho giặc. Khổng Minh cũng không hề giận, bình thản nói:

– Tào Tháo quân đông tướng mạnh, dụng binh như thần nên chính chúa công của tôi cũng phải chạy dài. Nay Chu Đô đốc muốn về hàng để vợ con được vinh thân phì gia là phải lắm rồi.

Thấy Lỗ Túc càng thêm giận, lớn tiếng mắng chửi, Khổng Minh dùng kế khích tướng, nói:

– Thôi thế thì không phải đầu hàng, cũng không phải ra quân. Chỉ cần dâng Nhị Kiều ra là Tào Tháo rút lui ngay.

Lần này Chu Du trúng kế, tức giận đến đỏ bừng cả mặt, nghiến răng nói lớn:

– Giặc Tào thật láo xược.

Rồi sau đó Chu Du cùng với Khổng Minh bàn việc hợp binh. Nhân cơ hội ấy Khổng Minh lại dùng kế khích tướng, cho là Chu Du chỉ giỏi đánh thủy chứ đánh bộ không thể bằng Tào Tháo. Chu Du cả giận, nói luôn:

– Được rồi, ngày mai ta sẽ đem quân đi cướp lương thảo của Tào Tháo, xem đánh bộ ai giỏi hơn.

Khổng Minh điềm tĩnh đáp:

– Đánh thủy thì chắc chắn Tào Tháo không bằng Đô đốc. Hẳn lại là tay chuyên đi cướp lương thảo của đối phương với nhiều mưu kế tài tình. Vì vậy chắc chắn đã đề phòng đối phương sẽ cướp lương thảo, ra quân lần này chắc chắn ông sẽ thất bại.

Tuy Chu Du nổi tiếng là người nóng nảy nhưng rất có trí tuệ, nghe vậy liền giật mình khen Khổng Minh nói đúng. Vừa lúc ấy Tào Tháo sai sứ giả mang chiếu thư đến, phía ngoài có ghi mấy chữ rất láo xược: “Đại Thừa tướng Hán triều lệnh cho Chu Đô đốc phải xem thư này”. Chu Du nổi nóng lên, chẳng cần biết trong thư nói gì, lập tức xé tan làm trăm mảnh rồi sai quân đem sứ giả ra chém đầu ngay.

Chém sứ giả xong, Chu Du sai Cam Ninh làm tiên phong, Hàn Đương và Tưởng Khâm dẫn hai cánh quân đi hai bên, còn mình ở trung quân tiếp ứng. Dĩ nhiên khi Tào Tháo nghe tin Chu Du chém sứ giả thì nổi giận đùng đùng, lập tức sai hai hàng tướng ở Kinh châu là Sái Mạo và Trương Doãn mang quân đi tiên phong, còn chính mình đốc thúc chiến thuyền kéo thẳng đến cửa Tam Giang dàn trận.

Hai bên giao chiến được mấy hiệp thì Sái Huân bị Cam Ninh chém chết, Hàn Đường và Tưởng Khâm thừa thế xua quân xông lên đánh giết quân Tào một trận to bời. Thế nhưng Chu Du cũng tự biết khó có thể truy kích Tào Tháo, đành cho thu quân trở về.

Sau trận thua này, Sái Mạo và Trương Doãn xin Tào Tháo cấp cho một số quân, lập một thủy trại lớn ở luyện tập quân sĩ thủy chiến, quyết đánh báo thù. Thủy trại này chia làm 24 cửa, canh phòng rất nghiêm mật, khi trời tối đèn đuốc sáng rực cả một góc trời.

Chu Du ở bên này sông, nhìn thấy cảnh tượng ấy cũng hơi kinh sợ, cùng với vài viên tướng bơi thuyền nhỏ đến quan sát tình hình, thầm khen tài của Sái Mạo và Trương Doãn, trong lòng đã có dự tính trước khi xuất quân đánh Tào thì cần phải diệt trừ hai tướng này trước. Lúc ấy Tào Tháo đã cho thuyền ra bắt thám thính của địch nhưng Chu Du dùng thuyền nhẹ nên chạy khỏi dễ dàng.

Tào Tháo thấy vậy rất lo về mặt thủy quân, bàn với các tướng việc đối phó. Một viên tướng tên là Tưởng Cán bước ra nói:

– Trước kia tôi và Chu Du giao thiệp rất thân mật, bây giờ nếu Thừa tướng bằng lòng thì tôi xin qua trại địch mà thuyết phục dụ hàng một phen.

Tào Tháo mừng lắm, lập tức ra lệnh cho Tưởng Cán đi ngay. Tưởng Cán mặc áo vải, đầu đội khăn vải, phong trần dầu dãi qua mấy vất vả, cuối cùng mới được quân canh vào báo với Chu Du. Vừa nghe qua, Chu Du đã cười ngất, nói với các tướng:

– Ta đã hiểu việc này ra sao rồi. Vậy người hãy chờ xem sắp có chuyện vui đây!

Khi gặp mặt, Chu Du hỏi ngay đây là việc quân hay là bạn bè đến chơi. Tưởng Cán mau mắn đáp chỉ là đến thăm bạn mà thôi. Chu Du liền cho mở

“Quần Anh hội”, tiệc rượu bày ra tươm tất, sai Thái Sử Từ làm giám tửu rồi nói với mọi người:

– Tử Dực (Tưởng Cán) là bạn ngày trước, nay tuy là quân hai bên nhưng vẫn nhớ tới nhau đến thăm, không phải là thuyết khách. Vì vậy xin cứ vui say thật sảng khoái vào, đừng e dè gì hết.

Khi rượu đã mấy tuần, ai nấy đều ngà ngà say, Chu Du làm như quá cao hứng, nói với Tưởng Cán:

– Bằng hữu có muốn đi quanh một vòng quân doanh để xem tôi bố trí ra sao không?

Tưởng Cán cả mừng, chỉ đợi có thể liền nhận lời. Khi đi, Chu Du đã cho quân sĩ bố trí sẵn nên nơi đâu cũng gươm giáo sáng lòe, quân binh chỉnh tề, lương thảo chất cao như núi khiến Tưởng Cán không khỏi kinh hoàng trong lòng nhưng ngoài mặt vẫn giả như vui vẻ khen ngợi quân mã Giang Đông quả là không sai với lời đồn.

Sau khi đi một vòng, mọi người lại trở về bàn tiệc ăn uống tiếp tục, ai nấy đều say mèn, có người gục ngay xuống bàn mà ngủ. Chu Du giả say ân cần mời Tưởng Cán ở lại ngủ trong quân doanh của mình nhưng lại nôn ọe đầy ra khiến Tưởng Cán không sao ngủ được. Nằm trằn trọc đến canh hai, Tưởng Cán nhìn qua thấy Chu Du ngủ như chết thì liền nhẹ nhàng bước tới gần án thư, đọc trộm các văn thư còn vất lung tung ở đó. Trong số thư từ, Tưởng Cán liếc thấy có tên Sái Mạo và Trương Doãn thì vội đọc kỹ. Thư viết rất ngắn, đại khái chỉ báo cho biết đã lừa được Tào Tháo, khi nào diệt được thì sẽ cùng nhau sum họp chè chén một bữa no say cho thỏa chí. Tưởng Cán liền giấu bức thư vào trong tay áo rồi trở về chỗ cũ giả vờ ngủ. Được một lúc, chợt có quân canh vào báo:

– Xin Đô đốc tỉnh rượu, có người ở Giang Bắc đến báo tin mật.

Chu Du cựa mình ngái ngủ nhưng vẫn gắt lên:

– Người ra đi, có việc gì thì hãy đợi sau.

Sau đó Chu Du lén nhìn, thấy Tưởng Cán đang ngủ say mới bước ra nói chuyện với tên quân vừa vào báo tin. Tưởng Cán giả vờ ngủ nhưng lắng tai cố nghe xem chuyện bí mật ấy là gì. Thế nhưng hai người xì xào rất nhỏ, Tưởng Cán chỉ nghe được lồm bồm mấy tiếng như Sái Mạo, Trương Doãn mà thôi. Sau đó Chu Du lại trở vào và lần này lẩn ra ngủ ngay. Tưởng Cán liền nhân dịp này lén ra ngoài, nói dối bọn quân canh:

– Ta đi có việc cần. Các người cứ để Đô đốc ngủ yên, sáng mai báo là ta đã đi rồi là được.

Bọn quân canh không thấy Tưởng Cán mang theo thứ gì nên để cho ông ta đi qua dễ dàng, về đến quân doanh, Tưởng Cán lập tức đem mọi chuyện báo cho Tào Tháo biết. Tào Tháo nghe xong nổi giận, sai quân gọi Sái Mạo và Trương Doãn đến hạch hỏi:

– Các người lập thủy trại huấn luyện quân binh tới đâu rồi? Bao giờ mới tiến binh được?

Hai tướng vô tình đáp:

– Việc huấn luyện còn chưa hoàn tất, xin Thừa tướng đừng nôn nóng. Bao giờ xong chúng tôi sẽ báo lại.

Tào Tháo nghe vậy càng tin chắc Sái Mạo và Trương Doãn cố tình trì hoãn, lớn tiếng mắng một hồi rồi không cho biện giải gì hết, lập tức đem ra ngoài chém đầu. Thế nhưng Tào Tháo là người đa mưu túc trí, khi giết xong Sái Mạo và Trương Doãn thì giật mình nói lớn:

– Thôi rồi! Ta đã mắc kế ly gián của Chu Du mất rồi.

Tuy vậy Tào Tháo không nói ra điều này, phao tin là Sái Mạo và Trương

Doãn bê trễ việc quân nên phải bị trừng trị. Các bộ tướng của Tào Tháo nghe vậy hết sức kinh sợ, ai nấy rã rập lo việc của mình cho nghiêm chỉnh.

Riêng Chu Du nghe tin Sái Mạo và Trương Doãn đã bị chém đầu thì cười lớn:

– Trừ xong hai tên này thì ta chẳng còn lo lắng gì nữa, có thể tiến binh được rồi.

Thế nhưng lúc Lỗ Túc đến thăm Khổng Minh thì ông nói ngay:

– Tôi xin chúc mừng về việc diệt trừ được đối thủ khó chịu. Nhưng cái trò ly gián này Tào Tháo sẽ biết ngay. Đừng nói gì với Chu Du mà tôi nguy mất.

Lỗ Túc hết sức kinh hãi, vội chạy đến kể lại cho Chu Du nghe mọi việc. Chu Du liền nói:

– Kinh địch nguy hiểm nhất chính là Khổng Minh chứ không phải là Tào Tháo. Bây giờ phải tìm cách trị tội Khổng Minh, giết đi thì ta mới yên tâm.

Ngày hôm sau Chu Du cho gọi Khổng Minh đến, ban lệnh:

– Ngày xuất quân sắp tới mà tên của chúng ta còn thiếu rất nhiều. Ta giao cho ông việc cung cấp tên, hạn trong 10 ngày là phải có đủ. Nếu sai thì cứ theo quân pháp mà trừng trị.

Trong ý Chu Du dự định thế nào Khổng Minh cũng nài xin thêm ngày, ông ta sẽ cho nhiều lắm là 5 ngày nữa. Chẳng ngờ Khổng Minh cười nói:

– Việc ra quân rất gấp, nếu để 10 ngày thì bê trễ hết còn gì. Tôi xin đảm nhiệm việc này, chỉ trong 3 ngày là có đủ!

Chu Du cả mừng, nghĩ thầm trong bụng: “Đó là người tự tìm lấy cái chết chứ không phải ta ép uống”. Xong rồi Chu Du liền gọi các tướng vào làm chứng, bắt Khổng Minh phải viết giấy cam đoan rõ ràng. Khi ra về, Khổng

Minh liền tìm Lỗ Túc trách cứ:

– Tôi đã nói là không nên tiết lộ cho Chu Du biết. Nay ông đã hại tôi rồi thì phải cố giúp mới xong. Lỗ Túc cũng rất ân hận về việc này, xin Khổng Minh cần gì thì mình quyết cung ứng ngay. Khổng Minh liền mượn 20 chiếc thuyền, cho căng màn chung quanh, lấy cỏ khô bó lại thành hình người chất đầy quanh mạn thuyền. Khi xong việc Khổng Minh ung dung uống rượu ngâm thơ chẳng đả động gì tới khiến Lỗ Túc hết sức ngạc nhiên. Đến ngày thứ 3, khi Lỗ Túc đang định đi ngủ thì Khổng Minh sai người đến nói hãy đi lấy tên với mình.

Đêm hôm ấy có sương mù dày đặc mờ mịt cả dòng sông, đứng sát nhau cũng khó thấy mặt. Khổng Minh liền lệnh cho 20 chiếc thuyền buộc chặt với nhau rồi cứ thế mà lầm lũi đi đến thủy trại của Tào Tháo. Khi đến gần bờ, Khổng Minh sai quân nổi trống và reo hò ầm ĩ làm cho quân Tào hầu như thức dậy một lượt. Lỗ Túc hết sức kinh sợ, vội ngăn cản nhưng Khổng Minh đoan quyết:

– Sương mù như thế này, là người cần trọng, chắc chắn Tào Tháo không xuất quân đâu, ông đừng lo. Đi chơi với tôi một vòng rồi về là đủ số tên ngay.

Quả nhiên lúc ấy Mao Giới và Vu Cấm đã vào báo cho Tào Tháo biết nhưng đúng với suy đoán của Khổng Minh, Tào Tháo chỉ lệnh cho quân sĩ cứ nhắm vào chỗ có tiếng trống mà bắn tên ra. Tiếng trống càng rầm rộ bao nhiêu thì tên càng bắn ra như mưa. Khổng Minh cho thuyền chạy tới chạy lui mấy vòng rồi mới sai quân sĩ đồng thanh hô to: “Tạ ơn Thừa tướng ban cho tên”, sau đó 20 chiến thuyền vun vút chạy về doanh trại. Khi ấy Tào Tháo mới biết mình lại trúng kế của Khổng Minh lần nữa, rất tức giận mà không làm gì được.

Việc “mượn tên” này diễn tả trong cuốn Tam quốc diễn nghĩa, là một cuốn tiểu thuyết dựa vào lịch sử và có đôi chút phóng đại. Vì vậy việc “mượn tên” của Khổng Minh theo các nhà nghiên cứu chỉ là làm giảm uy danh của Chu Du, đồng thời khen tặng Khổng Minh. Thật sự, khi thủy chiến, dù ban ngày hay ban đêm quân sĩ đôi bên thường dùng tên lửa bắn ra để đốt cháy chiến thuyền địch. Nếu như Khổng Minh dùng thuyền lấy tên thì chỉ cần vài ba mũi tên có tấm dầu là chiếc thuyền đã thành tro tàn mất rồi. Trong giới nghiên cứu lịch sử, có người còn cho rằng La Quán Trung, người viết cuốn Tam quốc diễn nghĩa chắc chưa bao giờ ra trận nên mới chế ra việc “mượn tên” hoang đường như trên.

Có thể nói, việc liên minh giữa Lưu Bị và Tôn Quyền là thật nhưng không phải nhờ vào Khổng Minh mà quân Đông Ngô mới có tên để dùng. Chắc chắn với một chiến dịch lớn lao như vậy, Chu Du là Đại tướng phải chuẩn bị đâu đó sẵn sàng rồi.

Riêng việc Chu Du dùng kế phản gián giết hai tướng Sái Mạo và Trương Doãn đủ nói lên mưu trí của ông rất sắc sảo. Và chẳng Chu Du là người kiêu ngạo, đâu cần nhờ tới mưu kế của Khổng Minh mới thắng được Tào Tháo trong trận Xích Bích. Tào Tháo giỏi dùng kỵ binh với cách đánh kỳ trận, còn thủy binh rất yếu kém nên mới chấp nhận sự đầu hàng của Sái Mạo và Trương Doãn, nay trúng kế của Chu Du thì đã thất bại tới nửa phần, còn lại là do tài điều binh của Chu Du.

Sự phán đoán này hoàn toàn có cơ sở bởi vì sau đó quân tướng của Tào Tháo khi xuống thuyền đều bị say sóng, nôn mửa mất sức, làm sao huấn luyện thành thạo được, lại là một yếu kém để Chu Du hình thành kế “liên hoàn thuyền”, giúp cho kế hỏa công đại thắng lợi. Ngay trong Tam quốc diễn nghĩa, đoạn viết về Chu Du cùng Khổng Minh bàn cách đánh bại Tào Tháo

cũng đủ chứng tỏ tài trí của ông không hề thua kém Khổng Minh.

Khi ấy Chu Du nói với Khổng Minh:

– Tôi đã có kế sách đánh bại Tào Tháo dễ dàng.

Khổng Minh liền nói luôn:

– Tôi cũng có kế đánh bại được Tào Tháo. Bây giờ mỗi người viết kế sách đó vào tay rồi so xem kế của ai hay hơn.

Kết quả Chu Du và Khổng Minh đều viết vào lòng bàn tay một chữ duy nhất “ôhỏa” hai người nhìn nhau mà cười. Rõ ràng về mặt mưu kế Chu Du cũng rất nhạy bén, khi Tào Tháo sai hai em của sái Mạo là Sái Trung và Sái Hòa lên sang đầu hàng thì Chu Du cũng biết ngay đó là kế trá hàng, cốt dò xét xem quân Đông Ngô còn mưu kế gì khác nữa không.

Một bộ tướng của Chu Du là Hoàng Cái cũng có mưu trí không kém, thấy chủ tướng không có ý định gì thì nhân đêm khuya bí mật vào quân doanh khuyên Chu Du nên dùng hỏa công để đánh Tào Tháo. Chu Du liền nói thật rồi nhân việc Sái Trung và Sái Hòa trá hàng liền sai Hoàng Cái qua quân Tào trá hàng, giúp cho việc đánh hỏa thành công.

Hoàng Cái nhận lời, dùng “khổ nhục kế” giả vờ chống đối với Chu Du, bị đánh đòn tới mức máu đổ thịt rơi rồi nhân dịp chạy qua đầu hàng Tào Tháo. Lại có một mưu sĩ tên Hám Trạch trợ giúp nên cuối cùng mới lừa được Tào Tháo, là người hết sức đa nghi. Lúc ấy Tào Tháo mang tiếng chuyên quyền nên rất nhiều nhân sĩ không bằng lòng, vì vậy sau này lại có một nhân tài sánh ngang với Khổng Minh là Bàng Thống đến hiến kế cho Tào Tháo huấn luyện quân sĩ thủy chiến. Bàng Thống nói:

– Thừa tướng huấn luyện quân sĩ thủy chiến thật đúng phép nhưng chưa hoàn toàn nên người không quen sóng gió dễ bị bệnh. Nếu như Thừa tướng đem khoảng 30 đến 50 chiếc thuyền kết thành một nhóm, dùng đai sắt ghép

cứng lại rồi trải gỗ lên trên làm sàn thì có thể đi lại dễ dàng như trên đất bằng vậy. Chẳng còn lo gì sóng gió nữa.

Tào Tháo cả mừng, lập tức sai quân làm theo như vậy, gọi là “Liên hoàn thuyền”. Chẳng mấy chốc mọi việc đã hoàn tất, Thủy quân Đô đốc Mao Giới và Vu Cấm đến thưa rằng có thể xuất quân được rồi, Tào Tháo liền truyền cho toàn bộ chiến thuyền lần lượt tiến ra thủy trại, đông đến nỗi chật cả một khúc sông dài, khí thế rất hào hùng. Hai mưu sĩ dưới quyền của Tào Tháo là Trình Dục và Tuân Du có suy nghĩ sâu xa hơn, nói với Tào Tháo:

– Thuyền kết thành nhóm thì quả rất lợi. Thế nhưng lỡ đối phương dùng hỏa công thì thật khó xoay trở.

Tào Tháo đang lúc hứng khởi, gạt đi không nghe lời của hai người, ung dung sai quân ra khiêu chiến. Chu Du cũng xuất quân nghênh địch, hai bên đánh mấy trận bất phân thắng bại. Chu Du đứng nhìn qua quân doanh của Tào Tháo, chợt thấy có một lá cờ bị gió to cuốn gãy thì rất mừng bởi vì đó là điềm xấu, chắc chắn Tào Tháo sẽ thất bại về tay mình. Thế nhưng đột nhiên Chu Du nhớ lại một việc, kêu to một tiếng rồi hộc máu tươi ra, ngã xuống thuyền mê man bất tỉnh.

Thật sự Chu Du chỉ giả vờ vậy để cho quân Tào càng thêm kiêu ngạo, ông ngầm bàn với Khổng Minh lập đàn cầu đảo để có gió đông nam rồi một mặt sai Cam Ninh cùng với Sái Trung đem quân đến Ô Lâm cướp phá lương thảo; Thái Sử Từ chặn đường, Lã Mông tiếp ứng; Lãng Thống đến Di Lăng; Đông Dương đánh trại của Tào Tháo; Phan Chương thì ra Hán Dương tiếp ứng cho Đồng Tập.

Một loạt điều động quân binh rất nghiêm chỉnh, chứng tỏ Chu Du rất tinh thông binh pháp, sắp đặt xong 6 hộ quân, Chu Du thống lãnh thủy quân chia làm 4 đội tiến đánh quân Tào. Trận chiến xảy ra kinh hoàng, Tào Tháo cũng

bị trúng tên vào tay, bao nhiêu chiến thuyền không làm sao cởi ra kịp đều bị hỏa công của quân Đông Ngô thiêu rụi. Quân Tào hoảng hốt bỏ chạy lên bờ cũng bị các hộ quân Đông Ngô phục sẵn xông ra đánh giết tươi bời. Tào Tháo nhìn quanh thấy chỗ nào cũng có lửa cháy thì kinh hoảng rụng rời, đành phải theo Trương Liêu lên một chiếc thuyền nhỏ bỏ chạy. Lúc đó Hoàng Cái đuổi theo rất sát, thế mà Tào Tháo vẫn còn oai phong giương cung bắn trúng vào vai Hoàng Cái một mũi tên, ngã lộn xuống sông.

Trận này Tào Tháo đại bại, thu thập quân tướng cùng mình chạy về Nam quận. Khi qua Hoa Dung đạo lại bị Quan Vũ chặn đường, tướng đầu lần này nắm chắc cái chết. May sao Tào Tháo khôn ngoan nhắc lại tình nghĩa lúc trước đã tặng áo cẩm bào, ngựa Xích Thố cho Quan Vũ mới thoát được. Lúc gần đến Nam quận, Tào Tháo được quân của Tào Nhân hộ tống mới vào thành bình yên.

Đại thắng Xích Bích không những biểu lộ tài năng chỉ huy ba quân của Chu Du mà còn mở ra một bước ngoặt mới khiến Tào Tháo mất đất Kinh châu đã nắm chắc trong tay. Cũng nhờ vậy mà hai thế lực của Tôn Quyền và Lưu Bị có thời gian phát triển thế lực, từ đó hình thành cục diện Tam quốc, tức là thành thế chân vạc Ngụy, Thục, Ngô để giằng co với nhau. Thua trận Xích Bích, Tào Tháo phải mất nhiều tâm huyết, nhiều năm sau mới phục hồi lại được sức mạnh quân sự, cũng là một bài học kinh điển về hỏa công mà người sau thường lấy để minh họa cho lý thuyết binh pháp.

Tiếc rằng khi tiến đánh Nam quận, Chu Du bị trúng tên trọng thương. Tào Nhân biết việc này liền đem quân ra khỏi thành truy kích nhưng Chu Du dù đang rất đau đớn vẫn chỉ huy ba quân đánh bại quân Tào, rút lui yên ổn. Mũi tên mà Chu Du trúng phải là tên có bôi chất độc, vì vậy sau đó chạy chữa tận tình vẫn không sao khỏi được và ông mất khi mới vừa 36 tuổi.

Người đời sau rất ít khi nhắc đến Chu Du bởi vì cuộc sống của ông quá ngắn ngủi, nếu như có may mắn sống đến 90 tuổi như danh tướng Vương Tiễn đời Tần thì chắc chắn ông sẽ còn cống hiến cho đời nhiều trận đánh tài tình chứ không riêng gì trận Xích Bích.

QUÁCH TỬ NGHI

MỘT LÒNG VÌ QUỐC GIA

Kể từ thời nhà Hán (cả Tây Hán lẫn Đông Hán) bị diệt vong, đất nước Trung Hoa trải qua một thời kỳ hết sức hỗn loạn. Sau thời kỳ Tam quốc là thời Nam Bắc triều, trải dài từ năm 220 đến năm 618 mới được hưởng thái bình dưới thời nhà Đường, một triều đại khá huy hoàng nhờ ở sự anh minh của gia tộc họ Lý mà khởi đầu là Lý Uyên. Thế nhưng triều đại nhà Đường cũng gặp không ít hỗn loạn bởi sự thao túng của người đàn bà nổi tiếng, đó là Võ Tắc Thiên. Sau khi Võ Tắc Thiên mất, đất nước vẫn chưa phục hồi lại được thịnh trị như trước, qua các đời Đường Trung tông, Huệ tông, đến đời Đường Huyền tông mới xuất hiện một vị tướng soái tài danh, xứng đáng được ghi danh vào sử sách. Vị tướng soái ấy tên là Quách Tử Nghi.

Quách Tử Nghi sinh vào năm 697 tức vẫn còn trong thời gian Võ hậu Võ Tắc Thiên cai trị với quốc hiệu là Chu. Ông cũng là vị tướng soái có số tuổi xếp vào loại thọ nhất, trải qua bốn đời vua từ Huyền tông, Túc tông, Đại tông rồi đến đời Đường Đức tông mới mất, vào năm 781.

Quách Tử Nghi là người huyện Trịnh thuộc Hoa châu, được trời đất ban cho thân hình cao lớn, diện mạo oai phong đầy đặn. Khi lớn lên, người ta lại nhận thấy tính tình của ông cũng can đảm khác người, trung trực dám nói dám làm, không hề cúi đầu trước cường quyền. Thân phụ của ông là Quách Kính Chi, từng giữ chức Thứ sử ở triều Huyền tông nên có hoàn cảnh khá tốt

để học hành đầy đủ. Thế nhưng ngay lúc còn nhỏ, ngoài sách vở Thư, Thi, ông lại tỏ ra ham thích các sách viết về binh pháp, hay cùng chúng bạn luyện tập võ nghệ.

Đến lúc trưởng thành, Quách Tử Nghi vừa làu thông binh pháp vừa giỏi về văn chương nên về sau rất ý hợp tâm đầu với nhà thơ nổi tiếng Lý Bạch. Thời gian mà Quách Tử Nghi khôn lớn rơi vào đúng đời Đường Huyền tông, được gọi là “Khai Nguyên chi trị”. Khi ấy đất nước giàu mạnh yên ổn, nhân dân an hưởng thái bình nhưng Quách Tử Nghi vẫn nhìn ra được những hiểm họa từ phương bắc đưa tới đe dọa nền an ninh của đất nước, trong tâm đã hình thành ý tưởng muốn đem hết tài năng của mình ra bảo vệ biên cương.

Vì vậy khi vừa đủ tuổi, Quách Tử Nghi liền xin gia nhập quân ngũ. Với xuất thân quyền quý, ông được đưa vào đội cấm quân của Hoàng đế, giữ chức Tả vệ Trường sử. Được thỏa chí, ông dựa vào môi trường này lập nhiều chiến công khiến triều đình phải chú ý và muốn thăng cấp cho ông nhưng không có cơ hội bởi vì đất nước rất yên bình, hầu như không có nội loạn, tức không có công trạng thì làm sao có thể thăng cấp bừa bãi. Vì vậy nhân có tin đồn người dân tộc phương bắc đang có ý định quấy rối biên cương, Quách Tử Nghi liền được điều động lên phía bắc giữ chức Thái thú Cửu Nguyên.

Nắm được binh quyền rồi, Quách Tử Nghi bắt đầu tổ chức thao luyện quân sĩ, củng cố thành trì suốt dọc theo biên giới, rất chú trọng đến những động thái của các dân tộc Nội Mông Cổ. Trong số các dân tộc thiểu số ấy, một dân tộc có tên gọi là Hồi Hột xuất hiện một thủ lĩnh đầy tài ba là Cốt Lực Bùi La. Ông này sau khi thống nhất được các bộ tộc liền sai sứ thần đến triều Đường xin đặt cơ quan hành chính cai trị. Đường Huyền tông Lý Long Cơ bằng lòng, phong cho Cốt Lực Bùi La làm Hoài Nhân Khả Hãn, chia đất Hồi Hột ra làm 6 phủ.

Cốt Lực Bùi La là người có chí lớn nhưng không tàn ác tham lam, ra sức kết hợp giữa hai quốc gia, thúc đẩy sự giao thương nên chẳng bao lâu đã trở thành một quốc gia khá cường thịnh nơi phương bắc. Đồng thời sự giao thiệp giữa hai nước Hồi Hột và Đường cũng rất tốt đẹp, đời Đường Túc tông còn đem Công chúa Văn Thành gả cho vị Khả Hãn để biểu lộ sự hảo hữu. Thế nhưng đồng thời với sự giao thương, vị Hoàng đế anh minh Lý Long Cơ vẫn không quên việc đề phòng ngoại xâm, lập ra các trấn dọc theo biên giới, dùng chính người dân tộc thiểu số cai trị để làm phen dậu.

Khi ấy có một tướng của Thổ Phiên nhưng gốc gác lại là người Đột Quyết tên là An Lộc Sơn được triều đình rất tín nhiệm. An Lộc Sơn vừa có sức mạnh muôn người không địch, lại khéo kết hợp được các bộ tộc về theo mình nên dần dần trở thành một lực lượng đáng kể. Để vỗ về An Lộc Sơn, triều Đường nhiều lần đến phủ dụ và hăn tỏ ra bằng lòng qui thuận nên được phong làm Phiên tướng một trấn. Từ đấy trở đi An Lộc Sơn ra sức mua chuộc quan lại triều đình, bày tỏ lòng trung thành bằng nhiều lễ vật quý hiếm, lại ra sức tiêu trừ bọn thổ phỉ suốt vùng phía bắc nên chẳng bao lâu Đường Huyền tông thăng lên làm Tiết Độ sứ nắm giữ cả 3 phiên trấn, gồm có Bình Lư, Phạm Dương và Hà Đông.

An Lộc Sơn bề ngoài hết sức cung kính với Huyền tông, thường biểu lộ lòng trung thành mỗi khi có mặt ở triều đình nhưng thật sự hăn có dã tâm rất lớn, lợi dụng chức vụ Tiết Độ sứ được toàn quyền nắm binh mã 3 trấn mà ra sức chiêu mộ quân binh, bí mật huấn luyện thật tinh thực. Để che giấu tai mắt triều đình, An Lộc Sơn thường lấy cớ về Trường An dâng tặng Huyền tông những thứ quý hiếm, thực sự là có ý muốn thông đồng với các đại quan làm tay chân và dò xét tình hình triều chính ra sao, nếu có cơ hội sẽ tiến hành tranh đoạt giang sơn. Tiếc rằng lúc ấy Đường Huyền tông Lý Long Cơ quá

thỏa mãn về đại nghiệp của mình nên hoàn toàn không để ý đến những dấu hiệu nguy hiểm ấy. Ông lại là vị Hoàng đế rất đa tình, tuy có nhiều Phi tần xinh đẹp tuyệt thế như Mai phi, Quắc phu nhân nhưng vẫn mê luyến một mỹ nhân tên là Dương Ngọc Hoàn. Mỹ nhân họ Dương vốn là con dâu của Huyền tông, tức vợ của Thọ vương Lý Mạo, thế mà chỉ một lần gặp mặt vị Hoàng đế anh minh kiêu hùng ngày nào trở thành u mê, quyết định cướp vợ của con với sự giúp đỡ tận tình của tên gian thần Cao Lực Sĩ.

Khi đã cướp được mỹ nhân rồi, Huyền tông lập tức phong cho nàng là Quý phi, từ đấy thường bê trễ triều chính, suốt ngày đêm thưởng hoa vịnh nguyệt với người đẹp trong cung cấm. Để vừa lòng mỹ nhân, Huyền tông còn không tiếc tiền bạc triệu mớ một danh sĩ nổi tiếng là Lý Bạch về cung, chế tác những bài hát cung đình phục vụ thâu đêm suốt sáng.

Có thể nói, vì mê đắm nữ sắc mà bắt đầu Đường Huyền tông, thường được ca tụng sự sáng suốt bằng tên Đường Minh hoàng - bắt đầu trở thành một vị Hoàng đế mê muội nhất thời nhà Đường. Chẳng những Huyền tông bỏ bê triều chính mà còn nghe lời ỏn thót của mỹ nhân, đưa một người anh họ hàng tên là Dương Khâm lên làm Tế tướng. Lúc đó lại có tên gian thần Lý Lâm Phủ hết sức thâm hiểm, đối chọi tranh giành quyền lực với Dương Khâm, làm cho triều chính càng ngày càng hủ bại.

Nhờ vào việc xu nịnh, Dương Khâm được Huyền tông khen ngợi và đổi tên là Dương Quốc Trung. Hắn tuy ít học hành nhưng là người sắc bén, xuyên qua các sự việc liền nhận ra dã tâm của An Lộc Sơn, nhiều lần dâng tấu xin Huyền tông hãy tước bớt binh quyền hoặc triệu hắn về kinh trao cho chức vụ gì đó, gọi là thăng cấp nhưng thật sự giam chân hắn ở kinh thành để dễ bề đề phòng. Tiếc rằng Huyền tông quá tin tưởng An Lộc Sơn, bao nhiêu sớ tấu của Dương Quốc Trung đều vất bỏ, còn nói:

– An Lộc Sơn là danh tướng trụ cột của triều đình, lại nhận ta là nghĩa phụ thì đời nào phản bội. Việc huy động quân mã nơi biên cương chẳng qua chỉ muốn tăng cường để trấn áp bọn người Hồ mà thôi.

Thật sự khi ấy quân đội của triều Đường quá nhàn nhã nên hết sức bạc nhược, chỉ còn một số quân binh ngoài biên trấn do các tướng có tài như Quách Tử Nghi, Lý Quang Bất nắm giữ là được huấn luyện kỹ càng. Thế nhưng cũng có lần Quách Tử Nghi về triều, dâng tấu thư xin Huyền tông xem lại tư cách của An Lộc Sơn bởi có tin đồn rất khả nghi. Thế nhưng tấu thư này bị Lý Lâm Phủ giấu nhem. Sau khi Lý Lâm Phủ chết rồi, Dương Quốc Trung mới biết việc này nên mới tâu xin với Huyền tông như vậy.

Dương Quốc Trung vẫn cố nài xin, bắt buộc dĩ Huyền tông phải sai một cận thần đi dò xét nhưng tên này nhận tiền bạc đút lót của An Lộc Sơn, khi về triều tâu những điều tốt cho hắn. Dương Quốc Trung bị trách mắng nên rất tức giận, quyết định một ván bài then chốt. Đó là không hề tâu trước với Huyền tông mà đột ngột đem quân bao vây phủ đệ của An Lộc Sơn ở kinh đô, xông vào tra xét tìm giấy tờ liên quan đến ý đồ phản bội triều đình.

Bọn quân trung thành với An Lộc Sơn quyết chống trả đến cùng, không cho Dương Quốc Trung làm việc phi pháp, vì vậy xảy ra xung đột dữ dội; và tất cả quân của An Lộc Sơn đều bị Dương Quốc Trung giết sạch. Tuy vậy, kết quả Dương Quốc Trung cũng tìm được một số bằng chứng, vui mừng mang về dâng cho Huyền tông để chứng minh rằng mình không sai. Nghe tin này, An Lộc Sơn cả sợ, còn chưa biết toan tính ứng phó ra sao thì một bộ tướng là Sử Tư Minh liền hiến kế sách lấy danh nghĩa “trừ gian thần” tức Dương Quốc Trung, ép quân về triều rồi tùy cơ ứng biến, nếu có thể thì chiếm luôn ngai vàng.

An Lộc Sơn liền nghe theo, điểm 15 vạn quân mã nhưng phô trương lên

thành 20 vạn đang đóng ở Phạm Dương kéo rốc xuống phía nam. Vì quân tướng nhà Đường không hề ngờ tới mà cũng chẳng có phòng thủ chút nào nên An Lộc Sơn tiến nhanh như vũ bão, chẳng bao lâu đã vượt sông Hoàng hà.

Thế nhưng sau những thất bại liên tiếp ấy, các tướng trấn giữ ở Hà Bắc bắt đầu hoàn hồn, thu nhặt quân mã chuẩn bị chống đỡ. Ngay lúc ấy lại nghe được tin Huyền tông phong cho Quách Tử Nghi làm Đại tướng, có quyền điều động toàn bộ quân đội thì ai nấy đều vui mừng bởi danh tiếng của ông đã được nhiều người nghe biết. Địa đầu tiến vào Trường An là Đồng Quan do lão tướng Ca Thư Hàn chỉ huy, cũng phấn khởi với tin này nên khi An Lộc Sơn đánh phá thì hết lòng chống đỡ, quả nhiên cầm chân được loạn quân. Trong khi ấy Quách Tử Nghi cũng điều động quân đội của mình lên phía bắc, tức là An Lộc Sơn bị lâm vào thế hai đầu thụ địch, đành phải đóng lại ở Lạc Dương, tự xưng là Hoàng đế, lấy tên nước là Đại Yên.

Trường An lại yên vui như trước và Huyền tông lại cùng Dương Quý phi ngày ngày ca xướng điệu Nghê thường. Thế nhưng Huyền tông lại vấp phải sai lầm chết người, đó là khi Ca Thư Hàn báo tin về cho biết đã chiêu mộ được hơn 20 vạn quân. Huyền tông cả mừng, lập tức xuống lệnh cho viên lão tướng này tiến đánh, chiếm lại Lạc Dương. Đây là sai lầm chết người là vì quả thực dưới tay Ca Thư Hàn có 20 vạn quân nhưng chưa hề được huấn luyện, thêm vào đó Ca Thư Hàn đã quá già yếu bệnh tật, lên tới chức Tướng chỉ nhờ vào ở trong quân ngũ lâu năm, hiền lành không làm mất lòng triều thần mà thôi.

Nhận được chiếu thư, Ca Thư Hàn tự biết mình không phải là đối thủ của An Lộc Sơn, trước khi động binh quay mặt về hướng Trường An, quỳ xuống khóc lạy vĩnh biệt Hoàng đế. Quả nhiên, quân đội của An Lộc Sơn vốn tinh

nhuệ, lại hầu hết là người dân tộc Mông Cổ rất thiện chiến nên chỉ sau mấy trận đã đánh bại đại quân của Ca Thư Hàn ở Đồng Quan, bắt sống vị lão tướng này. Đúng ra An Lộc Sơn đã tạm hài lòng với danh vị Hoàng đế Đại Yên, nhân dịp chinh đồn binh mã rồi mới tính tiếp đến việc tiêu diệt nhà Đường. Nhưng vì việc Ca Thư Hàn tiến đánh, hấn nổi giận, quyết định kéo hết đại quân tiến về Trường An với khí thế hết sức hung hãn.

Nghe tin Ca Thư Hàn đại bại, chẳng bao lâu loạn quân sẽ tiến về kinh thành, toàn bộ từ Hoàng đế cho tới người dân Trường An rơi vào hỗn loạn, vương tôn quý tộc cùng với kẻ bình dân đua nhau gom góp tài vật, lên xe ngựa tháo chạy. Quân tướng nhà Đường đóng ở Trường An cũng bị tình hình làm tiêu tan ý chí chiến đấu, bỏ hàng ngũ khá nhiều. Dương Quốc Trung không còn cách nào khác, đành phải vào tâu xin Đường Huyền tông tạm thời lui về đất Ba Thục, hội họp quân tướng xong sẽ tái chiếm sau.

Bất đắc dĩ Huyền tông phải nghe theo. Ngày 12 tháng 6 năm Thiên Bảo thứ 15, Huyền tông thiết triều tuyên bố việc bỏ chạy, để kinh thành cho Thái tử Lý Hanh trấn thủ. Gia tộc họ Dương cũng thu xếp chạy theo, họp với đoàn xe hoàng gia thành một dãy dài, lục tục kéo về hướng vùng đất căn cõi, lờm chớm núi đá của Ba Thục. Thế nhưng khi đoàn xe đi đến dịch trạm Mã Ngôi thì toàn quân triều đình nổi lên làm loạn, đòi Hoàng đế phải giết Dương Quý phi và Dương Quốc Trung mới đồng lòng ra sức đánh đuổi quân thù. Vị Hoàng đế triều Đường năm ấy đã 60 tuổi, đau khổ sai Cao Lực Sĩ mang tấm lụa ban cho mỹ nhân họ Dương, sau đó rơi nước mắt mà đi đến Ba Thục.

Sau khi An Lộc Sơn chiếm được Trường An, tên này bỏ mặc quân tướng dưới quyền hoành hành, chém giết nhân dân, cướp đoạt tài sản, đốt phá đình miếu nhà cửa khiến chính những người dân không vũ khí cũng phải căm tức mà tự đứng lên tổ chức chống lại. Kết hợp với lòng dân, một số quan tướng

vùng Hà Bắc tuy đã thất thủ nhưng vẫn rút lui kịp thời, kêu gọi mọi người gia nhập quân ngũ để chờ thời cơ tiêu diệt loạn quân. Đáng kể nhất là viên Thái thú tên Nhan Cảo Khanh đã dùng lực lượng của riêng mình chống trả rất quyết liệt và còn thu hồi được một số thành trì đã bị mất. Thế nhưng vì không có tiếp viện, cuối cùng Nhan Cảo Khanh bị An Lộc Sơn dồn hết lực lượng bao vây và bắt giết được ông.

Lúc đó Thái tử Lý Hanh cũng đã bỏ Trường An chạy về Ninh Vũ. Để có danh chính ngôn thuận, triều đình khuyên Thái tử lên ngôi Hoàng đế, xưng hiệu là Đường Túc tông. Với danh nghĩa này, Túc tông hạ lệnh cho Quách Tử Nghi và Lý Quang Bát cùng kết hợp với nhau chống giặc.

Nguyên trước kia Quách Tử Nghi và Lý Quang Bát đều là Phó tướng của An Tử Thuận nhưng tính tình hai người rất xung khắc, nhiều lúc cùng ngồi một xe, ăn uống chung một tiệc mà vẫn như cừu địch, không bao giờ nói chuyện với nhau. Khi Túc tông phong cho Quách Tử Nghi làm Đại tướng thay thế An Tử Thuận thì Lý Quang Bát rất lo lắng ông sẽ dùng chức vụ ấy mà hãm hại mình, thẳng thắn đến gặp Quách Tử Nghi rồi nói:

– Tôi dù sống chết cũng không quan tâm, chỉ xin ông rộng lượng đừng hại đến vợ con tôi, là những người vô tội mà thôi.

Quách Tử Nghi liền bước xuống cầm tay Lý Quang Bát, rơi nước mắt mà nói:

– Tôi đâu có dám vì thù riêng mà hại ông, đừng nói đến vợ con. Hiện giờ đất nước loạn lạc, vua tôi cùng nhau lo lắng để đừng bị mang tiếng nhục nhã với đời sau. Nếu không có ông giúp cho một tay thì sao tôi có thể gánh vác được việc thiên hạ?

Lý Quang Bát thấy vậy cũng khóc theo, từ đó hai người xóa bỏ những hận thù trước kia, chung lưng kết hợp chống với loạn quân khiến An Lộc

Sơn không sao chống lại nổi. về sau cũng chính Quách Tử Nghi đề bạt cho Lý Quang Bất giữ chức Tiết Độ sứ.

Khi đã hiểu nhau rồi, Quách Tử Nghi sai Lý Quang Bất dẫn trung quân tiến thẳng đến chiếm lại thành Thường Sơn, riêng mình thì bí mật theo đường nhỏ đánh bọc hậu. Lúc ấy Sử Tư Minh đang trấn giữ Thường Sơn, tuy quân số rất hùng hậu nhưng bị khí thế của hai tướng triều đình làm cho nhụt chí, chỉ sau mấy trận đánh đã hoảng hốt bỏ chạy về Hoàn Dương.

Trận đánh ở Hoàn Dương cũng diễn tiến gần giống như vậy, với cách hành binh thần tốc và bí mật của Quách Tử Nghi, quân phiến loạn không thể nào ngờ được. Một lần nữa Sử Tư Minh đành phải cúi đầu bỏ chạy về Phạm Dương, quân binh tử trận hơn phân nửa. An Lộc Sơn nghe tin này rất tức giận, lập tức gom góp toàn bộ kỵ binh tinh nhuệ, lên tới 20 vạn, tiến đánh chiếm lại Hoàn Dương.

Quách Tử Nghi cùng Lý Quang Bất xem xét tình hình, biết rằng về mặt kỵ binh thì bọn loạn quân đa số là người thiếu số phương bắc thiện nghệ hơn, không nên dùng sở đoản của mình đánh với sở trường của bọn chúng. Đối phương lại phải điều động từ xa đến tất mệt mỏi, do vậy có thể dùng kế sách cố thủ, làm cho tinh thần quân giặc suy yếu, cùng lúc đó sử dụng du kích mà đánh phá, khi đã có thời cơ mới nên đổi chiến thuật thắng lợi.

Đó chính là tư tưởng mưu lược của họ Quách, vận dụng một cách linh hoạt, khi thế giặc hùng mạnh thì cố thủ, khi giặc lơ lửng thì đánh úp, ban ngày nghỉ ngơi, ban đêm thừa cơ tùy chỗ mà đánh phá. Riêng trong hoàn cảnh chống với An Lộc Sơn, kế sách này của Quách Tử Nghi tỏ ra rất hiệu dụng, chẳng bao lâu lòng quân của hắn đã loạn xạ, không còn tinh thần chiến đấu nữa.

Khi ấy Quách Tử Nghi và Lý Quang Bất mới quyết định dồn sức tiến

đánh. Quả nhiên liệu định của hai tướng đều chính xác, qua mấy trận đại thắng đã đẩy lùi quân của An Lộc Sơn đến Bắc Lãng, Hà Bắc. Thành Bắc Lãng được xây dựng rất kiên cố nên Quách Tử Nghi không tham đánh mà hao tổn quân sĩ, cũng lui về trấn giữ Hoàn Dương, tạo thế kềm hãm không để cho An Lộc Sơn có dịp tung hoành.

Đồng thời ông vẫn cho quân dùng du kích chiến đánh phá khiến quân phản loạn hết sức mệt mỏi. Dưới sự lãnh đạo của Quách Tử Nghi, dân chúng khắp nơi nô nức đến xin tham gia, chẳng mấy chốc đã được thêm mấy vạn quân. Thấy thời cơ đã tới, Quách Tử Nghi bèn hiệu triệu quân tướng rồi mở màn cho trận đánh Bắc Lãng nổi tiếng. Trong trận này Sử Tư Minh bị trọng thương, quân sĩ bị tiêu diệt gần hết nên tiếng đồn vang xa, các châu huyện nơi Hà Bắc cũng đồng thanh nổi dậy đánh phá, giết bọn cầm đầu làm cho tình hình của An Lộc Sơn suy yếu hẳn.

Trong khi Quách Tử Nghi đối đầu với Sử Tư Minh thì Túc tông cũng sai một tướng khác là Phòng Quán tái chiếm Trường An. Thế nhưng Phòng Quán là một người bất tài vô tướng, tính tình kiêu ngạo làm cho nhận xét về địch quân sai lầm, dùng “chiến xa” do trâu kéo để đối phó với kỵ binh người Hồ. An Lộc Sơn cũng rất tinh thông binh pháp, lập tức sử dụng hỏa công khiến những con bò hoảng loạn, quay ngược lại đạp giẫm lên quân sĩ nhà Đường, chết vô số.

Trước tình hình như vậy, cuối cùng Túc tông đành phải cấp tốc triệu Quách Tử Nghi đến Linh Vũ giao cho chức Đại tướng, nắm toàn bộ binh quyền để tái chiếm lại hai kinh thành Tây Kinh Trường An và Đông Kinh Lạc Dương. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Quách Tử Nghi khôn ngoan cho quân đánh chiếm Đồng Quan trước, thế là cắt đứt đường liên kết và rút lui của bọn phản loạn. Thừa thế đang thắng, Túc Tông lại giao cho Quách Tử

Nghi 15 vạn quân, giữ chức Tổng Binh Nguyên soái, cho Lý Tự Nghiệp làm Phó tướng, đại quân rầm rộ tiến thẳng đến Trường An với mục tiêu là phải lấy lại kinh đô làm bàn đạp tái chiếm Lạc Dương.

Trận đánh dữ dội xảy ra ngoài thành Trường An, đôi bên ngang ngửa nhưng quân nhà Đường có khí thế hơn nên cuối cùng đại thắng mấy trận, buộc bọn chúng phải vào thành cố thủ. Thế nhưng để chiếm được Trường An là vấn đề khá hóc búa và phải có thời gian lâu dài. Quách Tử Nghi và Lý Tự Nghiệp bèn bàn soạn một kế sách, vẫn đưa quân đánh phá nhưng cùng lúc sai một số quân lo về lương thực, tính kế lâu dài. May sao lúc đó trong nội bộ bọn phản loạn xảy ra biến cố, An Lộc Sơn bị chính con trai của mình là An Khánh Tự giết chết, toàn quân tướng của hắn trở nên đại loạn.

Nghe tin này, Quách Tử Nghi nắm lấy thời cơ, lập tức cho quân đánh thật rát khiến quân phản loạn hết sức kinh sợ, cuối cùng tự bỏ khỏi giáp mà chạy trốn. Tái chiếm Trường An thành công là một bước ngoặt lớn trong đời Quách Tử Nghi, ông trở thành người nổi tiếng mà tất cả triều đình đều đặt hy vọng vào ông.

Lúc Túc tông dời về Trường An thì An Khánh Tự cũng đã chạy đến Lạc Dương cố thủ. Túc tông quyết định không để quân giặc có thời gian hồi phục, xuống lệnh cho Quách Tử Nghi tiếp tục kéo đại quân thẳng tới Lạc Dương. Lần này An Khánh Tự đã sợ hãi nên bố trí rất nghiêm mật, sai quân dựa lưng vào núi để cố thủ. Thế nhưng Quách Tử Nghi còn quyền biến hơn nhiều, ông mau chóng nghĩ ra kế sách đánh bại quân địch, đó là nhờ dựa vào số 5000 quân Hồi Hột đã mượn được của Khả Hãn. Quân Hồi Hột rất thiện về việc leo trèo núi cao nên cùng lúc tấn công chính diện, Quách Tử Nghi cho quân Hồi Hột lên ra phía sau, đi đường núi đánh úp phía lưng bọn chúng.

Bị bất ngờ, quân của viên tướng Nghiêm Trang đều hoảng hốt, thi nhau

bỏ chạy, bị quân triều đình truy đuổi chém chết rất nhiều. Khi chạy về đến Lạc Dương, Nghiêm Trang không còn hột máu hỗn hển thúc hối An Khánh Tự mau mau bỏ chạy. Thế là tên gian ác giết cha này cũng hoảng hốt theo, vội vàng ra lệnh rút binh khỏi Lạc Dương, chạy trốn chết qua Hoàng hà để về Tương châu.

Hai chiến thắng liên tiếp khiến Túc tông vô cùng xúc động, tự thân đến Bá Thượng khen ngợi và ban thưởng cho Quách Tử Nghi. Sau khi chinh đồn hai kinh thành yên ổn, Túc tông mới sai người đến Ba Thục đón Huyền tông trở về, tôn lên làm Thái Thượng hoàng.

Từ đó danh tiếng của Quách Tử Nghi có uy lực chấn động cả phương bắc, những bộ tộc theo phe An Lộc Sơn trước kia đều xin rút lui khiến lực lượng của con trai hãn càng lúc càng lụn bại mặc dù vẫn còn mấy huyện ở Nghiệp quận và Sử Tư Minh bị trọng thương nhưng không chết, vẫn cố thủ ở Phạm Dương. Hai tên này sau khi hồi sức thì vẫn còn tham vọng, một lần nữa hợp binh kéo đến uy hiếp Lạc Dương.

Lần này Túc tông cũng u mê chẳng khác Thái thượng hoàng Huyền tông, rất sủng ái một tên hoạn quan là Ngư Triều Ân, giao cho hãn chức thống lĩnh 9 đoàn quân của 9 Tiết Độ sứ, trong đó có cả quân của Quách Tử Nghi và Lý Quang Bất. Với lo lắng chức vụ Tiết Độ sứ đã quyền hạn lớn rồi, Túc tông không hề phong cho ai làm Nguyên soái, để mặc tình Ngư Triều Ân chỉ huy. Vì vậy quân triều đình tuy đông gấp bội quân địch, lại có những tướng lãnh tài ba nhưng vẫn không sao kết hợp nhau được, mấy trận đều thất bại.

Ngư Triều Ân chỉ huy đại quân thất bại, thế mà vẫn được Túc tông khen ngợi, thành ra hãn càng thêm kiêu ngạo, trong ý muốn trừ diệt Quách Tử Nghi để không còn ai cản trở sự thao túng của hãn nữa. Hãn liền đổ hết tội lên đầu họ Quách, giáng chức không cho nắm binh quyền nữa.

Nội bộ của triều Đường rối loạn nhưng của đối phương cũng không yên ổn. Khi ấy Sử Tư Minh bắt mẫn An Khánh Tự, lén giết chết ông ta rồi tự lên ngôi Đại Yên Hoàng đế. Hãn chiêu mộ thêm binh mã rồi đến năm 759 kéo quân đến Lạc Dương đánh phá. Khi ấy không còn vị Tiết Độ sứ nào có tài năng trấn giữ, chẳng bao lâu Lạc Dương đã thất thủ. Sử Tư Minh chiếm được Lạc Dương không lâu thì nội bộ lại phát sinh cố, đứa con trai của hãn là Sử Triều Nghĩa theo gương An Khánh Tự giết chết cha mình chiếm ngôi.

Trong tình thế ấy bắt buộc Túc tông phải gọi Quách Tử Nghi ra cầm quân nhưng vẫn không hề tin tưởng mà giao cho Ung vương Lý Thích làm Nguyên soái, Quách Tử Nghi chỉ được làm Phó tướng. Thế nhưng Quách Tử Nghi tự biết số quân triều đình không thể nào tiêu diệt được bọn Sử Triều Nghĩa, tự thân ông đi vận động và mượn được 10 vạn quân Hồi Hột. Nhờ vậy Sử Triều Nghĩa đại bại, phải chạy về Mạc châu ẩn trốn.

Hãn cũng không được yên thân bởi qua năm sau mấy tên bộ tướng như Điền Thừa Tự, Lý Hoài Tiên, v.v... liên tiếp nhau về đầu hàng triều đình. Sử Triều Nghĩa không còn bao nhiêu quân tướng trong tay, cùng đường tắc lối nên tự vẫn mà chết. Thế là cuộc chiến loạn An Lộc Sơn - Sử Tư Minh hoàn toàn bị Quách Tử Nghi dẹp tan, phải mất đến hơn 7 năm khiến toàn đất nước lâm vào cảnh đói khổ điêu linh. Từ đó triều nhà Đường bắt đầu tiến trình lụn bại và kéo dài cho đến khi đất nước hình thành các triều đình nho nhỏ gọi là thời Ngũ Đại.

Khi Quách Tử Nghi vừa mới đem quân ra khỏi kinh thành mấy ngày thì Túc tông chết, lên nối ngôi là Thái tử Lý Dục, xưng hiệu là Đường Đại tông. Triều Đường cũng chưa phải là được yên ổn, vì bao nhiêu quân tướng trấn giữ biên cương phía tây bắc đã điều động đi đánh dẹp “An Lộc Sơn chi loạn” nên biên cương hầu như bỏ trống, nhân cơ hội đó thế lực quân phiệt của

người Thổ Phiên liền tấn công và chiếm được Phụng Thiên.

Một lần nữa Đại tông phải nhờ đến tài ba của Quách Tử Nghi, sai ông mau chóng điều quân đi đánh dẹp. Thấy số quân của mình quá ít, Quách Tử Nghi nhiều lần tâu xin thêm nhưng tất cả đều bị tên gian thần Trình Nguyên Chấn giấu đi, vì vậy Quách Tử Nghi không sao chống đỡ nổi, phải từng bước rút lui. Cuối cùng quân Thổ Phiên kéo đến Trường An uy hiếp. Bất đắc dĩ Đại tông phải cùng quần thần chạy về Lạc Dương châu lánh nạn. Các lộ quân triều Đường đóng ở Trường An và Thương châu nghe tin này đều tự động bỏ hàng ngũ.

Khi Quách Tử Nghi tới kịp, ông ra sức kêu gọi và tụ tập các quân tướng đào ngũ để lập lại trật tự. Đã nghe danh tiếng Quách Tử Nghi từ lâu, nay nghe ông kêu gọi lập tức các đào binh đều trở về. Nhờ được số quân ấy, Quách Tử Nghi quyết định sử dụng một kế sách thần diệu, gọi là “Thanh đông kích tây”. Ông sai tướng Trương tôn Toàn Tự dẫn quân đến Lam Điền khiêu khích, mở cờ đánh trống dữ dội, thật sự quân chủ lực của Quách Tử Nghi đi vòng ra phía tây bất ngờ đánh thẳng vào thành. Quân Thổ Phiên trở tay không kịp, đại bại thì nhau chạy trốn và Lam Điền được giải tỏa mở đường cho toàn quân nhà Đường tái chiếm lại Trường An. Tuy nhiên Đại tông không về kinh thành mà nghe lời xúi bẩy của Trình Nguyên Chấn, đóng đô luôn ở Lạc Dương.

Quách Tử Nghi sáng suốt biết ngay đó là mưu kế của Trình Nguyên Chấn muốn loại bỏ mình nên lập tức dâng tấu thư thẳng thắn vạch ra sai lầm nếu như đóng đô ở Trường An. Dù đang sủng ái Trình Nguyên Chấn nhưng Đại tông vẫn nhận ra những lý lẽ của ông hoàn toàn đúng đắn, vào năm 764 quyết định dời triều đình về Trường An.

Thế nhưng sự bình yên vẫn chưa đến, lúc đó một viên Tiết Độ sứ vùng

Lũng Hữu là Phốc Cố Hoài Ân nhân cơ hội triều đình nhà Đường đang rối loạn thì nổi lên tham vọng muốn làm vua một cõi. Hãn khôn khéo mượn quân của Thổ Phiên và Hồi Hột để đánh phá, chẳng bao lâu lại uy hiếp Trường An. Tuy Quách Tử Nghi bị bọn gian thần sợ hãi gièm pha rất nhiều nhưng Đại tông vẫn không còn cách nào khác là phải giao toàn bộ binh quyền cho ông, phong làm Nguyên soái dẫn quân đi đánh dẹp loạn Phốc Cố Hoài Ân.

Nhiều năm trấn thủ biên cương, Quách Tử Nghi có mối giao tình rất hậu với người Hồi Hột nên nhân cơ hội này thuyết phục bọn họ không giúp cho Phốc Cố Hoài Ân nữa. Thế là hãn sức tàn lực kiệt, sợ hãi chạy trốn về Linh châu, quân của Quách Tử Nghi không cần đánh cũng dẹp tan được nội loạn.

Bề ngoài thấy sự việc có thể dễ dàng, thật sự nếu như danh tiếng và đức độ của Quách Tử Nghi không vang dội khắp nơi và được người Hồi Hột kính nể thì không dễ gì vài ba lời nói mà thuyết phục được bọn chúng. Điều này có thể chứng tỏ vào lần thứ hai khi Phốc Cố Hoài Ân đem mấy chục vạn quân Hồi Hột tiến đánh Kinh Dương. Giữa đường hành quân thì tên phản bội này đột nhiên bị bệnh chết, đại quân Hồi Hột không có người chỉ huy cứ gặp đâu đánh phá đến đấy. Lúc ấy quân của Quách Tử Nghi đang bị kẹt ở Kinh Dương, tình thế không thể cùng lúc hai đầu chống trả nên Quách Tử Nghi quyết định dùng một kế sách khá mạo hiểm, đó là một mình một ngựa đến doanh trại quân Hồi Hột, lấy uy danh của mình ra thuyết phục bọn chúng rút lui.

Đầu tiên, ông cho người đến quân doanh Hồi Hột thuyết phục bằng đạo lý, lấy ân đức để phủ dụ. Thủ lĩnh Hồi Hột là Thước Cát La nghe lời sứ giả lộ vẻ hoài nghi vì đã lâu lắm rồi không nghe nhắc đến tên tuổi của họ Quách, chỉ bằng lòng rút quân nếu thấy mặt thực sự như vậy.

Sứ giả về báo lại, Quách Tử Nghi lập tức nhảy lên lưng ngựa, dẫn theo chưa đến mười kỵ mã và không hề đem theo khí giới, chạy thẳng đến quân doanh Hồi Hột. Con trai Quách Tử Nghi cùng chư tướng đều lo lắng vì sự mạo hiểm này, hết lời khuyên can nhưng Quách Tử Nghi bình tĩnh nói: “Hiện tại chúng ta không còn cách nào khác hơn, một là mạo hiểm để cứu vãn tình thế, hai là hy sinh tính mạng báo đền cho quốc gia”.

Khi tới quân doanh Hồi Hột, Quách Tử Nghi ngẩng cao đầu hiên ngang bước vào, nét mặt không hề tỏ ra bối rối hay lo sợ khiến bọn quân sĩ Hồi Hột tự nhiên khiếp đảm, bỏ hết vũ khí xuống. Lúc ấy, thủ lĩnh Hồi Hột là Thước Cát La đã nhìn thấy rõ ràng đúng là Quách Tử Nghi. Trước kia, một số dân Hồi Hột theo dưới trướng họ Quách đi chiến trận, chiến tích dẹp tan loạn An Lộc Sơn - Sử Tư Minh vẫn còn như mới hôm qua còn ghi trong trí nhớ. Quân tướng Hồi Hột liền đồng loạt quỳ xuống bái chào. Đôi bên nhìn lại nhau, nhớ lại tình cũ, ai nấy đều cảm động vô cùng vì đã bao nhiêu năm mới có dịp tương phùng.

Quách Tử Nghi đỡ mọi người đứng lên rồi kéo tay Thước Cát La, ân cần phủ dụ:

– Triều Đường đối xử tốt đẹp với các vị, giao tình riêng của chúng ta cũng sâu đậm, nay các vị bị người khác khích động xúi giục nên mới xảy ra tình trạng cùng nhau đối mặt trên chiến trường. Nếu các vị nghĩ lại đúng sai thì hãy cùng nhau bàn bạc việc rút quân, bằng không xử trí ta ra sao tùy ý.

Thước Cát La vội đáp :

– Xin Quách công chớ nói vậy, khi trước Phác Cố Hoài Ân nói ngài đã chết, nếu không chúng tôi nào dám chống lại? Hiện tại Hoài Ân đã chết mà chúng ta được tương phùng thì đâu còn là kẻ thù nữa?

Quách Tử Nghi cảm tạ mọi người rồi theo Thước Cát La vào quân

trưởng tiệp tùng. Nhân cơ hội ấy, Quách Tử Nghi thuyết phục được quân Hồi Hột tự nguyện trở giáo cùng đánh lui Thổ Phồn để chuộc lỗi lầm. Riêng Thổ Phồn vốn đóng trại cách đó không xa, nghe được tin này, lo sợ bị quân Đường và quân Hồi Hột đánh kẹp hai bên nên âm thầm lui quân ngay đêm hôm ấy. Lập tức Quách Tử Nghi hạ lệnh truy kích, Thổ Phồn đại bại, tử thương hơn năm vạn quân, bị bắt sống hơn một vạn. Mối lo biên cương do một mình một ngựa Quách Tử Nghi đã chấm dứt.

Kế sách của Quách Tử Nghi thể hiện trong tình huống một người một ngựa đánh lui quân Thổ Phồn, thu phục quân Hồi Hột là tổng hợp rất nhiều mưu trí, vừa ân vừa uy, vừa đại trí đại dũng, dùng lễ phải khuất phục đối tượng, vào chỗ chết tìm lẽ sống, dùng uy vũ phục người, dùng hư đãi thực, nhờ vậy mới có kết quả tốt đẹp như vậy. Câu chuyện này điển hình cho mưu trí bỏ công sức ít mà đạt được thành công lớn lao.

Tuy nhiên người Thổ Phiên đã được vào đất Trung nguyên, nhìn thấy sản vật sung túc, đất đai màu mỡ, lăm vàng bạc châu báu thì không sao cầm được lòng tham, sau đó rất nhiều lần kéo binh xâm phạm. Tất cả đều bị Quách Tử Nghi đánh bại, đem lại bình yên suốt một vùng Quan Trung rộng lớn. Công lao của ông người dân nào cũng đều biết đến và hết lời ca tụng, chỉ riêng triều đình thối nát nhà Đường làm như không biết đến, không hề thăng chức hay ban thưởng, vẫn để ông phải vất vả lo toan ở biên cương. Quách Tử Nghi không vì vậy mà tỏ ra bức bối, vẫn một lòng trung thành, đem hết sức mình ra giúp dân giúp nước.

Khi Quách Tử Nghi đã vào khoảng 77 tuổi, tức là vào năm 774 thì triều đình mới phong cho ông tước Mân vương Quận vương, mãi đến khi Đại tông mất, con là Lý Thích lên nối ngôi, xưng hiệu Đức tông mới trao quyền Thái úy cho ông. Danh tiếng của Quách Tử Nghi khi ấy lẫy lừng cả trong và ngoài

nước, hễ ông đi tới đâu thì nơi đó được bình yên. Thế nhưng ông cũng tự biết chức càng cao càng nhiều ghen ghét, nhiều lần từ chối đặc ân của triều đình, làm gương sáng thanh bạch cho thuộc hạ.

Vì vậy mà sau này chính sử cũng đã ghi nhận: “Ông (Quách Tử Nghi) là người có công lao trùm thiên hạ thế mà làm quan thanh liêm trung trực tới mức vua không dám nghi ngờ điều gì, địa vị cao trọng tột bậc mà không ai ganh ghét”. Suốt cuộc đời Quách Tử Nghi lấy phương châm trung thành và chính trực, không sợ cường quyền, không thiên vị bất cứ ai, cứ theo vương pháp mà xét xử nên chưa hề phạm một lỗi lầm gì để cho bọn gian thần có cơ gièm pha. Ngay chính người con trai của ông phạm quân pháp cũng bị xử đúng với luật lệ.

Có thể nói, cả cuộc đời của vị danh tướng này đều là những vất vả nơi chiến trường, chỉ trừ một thời gian ngắn khi đã già yếu làm việc ở triều đình. Từ khi tham gia quân đội, Quách Tử Nghi đã là một vị tướng nhiều tài năng, chỉ đến khi cuộc biến loạn An Lộc Sơn nổ ra, tài năng của ông mới được bộc lộ, lấy thân mình và sự tận tụy suốt 30 năm gánh gồng cho triều đình nhà Đường thoát qua biết bao nhiêu cơn nguy cấp.

Với trí mưu quyền biến kết hợp với đức độ của mình, không ít lần Quách Tử Nghi đã không phải tốn sức vẫn dẹp yên được nội loạn. Đó là lý do tại sao tên tuổi của ông rất ít khi được hậu thế nhắc đến ngoài cuộc binh biến An Lộc Sơn. Thật sự Quách Tử Nghi là nhà quân sự rất thông thạo binh pháp nên trước tiên vận dụng các yếu quyết trong binh pháp để giải quyết vấn đề, cuối cùng không sao được mới phải dùng tới sức mạnh quân sự. Trong các trận chiến, người ta có thể thấy ông tùy hoàn cảnh mà sử dụng kế sách theo binh pháp hết sức linh hoạt, có lúc lấy nhàn nhả đánh mệt mỏi, có khi dùng kế “Dương đông kích tây”, có lúc lại đánh bất ngờ làm cho quân địch trở tay

không kịp. Hầu như các chiến thắng của ông đều lấy ít đánh nhiều, đó là chiến lược tài tình nhất của người cầm quân, không nhất thiết quân số phải nổi trội hơn đối phương mới thắng trận.

Vị Hoàng đế hôn ám Đường Đại tông đến khi chết mới nhận ra tài năng và đức độ cùng với tấm lòng trung thành của ông và di chiếu để lại nhờ ông phò tá cho con mình lên ngôi. Quả nhiên di chiếu này đã được Quách Tử Nghi tiến hành rất nghiêm túc, tang lễ Đại tông tiến hành suôn sẻ dưới sự giám sát của Quách Tử Nghi, không hề có sự cố gì xảy ra. Do vậy khi Đức tông lên ngôi rồi cũng phải công nhận ông xứng đáng là nguyên lão bốn triều, tôn xưng ông làm Thượng phụ, cho giữ chức Trung Thư lệnh, tức ngang hàng với Thừa tướng, được quyết định những điều quan trọng nhất của triều đình.

Với chức vị này, Quách Tử Nghi vẫn không hề kiêu ngạo, đối xử với triều thần rất khiêm tốn, ai ai cũng kính phục, ông cũng đem hết sức mình ra vực dậy một triều đại đã có dấu hiệu suy tàn nhưng không sao cải được số mệnh. Đến năm 781, Quách Tử Nghi mất. Thọ 85 tuổi, được Đức tông truy phong làm Thái sư. Đây là vinh dự chưa một tướng soái nào các triều đại được ban hưởng như vậy. Ông mất đi hoàn toàn thanh thản, để lại một gia đình rất nhiều con cháu, đều được làm quan, mang tài năng ra giúp dân giúp nước. Lương tâm ông không hề hối tiếc điều gì bởi đã cống hiến toàn bộ tài sức của mình cho quốc gia, xứng đáng là vị tướng soái mẫu mực để hậu thế noi theo.

10

NHẠC PHI

ANH HÙNG DÂN TỘC

Người dân Trung Hoa biết lịch sử hay không đều cảm hận nhất là tên gian thần Tần Cối bán nước cầu vinh. Thế nhưng nhắc tới Tần Cối tất là phải nhắc đến Nhạc Phi, một vị anh hùng dân tộc được người dân Trung Hoa thờ kính muôn đời giống như đối với Quan Công vậy. Tần Cối có tội bao nhiêu thì Nhạc Phi anh hùng bấy nhiêu, là sự đối chọi giữa thiện và ác.

Nhạc Phi sinh năm 1103, tên tự là Bằng Cử, người ở Tương châu, xuất thân trong một gia đình nhà nông, gia đình khá vất vả nên có lúc ông phải đi làm mướn cho người ta, lấy tiền trả nợ cho cha mẹ. Vốn là người có sức vóc mạnh mẽ, lại ham thích võ nghệ nên dù rất cực khổ ông vẫn dành thời gian để luyện tập đầy đủ “Bát môn binh khí” nhưng giỏi nhất vẫn là cách đánh bằng giáo (thương pháp). Thời điểm lúc ấy quân Liêu không ít lần xâm phạm biên cương với ý đồ xâm chiếm toàn bộ đất Tống. Thế nhưng triều đình Bắc Tống dưới sự cai trị u mê của Tống Huy tông Triệu Cát, triều đình đầy rẫy những tên gian thần chỉ biết vơ vét cho vinh thân phì gia, không bao giờ nghĩ đến việc tìm kiếm hiền tài cứu nguy đất nước. Với lòng nhiệt huyết yêu nước, không thể nhìn đất nước nghiêng ngả sắp rơi vào tay ngoại bang, Nhạc Phi liền xin gia nhập quân đội, trước tiên là không phải lo miếng ăn hàng ngày, sau đó hy vọng có cơ hội cống hiến sức lực và tài năng cho quốc gia.

Quyết định này bị rất nhiều người cười chê, cho rằng Nhạc Phi không có

chí tiến thân. Lý do là vì vào thời phong kiến ấy, quan điểm trọng văn học, dựa vào những kỳ thi cử để tuyển chọn người ra làm quan vẫn còn rất nặng nề. Bất cứ ai có tài về văn chương thi phú hay vượt qua được kỳ thi là sẽ được ra làm quan, chẳng cần biết đến đạo đức của người ấy ra sao. Dĩ nhiên trong số những người đỗ đạt có kẻ tốt người xấu nhưng hầu hết người có tấm lòng trung thực đều không chịu nổi sự thao túng của quan lại thời Bắc và Nam Tống, dần dần tìm cách bỏ đi, để lại quan trường toàn là những tên gian thần giỏi nịnh bợ, bất tài thiếu đạo đức nhưng giàu sang vinh hiển.

Nói chung muốn tiến thân thì phải qua con đường thi cử, tòng quân nhập ngũ bị người đời rất khinh thị. Thế nhưng Nhạc Phi vẫn khao khát được làm người lính, không thể nào khoanh tay đứng nhìn đất nước nghiêng ngả dưới gót chân xâm lược của ngoại bang. Lúc bấy giờ hai triều đình Liêu và Kim thay nhau quấy phá biên cương, quân sĩ hết sức vất vả khổ cực, lại dễ dàng chuốc lấy cái chết nên tòng quân tức là đã chấp nhận đón lấy cái chết, ai nấy đều tìm cách trốn tránh, vì vậy quân binh rất cần thêm người có tâm huyết tình nguyện như Nhạc Phi.

Ngay từ lúc vào quân ngũ, Nhạc Phi đã tỏ ra là người rất anh dũng, trợn nào cũng xung phong đi đầu, không hề sợ chết. Có một lần ở Hợp châu, nơi có nhiều bọn thổ phỉ ẩn trong vùng núi non, rất khó đánh dẹp. Nhiều lần quan quân vất vả truy đuổi nhưng đều thất bại, mỗi khi lơ lửng là bọn chúng lại xuất hiện cướp bóc của cải dân lành, thậm chí nhiều khi còn táo tợn đánh cả phủ huyện, giết quan lại và vét sạch kho lẫm. Lúc đó Nhạc Phi chưa có chức tước gì nhưng vẫn xin tình nguyện đi đánh dẹp bọn thổ phỉ chỉ với vài chục tinh binh. Ông cho bọn họ giả làm lái buôn vào thẳng sào huyện bọn thổ phỉ.

Bọn này thấy toàn là trai tráng thì rất thích, không tính tới việc buôn bán

mà định bắt toàn bộ cường ép theo bọn chúng, bao nhiêu hàng hóa thì tịch thu, thế là “nhất cử lưỡng tiện” được cả đôi đường. Tiếc rằng Nhạc Phi đã tính sẵn, khi bọn thổ phỉ gọi vào xem hàng hóa, lập tức các quân binh rút vũ khí trong hòm ra xông vào đánh giết. Với khí thế hăng hái như vậy, bọn thổ phỉ lại bị bất ngờ, lớp chạy trốn lớp bị giết, sau đó không còn tung hoành như trước được nữa.

Nhờ chiến công nho nhỏ này mà danh tiếng của Nhạc Phi bắt đầu được mọi người biết đến, ai cũng ca tụng ông là người can đảm hiểm có. Những lúc rảnh rỗi, Nhạc Phi thường xin được chỉ dạy về binh pháp nên tuy chưa có cấp bậc gì vẫn được anh em trong quân đội khâm phục.

Một lần nữa khi quân Tống kết hợp với quân nhà Kim tiến đánh quân Liêu, Nhạc Phi liền xin phụ trách đội tiên phong, dũng cảm xông lên mặt thành đánh giết, mở đường cho đại quân tiến vào thành Yên Kinh. Thật sự nhà Kim hoàn toàn không hề có ý tốt đối với nhà Tống, sự liên kết đó chỉ là nhất thời mà thôi. Quả nhiên không lâu sau, vào năm 1123, khi Kim Thái tổ chết, con của ông là Kim Thái tông Hoàn Nhan Thịnh tiêu diệt xong nước Liêu, liền nghĩ tới việc đánh chiếm xuống phương nam mà đầu tiên là Bắc Tống hủ bại.

Đại quân của Hàn Ly Bất nước Kim mau chóng tràn xuống phương nam và uy hiếp kinh thành triều đình Bắc Tống, Tống Huy tông kinh sợ chạy trốn, trao ngai vàng lại cho con cùng với hoạn quan Lương Phương Bình dàn quân bên này sông Hoàng Hà chống đỡ. Thế nhưng, quân Kim dễ dàng vượt qua Hoàng hà, chiếm Hoạt châu, thẳng tới Khai Phong. May mắn là có viên tướng tên Lý Cương can đảm đứng ra tập hợp binh sĩ chống đỡ mới làm cho cục diện tạm thời không thất bại.

Thế nhưng triều Tống không nhân cơ hội ấy mà lật ngược thế cờ, trái lại

từ vua tới quan đều sợ chết tới nỗi sẵn sàng ký hòa ước nhục nhã, xin Hàn Ly Bất rút quân với điều kiện sẽ cống nạp cho triều Kim đến 50 triệu lạng bạc, 5 triệu lạng vàng và cắt đất 3 trấn biên giới, đưa một số thân vương đại thần đến triều Kim làm con tin.

Khi đã định xong hòa ước, quân Kim quyết định rút khỏi Khai Phong, dẫn giải luôn Tống Huy tông và Tống Khâm tông cùng một số thân nhân trong hoàng gia về Hội Ninh, phía nam Hắc Long Giang. Thế là triều đình Bắc Tống diệt vong, thay vào đó là triều đình Nam Tống do Khang vương Triệu Cấu liên kết cùng với tên Tri châu Ôn Bá Nhan, lấy phủ Đại Danh làm kinh đô. Triều Nam Tống cũng theo vết xe đổ, càng hủ bại hơn trước và mỗi lần nghe tiếng quân Kim sắp tiến đánh là ai nấy đều run rẩy chỉ nghĩ đến đầu hàng hoặc xin thần phục giữ lấy mạng sống.

Nhạc Phi đã tham gia quân đội từ thời Bắc Tống, trải qua mấy năm trong quân ngũ đã nhìn rất rõ sự tác hại của bọn gian thần, trong lòng hết sức căm hận nhưng đành phải nín nhịn, mang hết sức mình ra chiến mỗi khi đụng độ với quân triều Kim. Nay thấy triều đại cũ diệt vong, nghĩ rằng triều đại mới chắc chắn sẽ sáng suốt nhìn ra cái họa xâm lăng từ triều Kim nên hăng hái dâng thư lên Tống Cao tông kiến nghị mở rộng việc chiêu mộ và huấn luyện quân sĩ, đồng thời cách chức mấy tên gian thần trong triều mà nổi trội nhất là tên Ôn Bá Nhan. Thế nhưng Nhạc Phi không biết rằng triều Nam Tống cũng hủ bại chẳng khác gì Bắc Tống, khi dâng thư lên liền bị Cao tông quở trách và cách hết chức vụ, cho về quê làm thường dân.

Tuy nhiên mấy năm sau triều Kim lại kéo quân sang uy hiếp biên cương, bất đắc dĩ Cao tông phải gọi Nhạc Phi ra cầm quân trở lại theo Vương Ngạn vượt sông Hoàng Hà chống lại quân Kim. Sau này, ông theo dưới trướng Tông Trạch lưu trú tại Đông Kinh, rất được Tông Trạch yêu thích.

Sau khi Tông Trạch chết, Nhạc Phi theo Đỗ Sung đóng ở Kiến Phong. Khi Ngột Truật vượt sông xâm lược Nam Tống, Đỗ Sung sợ hãi đầu hàng quân địch nhưng Nhạc Phi rất can đảm, chỉ huy bộ tướng quyết định chiến đấu. Khi Ngột Truật rút quân, Nhạc Phi dũng mãnh truy kích theo, thừa cơ thu phục lại đất Kiến Phong. Lúc ấy Nhạc Phi đã trải qua nhiều chiến trận, trở thành một viên tướng thiện chiến, danh tiếng được khắp nơi biết đến.

Do đó vào năm Thiệu Hưng thứ hai (1132), vừa đúng 30 tuổi, Nhạc Phi được Tống Cao tông phong cho làm Nguyên soái trấn giữ vùng trung du Trường Giang. Hai năm sau, Nhạc Phi lại vâng lệnh đem quân đánh lên miền bắc, thu phục được 6 quận Tương Dương và nhờ chiến công ấy được gia phong lên làm Tiết độ sứ, tước Võ Xương Khai quốc hầu. Nhạc Phi còn định đem quân đánh sâu vào đất Kim, giải trừ hoàn toàn mầm mống uy hiếp của triều Kim nhưng hùng tâm tráng chí của ông không được sự đồng ý của Tống Cao tông, đành phải đóng quân ở biên giới đề phòng.

Vì quá sợ triều Kim nổi giận, nhiều lần tưởng như Nhạc Phi đã thành công, tiêu diệt hoàn toàn lực lượng quân Kim, thế mà ông bị Tống Cao tông ngăn cản, thành ra từ thắng trận biến thành thế thủ.

Diễn hình nhất là vào năm Thiệu Hưng thứ tư (1134), khi Nhạc Phi đang dẫn quân truy kích theo quân Kim, đã vào rất sâu đất địch, mà quân Kim chỉ biết tháo chạy không còn sức chống đỡ, đột ngột Tống Cao Tông hạ lệnh bắt phải rút quân trở về. Đến năm 1136, một lần nữa Nhạc Phi vâng mệnh đem quân bắc phạt, Cao tông thấy thắng mấy trận thì cho là đã đủ, hạ lệnh phải kéo quân về. Nhạc Phi đã toan liều lĩnh trái mệnh vua để tiếp tục tấn công nhưng khi ấy đang vào sâu đất Kim, nếu không có tiếp viện cả người và lương thực thì không sao đủ sức, đành phải tức tối rút quân. Tất cả những lần cản trở ấy đều do bọn gian thần trong triều đình xúi bẩy. Trong số đó người

ghét Nhạc Phi nhất là tên gian thần Tần Cối, hắn vừa sợ Nhạc Phi có danh tiếng thì địa vị của hắn lung lay, vừa sợ triều Kim trách cứ bởi chính hắn đã ngâm bán nước cho địch từ lâu rồi.

Nguyên do là vào thời Bắc Tống, Tần Cối mang tham vọng rất lớn nhưng cố gắng mấy vẫn không được Tống Khâm tông để mắt đến. May sao triều đình Bắc Tống chủ trương dăng đất nghị hòa nên phong cho Tần Cối làm Lễ bộ Thị lang, cùng với Trình Võ làm sứ giả sang nước Kim điều đình. Thế là Tần Cối được làm một vị đại thần nhờ không có ai dám đi sang nước Kim chứ không phải tài cán của hắn được tín nhiệm. Cuộc đời thật éo le, khi mới đi được nửa đường thì Tần Cối nghe tin Hàn Ly Bất đã tự động rút quân vì thủy thổ không hợp, quân tướng lâm bệnh quá nhiều, mừng rỡ trở về kinh đô. Chức tước đã được ban rồi nên từ đó Tần Cối nghiêm nhiên là vị đại thần tham dự vào triều chính.

Thừa cơ hội đó Tần Cối ra sức nịnh bợ, mua chuộc nên thăng chức rất mau. Hắn tưởng như cuộc đời thênh thang rộng mở, chẳng ngờ chưa được bao lâu thì quân Kim lại tổng tiến công lần nữa.

Trong lần xâm lược này, quân Kim đã hiểu rõ đường lối và thủy thổ đất Tống nên tiến rất mau. Hai tướng quân Kim là Hàn Ly Bất và Niêm Hãn với cách đánh chớp nhoáng của mình, tiến mau đến nỗi Tống Khâm tông còn đang hội họp quần thần bàn về việc dăng châu báu nghị hòa thì quân Kim đã ồ ạt kéo đến sát thành Khai Phong, cuối cùng bắt sống được cả Tống Khâm tông lẫn Tống Huy tông đem giam giữ nơi doanh trại ngoài thành.

Tên gian thần Nghiêm Tung khi ấy nắm chức Thừa tướng, chủ trương nghị hòa nên khi quân Kim rút lui đã đem theo cả Huy Tông lẫn Khâm Tông cùng hơn ba ngàn quần thần trong hoàng thất và quan lại triều Tống giải về phương bắc. Trong số quần thần ấy có cả Tần Cối. Người ta tưởng đâu như

thế Tần Cối sẽ bỏ xác nơi đất phương bắc, không bao giờ được về cố quốc nữa. Đế quốc gia có người cầm đầu, sau khi Huy tông và Khâm tông bị bắt đi rồi, Khang vương Triệu Cấu liền lên ngôi xưng là Tống Cao tông, thành lập triều đình Nam Tống ở Đại Danh, phủ Ứng Thiên. Việc này khiến triều Kim rất tức giận, lại sai Hoàng đệ là Đát Lân đem quân đánh Sơn Dương. Lần này Đát Lân có dẫn theo cả vợ chồng Tần Cối cho hẳn lo việc văn thư hoặc làm chuyển vận sứ. Nhân cơ hội này, vợ chồng Tần Cối tìm cách trốn chạy về phương nam cùng với hai thủ hạ là Đinh Dị và Vương An Đạo.

Thật sự theo nhiều chứng cứ thì vợ chồng Tần Cối không thể dễ dàng trốn chạy như vậy, nhất là lại đeo bông cả bọn thuộc hạ. Hẳn đã theo lệnh của Đát Lân, cam tâm làm gian tể nằm phục ở triều đình Nam Tống mà phá hoại, giúp cho triều Kim thuận lợi hơn trong việc tiêu diệt nước Tống. Do vậy nhiều lần Nhạc Phi đã sắp tiến tới chiến thắng thì đều bị Tần Cối xúi giục Cao tông xuống lệnh triệu về, bắt rút lui bỏ hết những công lao từ trước tới nay.

Năm Thiệu Hưng thứ bảy (1137), một lần nữa Nhạc Phi không hiểu triều đình đã bị bọn gian thần bán nước thao túng, về triều bệ kiến Tống Cao tông, dâng bản kế sách thu phục những vùng đất Nam Tống đã bị quân Kim chiếm giữ. Cao tông đọc bản kế sách này rất khen ngợi, lập tức cho Nhạc Phi nắm toàn quyền binh mã, đồng thời quyết định tăng thêm số quân để đủ cho kế hoạch. Nhạc Phi rất mừng, nhưng khi đang điểm quân thì chợt Cao tông đổi ý ngược lại hoàn toàn, đó lại là do sự ngăn cản của Tần Cối. Không những thế, Tần Cối còn gièm pha là Nhạc Phi không coi trọng di hài tiên đế, chỉ muốn lấy chiến tranh làm bậc thang trèo lên chức vụ cao. Nhiều lần như vậy, Cao tông đâm ra có ấn tượng không tốt với Nhạc Phi.

Thật sự Tần Cối muốn giết Nhạc Phi từ lâu rồi nhưng ông có quá nhiều

chiến công vang dội, triều đình lại đang cần tướng lãnh tài ba để chống đỡ nên không sao hại được Nhạc Phi. Qua nhiều lần như vậy, dần dần Nhạc Phi cũng hiểu ra, vì vậy khi Cao tông mở phong chức thì ông nhất định từ chối, cho rằng nên đề phòng người Kim lật lọng hơn là chắc ý vui mừng. Việc này khiến Cao tông hết sức buồn giận, bởi nếu Nhạc Phi không nhận ban thưởng thì chẳng có ai xứng đáng hơn nữa.

Cuối cùng Cao Tông phải hạ chiếu tới lần thứ ba, bắt buộc Nhạc Phi phải nhận để đừng mang tội khi quân. Vì việc này mà Tống Cao tông rất bất mãn Nhạc Phi nhưng không có cơ nói ra. Tần Cối nhìn biết tâm ý của Cao tông, ngầm tìm cách hãm hại Nhạc Phi để cho Hoàng đế được hài lòng.

Lúc đó là vào năm 1134, Lý Thành được triều Kim yểm trợ, phát triển rất mạnh nên nhân cơ hội ấy tiến đánh dữ dội, chẳng bao lâu đã chiếm được 6 quận ở Tương Dương, uy hiếp cả vùng Lưỡng Triết. Thế mà triều đình vẫn bình chân như vại không hề để ý tới. Nhạc Phi không sao kềm được cơn nóng, tuy biết rằng việc dâng thư có thể làm cho bọn gian thần càng thêm căm ghét nhưng cuối cùng vẫn dâng tấu thư xin nhà vua mau chóng khởi binh tái chiếm lại 6 quận này.

Cao tông nghe theo, sai Nhạc Phi giữ chức Chế Trí sứ, huy động các lộ quân ở vùng Kinh Nam, Ngạc châu và Nhạc châu tiến đánh chiến lại vùng Tương Dương. Nhạc Phi đã sửa soạn trước, nhận được lệnh liền cho quân vượt Trường giang, đầu tiên là tấn công thành Sính châu do tên hàng tướng Kính Siêu chiếm giữ. Kính Siêu có sức mạnh muôn người không địch lại nhưng hoàn toàn không có cơ mưu, chỉ biết dựa vào sức mạnh trời cho để chiến thắng. Vì vậy mấy lần quân của Nhạc Phi tấn công đều thất bại, không sao phá được thành.

Nhạc Phi liền nghĩ đến cách đánh khác, biết rằng Kính Siêu bất trí vô

mưu nên chắc chắn không dự phòng quân lương cũng như vũ khí lâu dài, đối cách đánh làm tiêu hao địch, không tấn công ồ ạt nữa. Quả nhiên không bao lâu thì trong thành hết nhẵn gỗ, đá và tên bắn cũng không còn bao nhiêu nên trong đợt tấn công cuối cùng quân của Nhạc Phi đã chiếm được thành. Nhạc phi một mình một ngựa truy đuổi Kình Siêu, dồn hẳn vào chỗ chết để trừ tận gốc hậu họa.

Sau khi chiếm được Sính châu, Nhạc Phi chia quân ra làm nhiều cánh đồng thời đánh Tùy châu, Đặng châu, còn mình dẫn quân thẳng đến Tương Dương. Thành này do Lý Thành chỉ huy, hẳn học theo cách đánh của người Kim rất thiện nghệ về kỵ binh. Do vậy Lý Thành hoàn toàn tự tin, dàn quân chờ đợi quân của Nhạc Phi tiến đến, trong bụng chắc chắn sẽ đánh tan đối phương bằng kỵ binh. Thế nhưng Nhạc Phi đã sửa soạn sẵn, cho quân sĩ sử dụng thương dài nhằm vào việc giết các con ngựa chiến khiến bọn kỵ binh chưa đánh đã ngã lộn xuống đất. Thế trận của Lý Thành hoàn toàn tan vỡ, đành dẫn mấy trăm tùy tùng thừa đêm tối bỏ chạy, để cho Nhạc Phi chiếm giữ Tương Dương. Chỉ một trận đánh ông đã tiêu diệt được đối phương, danh tiếng từ đấy càng vang dội, mỗi khi quân Kim nghe biết đoàn quân của ông chỉ huy thì đều thối chí kinh hoàng.

Tất cả là do tài trí của Nhạc Phi đã dự kiến một kế hoạch hoàn thiện, vì vậy không mất bao nhiêu thời gian đã tái chiếm được 6 quận Tương Dương. Ngay cả Tống Cao tông cũng khá ngỡ ngàng với chiến thắng này bởi từ trước đến nay toàn là nhận được tin bại trận, lập tức phong cho Nhạc Phi giữ chức Kinh Tương Đàm châu Tiết Độ sứ, tức toàn quyền giữ quân trấn thủ mấy châu này. Nhạc Phi rất mừng bởi đây sẽ là căn cứ địa rất tốt để chặn chinh binh mã, tích trữ lương thảo, chiêu mộ thêm quân binh để sau này làm bàn đạp tiến đánh triều Kim.

Về mặt nội bộ triều Nam Tống cũng chưa thể gọi là yên tĩnh bởi các nơi nhận biết rằng từ vua tới quan đều thối nát, nếu có chút tài năng liền nổi lên làm loạn chiếm giữ một vùng đất xưng vương xưng bá. Hùng hậu nhất trong các cuộc nổi loạn là của Dương Thái ở Động Đình hồ. Triều đình Nam Tống đã nhiều phen sai quan quân đi tiêu trừ nhưng đều thất bại. Lần cuối cùng triều đình phái viên tướng Dương Tà dẫn binh đi thảo phạt nhưng lần này thất bại càng nặng nề hơn khiến triều đình hết sức lúng túng, không biết tìm đâu ra tướng tài để trao cho trọng trách này. Lúc ấy Tần Cối liền tiến cử Nhạc Phi. Mọi người đều tưởng Tần Cối không còn lòng oán ghét nhân tài nữa, biết sử dụng nhân tài vào việc lớn quốc gia.

Thật sự Tần Cối vô cùng thâm hiểm, tiến cử Nhạc Phi nhằm hai kết quả: Nhạc Phi rất giỏi đánh thương và đánh trên bộ, nếu như đánh với Dương Thái ở Động Đình hồ bằng thủy chiến thì chưa biết ai thắng ai bại. Nếu Nhạc Phi thắng thì đó là công tiến cử của mình, bằng ngược lại thì có cơ trừng trị Nhạc Phi, đâu nào cũng có lợi cho hắn. Cao tông không hề biết, nghe Tần Cối tiến cử thì rất mừng rỡ, lập tức phong ông làm Thanh Viễn quân Tiết Độ sứ, dẫn quân thay thế cho Dương Tà.

Quả nhiên Nhạc Phi khá lúng túng trong việc tìm cách đối đầu với Dương Thái. Thế nhưng ông rất quyền biến, để thử lòng quân địch xem mạnh hay yếu, trước tiên ông cho loan truyền hịch chiêu hàng. Chỉ mấy ngày sau Nhạc Phi đã được một viên tướng dưới quyền Dương Thái tên là Huỳnh Tá bí mật xin đầu hàng triều đình. Nhạc Phi không chờ lệnh vua, chấp nhận việc này nên Huỳnh Tá bất ngờ làm phản đánh chiếm được luôn một lúc mấy thủy trại.

Để Huỳnh Tá yên lòng, Nhạc Phi cấp tốc dâng thư về triều, xin phong cho Huỳnh Tá chức Võ công Đại phu, dựa vào tài đánh thủy chiến của ông ta

mà mở cuộc đại tấn công. Tần Cối ra sức ngăn cản nhưng nhờ một vị đại thần là Trương Tuấn đứng lên nói rõ lòng dạ thẳng thắn và trung thành của Nhạc Phi, không hề có ý định mờ ám gì trong việc này, cuối cùng Cao tông mới chấp thuận.

Sau khi đã chinh đồn xong binh mã cùng các chiến thuyền do Huỳnh Thái mang về, Nhạc Phi đưa ra kế hoạch tổng tấn công từ ba mặt khiến quân của Dương Thái không sao địch lại, phải bỏ chạy tán loạn, rút sâu vào trong Động Đình hồ cố thủ. Đường thủy ở Động Đình hồ rất ngoắt ngoéo nếu không phải là người quen thuộc rất dễ bị lạc lối hoặc sa lầy. Do vậy Nhạc Phi không dám tiến binh ngay, nhân cơ hội một tên bộ tướng của Dương Thái ra hàng thì giả vờ nghi ngờ, đánh đòn rồi tha về.

Điều này làm cho quân tướng hết sức ngạc nhiên vì từ trước đến nay Nhạc Phi không bao giờ mê muội đến mức trừng phạt hàng tướng. Thật ra khi tên hàng tướng ấy đi thuyền trở về thủy trại, lòng đầy căm tức thì đã vô tình dẫn đường chỉ lối cho Nhạc Phi. Vị tướng trí mưu này đã bí mật sai hai tướng Ngưu Cao và Vương Quý dẫn theo mấy ngàn tinh binh lặng lẽ bám gót theo sau, mau chóng chiếm thủy trại của hắn. Lấy thủy trại này làm bàn đạp, hai tướng Ngưu Cao và Vương Quý từ trong đánh ra, đại quân của Nhạc Phi từ ngoài đánh vào, khí thế hết sức dữ dội.

Dương Thái không sao ngờ nổi Nhạc Phi lại đa mưu túc kế đến vậy, hoảng hốt bỏ chạy nhưng cuối cùng vẫn bị bắt sống. Nhạc Phi liền hạ lệnh chém đầu để làm gương cho mọi người. Chiến thắng này làm cho Tần Cối có muốn hãm hại cũng không được, đành khoanh tay căm tức ngồi nhìn Cao tông thăng cho Nhạc Phi làm Võ Thắng Định quốc quân Tiết Độ sứ. Đây là chức vụ rất lớn, toàn quyền điều động quân binh cả một vùng chung quanh Tương Dương nên Nhạc Phi lại càng nôn nóng nghĩ đến ngày sẽ tiến binh

đánh tan triều đình nhà Kim.

Sự chuẩn bị này không qua được tai mắt của triều Kim, đó cũng là nguyên do dẫn đến biến cố trong nội bộ đối phương. Khi ấy triều Kim chia làm hai phe chủ hòa và chủ chiến, giằng co nhau chưa bên nào ngã ngũ. Khi nghe tin Nhạc Phi đang chinh đồn binh mã, lập tức phe chủ chiến do Ngột Truật cầm đầu giận dữ xin Đát Lãn phải cho xuất binh đánh phủ đầu ngay. Đát Lãn vốn chủ trương hòa hoãn nên không nghe theo, rốt cuộc bị Ngột Truật làm phản giết chết, nắm đại quyền trong tay rồi quyết định đem quân tràn xuống phương nam, đó là vào năm 1139. Quân Kim chia làm 4 cánh do các danh tướng triều Kim chỉ huy rầm rộ tiến quân, khí thế hết sức hung hãn.

Triều đình Nam Tống không hề đề phòng nên chỉ trong một thời gian ngắn, quân Kim đã lấy lại toàn bộ đất đai vừa trao trả cho Tống, đồng thời còn uy hiếp cả Hoài Nam. Bất đắc dĩ Tống Cao tông phải hạ lệnh cho quân triều đình tiến ra biên giới chống đỡ. Quân tướng nhà Tống rất hâm mộ Nhạc Phi nên đồng lòng xin được ông chỉ huy, Tống Cao tông phải chấp nhận việc này, phong cho ông làm Nguyên soái. Nhạc Phi liền hội quân ở Tương Dương, làm lễ thề ước sẽ quyết chiến đấu đến cùng xong là lập tức tiến quân, ngay trận đầu đã chiếm lại được Thái châu.

Các cánh quân khác nghe tin đại thắng thì đều phấn khởi, sát cát cùng nhau hưởng ứng, Hàn Thế Trung chiếm được Hải châu, Vương Đức chiếm được Túc châu và Hào châu. Những chiến thắng này khiến triều Kim vô cùng lo lắng, đành phải bí mật sai người tới nói với Tần Cối tìm cách cứu nguy. Tần Cối liền tâu với Tống Cao tông lấy những chiến thắng này làm áp lực “để cầu hòa”, hoàn toàn không muốn lợi dụng thời cơ đánh bại luôn quân địch. Cao tông từ trước tới nay vẫn nơm nớp kinh sợ mỗi khi quân triều Kim tấn công nên nghe lời Tần Cối tâu liền vội vàng xuống lệnh cho quân Tống

triệt thoái khỏi các vùng đã chiếm.

Lúc đó thắng lợi đã gần như nằm trong tay, sĩ khí quân Kim xuống dốc thê thảm, hễ thấy đoàn quân nào trương cờ vàng có đề ba chữ “Nguyên soái Nhạc” lập tức hò nhau bỏ chạy. Các cánh quân khác cũng lợi dụng sự sợ hãi này, tuy không phải là của Nhạc Phi vẫn trương cờ của ông làm cho quân Kim khiếp sợ mất tinh thần. Vì vậy nhận được lệnh thoái lui, Nhạc Phi không đành lòng chút nào, bàn với các tướng:

– Lần này ta chống lại mệnh triều đình, nếu không toàn thắng thì khó toàn được tính mệnh. Vì vậy các người phải đồng lòng chiến đấu, lấy công chuộc tội. Khi việc đã xong, ta nghĩ chắc triều đình không lẽ bắt tội người chiến thắng sao?

Sau đó Nhạc Phi tập hợp toàn bộ đại binh kéo thẳng đến thành Yên kinh, là nơi Ngột Truật đang đóng quân. Ngột Truật rất sợ hãi nhưng vẫn cố đưa quân kỵ, mặc giáp sắt dày ra đối phó với cách đánh thương từ xa của Nhạc Phi. Chẳng ngờ lần này Nhạc Phi không dùng thương dài nữa mà cho quân cầm mộc đàn bằng mây già che đỡ phía trên, tay cầm đại đao lẫn người xuống thấp chuyên chém vào chân ngựa. Quân Kim rất thiện chiến về kỵ binh, nay mất ngựa thì chẳng khác gì hổ mất móng vuốt, thi nhau bỏ chạy, dẫm đạp lên nhau chết vô số.

Ngột Truật đại bại phải dẫn tàn binh chạy về Dĩnh Xương cố thủ. Tần Cối thấy Nhạc Phi trái lệnh rất căm tức, tâu với Cao tông phái một cận thần đến tận nơi quân doanh bắt buộc ông phải thi hành. Vị cận thần đó tên là mã định Lý Nhược Hư cũng có lòng trung quân ái quốc, khi thấy Nhạc Phi đang sửa soạn binh mã tiến sâu vào phía bắc thì liền bí mật nói:

– Ngài cứ theo ý mà tiến hành. Tôi sẽ lấy cớ đến quá chậm không kịp ngăn cản. Nếu có bị trách phạt cũng cam lòng vì việc này có lợi cho dân cho

nước.

Nhờ vậy Nhạc Phi đánh chiếm nhiều châu quận của triều Kim khiến Ngột Truật cũng phải kinh hoảng, nói với bộ tướng:

– Từ khi ta khởi binh đến nay, chưa bao giờ thất bại nặng nề như thế này. Nhạc Phi quả là thần tướng chứ không phải người phàm.

Ngột Truật kinh sợ tới mức còn định rút quân bỏ luôn Bắc Kinh. Biết được tin này, Nhạc Phi lập tức tâu về kinh xin được phép tiến công. Ông tin chắc triều đình sẽ chuẩn y bởi vì đây là cơ hội ngàn năm một thuở, trong khi chờ vẫn tiếp tục tiến quân, chẳng bao lâu chỉ còn cách Bắc Kinh vài chục dặm, đóng lại bên đây bờ sông chờ có lệnh triều đình là lập tức vượt sông

Ngột Truật không còn cách nào khác là sai một tên sứ giả thân tín cấp tốc vượt đường xa đến liên lạc với Tần Cối. Thế chưa kịp động binh, Nhạc Phi đã liên tiếp nhận được chiếu thư của triều đình nhà Tống bắt buộc phải rút quân. Nhạc Phi vô cùng tức giận, hạch hỏi viên quan đem chiếu thư đến, hăn liền trả lời:

– Theo tôi được biết thì Tần Thừa tướng đang nghị hòa với triều Kim. Có lẽ nay mai là thành công. Vì vậy nếu Nguyên soái tiến binh thì bao nhiêu công lao nghị hòa bỏ sông bỏ biển hết.

Nhạc Phi nghe vậy vô cùng tức giận, quát mắng:

– Ta chỉ cần một lần tiến binh này là đã thu hồi toàn bộ đất Trung nguyên, lại còn uy hiếp triều Kim không cho chúng tha hồ làm càn nữa. Như vậy cần gì đến nghị hòa mà phải rút binh?

Mắng xong Nhạc Phi liền viết tấu đưa về triều đình cương quyết sẽ tiến quân. Cao tông và Tần Cối biết khó ngăn cản được quyết tâm của ông, xoay qua kế sách khác, đó là sai người đến bắt Trương Tuấn và Dương Nghi phải rút cánh quân của mình về nước, để mặc cho Nhạc Phi đơn độc giữa chiến

trường.

Dù biết như vậy rất khó khăn cho mình, không có quân tiếp trợ nhưng Nhạc Phi vẫn cho rằng chỉ cần một cánh quân của mình thừa sức tiêu diệt quân triều Kim bởi ý chí bọn chúng xuống thấp lắm rồi. Trước tình trạng ấy Tần Cối hết sức lo lắng sẽ đắc tội với người Kim, thúc hối Cao tông, hầu như mỗi ngày đều có các cận thần hỏa tốc cầm Kim bài xuống ra lệnh cho Nhạc Phi rút quân. Kim bài là một miếng gỗ có viết chữ bằng vàng, tức là mệnh lệnh không thể không thi hành, chỉ sử dụng mỗi khi thật nguy cấp. Theo luật thì mỗi khi nhận được Kim bài, vị tướng lãnh ấy bằng mọi cách phải tuân theo.

Thế nhưng Nhạc Phi không ưng chịu sự thua thiệt vô lý này, nói với các tướng:

– Từ trước tới nay vẫn có câu “Tướng đánh giặc ngoài biên thùy có khi không cần phải theo lệnh của Hoàng đế”. Ta có thể áp dụng vào hoàn cảnh bây giờ vậy.

Rồi ông vẫn chuẩn bị quân mã đâu đó sẵn sàng. Ngột Truật cho người dò xét, biết được việc này thì càng hoảng hốt, lập tức báo cho Tần Cối biết. Tên gian thần này lại càng căm hận, xúi Cao tông một ngày giáng xuống đến 12 đạo Kim bài. Đây là sự cố chưa bao giờ xảy ra bởi nguy cấp lắm cũng chỉ đến một đạo Kim bài là sự việc đã được giải quyết. Ngày hôm Nhạc Phi nhận được 12 đạo Kim bài, ông hết sức đau đớn trong lòng vì biết rằng triều đình đã quá bạc nhược và đã bị gian thần lũng đoạn, dù ông cố gắng đến mấy cũng không thể chống với cả tập đoàn bán nước cầu vinh ở triều đình. Nhạc Phi nghĩ lại bao nhiêu công sức của ông và của chư tướng đều trở thành số không thì hết sức uất hận, nhờ có các tướng lão thành khuyên giải mới ngậm ngùi ra lệnh sửa soạn rút về.

Đánh thì khó chứ rút rất dễ, chỉ trong mấy ngày là toàn quân Tống đã từ từ nhắm phía nam chậm bước, ai nấy đều cúi mặt tuôn rơi nước mắt, khóc cho vị tướng quân của mình thì ít mà khóc cho non sông gấm góc thì nhiều. Bá tánh nơi biên cương đồng lòng theo quân đi về nam cũng khá nhiều, kẻ gồng người gánh trông thật thê lương.

Tất cả đều mất hết ý chí chiến đấu, võ khí lơ đãng, hàng ngũ lộn xộn vậy mà quân tướng triều Kim không hề đuổi theo truy kích bởi đã quá ngán ngẫm với hai chữ “Nhạc Phi”. Điều này chứng tỏ ông có uy danh lớn đến mức từ xa cũng đã có thể làm quân địch khiếp sợ. Nên nhớ là trước kia vào thời Tam Quốc, Lưu Bị cũng đã một lần cùng với người gồng gánh chạy nạn, bị quân Tào Tháo truy đuổi thiệt hại không biết là bao nhiêu. Lần này Nhạc Phi rút khỏi biên cương còn thê thảm hơn cả Lưu Bị thế mà vẫn đưa quân tướng và bá tánh từ đất Yên Vân bình yên trở về thì đủ biết oai đức của ông có sức mạnh vô cùng.

Sau khi Nhạc Phi rút quân xong, triều đình Nam Tống trơ trên mở yến tiệc ăn mừng, đèn cò treo lộng lẫy khắp kinh thành. Cao tông cũng xuống ơn mưa móc triệu Nhạc Phi về kinh để ban thưởng và được dịp vui chơi. Ông không những đã chẳng chịu về muối mặt tươi cười trước cái nhục mất nước mà còn dâng một tấu thư vạch rõ sự gian hiểm của những tội thần bán nước.

Lời lẽ của ông rất thẳng thắn nên ít nhiều đụng chạm đến Cao tông, thế là ngoài Tần Cối nay lại có cả Cao tông ngấm ngấm ôm mối hận đối với vị danh tướng ấy. Dù sao cũng là một vị Hoàng đế bù nhìn, Cao tông dù ghét bỏ Nhạc Phi tới đâu vẫn không thể lấy vương pháp ra trừng trị cho thỏa lòng, ông ta bèn hướng về Tần Cối, nhiều lần úp mở bày tỏ sự tức giận của mình. Dĩ nhiên Tần Cối mừng như mở cờ trong bụng, chắc chắn phen này sẽ tìm ra một tội nào đó của Nhạc Phi để đưa ra sự trừng phạt cao nhất.

Thế nhưng khi ấy quân Kim vẫn còn đóng ở biên cương và lòng dân hầu hết đều hướng về người anh hùng dân tộc họ Nhạc, Tần Cối không dễ gì muốn đánh muốn giết là được. Tên gian thần này cực kỳ thâm hiểm, biết rằng nếu còn binh quyền trong tay thì hẳn sẽ không bao giờ làm gì được Nhạc Phi. Vì vậy Tần Cối từng bước một cắt bớt vây cánh của Nhạc Phi. Trước tiên Tần Cối lấy cớ nhỏ mà giải tán đoàn quân do Hàn Thế Trung lãnh đạo. Tần Cối lại hứa sẽ giao hết số quân tinh nhuệ ấy cho Trương Tuấn, vì vậy khi Nhạc Phi lên tiếng cực lực phản đối thì tức là đã đụng chạm đến Trương Tuấn. Kế sách này hết sức hiệu lực, một cuộc tranh luận nảy lửa xảy ra giữa Nhạc Phi và Trương Tuấn. Cuối cùng Nhạc Phi không kèm được tức giận, giữ áo từ quan về Lô Sơn ẩn dật. Tần Cối cả mừng bởi chỉ một kế đã tiêu giải được hai đạo quân, còn lại Hàn Thế Trung ngây thơ rất dễ đối phó.

Đồng thời lúc đó triều Kim cũng quyết định nếu Nhạc Phi còn sống thì không bao giờ tham vọng đánh chiếm Trung nguyên thành công, bí mật sai người truyền lệnh cho Tần Cối bằng mọi giá phải giết chết người danh tướng ấy, không chỉ là giam cầm hay trừng trị tâm thường. Nhận được lệnh của “quan thầy” nhà Kim, Tần Cối lại càng mừng rỡ vì đó chính là ý muốn từ lâu của hắn.

Lần này Tần Cối lôi kéo cả Cao tông vào âm mưu thâm độc của mình nhưng Cao tông giả như không hề biết gì, mặc cho hắn muốn thi hành thế nào cũng được. Với sự đồng ý ngầm ngấm của Cao tông, Tần Cối xúi giục Đại phu Vạn Sĩ Oa dâng thư hạch tội Nhạc Phi nhiều lần trái lệnh triều đình. Bọn tay sai của Tần Cối là Ngự sử Hà Trù, Thị ngự sử La Nhữ Tập, Vương Tuấn và Vương Quý muốn nịnh bợ Tần Cối nên cũng dâng tấu vu cáo Nhạc Phi lộng quyền, không chịu theo lệnh triều đình là muốn tự mình làm Hoàng đế. Thế nhưng dù ghép vào tội gì đi nữa cũng phải có bằng chứng, Tần Cối

liền thuyết phục một tên bộ tướng của Nhạc Phi là Trương Hiến đứng ra vu cáo. Trương Hiến khai trước Đại Lý tự (cơ quan hình pháp của triều Tống) là đã từng nghe Nhạc Phi nói với con trai Nhạc Vân hãy sửa soạn binh mã để nổi dậy chiếm ngôi Hoàng đế, cai trị thiên hạ thay những tên u mê đang ngồi ở triều đình Đại Tống. Chỉ là lời khai của một người, hoàn toàn không có chứng cứ xác thực, thế mà các đại thần phe cánh của Tần Cối vẫn lập thành hình án khép tội Nhạc Phi.

Những tội danh này đều là tội chết nhưng Tống Cao tông lại ra vẻ khoan hồng, chỉ cách hết chức tước của Nhạc Phi mà thôi. Điều này rất dễ lý giải, đó là Tống Cao tông căm ghét Nhạc Phi không phải vì tội ông quá hăng hái đánh đuổi quân Kim mà lo sợ Nhạc Phi một khi đánh tới Hoàng Long phủ (kinh đô triều Kim) thì hai vị Hoàng đế trước kia là Huy tông và Khâm tông sẽ được về nước. Như vậy còn chỗ đâu cho Cao tông ngồi? Do đó cách chức của Nhạc Phi là đã thỏa mãn lòng căm hận của ông ta rồi, chưa đến nỗi tàn tạ lương tâm giết người lương tướng.

Tiếc rằng Tần Cối đã nhận lời của Ngột Truật, một mặt hãm giam chặt Trương Hiến và Nhạc Vân ở một chỗ bí mật, một mặt sai tay chân là Dương Tích đến chỗ ẩn dật của Nhạc Phi ở vùng Lô Sơn, giả mạo chiếu lệnh của Cao tông truyền phải về kinh để nhận lệnh. Nhạc Phi hoàn toàn không biết đó là âm mưu độc ác của Tần Cối, ngỡ ngàng không hiểu đã có chuyện gì xảy ra nhưng vẫn lập tức theo chiếu chỉ về kinh. Nhạc Phi hoàn toàn không nhìn thấy mặt Cao tông, vừa đến kinh thành đã lập tức bị hạ ngục.

Khi đưa ra thẩm vấn, Nhạc Phi thấy chung quanh toàn là tay chân của Tần Cối như là bọn Vạn Sĩ Oa, Hà Trù, La Nhữ Tập, nên biết ngay có tranh cãi đến đâu cũng khó thoát được bàn tay thâm hiểm của hắn, nhất quyết không nói một lời, dù bị đánh đập tra khảo hết sức tàn khốc. Không có chứng

cứ thú tội của Nhạc Phi, Tần Cối bèn nảy ra một kế khác, chuyển sự tra khảo sang Trương Hiến và Nhạc Vân, sau đó mới dụ dỗ hể khai ra Nhạc Phi có âm mưu tạo phản là lập tức tha ngay.

Thế nhưng, cả Nhạc Vân lẫn Trương Hiến đều là anh hùng trượng phu, nhất quyết không khai gian dối dù bị đánh đập rất tàn nhẫn, máu thịt tan nát. Lúc đó Hàn Thế Trung cũng đã bị Tần Cối bãi chức, vẫn cố gắng tìm cách vào gặp mặt hãn chắt vẫn:

– Nhạc Phi có tội gì mà phải bị bắt?

Tần Cối hơi lúng túng nhưng rồi bình tĩnh trở lại, trơ trên đáp:

– Tội của họ Nhạc là “không có tội gì cả” (*mạc tu hữu*).

Ba chữ “*Mạc tu hữu*” (tội không có tội) trở thành ngạn ngữ để ám chỉ bất cứ sự việc nào mà bọn gian thần muốn ghép tội cho người hiền lương, được người đời sau sử dụng rất phổ biến. Ba chữ này gắn liền với tên tuổi của Tần Cối cho đến ngàn năm, hể nói “*Mạc tu hữu*” là ai cũng nhớ ngay đến tên gian thần Tần Cối. Hàn Thế Trung tuy là người không có nhiều trí mưu nhưng cũng nhận ra ngay triều đình là cái bẫy chết người, sau đó ông tự động từ bỏ quan chức, đi đâu ẩn cư không rõ.

Sau khi bắt giam Nhạc Phi rồi, Tần Cối báo cho Ngột Truật biết, xin được đẩy nhanh tiến độ giảng hòa với Kim, vì vậy chỉ mấy tháng sau hòa ước được ký kết. Hòa ước này chẳng có gì khác với các hòa ước trước đó dù đôi ba lần quân Kim thất trận nhưng cuối cùng vẫn bắt nhà Tống phải xưng thần và mỗi năm cống nạp cho triều Kim 25 vạn lạng bạc, 25 vạn súc lụa.

Cũng giống như mấy lần trước, mỗi khi có dịp nào đó, dù là ký hòa ước ô nhục, triều đình Nam Tống vẫn vin vào lý do ấy để tha hồ ăn chơi. Bọn nịnh thần thì được dịp tâng bốc ca tụng Hoàng đế lên tới mây xanh. Riêng Nhạc Phi không hề dâng biểu chúc mừng như những tên nịnh thần mà còn dâng

tấu hạch tội Tần Cối, đại để là: “... Người Kim rất dối trá, vì vậy không thể hòa hảo lâu dài. Thừa tướng (Tần Cối) làm như vậy là đã đẩy quốc gia đến chỗ ô nhục, thần e rằng sẽ là cái nhục mà mãi đời sau mọi người đem ra chê cười... Thần xin lấy hết sức mình để chống với quân Kim, thu phục đất nước được toàn vẹn nếu như thánh thượng ban cho binh quyền...”

Tần Cối đọc bài tấu ấy cảm hận thấu xương, ngay lập tức xúi giục Tống Cao Tông hạ chiếu trách tội Nhạc Phi không dâng biểu chúc mừng. Thế nhưng những lời trung trực anh hùng của Nhạc Phi được nhiều triều thần hết sức ca ngợi, do vậy Tống Cao tông không dám xuống lệnh trách phạt Nhạc Phi, giả vờ lãng quên như chưa có chuyện gì xảy ra.

Đồng thời với sự thần phục ấy, Nam Tống phải cắt rất nhiều vùng đất phía bắc giao cho nhà Kim cai quản. Đây là hòa ước ô nhục nhất trong lịch sử Trung Quốc, được sử sách gọi là “Thiệu Hưng hòa nghị”. Thế nhưng khi ấy Cao tông hoàn toàn không hề biết nhục, khi dâng biểu cho triều Kim, gọi vua Kim là Hoàng đế còn mình xưng tên tục là Cấu, chẳng khác chi tôi tớ của Hoàng đế vậy.

Hoàng đế không biết nhục thì Tần Cối làm gì biết? Hắn còn tận lực truy tìm chứng cứ để ghép Nhạc Phi vào tội chết. Thế nhưng, dù hết sức tra tấn, cha con Nhạc Phi và Trương Hiến vẫn một lòng từ chối không nhận bất cứ tội gì hắn đưa ra. Trong khi đó nhà Kim rất nóng ruột vì Nhạc Phi còn sống nên mấy lượt sai sứ giả đến thúc giục phải thi hành cho mau.

Vợ Tần Cối lòng dạ cũng độc ác giống như chồng, thường hay triết lý:

– Người đời nói “thả hổ thì dễ, bắt hổ mới khó”, đã là đại nam tử sao không ra tay mà còn chần chừ, lỡ khi hổ dữ thoát khỏi gông cùm thì chính mình phải chết.

Nghe vậy Tần Cối chẳng giữ gìn thể diện gì nữa, dùng tới thủ đoạn đê

hèn nhất, sai tên Vạn Kỳ Tiết viết giả tờ khai của Trương Hiến, trong đó thú nhận là Nhạc Phi đã có ý muốn làm phản. Khi tờ khai này được dâng lên Cao tông, ông ta mới giả vờ như kinh ngạc nhưng cuối cùng cũng phê vào án văn, lại còn giả nhân giả nghĩa ban cho ông được chết toàn thân.

Có một ghi chép khác thì Tần Cối túng thế phải qua mặt Cao tông, lén sai tên giữ ngục hạ độc giết chết Nhạc Phi trong ngục thất. Còn Trương Hiến và Nhạc Vân xử vào tội phản thần, mang ra pháp trường chém đầu. Dù là cách nào đi nữa thì Nhạc Phi cũng đã bị hãm hại chứ không được chết đường hoàng chính, thật oan uổng cho người danh tướng suốt cuộc đời lăn lộn xông pha vì nước vì dân, chẳng ngại hiểm nguy lửa đạn. Ông mất vào năm mới 39 tuổi, tức là vào năm 1142, cái tuổi còn nhiều khí lực để cầm quân đánh giặc.

Nhạc Phi không những là vị tướng soái thiện chiến can đảm mà còn có tư duy chiến thuật rất sắc sảo, do vậy ông đã thắng nhiều trận để đời, làm kinh điển cho các binh gia sau này nghiên cứu. Vì tuổi trẻ khó khăn ít học nên khi đã có thời gian, Nhạc Phi quyết tâm học tập cho tốt, tuy lời lẽ văn chương không hoa mỹ nhưng đầy khảng khái, chứa đựng sự mãnh liệt của tâm hồn muốn đem hết sức lực cống hiến cho quốc gia. Vì vậy sau khi Nhạc Phi chết oan bởi bàn tay độc ác của Tần Cối, ông để lại cho đời tác phẩm “*Văn tập Nhạc trung Võ vương*” gồm 10 quyển.

Về võ nghệ, Nhạc Phi còn để lại tập “*Nhạc gia thương*”, tức sách dạy cách đánh giáo (thương) riêng của nhà họ Nhạc, mà hiện nay vẫn có nhiều người theo học.

Cái chết oan ức của Nhạc Phi không hề làm mất tên tuổi của ông mà trái lại càng làm cho tên tuổi của ông sáng chói như nhật nguyệt và càng làm cho tội ác của Tần Cối cùng đồng bọn thêm chồng chất. Vì vậy sau này khi Tần Cối chết rồi, người dân Trung Hoa căm giận tới mức cho đúc tượng cả vợ

chồng hấn lẫn bọn Vạn Sĩ Oa trần truồng quỳ lạy đặt ở trước mộ Nhạc Phi. Khách đến viếng mộ Nhạc Phi khi đi qua ba tượng ấy đều tức giận đánh đập phi nhổ nên chẳng bao lâu đã bị vỡ nát. Mãi đến năm Vạn Lịch thứ 22 (1595), Án sát phó sứ là Phạm Lai mới cho đúc lại, thêm vào tượng Trương Tuấn là bốn tượng.

Có thể nói suốt chiều dài lịch sử phong kiến Trung Hoa chưa có một vị tướng soái nào được người dân coi như anh hùng dân tộc, lập miếu thờ phượng giống như của Nhạc Phi. Quan Công cũng có rất nhiều miếu thờ nhưng đó là do người dân kính trọng tiết tháo trung thành của ông đối với người anh kết nghĩa vườn đào, là một tướng tận tâm tận lực để rồi phải chết nơi sa trường mà thôi. Miếu thờ Quan Công nghiêng về thần thánh hóa, mê tín dị đoan còn miếu thờ của Nhạc Phi chính là biểu tượng của lòng tự hào dân tộc trong việc chống ngoại bang. Nhạc Phi chết đi nhưng đời đời tên ông vẫn được hậu thế nhắc tới.

THIỆT MỘC CHÂN

LÙNG LẦY ĐÔNG TÂY

Trong thời gian từ năm 1208 đến khoảng 1300, lịch sử Trung Hoa nổi lên những cái tên mà hầu như ai cũng kinh sợ mỗi khi nhắc đến, đó là tên các danh tướng lấy lòng từ Đông sang Tây như Thiết Mộc Chân, Oa Khoát Đài, Đà Lôi, Mông Kha, Hốt Tất Liệt, v.v... Những danh tướng này tuy có một vài trận không chiến thắng bởi nhiều lý do khách quan nhưng hầu hết đều đạt thắng lợi lớn lao, giúp cho triều Nguyên mở rộng biên cương từ Đông sang Tây, từ Bắc cho tới tận miền nam Trung Hoa.

Lịch sử huy hoàng của triều Nguyên bắt đầu từ Thiết Mộc Chân, sau khi chết được truy tặng là Nguyên Thái tổ. Dưới sự chỉ huy của Thiết Mộc Chân, vó ngựa người Mông Cổ tung hoành từ Đông sang Tây, từ nước Nga sang đến tận châu Âu; từ bắc xuống tới tận biên giới với Việt Nam.

Năm sinh của Thiết Mộc Chân không được sử sách ghi chép rõ ràng, chỉ theo sự kiện lịch sử mà tính thì ông sinh vào khoảng 1155 ở bên bờ sông Oát Nan, sau nhiều cuộc chiến tranh tiêu diệt các bộ tộc Mông Cổ hoặc sát nhập họ vào quân đội của mình, năm 1206 Thiết Mộc Chân xâm chiếm Trung Hoa và dựng nên triều đại nhà Nguyên. Ông trị vì được 22 năm, đến năm 1228 thì lâm bệnh nặng rồi qua đời ở sông Ngưu Đầu thuộc huyện Thanh Thủy sau khi quốc vương Tây Hạ đã đầu hàng.

Họ của Thiết Mộc Chân là Bột Nhi Chỉ Cân, con vị *Hãn* của một bộ tộc

nhỏ người Mông Cổ tên là Dã Tốc Cai. *Hãn* tức là người đứng đầu của bộ tộc, khi bộ tộc ấy lớn mạnh hoặc sát nhập nhiều bộ tộc với nhau mới tôn xưng lên là *Khả Hãn* hay *Đại Hãn*, tức tương đương với tước Vương ở Trung Hoa. Lúc đó có rất nhiều bộ tộc sống rải rác khắp miền bắc, hầu hết sinh sống bằng việc săn bắn và nuôi súc vật chứ không biết đến nông nghiệp. Vì là xứ sở mênh mông với những hoang mạc ở Gôbi và những bình nguyên đồng cỏ ở phía nam Seberi thuộc nước Nga. Ở đây có một bộ tộc Mông Cổ nổi tiếng thiện chiến và hung dữ tên là Tác Ta.

Các bộ tộc nhỏ thường dựa vào nhau để sinh tồn và rất thiện nghệ về thuật cưỡi ngựa. Sau này thuật cưỡi ngựa được quân đội Mông Cổ sử dụng như là thứ vũ khí lợi hại nhất, đoàn kỵ binh Mông Cổ đi tới đâu là nơi đó bị tiêu diệt không còn một con chó con gà, nhà cửa thì bị đốt cháy, san thành bình địa. Có thể nói, sự hung hãn của người Mông Cổ cũng được coi là “một loại vũ khí” đánh vào tinh thần. Do vậy hễ nghe tin quân Mông Cổ sắp tiến đến, hầu như các thành phố đều hoảng loạn, sĩ khí xuống thấp, rất lợi cho việc đánh chiếm của họ. Thế nhưng vì quá lợi dụng “vũ khí tinh thần” này mà dần dần người Mông Cổ bị toàn bộ các dân tộc khinh ghét, thậm chí căm thù thấu xương, là tiền đề cho sự suy tàn của cả một đế chế trải rộng từ Đông sang Tây do một tay Thành Cát Tư Hãn dựng lên.

Cùng với thuật cưỡi ngựa, người Mông Cổ thiên về săn bắn nên thuật bắn cung cũng có thành tựu rất cao siêu. Dần dần các bộ tộc Mông Cổ kết hợp lại, trở thành một lực lượng rất mạnh nhờ vào tính kỷ luật và sự phối hợp hành quân rất chặt chẽ. Với hoàn cảnh ngày đây mai đó không dừng bước nơi nào lâu dài, người Mông Cổ không chú trọng vào việc học chữ mà ngay từ nhỏ đã chuyên tâm rèn luyện việc cưỡi ngựa, bắn cung. Đa số bộ tộc Mông Cổ theo “Bái vật giáo”, tức là về tâm linh vẫn còn sơ khai.

Bái vật giáo có thể định nghĩa là một loại bùa hộ mệnh nào đó hoặc một phép lạ. Bái vật giáo hình thành từ lúc loài người mới nhận biết Thượng đế và tổ chức thành tín ngưỡng. Bái vật giáo tin vào các thuộc tính siêu nhiên của vật thể tự nhiên như gốc cây cổ thụ, hòn đá có hình dáng kỳ quái, v.v... Bộ tộc Mông Cổ suốt đời sinh sống nơi hoang dã, tất nhiên rất dễ tin tưởng vào các biến chuyển hay hình dáng của vật thể tự nhiên, đó chính là Bái vật giáo.

Lúc đó bộ tộc của Dã Tốc Cai phải sống chung với một bộ tộc người Khiết Đan và một bộ tộc Mông Cổ tên là Thái Xích Ô. Cuộc sống của Thiết Mộc Chân có lẽ sẽ cũng như bao người khác nếu như không xảy ra sự cố lớn lao trong gia tộc, đó là việc thân phụ ông bị người Tác Ta (một bộ tộc Mông Cổ sinh sống mãi về phương Đông, gần với nước Nga hơn Trung Hoa) đầu độc vào năm 1167. Cái chết của Dã Tốc Cai biến bộ tộc của Thiết Mộc Chân trở thành đại loạn, mẹ của ông là Nguyệt Luân phu nhân phải lưu lạc hết sức gian khổ để nuôi dạy đùm bọc cho những đứa con vẫn đang bị bộ tộc Tác Ta truy sát “diệt cỏ tận gốc”. Đồng thời hai bộ tộc thân cận là Khiết Đan và Thái Xích Ô cũng bỏ đi càng khiến bốn mẹ con Thiết Mộc Chân bơ vơ không nơi nương tựa. Khi ấy Thiết Mộc Chân mới là đứa trẻ 13 tuổi, đã phải vất vả kiếm sống để giúp đỡ cho mẹ cùng với hai đứa em trai.

Thế nhưng sự việc không dừng ở đó, từng bước một hai bộ tộc Khiết Đan và Thái Xích ô cũng tìm cách bỏ rơi bốn mẹ con Thiết Mộc Chân với ý định đẩy họ vào cảnh tự nhiên bị tiêu diệt. Quả nhiên chẳng bao lâu sau người đứng đầu bộ tộc Thái Xích Ô triệu tập đại hội các bộ lạc Mông Cổ để bầu lên một vị *Hãn* mới.

Đương nhiên bộ tộc Thái Xích Ô đã sửa soạn sẵn sàng, lấy số đông áp đảo nên cuối cùng viên thủ lĩnh của bộ tộc ấy là Thập Nhĩ Hốt Đài được bầu

làm *Hãn*. Đây chẳng khác gì làm loạn bởi dòng dõi của Dã Tốc Cai vẫn còn sống, đáng ra Thiết Mộc Chân mới là người thừa kế ngôi vị của cha. Hai mẹ con Thiết Mộc Chân hết sức phẫn nộ nhưng không còn thủ hạ dưới tay, đành ôm hận chờ cơ hội.

Tháp Nhĩ Hốt Đài lên nắm quyền *Hãn* rồi lập tức tính đến việc giết luôn cả gia đình Thiết Mộc Chân, bất ngờ cho quân tấn công lều của mẹ con họ. May sao có một thủ hạ trung thành biết tin ấy, chạy đến báo trước nên bốn mẹ con mới kịp chạy thoát. Thế nhưng quân của Tháp Nhĩ Hốt Đài quyết truy đuổi đến cùng, bốn mẹ con Thiết Mộc Chân chui rúc từ cánh rừng này đến núi đá kia vẫn không sao thoát được sự truy đuổi của bọn chúng. Lúc ấy Thiết Mộc Chân mới 13 tuổi nhưng lâm vào tình trạng nguy, ông đã tỏ ra là người có trí tuệ, biết tính toán lợi hại. Thiết Mộc Chân liền một mình một ngựa chạy ra đường khác để thu hút sự truy đuổi, giúp cho mẹ và hai em có cơ hội thoát thân.

Cuối cùng sau mấy ngày đói khát, Thiết Mộc Chân bị bọn Thái Xích Ô bắt sống nhưng không giết ngay mà đưa về để cho toàn thể các thủ lĩnh bộ tộc quyết định xét xử. Lâm vào cảnh sống chết trong đường tơ kẽ tóc nhưng Thiết Mộc Chân vẫn không cam chịu đầu hàng số phận, ngay đêm ấy đã nhân cơ hội bọn canh gác lơ lửng liền lén trốn ra ngoài sa mạc. Thiết Mộc Chân may mắn được một người thủ hạ già giúp cho ngựa và lương thực cùng nước uống.

Hình như vận mệnh trời đất đã đặt định sẵn cho Thiết Mộc Chân trở thành một vị tướng lãnh tài ba và sau cùng là ngôi Hoàng đế của một đế quốc rộng lớn nên khi chạy đến dãy núi Cô Sơn thì gặp lại gia đình, tất cả cùng đồng ý kiến phải đến bằng được vùng núi Bất Nhi Hãn thì mới có thể tránh được tai mắt của bọn Thái Xích Ô. Nhờ rằng núi này rộng bao la, lại có suối

nước trong nên tạm thời gia đình của Thiết Mộc Chân ẩn trú, lấy việc chăn nuôi gia súc làm sinh kế hàng ngày.

Một ngày kia đàn ngựa quý như vàng của Thiết Mộc Chân bất ngờ bị lấy trộm. Ai nấy đều than thở và lo lắng cho tương lai nếu như không có đàn ngựa ấy. Lúc này mới thể hiện rõ lòng quyết tâm và can trường của Thiết Mộc Chân, chàng thanh niên lập tức dùng con ngựa duy nhất còn lại của gia đình, quyết đuổi theo bọn trộm đến cuối cùng trời đất mới thôi. Ông kiên nhẫn theo đuổi, không hề nghỉ ngơi, ăn trên lưng ngựa uống trên lưng ngựa luôn mấy ngày đêm mới bắt kịp bọn đã trộm ngựa.

Thiết Mộc Chân còn đang băn khoăn chưa biết phải làm sao thu hồi được số ngựa của mình thì tình cờ gặp được một thanh niên có vóc dáng hết sức oai phong. Hỏi thăm danh tánh thì mới biết đó chính là anh em họ xa của Thiết Mộc Chân tên là Bác Nhĩ Thuật. Nhờ sự trợ giúp của Bác Nhĩ Thuật, Thiết Mộc Chân đoạt lại được số ngựa nhưng không đủ sức tiêu diệt hết bọn trộm ngựa, trong lòng vẫn chưa thấy thỏa mãn.

Thời gian trôi qua rất nhanh, chẳng bao lâu cả ba anh em Thiết Mộc Chân đã trở thành những dũng sĩ can trường, các môn cưỡi ngựa bắn cung đều tài ba hơn người. Vào khoảng năm 1174, tuy sử sách không ghi lại chính xác nhưng theo khẩu truyền thì năm ấy Nguyệt Luân phu nhân quyết định cuộc hôn nhân cho Thiết Mộc Chân và Bôi Nhi Thiếp, con của một bộ tộc Ôn Cát Lạp Mông Cổ. Có lẽ đây là quyết định thiên về chính trị chứ không hẳn chỉ quan tâm đến hôn nhân bởi nếu thành công thì gia đình của bà sẽ có lực lượng tiếp trợ mỗi khi cần đến. Thiết Mộc Chân đang ôm mối thù giết cha, không hề vui vẻ với quyết định này nhưng vẫn tuân theo bởi vì ông cũng biết cái lợi khi cùng liên kết với bộ tộc Ôn Cát Lạp.

Trước khi Thiết Mộc Chân sinh ra thì vào năm 1115, bộ tộc người Nữ

Chân phát khởi thành một quốc gia hùng mạnh, dưới sự lãnh đạo tài ba của Hoàn Nhan Mân, quân Kim đã chiếm một phần lãnh thổ Trung Hoa và xây dựng nên chính quyền nhà Kim, tự xưng là Thái tổ, đóng đô ở Trung Đô. Đến thời điểm Thiết Mộc Chân đã là thanh niên cường tráng với nhiều ý chí báo thù thì nhà Kim đã sang mấy đời, truyền đến Kim Thế tông Hoàn Nhan Ung. Sự thành công của người Nữ Chân thôi thúc Thiết Mộc Chân cũng muốn đạt thành đại nghiệp như vậy nên bắt đầu bằng việc muốn tìm viên Đại Hãn trước kia là Cáp Bất Cần, nhờ ông ta trợ giúp. Một phần vì Cáp Bất Cần cũng nuôi mối thù với người Kim bởi đã có một lần ông ta bị người Kim xúi bẩy bộ tộc Tác Ta ám sát nhưng bất thành. Cả hai đều có mối hận thù chung là bộ tộc Tác Ta, vì vậy Thiết Mộc Chân hy vọng sẽ thành công.

Thế nhưng Cáp Bất Cần đã quá già yếu, không còn tham vọng gì nữa, bắt đắ dĩ Thiết Mộc Chân phải chịu lụy đến xin Thoát Lý, lúc ấy đang là quốc vương của một nước nhỏ tên là Khắc Liệt. Người Khắc Liệt là bộ tộc Đột Quyết, rất gan dạ và dũng cảm nhưng không thể liên kết lâu dài với họ được. Tiếc rằng Thoát Lý không đồng ý, quên hẳn tình xưa nghĩa cũ của Dã Tốc Cai nên bao nhiêu hoài bão muốn phục hồi lực lượng của bộ tộc mình đều thất bại.

Đang lúc Thiết Mộc Chân lúng túng thì lại có tai họa xảy đến, bộ tộc Miệt Lý Cát bất ngờ tiến đánh và bắt vợ của Thiết Mộc Chân đi mất. Lần này không còn đường nào khác, Thiết Mộc Chân lại phải đến vương quốc Khắc Liệt cầu cứu Thoát Lý. Chẳng ngờ Thoát Lý cũng đang có mối thù với bộ tộc Miệt Lý Cát, nhận lời ngay nhưng yêu cầu phải có người của bộ tộc đứng ra cầm đầu. Do vậy Thiết Mộc Chân cùng với người bạn Bác Nhĩ Thuật đến đề nghị với Trác Mộc Hợp.

Sau khi dàn xếp xong, đại quân của mấy bộ tộc lập tức tiến đến đại bản

doanh của bộ tộc Miệt Lý Cát. Bây giờ Thiết Mộc Chân đã hết sức chín chắn chứ không nôn nóng như ngày trước, vận dụng trí tuệ ra dùng mưu kế đánh úp bất ngờ vào nửa đêm khiến cho bộ tộc Miệt Lý Cát trở tay không kịp, bị đánh tan tành, cứu được người vợ Bôi Nhi Thiếp.

Khi dẫn đoàn quân khai hoàn trở về, Thiết Mộc Chân liền cùng với Trác Mộc Hợp kết nghĩa anh em, từ đó thế lực của chàng mỗi ngày càng phát triển. Với hùng tài đại lược của Thiết Mộc Chân, chẳng bao lâu ông đã có dưới tay rất nhiều dũng sĩ được huấn luyện theo bài bản chứ không ô hợp như quân của Trác Mộc Hợp. Tiếc rằng “một nước không có hai vua, một rừng không có hai cọp”, khi Thiết Mộc Chân đã có trong tay lực lượng hùng hậu thì nảy sinh vấn đề ai sẽ là người được bầu lên chức *Hãn* đây? Vì đã là anh em không tiện đấu đá, cuối cùng Thiết Mộc Chân và Trác Mộc Hợp quyết định chia ra làm hai lực lượng khác nhau, mỗi người chiếm cứ một vùng. Thiết Mộc Chân cởi bỏ được sự ràng buộc rồi bắt đầu tiến hành việc chiêu mộ nhân tài, chỉ hơn ba năm sau đã có trong tay gần 5 vạn người, còn lớn mạnh hơn cả khi thân phụ của ông là Dã Tốc Cai cầm đầu.

Sau mấy năm nữa lực lượng của Thiết Mộc Chân càng phát triển nhưng ông đối xử với quân tướng giống như là anh em, ai ai cũng vừa kính phục vừa mến mộ. Với thanh thế ấy, chẳng bao lâu Thiết Mộc Chân đã được mọi người tin tưởng, bầu lên làm *Khả Hãn*.

Khác với mọi *Khả Hãn* của Mông Cổ, ngay khi chính danh, Thiết Mộc Chân đã nghĩ tới việc xây dựng một chính quyền đầy đủ các chức vụ giống như triều Kim của người Nữ Chân. Ông sắp đặt người có tài về hành chính làm quan giống như chức Thừa tướng của Trung Hoa, còn người có dũng khí và can trường đều được phong làm tướng, có quân đội riêng, tất cả đều dưới sự xem xét của Thiết Mộc Chân, nếu ông đi vắng thì có người bạn thân thiết

từ thuở nhỏ là Bác Nhĩ Thuật thay thế.

Thế nhưng Thiết Mộc Chân không ngờ tai họa lại đến từ những người thân của mình. Trong một cuộc tranh chấp đồng cỏ, người của ông lỡ tay giết chết em của Trác Mộc Hợp nên ông ta hết sức tức giận, âm thầm liên kết với hơn 10 bộ tộc, trong đó có cả bộ tộc Tác Ta, tiến đánh Thiết Mộc Chân.

Đến đây mới nhận thấy tài năng chinh chiến của Thiết Mộc Chân hơn người. Tuy bị đánh bất ngờ nhưng ông vẫn mau chóng chia quân ra làm nhiều cánh, mỗi cánh chống với mỗi bộ tộc. Vì lực lượng liên quân quá hùng hậu, Thiết Mộc Chân đành phải rút lui nhiều lần để bảo toàn lực lượng. Thật ra ông đã có ý riêng bởi vì Trác Mộc Hợp quá nôn nóng đuổi theo nên bỏ quên đi việc tiếp vận lương thảo, mấy ngày sau quân binh đều đói khát mệt mỏi.

Nhìn ra được điểm yếu của đối phương, Thiết Mộc Chân bất ngờ tập hợp quân sĩ tấn công, đánh tan đoàn quân ô hợp của Trác Mộc Hợp, bắt sống hơn 3000 tù binh.

Đến đây rẽ qua một khúc quanh mới, khi bàn tính với số tù binh bắt được, Bác Nhĩ Thuật nghiêm mặt nói:

– Giữ bọn chúng thì tốn kém mà chiêu hàng thì không thể chắc chắn chúng sẽ phản bội lúc nào. Thêm vào đó, nếu muốn lập được đại nghiệp thì không nên nghĩ tới nhân nghĩa, Đại Hãn nên giết sạch bọn chúng để thị uy. Sau này tất không còn tên nào dám chống đối nữa. Đó là kế sách “Đả thảo kinh xà” của người Trung Hoa làm cho đối phương phải mất hết tinh thần chiến đấu.

Thiết Mộc Chân nghe theo, ngày hôm sau ban bố lệnh: “Bất cứ ai dám chống lại Khả Hãn Thiết Mộc Chân đều bị xử tử không tha”. Sau đó toàn bộ số tù binh bị giết sạch. Quả nhiên sau đó lập tức có hai bộ tộc nhỏ đến xin

qui hàng, càng làm cho thanh thế của Thiết Mộc Chân lừng lẫy. Trung thành với chiến lược này, không ít lần đoàn quân Mông Cổ trước khi tiến đánh một thành nào đều tuyên bố nếu đầu hàng thì sẽ tha mạng, bằng chống cự sẽ giết không còn một con gà con chó. Suốt trong thời gian chinh chiến khắp Đông, Tây, quân đội Mông Cổ đều thi hành mệnh lệnh này một cách nghiêm khắc khiến ai nghe thấy cũng phải rùng mình kinh sợ. Tuy việc này quá tàn nhẫn nhưng xét lại đúng là đòn “tâm lý chiến” hết sức lợi hại.

Thời cơ đưa đến rất thuận lợi, khi Chương tông Hoàn Nhan Cảnh của triều Kim lên ngôi thì gặp rất nhiều khó khăn do việc người Tống vẫn kiên trì chống cự. Đang phải lo về mặt phía nam thì bộ tộc Tác Ta lại nhân cơ hội quấy phá nên Chương tông bèn sai Thừa tướng Hoàn Nhan Tương đến liên kết cùng với vương quốc Khắc Liệt và lực lượng của Thiết Mộc Chân. Dĩ nhiên Thiết Mộc Chân mừng rỡ bằng lòng ngay vì đây chính là lần đầu tiên có cơ hội báo thù rửa hận cho cha.

Ba cánh quân của Khắc Liệt, triều Kim và của Thiết Mộc Chân đồng loạt tấn công dữ dội. Bộ tộc Tác Ta hết sức thiện chiến nhưng vẫn không thể đối đầu với lực lượng hùng hậu như vậy, viên thủ lĩnh bị bắt giết tại trận, bao nhiêu tài vật đều chia cho ba cánh quân, chỉ còn lại một số ít chạy thoát. Kể từ đó thế lực của bộ tộc Tác Ta không còn đáng kể nữa.

Nhờ vào chiến thắng này, Thoát Lý chính thức được triều Kim công nhận là vua của vương quốc Khắc Liệt và Thiết Mộc Chân được phong một chức quan võ trong triều đình nhà Kim. Thừa thắng, trên đường trở về Thiết Mộc Chân tiêu diệt thêm hàng chục bộ tộc nữa. Một bộ tộc nhỏ tên là Trát Thích Xích Nhi nghe tin Thiết Mộc Chân đang tiến quân thì liền ra qui thuận, được ông vui vẻ chấp nhận, dùng dũng sĩ Mộc Lê Hoa của bộ tộc ấy làm quan thân cận cho mình. Về sau này Mộc Lê Hoa cũng đạt được nhiều chiến công hiển

hách, là một trong những tướng soái trụ cột của Mông Cổ.

Mấy năm sau vương quốc Khắc Liệt có nội loạn, Thoát Lý phải chạy sang cầu cứu Thiết Mộc Chân. Từ đó hai thế lực này liên kết với nhau càng làm cho sức mạnh thêm hùng hậu. Tiếc rằng Thoát Lý không giữ được lòng đố kỵ, khi cùng với Thiết Mộc Chân đi chinh phạt bộ tộc Nãi Man, lúc về đã lạng lẽ chiếm lấy số lớn của cải rồi bỏ đi đường khác. Chẳng ngờ tàn quân Nãi Man tập hợp lại được, không dám đánh với Thiết Mộc Chân mà đuổi theo Thoát Lý, rốt cuộc ông ta quá tham thành hại, tơi tả chạy về chẳng còn tài vật nào trong tay.

Nhân đà thắng lợi liên tiếp, Thiết Mộc Chân tính sổ với bộ tộc Thái Xích Ô và giết chết thủ lĩnh của họ, tiêu diệt hơn một nửa bộ tộc Thái Xích Ô. Chưa kịp nghỉ ngơi thì Thiết Mộc Chân lại phải đối phó với âm mưu của Trác Mộc Hợp. Hẳn chưa thể nào quên được mối thù ngày trước, tìm đến tàn quân của các bộ tộc, liên kết lại rồi dẫn đại quân tấn công.

Lần này Thiết Mộc Chân phải liên kết với Thoát Lý bởi Trác Mộc Hợp có đến hơn 5 vạn quân mã. Trận chiến nổ ra hết sức hung hãn bởi đôi bên đều dựa vào kỵ binh, lại biết nhau quá rõ, vì vậy giằng dai mãi đến chiều tối quân của Thiết Mộc Chân mới thủ thắng, đáng lẽ trời đã tối thì nên cho quân nghỉ ngơi nhưng Thiết Mộc Chân vẫn trung thành với lối đánh của mình, tức là đã đánh thì phải đánh đến khi tận tuyệt mới thôi. Thế nhưng cũng chính vì đêm tối mà Thiết Mộc Chân không thể thấy rõ đường lối, bị trúng tên suýt mất mạng.

Mũi tên này là do một “thần tiễn” dưới trướng Trác Mộc Hợp bắn ra, dũng sĩ đó tên là Hạt A Tịch. Sau khi trời sáng chính Hạt A Tịch đến đầu hàng quân của Thiết Mộc Chân. Ông rất khen ngợi tài bắn cung của Hạt A Tịch, lấy lời phủ dụ và đổi tên thành Triết Biệt, tiếng Mông Cổ có nghĩa là

“Thần tiên”. Sau này Triết Biệt lại là một viên tướng đặc lực nhất của Thiết Mộc Chân, đã từng chinh chiến cả Trung Hoa, Trung Âu và Trung Á, nhưng lại chết trước khi dẫn quân tiến đánh một vương quốc nhỏ tên là Hoa Thích Tử Mô. Cái chết của Triết Biệt là đòn mạnh đánh vào sự kiêu hãnh của Thành Cát Tư Hãn. Trước đó một danh tướng kiêm mưu sĩ của Thành Cát Tư Hãn là Mộc Lê Hoa cũng tử trận khi tiến đánh quân kháng chiến của con trai Mô Hãn Mặc Đức ở Y Lạp Khắc. Nhưng cũng có giả thuyết cho rằng về sau Mộc Lê Hoa không đồng chính kiến với Thành Cát Tư Hãn và bị ông ta giết chết.

Bất cứ vì nguyên nhân nào, cái chết của Mộc Lê Hoa, Triết Biệt và người con trưởng của Thành Cát Tư Hãn là Thuật Xích cũng đã khiến cho vị tướng bách chiến bách thắng này suy sụp tinh thần, cộng với sức lực suy yếu sau nhiều năm sương gió nơi chiến trường đã kết thúc cuộc đời vị Hoàng đế mà toàn thế giới ai nghe đến tên cũng phải kinh sợ.

Vào năm 1203, một lần nữa người anh em kết nghĩa Trác Mộc Hợp lại xúi giục Thoát Lý cùng mình hợp quân tấn công Thiết Mộc Chân. Tuy lần này ông phải rất vất vả đối phó nhưng sau cùng với tài cầm quân quyền biến và có nhiều danh tướng tài dưới tay, vẫn đánh bại được liên quân của họ, giết chết Thoát Lý rồi thừa thắng tiêu diệt luôn vương quốc Khắc Liệt. Còn Trác Mộc Hợp thì chạy đến bộ tộc Nãi Man nương nhờ.

Khi Thoát Lý chết rồi, người bạn của ông ta là Trác Hốt Nan, một đại tướng của bộ tộc Nãi Man quyết định hưng binh báo thù. Biết rằng quân của Thiết Mộc Chân rất hùng hậu, Trác Hốt Nan liền đến vương quốc Uông Cổ xin hợp quân. Tuy vương quốc này ở sát với biên cương Trung Hoa nhưng nguồn gốc vẫn là người Mông Cổ, nghe đề nghị liền trở mặt bắt trói Trác Hốt Nan giải giao cho Thiết Mộc Chân xét xử.

Nhân cơ ấy Thiết Mộc Chân liền quyết định ra quân tiêu diệt luôn bộ tộc Nãi Man, sai Triết Biệt và Hốt Tất Liệt làm tướng tiên phong. Đóng trại xong, Mộc Hoa Lê dâng kế “hư trương thanh thế” mỗi quân binh phụ trách đốt mấy đồng lửa khiến quân tướng Nãi Man nhìn thấy đều tỏ vẻ khiếp sợ. Không những thế, cứ đêm tới là quân của Thiết Mộc Chân nổi lửa sáng rực, người ngựa nhốn nháo giống như sắp tiến đánh, sau đó chợt im lặng không còn động tĩnh gì nữa.

Đêm nào cũng thế khiến quân tướng Nãi Man canh phòng rất mệt mỏi. Đúng lúc quân Nãi Man bất ngờ nhất, quân Mông Cổ đột ngột ào ào tiến đánh, đến chiều tối đã dồn được toàn quân Nãi Man rút lên núi cố thủ. Khả Hãn của Nãi Man là Thái Dương cho rằng thế nào quân Mông Cổ cũng phải nghỉ ngơi đến sáng mới tiếp tục đánh nên chẳng đề phòng chút nào. Đột ngột giữa đêm khuya quân Mông Cổ âm thầm theo từng góc núi tiến lên, cứ vậy mà chém giết chứ không reo hò như mọi khi.

Trận này Thiết Mộc Chân dùng kỳ binh rất thần diệu nên hoàn toàn đại thắng, bắt sống được cả gia quyến Thái Dương đem chém đầu. Thế là hầu hết các bộ tộc ít người vùng phía bắc đã bị sát nhập vào lực lượng của Thiết Mộc Chân, còn lại một ít lui vào rừng núi ẩn trốn, không đáng kể. Đó là vào năm 1206.

Sau đó Trác Mộc Hợp bị các tùy tướng bắt giao nộp cho Thiết Mộc Chân. Ông bèn tha chết cho người anh em đã kết nghĩa ngày nào, chém đầu bằng hết bọn phản tướng. Trác Mộc Hợp vô cùng hối hận không muốn sống nữa nên Thiết Mộc Chân ban cho ông ta chết toàn thây. Khi đã không còn đối thủ nữa, vào tháng 4 năm 1206, Thiết Mộc Chân liền theo chế độ quân chủ của Trung Hoa, ban bố chiếu lệnh rồi lên ngôi tự xưng là Nguyên Thái tổ, hiệu danh Thành Cát Tư Hãn, tức là “Vị Hoàng đế lớn nhất thiên hạ”.

Thành Cát Tư Hãn cho đóng đô ở dưới chân núi Hòa Lâm và cũng từ đây cái tên Thiết Mộc Chân không bao giờ được người ta nhắc tới nữa.

Đại nghiệp đã được dựng lên nhưng đối với Thành Cát Tư Hãn thì đời con người chán ngán nhất là phải ngồi chơi, không được ra chiến trận. Vì vậy sau khi bàn bạc cùng quần thần, ông quyết định tiến đánh Tây Hạ, mở đầu cho tham vọng chiếm toàn thế giới.

Khi ấy Tây Hạ đã là một cường quốc với nhiều thành lũy kiên cố, tướng sĩ cũng anh hùng nhưng người đứng đầu là Bất Hãn lại không có tài năng gì, chỉ lo ăn chơi khoái lạc. Khi nghe tin Thành Cát Tư Hãn kéo quân tiến đánh, quốc vương Bất Hãn đã định đầu hàng để giữ địa vị nhưng quần thần nhất quyết tâu xin lấy hơi thở cuối cùng ra bảo vệ non sông, bất đắc dĩ phải bằng lòng mà hết sức lo lắng.

Nhờ vào sự quyết tâm, thành Trung Hưng của kinh đô Tây Hạ lại được xây dựng vô cùng kiên cố nên quân dân Tây Hạ chống chọi với đoàn kỵ binh khủng khiếp của nhà Nguyên được mấy tháng. Sau cùng Thành Cát Tư Hãn phải dùng đến mưu trí, sai quân phá một đoạn đê điều trên sông Hoàng Hà. Thế nhưng chính nước ngập lại làm cho đoàn kỵ binh Mông Cổ không thể tiến được, đành phải rút lui. Tuy không chiếm được kinh đô đối phương nhưng trận này Thành Cát Tư Hãn cũng khiến cho đất nước Tây Hạ lâm vào cảnh suy yếu, nhân dân đói khổ oán thán khôn xiết. Đây là lần chinh phạt Tây Hạ thứ nhất.

Quốc vương Bất Hãn phải nghe những lời oán thán ấy không hề tức giận người Mông Cổ mà lại đổ hết căn thù lên đầu người Kim. Hóa ra Tây Hạ và Kim đã có ký kết hòa ước, bất cứ bên nào lâm nguy thì bên kia phải đưa quân tới giúp. Thế mà quân Mông Cổ bao vây thành Trung Hưng hơn một tháng vẫn không hề thấy bóng dáng của quân đội triều Kim đâu. Từ sự tức

giận này, Bất Hân sai sứ giả sang triều Nguyên thuyết phục Thành Cát Tư Hân đánh nước Kim, Tây Hạ sẽ thần phục cho quân tiếp trợ.

Quả là cơ hội rất tốt cho Thành Cát Tư Hân, lại càng tốt hơn ngay khi ấy có sứ giả nước Kim đến báo tin triều đình đã có Hoàng đế mới. Nguyên vào năm 1209, Kim Chương tông Hoàn Nhan Cảnh qua đời, nối ngôi là Hoàn Nhan Vĩnh Tế. Vĩnh Tế không xưng Đế như các đời khác mà xưng hiệu là Vệ Thiệu vương, là một người bất tài vô tướng, không được quân tướng tin tưởng nhưng lại hết sức kiêu ngạo, ngông cuồng vô lối. Thành Cát Tư Hân chưa kịp động binh thì Vệ Thiệu vương Vĩnh Tế đã biết tin, lập tức sai quân đánh phủ đầu Mông Cổ. Đại quân của triều Kim do hai Đại tướng là Thông Cát Thiên và Gia Nỗ Hoàn chỉ huy, dẫn đến 3 vạn quân vượt qua biên cương Mông, Kim.

Thành Cát Tư Hân hết sức tức giận, đưa ra chiến thuật tốc chiến tốc thắng, sai ba anh em Thuật Xích dẫn quân đánh ngay khi quân Kim chưa kịp hạ trại. Kết quả là quân Kim đại bại, chết quá nửa, phải rút lui rồi dựng chiến lũy ở Ô Sa cổ thủ. Thành Cát Tư Hân thừa thế thắng trận, đích thân dẫn đại quân tiến đánh thành Tây Kinh của nước Kim. Tuy thành này còn kiên cố hơn thành Trung Hưng của Tây Hạ nhưng không quyết tâm chống giữ nên chỉ mấy ngày sau đã thất thủ.

Quân đội triều Kim phải rút về ải Thụy Bình, Thành Cát Tư Hân cũng không buông tha, kéo đại quân đến đó bày trận. Nhờ vào sự đầu hàng của một tướng Kim, quân Mông Cổ chiếm được cửa ải này rất dễ dàng. Với chiến thuật đánh tới cùng, Thành Cát Tư Hân không để quân tướng nghỉ ngơi, quyết định chia quân ra làm hai đạo, một tiến đánh Đông Đô, một do mình chỉ huy kéo rốc đến Trung Đô, là kinh thành của triều Kim uy hiếp. Vệ Thiệu vương Vĩnh Tế nghe tin địch quân bao vây thành không hề biến sắc mặt, sai

Đại tướng Hồ Sa Hổ chỉ huy chống giữ, còn mình thì tiếp tục ăn chơi sa đọa.

Quân triều Kim chống đỡ cũng rất kiên cường nhưng khi nghe tin Đông Đô đã bị Mông Cổ chiếm lập tức biến thành hoảng loạn, ai nấy đều oán giận Vĩnh Tế. Đại tướng Hồ Sa Hổ liền lập mưu giết chết Vĩnh Tế, tôn phò Hoàng Nhan Tuân lên nối ngôi Hoàng đế nước Kim, xưng hiệu là Kim Tuyên tông. Vị Hoàng đế này còn trẻ tuổi non gan nên quyết định hiến dâng một số tài vật cùng với Công chúa yêu thương nhất cho Thành Cát Tư Hãn để cầu hòa.

Khi ấy Thành Cát Tư Hãn vẫn canh cánh điều nhục nhã là không hạ được thành Trung Hưng, lập tức chấp thuận rút quân tính đến việc đánh Tây Hạ cho bỏ giận. Khi đại quân Mông Cổ rút lui rồi, Kim Tuyên tông Hoàng Nhan Tuân vẫn chưa hết sợ hãi, vội vàng cho thiên đô về Biện Kinh, lấy cố Trung Đô quá gần với Mông Cổ khó đề phòng. Chẳng ngờ việc này làm cho Thành Cát Tư Hãn nổi cơn lôi đình, sửa soạn chia quân làm hai đạo cùng lúc tiến đánh Trung Đô lẫn Biện Kinh.

Đoàn quân đánh Trung Đô do danh tướng Mộc Lê Hoa chỉ huy chỉ trong một trận đã chiếm được thành, một phần là do Thái tử nước Kim quá tệ hại trong việc chống giữ. Mộc Lê Hoa còn bắt sống được Gia Luật Sở Tài, một mưu sĩ kiêm chính trị gia nổi tiếng của Tây Hạ. Nguyên Gia Luật Sở Tài là hoàng thân của nước Liêu nhưng khi nhà Liêu không còn nữa thì ông phục vụ dưới triều Kim, rất được Hoàng đế triều Kim tin tưởng. Tuy dòng dõi là người phương bắc nhưng Gia Luật Sở Tài chẳng khác gì người Trung Hoa, rất thông thạo Thư, Thi cùng với thiên văn địa lý, binh pháp chính trị, không môn học thuật nào không biết. Khi bị bắt, Gia Luật Sở Tài liền xin theo Thành Cát Tư Hãn làm mưu sĩ.

Thế nhưng đạo quân của Thành Cát Tư Hãn lại không sao vượt nổi Đồng Quan để đến Biện Kinh bởi thành lũy quá chắc chắn và quân Kim bị dồn vào

tử địa chống trả hết sức kiên cường. Thành Cát Tư Hãn rất khâm phục tài năng của Mộc Lê Hoa, phong cho ông tước Vương để chỉ huy ba quân tiến đánh phía nam nước Kim. Mộc Lê Hoa quả là tướng tài, chỉ trong vòng mấy tháng đã hạ được hơn 30 thành trì, làm cho quân Kim nghe đến tên đã kinh hồn bạt vía.

Khi đã giao trách nhiệm cho Mộc Lê Hoa, Thành Cát Tư Hãn tiến quân về phía tây. Khi ấy con trai của Thái Dương xứ Nãi Man là Khuất Xuất Luật chạy thoát đến vương quốc Hoa Thích Tử Mô. Hãn ngon ngọt thuyết phục được quốc vương xứ ấy là Mô Hãn Mặc Đức tấn công Tây Liêu mở rộng biên cương. Khi tiêu diệt xong Tây Liêu rồi, Mô Hãn Mặc Đức phong cho Khuất Xuất Luật làm Quốc vương. Thành Cát Tư Hãn nghe tin này lập tức phái tướng Triết Biệt dẫn một vạn binh mã tiến đánh Tây Liêu, chưa đầy một tháng đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, lại giết chết luôn Khuất Xuất Luật.

Không bao giờ ngồi yên một chỗ, tiếp đến Thành Cát Tư Hãn dẫn quân trừng trị Hoa Thích Tử Mô. Lúc đó là năm 1219 tức ông đã hơn 50 tuổi nhưng vẫn còn mạnh khỏe hơn người. Thế nhưng theo đề nghị trước kia của Tây Hạ, Thành Cát Tư Hãn sai sứ giả đến đề nghị tăng viện thêm quân thì Tây Hạ từ chối, ông càng thêm tức giận nhưng đành phải gác lại vì đang đi đánh Hoa Thích Tử Mô.

Quân binh Hoa Thích Tử Mô cũng dũng cảm kiên cường nên nhiều lần công thành đều thất bại. Thành Cát Tư Hãn liền áp dụng chiến thuật mà mình đã suy nghĩ từ lâu, đó là không đánh thẳng vào mục tiêu khó chịu. Ông sai hai con là Oa Khoát Đài và Sát Hợp Đài ở lại tiếp tục công thành đồng thời chia ra ba đạo quân độc lập, mỗi đạo do một viên tướng chỉ huy tiến đánh một thành chung quanh kinh đô của Hoa Thích Tử Mô. Do vậy kinh thành không còn tiếp tế, cả dân lẫn quân đều đại loạn, cuối cùng đành phải mở cửa

đầu hàng. Sau này Thành Cát Tư Hãn rất thường áp dụng chiến thuật này nếu có thành nào quá khó tấn công, tiêu diệt toàn bộ các thành trước sau và chung quanh tất sẽ đưa đối phương vào chỗ cô lập, chẳng bao lâu sẽ tự đầu hàng hay là đánh chiếm cũng dễ dàng hơn.

Tuy đã chiếm hầu hết các thành của vương quốc Hoa Thích Tử Mô nhưng quốc vương Mô Hãn Mặc Đức vẫn chạy thoát, Thành Cát Tư Hãn quyết không bỏ cuộc, cho quân truy sát tận tuyệt. Cuối cùng Mô Hãn Mặc Đức phải xuống thuyền chạy ra một hòn đảo ngoài Lý Hải rồi chết ở đó. Quân Mông Cổ rất thiện nghệ kỵ binh nhưng về chiến thuyền hoàn toàn không dự bị, đành phải nhìn Mô Hãn Mặc Đức trốn thoát.

Thừa thế đang tiến quân không ai địch nổi, Thành Cát Tư Hãn còn tiêu diệt luôn cả Tây Vực rồi toan tính tiến sang biên giới với Ấn Độ vì cho rằng đó là đất nước giàu có bậc nhất, nhiều vàng bạc tơ lụa cùng phụ nữ xinh đẹp. May nhờ có Gia Luật Sở Tài đi theo quân ngỏ lời ngăn cản, Thành Cát Tư Hãn mới chịu kéo quân về nước.

Thấy đất đai đã quá rộng lớn, Thành Cát Tư Hãn liền giao nước Hoa Thích Tử Mô cho Sát Hợp Đài; phần đất phía đông Mông Cổ giao cho Oa Khoát Đài; vùng cao nguyên thì giao cho Đà Lô. Sau này chính Đà Lô là người kế vị tạm thời khi Thành Cát Tư Hãn mất. Riêng người con trưởng là Thuật Xích nhiều lần chống đối không theo quân lệnh của phụ hoàng nên Thành Cát giáng xuống làm lính, sau đó chết trong một trận công thành của địch. Thành Cát Tư Hãn hết sức thương xót, cho mai táng theo thể thức hoàng gia Mông Cổ nhưng không vì thế mà để sai quân lệnh bao giờ.

Bấy giờ Thành Cát Tư Hãn đã 71 tuổi, cảm thấy rất mệt mỏi, sức lực suy yếu dần nên tạm thời trở về kinh đô Hắc Lâm triều Nguyên tịnh dưỡng. Thế nhưng chỉ vài năm sau, ông lại xuống lệnh phải tiêu diệt Tây Hạ bằng được.

Có lẽ trước khi chết ông muốn hoàn thành tâm nguyện của mình chăng? Lúc ấy là thời điểm Tây Hạ đang xuống dốc nên không thể chống nổi với đoàn quân dũng mãnh của Thành Cát Tư Hãn, chẳng bao lâu vó ngựa Mông Cổ đã đến chân thành Linh châu và dễ dàng đánh chiếm. Tiếp tục cuộc chinh phục, đoàn quân Mông Cổ một lần nữa vượt sông tấn công kinh thành Trung Hưng, đồng thời chia quân ra uy hiếp Nam Kinh.

Quân Mông Cổ tiến như chẻ tre, đến đâu chiến thắng đến đó nhưng riêng Thành Cát Tư Hãn lại cảm thấy như bệnh cũ tái phát, phải để Đà Lôi phụ trách tấn công Trung Hưng. Tuy thành này chưa bị chiếm nhưng vua tôi Tây Hạ đã quá kinh sợ, liền sai sứ giả đến cầu hòa. Đang lúc mỏi mệt, Thành Cát Tư Hãn lập tức chấp thuận, rút quân về tới Lục Bàn sơn ở Linh châu thì mất. Tuy nhiên Thành Cát Tư Hãn vẫn còn kịp trăng chối cho Đà Lôi tạm thời phụ trách ngôi vị Hoàng đế triều Nguyên. Đó là vào năm 1227. Trước khi nhắm mắt, Thánh Cát Tư Hãn còn cố gượng sức nói với Đà Lôi phải tiêu diệt Tây Hạ bằng mọi giá thì chết mới yên lòng đồng thời cũng ước mong tiêu diệt được Nam Tống, hoàn thành giấc mộng “đế vương trên tất cả các đế vương” của mình.

Đà Lôi theo di mệnh nắm quyền giám quốc nhưng không thể giao lại cho ai bởi nội bộ Mông Cổ xảy ra rối loạn. Mãi cho đến năm 1229 thì Đà Lôi mới giao lại cho người con thứ ba là Bột Nhi Chỉ Cân Oa Khoát Đài, xưng hiệu là Nguyên Thái tông.

Đế quốc Mông Cổ tưởng như rất vững chắc, thế mà sau khi Thành Cát Tư Hãn chết lại nổ ra nhiều cuộc tranh giành địa vị. Oa Khoát Đài và Mông Kha tuân theo lời trăng trối, chia đại quân ra làm 3 mặt đánh chiếm Nam Tống. Trong một trận đánh bị trúng tên tử trận. Mông Kha lên nối ngôi xưng hiệu là Nguyên Hiến tông nhưng vẫn trung thành với lời trăng trối của Thành

Cát Tư Hãn, tự thân đem quân tấn công Hợp châu, tức là đi đường vòng tấn công mặt sau Nam Tống.

Quân Mông Cổ chia làm 4 lộ: một tấn công Ngạc châu và Kinh sơn; một tấn công Đàm châu; một tiến đánh Hải châu; còn lại do chính Mông Kha chỉ huy tấn công Tứ Xuyên. Cánh quân do Mông Kha chỉ huy tiến như chẻ tre, chưa tới một năm đã chinh phục được một vùng đất rộng lớn là Xuyên Tây, Xuyên Bắc và Xuyên Trung. Thế nhưng khi đến Hợp châu thì phải dừng chân. Do vì thành Hợp châu nằm ở dưới chân núi Điều Ngư ba mặt đều là sông nước rất bất lợi cho kỵ binh Mông Cổ. Tướng Vương Kiên dựa vào địa thế hiểm trở này mà chống cự khiến Mông Kha nhiều lần tấn công mà không thể hạ nổi.

Thấy kéo dài đã lâu, quân tướng Mông Cổ không hợp thủy thổ bệnh tật chết rất nhiều, các tướng dưới quyền khuyên Mông Kha tạm rút binh. Nhưng Mông Kha quyết hoàn thành tâm nguyện cho Thành Cát Tư Hãn, một đêm vào năm 1259 sai Đại tướng Uông Đức Thần tấn công quyết liệt. Tiếc rằng quân dân Hợp châu cũng anh dũng không kém nên vẫn giữ vững được thành. Uông Đức Thần sợ bị tội với Mông Kha, ngày hôm sau đổi chiến thuật đến chân thành thuyết phục đối phương đầu hàng, bất ngờ bị đá trên thành bắn xuống chết tại chỗ.

Mông Kha hết sức tức giận, tự mình cầm quân tấn công nhưng rốt cuộc cũng bị trúng tên mà chết. Khi ấy Hốt Tất Liệt đang đóng quân ở Ngạc châu, cấp tốc đem binh về Khai Bình chiếm lấy ngôi Hoàng đế, xưng hiệu là Nguyên Thế tổ. Dưới thời Hốt Tất Liệt quân Mông Cổ mới hoàn toàn cai trị Trung nguyên, hoàn thành tham vọng của Thành Cát Tư Hãn.

Thành Cát Tư Hãn được nhắc đến như là một vị tướng soái tài ba chứ ít ai nghĩ ông là Hoàng đế của một triều đại kéo dài từ năm 1206 cho đến 1368

mới diệt vong, rơi vào tay Chu Nguyên Chương. Cả cuộc đời ông toàn là chinh chiến, rày đây mai đó, tưởng như chỉ biết có chiến trận mà thôi. Thật sự khi đã lên ngôi Hoàng đế rồi, Thành Cát Tư Hãn cũng có suy nghĩ về tâm linh nên đã có lần mời một vị Chân sư là Khâu Xứ Cơ đến doanh trại của mình để nghe giảng đạo. Khâu Xứ Cơ là tên thật, đạo hiệu là Trường Xuân Chân nhân hay Trường Xuân tử, theo giáo phái Toàn Chân ở Trung Hoa.

Đó là vào năm 1219, khi đang ở Trung Đô, Thành Cát Tư Hãn đặc biệt sai sứ giả đến mời Khâu Xứ Cơ đến giảng đạo cho mình. Trước đó Kim Thế tông Hoàn Nhan Ung cũng đã mấy lần mời ông đến Trung Đô giảng đạo cho triều thần. Việc Thành Cát Tư Hãn triệu mời Trường Xuân Chân nhân gây nhiều thắc mắc trong giới nghiên cứu bởi vì hoàn toàn không biết vị Hàng đế nổi tiếng tàn ác này có ý định ra sao.

Bí mật ấy cùng với cái chết bất ngờ của Thành Cát Tư Hãn vẫn là nghi vấn chưa ai có thể tìm ra. Sau này người ta nghiên cứu có đến mấy giả thuyết về cái chết của ông mặc dù trong “Nguyên sử” do Thái tổ Chu Nguyên Chương ban lệnh soạn thảo viết rất rõ ràng: “Ngày Nhâm Ngọ, tháng 7 mùa thu (ông) bệnh nặng. Ngày Kỷ Sửu băng tại hành cung Tát Lý châu.”

Theo các thuyết này thì Thành Cát Tư Hãn bị trúng tên tẩm thuốc độc của người Tây Hạ nhưng vẫn gắng gượng cứu chữa, sau đó tái phát mới chết. Cũng với giả thuyết Thành Cát Tư Hãn bị trúng độc nhưng không phải do tên địch thủ mà là bị các Vương phi đầu độc. Điều này tương đối có chứng cứ bởi vì mỗi khi Thành Cát Tư Hãn bắt được thê thiếp của các quốc vương hay thủ lĩnh bộ tộc, bất cứ ai có nhan sắc đều ép buộc làm Phi tần của mình. Họ có thể có cơ hội đầu độc được. Thế nhưng lại có giả thuyết khác ly kỳ hơn, đó là mỗi lần ân ái cùng với các Phi tần tù binh, Thành Cát Tư Hãn chắc chắn đã đề phòng cẩn mật, không thể nào họ giấu được thuốc độc hay vũ khí.

Vì vậy giả thuyết nêu lên là một Phi tần của người Tây Hạ đã dùng răng làm Thành Cát Tư Hãn bị thương nặng nơi hạ bộ, sau đó không cầm máu được mà chết. Tựu trung các giả thuyết Thành Cát Tư Hãn bị Phi tần tù binh sát hại đều dựa vào con số các phi tần mà ông ta bắt được, buộc phải làm vợ của mình. Theo ghi chép thì khi Thành Cát Tư Hãn chết, số Phi tần bị tuấn táng theo lên tới số 40, có lẽ đó là cách ông ta trả thù người đã hạ độc mặc dù không chính xác là ai, tất cả Phi tần bị nghi ngờ đều phải chết.

Trong chính sử của người Mông Cổ thì lại ghi rằng Thành Cát Tư Hãn ngã ngựa bị thương, cộng với bệnh tật do sương gió thành bệnh mà chết. Còn một số giả thuyết ly kỳ hơn như bị sét đánh, bị các vương phi đâm chết, v.v... Tất cả đều là giả thuyết bởi ngay hiện tại người ta còn chưa thể tìm ra lăng mộ của Thành Cát Tư Hãn ở đâu. Nếu như tìm được, khai quật rồi khám nghiệm xương cốt bằng những khí cụ khoa học tối tân ngày nay, chắc chắn sẽ chứng minh được cái chết bất ngờ của “Vị vua của toàn thế giới”.

Với sự cai trị hà khắc tàn nhẫn của triều Nguyên, toàn thể người dân Trung Hoa đều phẫn uất. Sở dĩ triều Nguyên tồn tại được khá lâu, từ năm 1206 cho đến 1341 mới diệt vong là vì qua một thời gian hủ bại của các triều đình nhà Tống, hầu như không có nhân tài nào xuất hiện lãnh đạo. Nếu có chẳng, thí dụ như Nhạc Phi thì cũng đã bị bọn gian thần diệt trừ bằng hết rồi. Thế nhưng bất cứ hoàn cảnh nào, dồn người vào con đường quá phẫn uất thì trước sau cũng nổ ra các cuộc khởi nghĩa chống đối. Cuộc khởi nghĩa đầu tiên mang màu sắc tôn giáo, bắt nguồn từ Minh giáo mà cầm đầu là vị Tiểu Minh vương. Thời thế đã đổi thay, lập tức các cuộc khởi nghĩa nông dân khác cũng lớn mạnh, đáng kể nhất là lực lượng của quân quàng khăn đỏ (Hồng cân) và của Hàn Sơn Đồng, Lưu Phúc Thông ở Dĩnh châu; của Từ Huy Thọ ở Ký châu rồi đến Lý Nhi, Bành Đại, Triệu Quân ở Từ châu; Quách Tử Hưng, Tôn Đức Nhai ở Hào châu; sau này lại có lực lượng của Trần Hữu Lượng và Trương Sĩ Thành vô cùng hùng mạnh.

Với những cuộc nổi dậy liên tiếp ấy, quân đội triều Nguyên không thể nào đánh dẹp được hết, dần dần yếu thế và dễ m책 cho các anh hùng Trung Hoa tung hoành chiến địa. Lúc ấy nổi lên một danh tướng tên là Chu Nguyên Chương. Đầu tiên Chu Nguyên Chương gia nhập hàng ngũ của Quách Tử Nhưng sau nhiều năm thì xảy ra bất đồng chính kiến. Do vậy Chu Nguyên

Chương tách ra thành một lực lượng riêng, đóng quân ở Hào châu.

Nhờ vào thời niên thiếu cực khổ gian nan nhưng Chu Nguyên Chương đối đãi rất nghĩa khí nên khi nắm quân khởi nghĩa rồi, có rất nhiều bạn bè ở Hào châu đến xin gia nhập, sau này đều trở thành những công thần danh tướng của họ Chu. Dưới tay Chu Nguyên Chương có những người như Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân, Quách Anh, Ngô Lăng, v.v...

Họ Chu là người có hoài cao xa, nhận thấy không những cần đến quân tướng mà còn rất cần những Nho gia học sĩ, mưu sĩ làm nòng cốt cho mình nên mời hai anh em họ Phùng là Phùng Quốc Dụng và Phùng Quốc Thắng ra phò giúp. Nghe lời hai anh em họ Phùng, Chu Nguyên Chương tiến chiếm Kim Lăng để làm căn cứ địa. Sau này họ Chu còn được một danh sĩ nhiều tài năng là Lý Thiện Trường đến xin cùng giúp sức, thanh thế bắt đầu lớn mạnh.

Trong số những bạn bè đất Bái đi theo Chu Nguyên Chương ngay từ khi khởi nghĩa, đáng kể nhất là Từ Đạt. Ông không những là viên tướng soái bách chiến bách thắng, nhiều mưu lược mà còn là nguyên lão công thần của triều nhà Minh sau này.

Từ Đạt sinh năm 1332, tên tự là Thiên Đức, sinh trưởng ở Hào châu, xuất thân gia đình là nông dân thuộc tầng lớp thấp kém giống như Chu Nguyên Chương vậy. Ông là người có thân hình cao lớn, khỏe mạnh, tính tình rất kiên cường dũng cảm, được các trai tráng trong thôn kính nể. Ngay từ khi chưa gia nhập hàng ngũ của họ Chu, Từ Đạt đã nổi danh là người nghĩa dũng, tự tập hợp trai tráng ở thôn Thái Bình thành một đội quân. Lúc Chu Nguyên Chương lấy tình đồng hương chiêu mộ quân sĩ thì Từ Đạt lập tức cùng với một số bạn bè đi theo ngay. Từ Đạt còn giúp Chu Nguyên Chương dễ dàng trong việc tuyển quân, giới thiệu những bạn bè trai tráng có chí khí. Vì rất nể trọng Từ Đạt nên rất nhiều xin theo họ Chu, chẳng bao lâu đã tụ

họp được gần một ngàn người.

Khi ấy Chu Nguyên Chương đang nằm chức Trấn Phủ dưới cờ của Quách Tử Hưng, có chút quyền hành nên phong cho các bạn bè thân thiết ở Hào châu làm Đầu mục, trong số đó có Từ Đạt. Đã có trong tay quân tướng hùng hậu, Chu Nguyên Chương liền nghe theo lời của Lý Thiện Trường đánh chiếm Trừ châu rồi sau đó là Hòa châu. Trong những lần đánh chiếm này, Từ Đạt biểu lộ là người có tài năng, chiến đấu hết sức dũng cảm nên khi xong việc, Chu Nguyên Chương xin với Quách Tử Hưng phong cho ông làm Trấn Phủ, tức ngang bằng với mình trước kia.

Khi Quách Tử Hưng chết, em vợ của ông ta là Trương Thiên Hựu lên nối chức Nguyên soái nhưng thực ra Chu Nguyên Chương mới là người quan trọng nhất.

Năm 1355, Từ Đạt theo Chu Nguyên Chương vượt Trường Giang tiến đánh Hòa Châu. Dù tướng nhà Nguyên là Man Tử Hải Nha chống cự hết sức kiên cường nhưng vẫn không sao địch nổi hai danh tướng Thường Ngộ Xuân và Hồ Đại Hải. Thấy tình hình thuận lợi, Từ Đạt liền thúc giục Chu Nguyên Chương thừa cơ đánh chiếm thành Thái Bình. Thấy quân Nguyên rút chạy, Từ Đạt nhanh chóng chớp thời, xin với Chu Nguyên Chương dẫn binh đi mai phục ở vùng núi phía nam Thái Bình, đánh bại quân cứu viện do Trần Dĩ chỉ huy, bắt buộc chủ lực quân Nguyên phải rút chạy về Tập Khánh.

Sau khi chinh đồn lại binh mã, Từ Đạt tiếp tục tiến đánh Lật Dương, hình thành thế bao vây thành Tập Khánh vào giữa. Chu Nguyên Chương rất dễ dàng đánh chiếm Tập Khánh và đổi tên thành Ứng Thiên phủ, tức là ứng theo số mệnh của trời đất, quyết định lấy Ứng Thiên phủ để đóng quân.

Lúc ấy về phía đông Ứng Thiên phủ vẫn còn một tướng nhà Nguyên là Định Định trấn giữ, nếu như để lọt vào tay Trương Sĩ Thành thì rất nguy

hiếm. Do vậy họ Chu giao trọng trách này cho Từ Đạt, phong làm Đại tướng quân. Đây là lần đầu tiên Từ Đạt nắm ấn tín Tướng soái. Ông mau chóng chiếm được Trấn Giang rồi đến Kim Đàn, Đôn Dương, công trạng rất lớn. Vì vậy một lần nữa Chu Nguyên Chương ưu ái phong cho Từ Đạt làm Thống quân Nguyên soái. Bắt đầu từ đây với quân tướng trong tay, Từ Đạt trở thành trụ cột không thể thiếu của Chu Nguyên Chương và có những chiến công hết sức lẫy lừng.

Thế nhưng Trương Sĩ Thành không chiếm được Trấn Giang thì liền cho thủy quân tấn công cố lấy lại. Từ Đạt dù ít quân hơn hẳn nhưng vẫn chỉ huy cầm cự kiên cường, đồng thời cấp tốc báo về Chu Nguyên Chương xin quân tiếp viện. Đã có lực lượng tương đồng, Từ Đạt liền bày trận thế, chia quân ra làm ba cánh liên hợp với nhau mà đánh. Riêng ông thì chỉ huy trung quân đánh trực diện. Với tài ba lỗi lạc cùng với tinh thần chiến đấu hừng hực, cuối cùng Từ Đạt lại lập công lớn, đánh bại quân của Trương Sĩ Thành, bắt sống được hai tướng của đối phương. Thừa thế, Từ Đạt cho quân tiến đến Thường châu.

Biết quân địch còn khá mạnh, Từ Đạt không vội tấn công mà cứ bao vây chặt chẽ, đồng thời phái quân đi đánh chặn các đường tiếp tế của đối phương. Chẳng bao lâu trong thành Thường châu hết lương thực, quân dân náo loạn, Từ Đạt liền xua quân tấn công dữ dội và chiếm được thành. Chu Nguyên Chương rất mừng vì chiến thắng này, đổi tên Thường châu lộ thành Thường Châu phủ và thiết lập Khu Mật Viện ở đó, cho Từ Đạt đứng đầu, còn tướng Thang Hòa giữ chức Khu Mật Viện Đồng Thiêm.

Cùng năm ấy, Từ Đạt theo Chu Nguyên Chương tiến đánh Ninh Quốc, bắt sống được em của Trương Sĩ Thành là Trương Sĩ Đức. Tuy nhiên lúc ấy vẫn còn một số quân nổi dậy có liên hệ với họ Chu, vì vậy Từ Đạt liền minh

với quân của Thiệu Vinh đánh chiếm Nghi Hưng phủ. Thế là toàn bộ Ứng Thiên phủ đã không còn bị uy hiếp nữa. Tất cả những công trạng ấy đều có mặt của Từ Đạt.

Năm 1360, Từ Huy Thọ bị bộ tướng dưới quyền là Trần Hữu Lượng sai người giết chết. Theo “An Nam chí lược” của Lê Tắc, Trần Hữu Lượng là hậu duệ của Trần Ích Tắc, người Việt Nam, sinh sống ở Cái Dương, Hồ Bắc. Trần Hữu Lượng xuất thân đánh cá nhưng rất chịu khó học hành, thao luyện võ nghệ nên ngay từ thời niên thiếu đã nổi tiếng là đọc sách nhiều, nhớ dai, vì vậy đầu tiên được làm chức văn thư trong huyện. Một lần, vì bất hòa với cấp trên vốn là quan lại nhà Nguyên mà Lượng vẫn thường chê ngu dốt hơn mình, Lượng liền gia nhập vào quân Hồng Cân do Từ Thọ Huy cầm đầu.

Nhờ có võ nghệ cao cường, lại học hành đôi chút nên Trần Hữu Lượng chiến đấu rất mưu trí, nhiều lần lập được công trạng, dần dần thăng tới Lãnh binh nguyên soái, tự xưng là “Bình Chương”. Năm 1360, Trần Hữu Lượng bí mật sai người thân tín dùng trùy sắt đánh chết Từ Thọ Huy rồi lên ngôi hoàng đế ở Thái Thạch đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa rồi sai người đi ước hẹn với Trương Sĩ Thành cùng đi đánh Chu Nguyên Chương ở Ứng Thiên.

Đây là trận chiến ác liệt và gay go bởi quân số bên địch đông hơn rất nhiều. Thế nhưng Chu Nguyên Chương rất tài tình, một mặt chống đỡ một mặt sai Từ Đạt đánh ngang hông chia cắt quân của Trần Hữu Lượng ra làm hai, không còn tiếp trợ cho nhau được nữa. Thật sự Trần Hữu Lượng dựa vào sức mạnh của thủy quân nên về đánh trên bộ thì rất yếu so với các cách dùng binh của Chu Nguyên Chương và nhất là của Từ Đạt.

Kết quả cuối cùng Trần Hữu Lượng đại bại, dùng thuyền chạy về Giang châu. Trong trận này Chu Nguyên Chương bắt được khá nhiều tù binh cùng

với các chiến thuyền của Trần Hữu Lượng, thanh thế càng tăng cao. Lúc ấy Trương Sĩ Thành về đầu hàng triều Nguyên, được lệnh tấn công quân khởi nghĩa Hoàng cân do Lưu Phúc Thông nắm giữ. Vì trước kia có mối liên hệ với Hoàng cân và nếu để Lưu Phúc Thông thất bại thì Ứng Thiên phủ cũng bị hở sườn nên Chu Nguyên Chương quyết định đem 20 vạn quân trở về cứu Hồng Đô, có cả Từ Đạt theo.

Quân hai bên bày trận ở trên hồ Phiên Dương và sau đó xảy ra một cuộc chiến hết sức quyết liệt. Có thể nói đây là cuộc chiến quyết định sự tồn vong của cả hai bên nên mỗi bên có cách hành xử khác nhau. Quân Trần Hữu Lượng thì phao lên là có tới 60 vạn trong khi Chu Nguyên Chương chỉ có 20 vạn. về mặt chiến thuyền cũng có sự khác biệt, chiến thuyền của quân Trần Hữu Lượng to lớn hơn còn Chu Nguyên Chương chỉ có thuyền nhỏ. Như vậy về binh lực và trang bị, Trần Hữu Lượng đều chiếm ưu thế, ai cũng tưởng lần này họ Chu tất phải bại trận.

Thế nhưng, Chu Nguyên Chương cũng không phải tay vừa, một mặt ông sai Từ Đạt trở về Ứng Thiên phủ lo liệu việc đề phòng bị Trương Sĩ Thành đánh úp, một mặt sử dụng hỏa công để đối phó với các chiến thuyền to lớn của Trần Hữu Lượng. Chu Nguyên Chương lợi dụng nhược điểm thuyền lớn của quân Hán khó xoay sở, sử dụng tính linh hoạt của thuyền nhỏ, chủ động tấn công trước và bắt chước Khổng Minh ngày trước, dùng hỏa công chặn đường sau của quân Trần Hữu Lượng. Trải qua 36 ngày ác chiến, quân họ Trần bị cắt đứt trên dưới, đành bỏ chạy tán loạn, Trần Hữu Lượng cũng bị trúng tên mà chết.

Thế là về mặt đối phó nội tình không còn phải lo lắng gì nữa, Trương Sĩ Thành không xứng tay đối thủ với ông ta. Vì vậy vào năm 1364, Chu Nguyên Chương tự xưng là Ngô vương, thiết lập triều đình đầy đủ ban bệ,

phong cho Từ Đạt làm Tả Tướng quốc. Nếu tính từ khi bắt đầu gia nhập quân đội, tức là khi ông được 23 tuổi, chỉ mới 9 năm đã lên tới hàng đại quan nhất phẩm triều đình.

Thiết lập triều đình xong, lực lượng lớn mạnh nhất của Trần Hữu Lượng đã bị tiêu diệt, Chu Nguyên Chương chỉ còn lại cái gai là Trương Sĩ Thành. Lúc ấy Trương Sĩ Thành cố thủ ở phía nam Trường Giang, lúc thì phản lại lúc thì đầu hàng triều Nguyên, không có ý chí nhất định. Vì vậy Chu Nguyên Chương rất coi thường họ Trương, không thân chinh đi đánh mà sai Từ Đạt làm Đại tướng đem quân tiến đánh.

Với lối đánh thần tốc và dũng mãnh, Từ Đạt cho quân công kích dữ dội, nhanh chóng chiếm được Thái châu, bắt sống tướng Nghiêm Tái Hưng. Thừa thế, Từ Đạt chia quân làm hai đạo, một do Lưu Kiệt tiến đánh Hưng Hóa, một do mình chỉ huy tiến đánh Cao Bưu. Thế nhưng Chu Nguyên Chương sợ rằng Từ Đạt quá hăng hái sẽ đi sâu vào đất địch bất lợi, hạ chỉ gọi ông về. Thật sự là do Chu Nguyên Chương lo sợ Từ Đạt lập công lớn khó bề kèm chế mà thôi. Đây là dấu hiệu nghi ngờ công thần của họ Chu mà sau này gây ra nhiều tác hại, giết gần hết các công thần đã theo phò tá mình từ ngày mới khởi nghĩa, trong đó có cả Từ Đạt theo một giả thuyết khác với chính sử.

Lúc đó Trương Sĩ Thành thừa cơ đang tiến đánh Giang Nam nên khi Từ Đạt trở về không hề được nghỉ ngơi, lại phải cầm quân đi chống đỡ, đẩy lui được quân của Trương Sĩ Thành ra khỏi vùng Giang Nam. Đang lúc Từ Đạt định đánh Cao Bưu thì Chu Nguyên Chương triệu hồi về nhưng lại sai một tướng khác là Phùng Quốc Thảng đem quân tiến đánh. Điều này càng chứng tỏ tâm địa nghi ngờ công thần danh tướng của họ Chu đã bắt đầu lộ ra. Tiếc rằng Phùng Quốc Thảng mắc mưu của Du Đồng Thiêm, tổn thất khá nhiều quân sĩ, phải bỏ chạy về Ứng Thiên.

Lúc đó Chu Nguyên Chương mới quyết định sai Từ Đạt đem quân cùng với Phùng Quốc Thăng tiến đánh Cao Bưu. Ông chỉ cần một trận đã chiếm được thành và giết chết Du Đồng Thiêm, quả là không hổ danh Tướng soái trụ cột của triều Ngô.

Thừa thắng, Từ Đạt xin lệnh tiến đánh luôn Hoài An. Tướng giữ thành là Mai Tư Tổ vừa nghe quân của Từ Đạt thì đã hồn vía lên mây, lập tức mở thành đầu hàng. Từ Đạt không phải tốn tên quân nào cũng chiếm toàn bộ Hoài An và mấy châu quận liên thuộc. Sau đó Từ Đạt tiến chiếm luôn thành Hưng Hóa, toàn bộ đất Hoài Đông đã về tay triều Ngô mà tất cả chiến công đều là công sức của Từ Đạt. Hoài Đông bình định xong nhưng đối thủ Trương Sĩ Thành vẫn còn đóng quân ở Hồ châu. Nếu đưa quân đi xa mà không tính toán kỹ lưỡng thì rất dễ thất bại, do vậy một lần nữa Chu Nguyên Chương lại nhờ tới tài năng của Từ Đạt, phong làm Đại tướng rồi cho Thường Ngô Xuân làm Phó tướng, kéo 20 vạn quân tiến thẳng tới Hồ châu.

Trước đó Từ Đạt đã nghiên cứu tình hình quân đội của đối phương, dùng kế sách chia cắt ra đánh từng phần một nên dù Trương Sĩ Thành đã tăng viện cho Hồ châu 6 vạn binh do hai tướng Châu Xiêm và Lữ Trân chỉ huy vẫn bị Từ Đạt và Thường Ngô Xuân đánh cho mấy trận thất điên bát đảo. Bất đắc dĩ Trương Sĩ Thành phải tự thân dẫn quân đi cứu nguy. Thế nhưng Từ Đạt đã đoán trước được việc này, cho quân mai phục ở một địa điểm nơi Chiết Giang, làm cho Trương Sĩ Thành phải bỏ chạy trở về. Sau đó luôn mấy lần Trương Sĩ Thành phái quân đi cứu viện nhưng lần nào cũng bị Từ Đạt đuổi chạy không còn manh giáp.

Quân của Từ Đạt và Thường Ngô Xuân đi đến đâu chiến thắng đến đó, nhiều thành bị phá nhưng cũng không ít thành vừa nghe thấy tên ông đã vội đầu hàng. Đó là các tướng Phan Nguyên Minh ở Hàng châu, Lý Tư Trung ở

Thiệu Hưng... hình thành thế bao vây Trương Sĩ Thành ở Bình Giang không còn đường nào thoát chạy. Nhận thấy thành Bình Giang rất kiên cố, Từ Đạt liền cho quân lấy đất đắp thành tường cao chung quanh thành giống như một bức tường thứ hai vậy. Từ bức tường này quân của Từ Đạt cố thủ bao vây chặt chẽ, ngày đêm bắn tên, gỗ, đá vào thành khiến Trương Sĩ Thành không còn biết cách nào chống đỡ.

Thế nhưng dù đã cạn kiệt lương thực, Trương Sĩ Thành nhất quyết tử chiến, cũng không chịu về đầu hàng. Biết rằng nếu đánh thành tất phải hao tổn quân số lớn, Từ Đạt bèn sai người về xin ý kiến của Chu Nguyên Chương và được nhà vua chấp thuận toàn quyền quyết định. Từ Đạt được toàn quyền liền hiệu triệu quân tướng ra sức đánh phá, tuy chưa thành công nhưng đã giết chết được người em của Trương Sĩ Thành là Trương Sĩ Tín. Nghe tin này Trương Sĩ Thành hết sức chán nản nhưng vẫn không chịu đầu hàng.

Từ Đạt không muốn quân sĩ chết nhiều nên cứ trì hoãn cuộc tấn công tổng lực, nay thấy Trương Sĩ Thành quá ngoan cố thì không dừng được nữa, ra lệnh cho toàn quân dốc sức tấn công. Quân của Từ Đạt rất tinh nhuệ, lại được một danh sĩ là Lưu Bá Ôn mới về phò tá cho họ Chu, chế tạo ra “vân kê” (thang làm bằng mây) nên từ bốn cửa thành trèo vào tấn công hết sức dữ dội. Kết quả là Trương Sĩ Thành nhìn thấy thành bị chiếm, bao nhiêu công lao từ lúc khởi nghĩa đến nay tiêu tan thành mây khói, đau lòng vào nhà riêng tự thắt cổ mà chết.

Thông thường thành nào quyết tử chiến đến khi bị đánh hạ sẽ bị trả thù tàn nhẫn, riêng Từ Đạt có lòng nhân từ, sai quân treo bảng trấn an và hạ lệnh nếu cướp phá tài sản người dân hoặc giết người đều bị xử trảm. Nhờ vậy gần 20 vạn dân quân trong thành Bình Giang đều được yên ổn, người người đều

ca tụng.

Nhờ chiến công đánh hạ thành Bình Giang, Chu Nguyên Chương đích thân đến cửa Kịch Môn đón chào, thăng Từ Đạt lên làm Tín Quốc công, còn Thường Ngô Xuân được phong Ngạc Quốc công. Lúc đó chỉ còn lại lực lượng của Dương Quốc Trân ở Chiết Giang. Tuy nhiên đó là lực lượng khá yếu kém, không sao chống nổi với các danh tướng của triều Ngõ, chỉ trong vòng vài tháng đã bị tiêu diệt.

Đến đây mới là bước ngoặt quan trọng, đó là trực diện đối đầu với quân triều Nguyên ở các tỉnh phía bắc như Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, An Huy, Triết Giang. Để đối phó với quân chủ lực triều Nguyên, Chu Nguyên Chương cho phép các Đại tướng được toàn quyền quyết định, ứng xử tùy theo hoàn cảnh chiến trường không phải tâu báo về triều đình.

Sau đó vào năm 1367, Chu Nguyên Chương phong Từ Đạt làm “Chinh Lỗ Đại nguyên soái” cùng với Thường Ngô Xuân dẫn 25 vạn quân tiến lên phía bắc. Từ Đạt mau chóng chiếm được Sơn Đông rồi từ đó làm bàn đạp tiến đánh Tương Dương, Nam Dương, Nghi châu. Chỉ trong năm ấy, quân của Từ Đạt đã tiến xa hơn kế hoạch, đến chân thành Tế Nam bao vây. Thấy thanh thế của quân Ngõ quá hùng hậu, viên tướng trấn giữ thành là Đóa Nhi Chỉ mở cửa ra đầu hàng. Tiếp tục chiến dịch, trong vòng 3 tháng Từ Đạt đã tạm thời bình định toàn bộ vùng Sơn Đông.

Khi đã thấy tương đối đã mở rộng được non sông, Chu Nguyên Chương liền lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Minh vào năm 1368. Đã có triều đình tất phải có đại thần trụ cột và Lý Thiện Trường được phong Hữu Thừa tướng, kiêm Thái tử Thiếu sư; còn Từ Đạt được phong Tả Thừa tướng, kiêm Thái tử Thiếu phó. Danh vọng của ông gần như đã cao nhất không ai sánh kịp. Tất cả đều xuất phát từ tài năng dùng binh của ông quá siêu việt, hầu

như chưa trận nào đại bại, giúp nhà Minh xây dựng sớm hơn dự tính rất nhiều.

Triều đình đã dựng xong, Chu Nguyên Chương tiếp tục cho quân tiêu diệt hết các đạo quân Nguyên còn đóng trong lãnh thổ Trung nguyên và cũng chính Từ Đạt được giao trọng trách này. Với khí thế mạnh mẽ và tài cầm quân của Từ Đạt, chẳng bao lâu quân Minh đã chiếm được toàn bộ Hà Nam, bắt đầu tiến sang Thiểm châu. Nơi đây có Đồng Quan ải rất nổi tiếng với sự xây dựng hết sức kiên cố, là cửa ngõ tiến vào Trung nguyên. Thế nhưng khi ấy danh tiếng của Từ Đạt đã trở thành nỗi kinh hoàng của quân Nguyên. Ngay khi ông tiến quân đến Đồng Quan thì hai hàng tướng nhà Nguyên là Lý Tư Tề và Trương Tư Đạo lập tức bỏ thành chạy trốn. Thế là quân Minh đã tạo được một vòng vây chung quanh Đại Đô, kinh thành của triều Nguyên. Chu Nguyên Chương quyết định thân hành đến Biện Kinh cùng các tướng bàn soạn kế sách, quyết một lần phải tiêu diệt được quân Nguyên ở Đại Đô. Do vì đây là chiến dịch hết sức quan trọng nên Chu Nguyên Chương rất phân vân. Riêng Từ Đạt thẳng thắn đưa ra ý kiến riêng. Ông cho rằng đang lúc quân Nguyên khiếp vía kinh hoàng thì nên dồn lực lượng đánh ngay và đánh thật dữ dội. Nếu để thời gian trôi qua, nỗi khiếp sợ ấy tan dần và triều Nguyên chấn chỉnh được quân mã thì sẽ rất khó đánh. Đó là kế sách “sét đánh không kịp bưng tai” nên Chu Nguyên Chương chấp nhận ngay.

Tuy nhiên trước khi xuất quân, Từ Đạt còn hỏi rõ Chu Nguyên Chương nếu quân Nguyên bỏ chạy sâu vào nội địa thì có nên truy kích đánh giết hay không? Đó là sự cân trọng của Từ Đạt và cũng là tiên đoán kết quả quân sự mà ông đã nắm chắc trong tay. Chu Nguyên Chương cho rằng quân Nguyên đã thiệt hại quá lớn mà quân mình cũng cần phải có thời gian chỉnh đốn nên không cho Từ Đạt truy kích.

Dù đã chắc thắng mười phần, Từ Đạt vẫn xuất quân rất thận trọng, từng bước đánh chiếm các thành trì xung yếu quanh Đại Đô. Nếu bỏ qua các thành này, có thể bọn chúng sẽ bất ngờ tập hậu sau lưng hay gây khó khăn cho các đoàn quân tiếp tế lương thảo. Từng bước một Từ Đạt cho quân theo Hoàng Hà tiến lên phía bắc, đánh chiếm Đức châu, Trường Lư, Trục Ngô rồi thẳng tiến đến Thông châu.

Những tin bất lợi liên tiếp bay về Đại Đô, cộng với tinh thần đã quá suy sụp, lập tức Nguyên Thuận để thu xếp cùng với các phi tần lén lút bỏ chạy về Cư Dung quan. Đến đây Nguyên Thuận để vẫn chưa cảm thấy yên tâm, tiếp tục chạy đến Khai Bình, sâu mãi trong Nội Mông. Khi thành lập triều Nguyên, không biết các Hoàng đế có cảm giác như trước sau gì cũng không thể giữ nổi Trung nguyên hay không mà lập ra hai kinh đô, một ở Đại Đô, một gọi là Thượng đô ở Khai Bình.

Từ Đạt chẳng tốn một mũi tên cũng đường hoàng tiến vào Đại Đô. Ông tiến quân quá nhanh nên cả triều đình bù nhìn do nhà Nguyên dựng lên đều không kịp chạy trốn. Từ Đạt lấy danh nghĩa là Thừa tướng triều Minh, ban bố khuyến dụ nếu ai thành khẩn đầu hàng thì sẽ tha chết, còn lại đều đem chém đầu làm gương, trong đó có cả Hoài vương và hai viên Tể tướng của triều Nguyên.

Nhờ chính sách giải quyết ôn hòa và nghiêm minh của Từ Đạt, hoàn toàn không có cảnh đại loạn xảy ra, người dân Đại Đô dù là Hoa hay Mông đều sinh hoạt bình thường. Nếu xét về mặt chính trị thì ông cũng rất xứng đáng là nhà cai trị tài ba.

Tin tức chiếm được Đại Đô bay về Ứng Thiên phủ làm cho toàn dân Trung nguyên nức lòng hởi dạ bởi đó chính là sự kiện đã chấm dứt hoàn toàn thời kỳ cai trị tàn khốc của quân Nguyên. Chu Nguyên Chương liền cho đổi

tên Đại Đô thành Bắc Bình phủ, để người dân quên hẳn đi thời kỳ chiếm đóng của ngoại bang.

Tuy căn bản đã tiêu diệt được triều Nguyên nhưng vẫn còn khá nhiều đạo quân Nguyên đóng rải rác ở miền bắc. Theo cách hành quân của người Mông Cổ thì bất cứ đạo quân nào viễn chinh đều phải tự túc từ lương thực tới nước uống, thậm chí không có tiếp viện. Nếu chiếm được thành trì cũng vậy, do đó có thể giải thích được tại sao đi đến đâu quân Nguyên cũng cướp phá tài sản người dân đến đó.

Chiến dịch triệt phá toàn bộ quân Nguyên trên dải đất Trung nguyên là chiến dịch cuối cùng nên toàn quân Minh đều phấn khởi, tranh nhau đi đầu lập công. Lúc ở Thái Nguyên vẫn còn đại binh của một tướng Nguyên là Vương Bảo Bảo trấn giữ. Vương Bảo Bảo là thân thích của hoàng gia, lại có nhiều chiến công nên rất tự kiêu, thấy quân Minh đã rút số lớn khỏi Bắc Bình thì liền lên tấn công Nhạn Môn quan.

Nghe tin này, thay vì mau chóng mang quân tiếp viện, Từ Đạt lại có suy nghĩ khác, nói với các tướng:

– Nhạn Môn quan là cửa ải trọng yếu, xây dựng vững chắc, lại có quân của ta liều chết chống giữ thì Vương Bảo Bảo không dễ gì chiếm nổi trong một thời gian ngắn. Nay hẳn đã bỏ trống Thái Nguyên, chúng ta nên tập kích thẳng vào hậu phương của chúng. Đó là kế sách “vây Ngụy cứu Triệu” mà các danh tướng ngày xưa hay dùng. Nay chúng ta không những chiếm Thái Nguyên cứu Nhạn Môn quan mà còn dồn Vương Bảo Bảo vào con đường tiến không xong, lui không được.

Các tướng đều khen ngợi kế sách này thần diệu, quyết tâm đánh chiếm Thái Nguyên trong thời gian mau nhất. Nghe tin Thái Nguyên bị đánh dữ dội, Vương Bảo Bảo rất kinh sợ, vội vàng kéo quân trở về cứu nguy. Thế

nhưng Từ Đạt đã cho quân mai phục sẵn, đánh tan đại quân của hãn vào lúc đêm khuya. Vương Bảo Bảo bị đánh bất ngờ đến nỗi không kịp trở tay, đành cùng mấy chục tùy tùng thân tín chạy trốn về Đại Đồng. Còn lại hơn 4 vạn quân tướng nhà Nguyên đều xin đầu hàng. Chiến thắng này hết sức vang dội nên Vương Bảo Bảo ở Đại Đồng nghe tin càng thêm kinh sợ, lập tức bỏ chạy về Cam Túc.

Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân thừa thế xua quân vượt Hoàng Hà đánh chiếm các thành trì vùng Thiểm Tây. Cũng như bao lần chiến chinh trước, dù lần này Từ Đạt gặp một số khó khăn do sự phản bội của tên Trương Lương Thần nhưng cuối cùng vẫn đại thắng. Chiếm được toàn bộ Thiểm Tây tức là hầu như toàn bộ đất Trung nguyên đã về tay nhà Minh. Vì vậy Chu Nguyên Chương hết sức mừng rỡ, cho Từ Đạt rút quân về nghỉ ngơi và ban thưởng rất nhiều vàng bạc, gấm lụa.

Được một thời gian yên tĩnh, Từ Đạt lại phải lên đường xuất chinh khi tướng Nguyên Vương Bảo Bảo thu vết tàn quân tiến đánh Lan Châu. Trước khi xuất quân, Chu Nguyên Chương hội quân thần lại vạch rõ nguyên nhân tại sao quân Nguyên vẫn chưa tận diệt. Đó là vì Hoàng đế triều Nguyên vẫn còn ở vùng đất phía sau Cư Dung quan. Tiếp thu ý kiến này, Từ Đạt tự thân đem quân chống với Vương Bảo Bảo ở Lan châu, đồng thời sai Phó tướng Lý Văn Trung dẫn quân vượt Cư Dung quan đánh thẳng vào nơi triều Nguyên đang trú ẩn. Đây là chiến thuật rất hay bởi triều Nguyên không thể trở tay kịp mà nếu có thì cũng không thể tiếp viện cho Vương Bảo Bảo nổi.

Thế nhưng Vương Bảo Bảo không hổ là danh tướng trụ cột của triều Nguyên, chống cự với quân của Từ Đạt rất dữ dội. Đôi bên không phân được thắng bại, cứ đối mặt nhau ở Thẩm Nhi cốc. Có lúc quân Minh thắng trận nhưng cũng có lúc Vương Bảo Bảo thừa thế đánh úp, thắng được một trận.

Nhân cơ hội này, Từ Đạt xuống lệnh chém đầu mấy bộ tướng đã lơ là sơ hở để cho quân Nguyên có thể đánh úp rồi lại nhân đó ban lệnh quyết chiến, bất cứ ai không theo quân lệnh tự ý rút lui đều bị xử chém.

Do vậy ngày hôm sau, quân Minh mở cuộc tiến công tổng lực, khí thế ngất trời, quân tướng đều hăng hái xung phong lên phía trước. Quân Nguyên không sao chống lại nổi, bỏ chạy tán loạn để mặc cho các đại quan triều Nguyên bị bắt sống. Quân Nguyên đầu hàng và bị bắt sống tổng cộng lên tới mấy vạn. Kết quả cuộc chiến này làm cho Vương Bảo Bảo suốt đời không còn phát triển được quân mã nữa, mối nguy hiểm đã bị triệt tiêu.

Riêng cánh quân do Phó tướng Lý Văn Trung may mắn hơn, vừa tới Ứng Xương thì đúng lúc triều đình nhà Nguyên xảy ra đại loạn. Nguyên Thuận đế băng hà, Thái tử lên nối ngôi vốn là người nhát sợ, nghe tin quân Minh đang tiến tới liền dẫn theo các phi tần, con cháu vương thất chạy sang Hòa Lâm. Vì số người quá đông, di chuyển chậm chạp nên Lý Văn Trung dễ dàng truy kích kịp, bắt sống toàn bộ lên đến mấy trăm người. Cùng với chiến thắng của Từ Đạt, không bao giờ triều Nguyên còn phục hồi được nữa.

Khi đoàn quân chiến thắng trở về, đích thân Chu Nguyên đến Lũng Giang đón chào, phong cho Từ Đạt tước Ngụy Quốc công, đặc ân cho phép không phải vào châu thường xuyên như các quan lại khác. Đó là sự tín nhiệm tuyệt đối của vị Hoàng đế nổi tiếng hay nghi ngờ này.

Tuy nhiên để đề phòng quân Nguyên có thể vẫn còn quấy nhiễu, Chu Nguyên Chương cho Từ Đạt làm Trấn thủ Bắc Bình, ông liền ra sức chấn chỉnh quân mã, sửa sang thành lũy và rất chú trọng đến nông nghiệp. Đó cũng là đức tính căn bản của người nông dân, luôn luôn lấy đồng ruộng làm lẽ sống của quốc gia.

Chu Nguyên Chương lo xa rất đúng, đến năm Hồng Vũ thứ 5, tức năm

1373, một lần nữa tàn quân triều Nguyên do Vương Bảo Bảo chỉ huy lại kéo sang quấy phá vùng biên cương phía bắc. Bọn chúng rút kinh nghiệm chia quân trải rộng ra khiến việc tiêu diệt phải rất vất vả. Từ Đạt thấy vậy cũng chia quân ra làm nhiều cánh nhưng chính vì vậy mà bị Vương Bảo Bảo kết hợp cùng với một tướng Nguyên khác là Gia Tông Triết tập hợp đại quân đánh bại. Vì Từ Đạt ít quân hơn nên tuy thua trận mà không bị Chu Nguyên Chương trách phạt.

Trận thua này một phần là do Chu Nguyên Chương và Từ Đạt quá khinh địch, mặc dù nhiều lần mưu sĩ Lưu Bá Ôn, thường gọi là Lưu Cơ đã khuyến cáo đừng xem thường hãn. Lưu Bá Ôn có thể nói là một “kỳ nhân” tài năng sánh ngang với Gia Cát Lượng thời Tam quốc, rất thông thạo Âm Dương Bát quái, kiêm cả Phong thủy chiêm bốc, đoán việc như thần. Thậm chí người ta còn thêu dệt Lưu Bá Ôn còn có thể “hô phong hoán vũ” như thần tiên, ông được Chu Nguyên Chương đích thân đến cầu hiền và sau đó kính trọng như bậc thầy. Chính Lưu Bá Ôn đã giúp kế sách cho Họ Chu đại thắng Trần Hữu Lượng, một đối thủ khó chịu nhất lúc còn ở Ứng Thiên phủ. Thế nhưng đến khi Chu Nguyên Chương đã lên ngôi Hoàng đế thì không còn chú ý đến hiền tài này nữa. Do vậy mới xảy ra việc xem thường Vương Bảo Bảo, dẫn đến thất bại.

Đúng với lời khen tặng của Lưu Bá Ôn, Vương Bảo Bảo hết sức trung thành với triều Nguyên, không chỉ một lần đó thôi mà sau này không ít lần chiêu mộ thêm quân tướng, kéo đi quấy phá các châu huyện biên giới. Mãi đến khi Vương Bảo Bảo chết vào năm 1375, mối đe dọa ấy mới thực sự hoàn toàn chấm dứt và triều Minh được yên tĩnh để lo về nội trị.

Đó là việc sau này, lúc Từ Đạt chưa tiêu diệt xong tàn quân nhà Nguyên ở Cư Dung quan thì Chu Nguyên Chương đã chính thức kiến lập nhà Minh

vào năm 1369. Chu Nguyên Chương đích thân cùng với quần thần luận bàn công trạng của từng người, xong xuôi liền cho lập “Công thần miếu”, ghi rõ công lao xếp theo thứ tự ít hay nhiều và Từ Đạt được nêu đầu bảng với danh xưng “Đệ nhất khai quốc công thần”. Đây là sự ban phong xứng đáng bởi Từ Đạt không những đã phò giúp cho Minh Thái tổ ngay từ khi mới khởi nghĩa mà chắc chắn công lao không ai sánh bằng nổi, kể cả danh tướng Thường Ngô Xuân. Nếu tính ra ông đã trải qua hàng ngàn trận đánh lớn nhỏ, không thua kém gì các danh tướng thời trước như Bạch Khởi, Vương Tiễn, Hàn Tín, v.v... Thường Ngô Xuân (khi ấy đã chết vì bệnh) chỉ được Chu Nguyên Chương liệt vào hạng công thần thứ nhì bởi hầu hết các chiến thắng của Thường Ngô Xuân đều dựa vào sự liều lĩnh, can đảm đến điên cuồng mà thành công, không thận trọng tính toán được như Từ Đạt.

Về mặt nhân văn, Thường Ngô Xuân cũng rất hay lạm sát, giết địch quân và hàng binh không gớm tay trong khi Từ Đạt lấy nhân nghĩa làm chủ đạo, vì vậy ông không những được tướng sĩ, đồng liêu yêu mến mà cả đến người dân khắp nước cũng rất kính trọng. Mỗi khi quân đội của ông đi tới đâu, người dân vô cùng yên tâm, không hề bị cướp phá hay tổn thất thứ gì.

Ngoài Từ Đạt và Thường Ngô Xuân có công lao lớn nhất, các danh tướng đã theo ông từ thuở mới khởi nghĩa, gồm đến 28 người đều được phong Hầu và rất nhiều đất đai thực ấp. Những người này hình thành một tập đoàn thế lực được sử gọi là “Tập đoàn Hoài Tây”. Có lẽ chính Chu Nguyên Chương cũng muốn như thế để dựa vào đó mà không còn lo lắng bị đại thần phản trắc chiếm ngai vàng nữa. Thế nhưng cuộc đời không bao giờ tiên đoán được hết, Chu Nguyên Chương lo sợ người ngoài cướp ngôi Hoàng đế, không hề đề phòng con cháu và chính con trai của ông là Chu Lệ sau này lại là người cướp đoạt ngai vàng, xưng hiệu Minh Thành tổ.

Với công lao ấy, Từ Đạt được giữ chức Tả Thừa tướng, tước Quốc công và đi trấn nhậm một vùng đất trọng yếu Bắc Bình, tức Đại Đô ngày trước. Có thể nói, khi thành công rồi, Từ Đạt coi như đã là một ông vua nhỏ, toàn quyền sinh sát không phải râu bầy với Chu Nguyên Chương. Với quyền hạn rộng lớn ấy, Từ Đạt vẫn không hề kiêu ngạo hay ăn uống xa hoa phí phạm. Ông vốn xuất thân từ nông dân, đến khi lên tới địa vị “dưới một người mà trên vạn người” vẫn giữ cuộc sống giản dị liêm khiết như thuở nào.

Tính thành thật khiêm tốn của Từ Đạt khiến người người đều muốn học hỏi nên ngay từ lúc còn làm Thừa tướng không ít người muốn kết giao để nhờ cậy, đến khi về hưu rồi vẫn rất nhiều người xin đến được nghe lời chỉ dạy kể cả những vị Thừa tướng đương thời như Hồ Duy Dung, quyền hành bao trùm cả triều đình. Riêng Chu Nguyên Chương luôn luôn đặt tin tưởng ở nơi ông, do vậy giả thuyết Chu Nguyên Chương bắt ông về kinh đô rồi ban thuốc độc giết chết hoàn toàn mâu thuẫn.

Người ta hay đổ tội cho Chu Nguyên Chương lạm sát, đến cả công thần đệ nhất là Từ Đạt cũng không buông tha nhưng thực tế cho thấy Chu Nguyên Chương quả giết người nhiều thật mà không bao giờ đề cập gì đến Từ Đạt.

Theo chính sử thì Từ Đạt chết ở Ứng Thiên phủ vào năm 1385 vì bệnh nặng. Thế nhưng lúc ấy ông mới được 54 tuổi, chắc chắn sức khỏe còn dồi dào, nên cái chết của ông trở thành nghi án. Khi Từ Đạt chết rồi, chính tay Chu Nguyên Chương viết văn bia cho Từ Đạt, truy phong làm Trung Sơn vương và ban cho con cháu 3 đời đều được kế thừa vương tước ấy. Những ân nghĩa này vẫn không đánh tan được nghi ngờ về cái chết của vị danh tướng công thần triều Minh. Người ta cho rằng Chu Nguyên Chương hiếu sát công thần đến mức thành cố tật, vì vậy khi đã giết hết các công thần thì chỉ còn mỗi mình Từ Đạt, cũng sẵn sàng xuống tay luôn nhưng khéo léo hơn.

Theo giả thuyết này thì khi Từ Đạt bị bệnh nặng ở Bắc Bình, Chu Nguyên Chương liền sai người đến đưa ông về Ứng Thiên phủ, gọi là tiện việc chăm sóc và có lương y giỏi chữa trị. Thế nhưng một lần kia Từ Đạt uống bát thuốc do danh y của Chu Nguyên Chương phái đến thì chỉ một lúc sau là chết. Một thuyết khác thì nói là Từ Đạt bị nhọt độc sau lưng, khi về đến Ứng Thiên phủ, Chu Nguyên Chương sai người đem đến cho ông một bát canh thịt ngỗng. Theo sách thuốc ngày trước, nếu người bị nhọt độc mà ăn canh thịt ngỗng sẽ bị bộc phát mà chết. Từ Đạt cũng biết điều này, rơi nước mắt mà ăn hết bát canh, sau quả nhiên qua đời.

Giả thuyết này có một điểm yếu là: Lúc đó Từ Đạt bệnh nặng sắp chết, Chu Nguyên Chương còn hạ độc thủ làm gì cho mang tiếng?

Nếu sắp xếp một cách khoa học, có lý luận thì Chu Nguyên Chương có thể giết bất cứ ai trừ Từ Đạt bởi những lý do sau:

- Từ Đạt là bạn chí thân của Chu Nguyên Chương, đã kề vai sát cánh trên các chiến địa. Họ đã quá hiểu nhau, không thể vì chút nghi ngờ nào đó mà xuống tay sát hại được.

- Từ Đạt làm quan được mọi người tôn trọng, chưa bao giờ xảy ra đổ kỵ hay ghen ghét, vì vậy không có việc bị đại thần gièm pha vu cáo với Chu Nguyên Chương.

- Ông lại là hoàng thích, địa vị cao trọng sánh ngang với Hoàng đế thì còn tham vọng như thế nào nữa mà tới nỗi phải bị Chu Nguyên Chương trừ diệt? Từ Đạt có ba người con gái đều được gả cho con của Chu Nguyên Chương: người lớn nhất lấy Yên vương Chu Lệ và sau này được phong làm Hoàng hậu; một người là Phi tử của Đại vương Chu Quế; người cuối, cùng cũng là Phi tử của An vương Chu Doanh. Với thân phận như vậy, chắc chắn Từ Đạt không bao giờ có tâm ý muốn phản lại triều đình, chẳng lẽ Chu

Nguyên Chương giết “cho vui”?

Con trai của Từ Đạt là Từ Huy Tổ kế thừa chức tước của cha, quyền cao chức trọng, nắm đại quyền trong tay. Nếu như Từ Huy Tổ khám phá ra việc phụ thân bị đầu độc thì sẽ nghĩ sao? Một người hiếu sát như Chu Nguyên Chương, sẵn sàng “giết lầm chứ không tha lầm” thì tại sao chỉ giết mỗi mình Từ Đạt? Không giết luôn Từ Huy Tổ để trừ tuyệt hậu họa?

Với những câu hỏi này, giả thuyết Chu Nguyên Chương hạ độc Từ Đạt hoàn toàn sai lầm. Như vậy Từ Đạt còn cao trọng hơn tất cả các Tướng soái trong lịch sử, lập không biết bao nhiêu công trạng tuyệt vời trong chiến trận mà sau cùng cũng được hưởng ơn mưa móc của Hoàng đế và chết trong sự mãn nguyện. Ông không thọ bằng những danh tướng khác là do nguyên nhân dầm sương dãi nắng suốt 35 năm, chắc chắn sức khỏe phải tổn thất nặng nề, khó có thể trường thọ như người ăn sung mặc sướng, đó là lẽ tất nhiên vậy.

MỤC LỤC

THAY LỜI TỰA

1 TÔN VÕ CON RỒNG THẦN BÍ

2 PHẠM LÃI DANH TƯỚNG ĐA TÌNH

3 BẠCH KHÔI CHẾT VÌ DANH TIẾNG

4 VƯƠNG TIỄN LÃO TƯỚNG NƯỚC TẦN

5 HẠNG VÕ HỮU DỪNG VÔ MƯU

6 HÀN TÍN BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG

7 VÊ THANH GIỮ VỮNG BIÊN CƯƠNG

8 CHU DU ANH HÙNG LỖ VẬN

9 QUÁCH TỬ NGHI MỘT LÒNG VÌ QUỐC GIA

10 NHẠC PHI ANH HÙNG DÂN TỘC

11 THIẾT MỘC CHÂN LỪNG LẦY ĐÔNG TÂY

12 TỪ ĐẠT CÔNG THẦN DANH TƯỚNG